

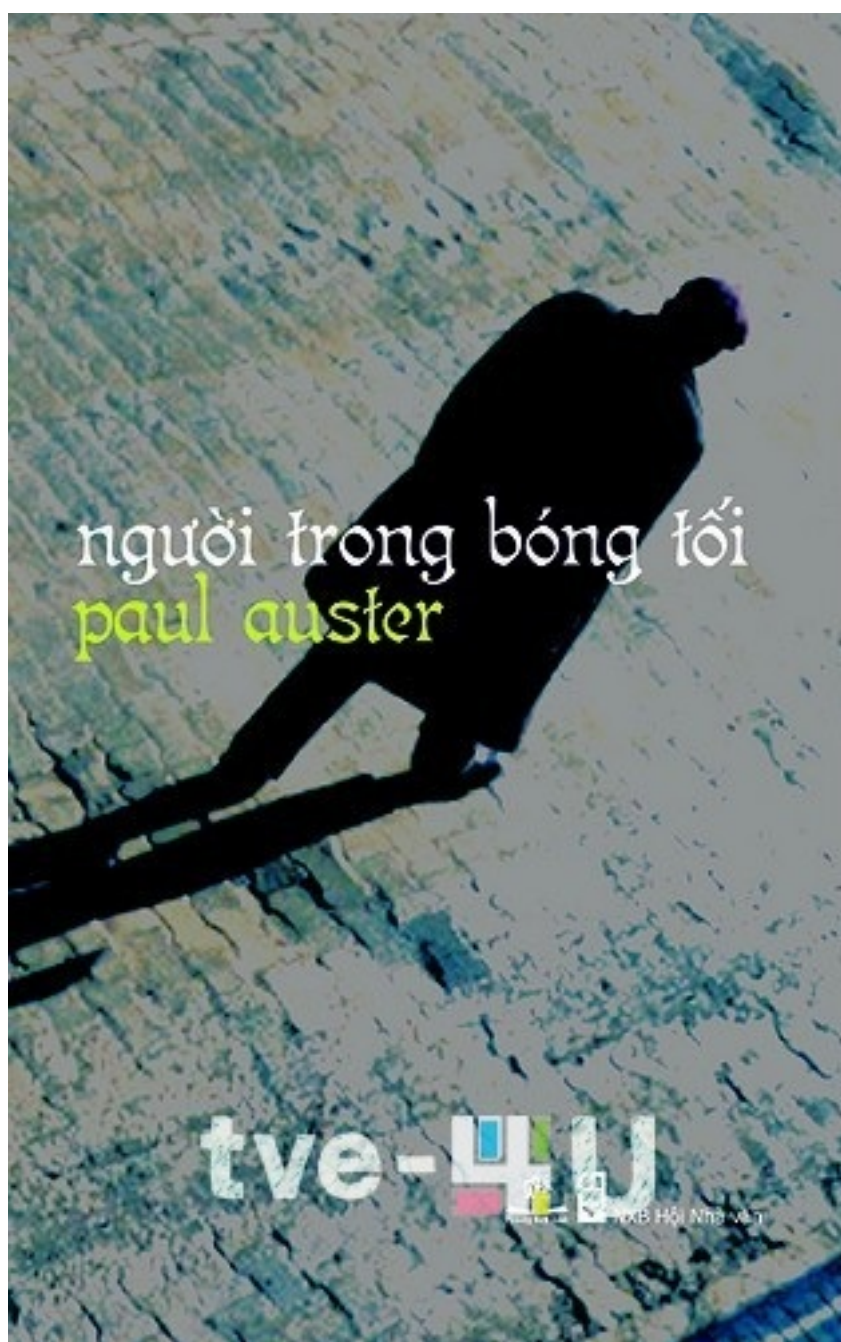


người trong bóng tối  
paul auster



nhà sách nhã văn

# Người trong bóng tối



*Nguyên tác:* **Man in the Dark**  
*Tác giả:* **Paul Auster**  
*Dịch giả:* **Trịnh Lữ**  
*Công ty phát hành:* **Phương Nam**  
*Nhà xuất bản:* **NXB Hội Nhà Văn**  
*Trọng lượng vận chuyển:* **230 grams**  
*Kích thước:* **13x21 cm**  
*Số trang:* **224**  
*Ngày xuất bản:* **08/2008**  
*Giá bìa:* **48.000 đ**

Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

*Type + Làm ebook:* **thanhbt**

## Giới thiệu sách

Ngày 19/8, độc giả nước Mỹ cầm trên tay cuốn tiểu thuyết ‘The man in dark’ của nhà văn Paul Auster. Và cùng ngày này, bản dịch cuốn sách do dịch giả Trịnh Lữ thực hiện với tựa ‘Người trong bóng tối’ cũng xuất hiện trên các kệ sách.

Tác phẩm mới nhất của nhà văn đương đại nổi tiếng của Mỹ đã được công ty Phương Nam Book mua bản quyền từ nhà văn vào cuối năm 2007. Theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng bản quyền, bản tiếng Việt của *Man in the dark* sẽ được phát hành cùng lúc với bản gốc tiếng Anh tại Mỹ.

*Người trong bóng tối* là câu chuyện về August Brill, một nhà phê bình văn học 72 tuổi, bị tai nạn phải ngồi một chỗ. Trong khi ông ngồi trên xe lăn hay nằm lì trên giường, chong chong mắt ngủ, thì một thế giới khác, một “thực tại song hành” đang diễn ra với đầy những phức tạp và phi lý. Thực tại ấy đúng là do trí tưởng tượng của August Brill tạo ra, đưa đầy ảo thuật gia Owen Brick vào một nước Mỹ khói lửa của cuộc nội chiến lần thứ hai, như cách lý giải của tác giả: “*Chuyện chiến tranh. Cứ mắt cảnh giác một tí thôi là chúng ào đến, từng trận một, từng trận một*”. Và chiến tranh vẫn chỉ là cái cớ để Paul Auster kể những câu chuyện nhiều ngụ ý của mình.

Trước đây, công ty Phương Nam Book từng mua bản quyền, chuyển ngữ và phát hành hai tiểu thuyết của Paul Auster là *Trần tụi với văn chương* và *Nhạc đời may rủi*. Paul Auster và các tác phẩm của ông cũng sẽ là chủ đề của chương trình Cà phê Sách sắp tới của Phương Nam Book.

Paul Auster sinh năm 1947 tại thành phố Newark, bang New Jersey (Mỹ) trong một gia đình Do Thái trung lưu gốc Ba Lan. Tốt nghiệp đại học Columbia năm 1970, ông sang Paris và sống bằng việc dịch văn học Pháp. Năm 1974, ông trở lại Mỹ và bắt đầu sáng tác. Tên tuổi Paul Auster bắt đầu nổi lên khi bộ ba tiểu thuyết *The New York Trilogy* (đã được dịch sang tiếng Việt với tựa *Trần tụi với văn chương*), trong đó ông tạo nên hình thức hậu hiện đại riêng biệt của mình.

**Mục lục**

Lời người dịch

Người trong bóng tối

Đôi nét về tác giả

*Tặng David Grossman*

*cùng vợ là Michal*

*con trai Jonathan*

*con gái Ruthi*

*và để tưởng nhớ Uri*

## Lời người dịch

Vâng, nếu hôm nay là ngày 19 tháng 8 năm 2008, và bạn đang cầm cuốn sách này trên tay, thì xin được khoe rằng cùng lúc này, nguyên tác tiếng Anh của nó là *Man in the Dark* cũng mới được bày bán trong các hiệu sách trên khắp nước Mỹ. Bản dịch này ra đời cùng lúc với nguyên tác của nó, thành một cặp song sinh. Không biết có phải đây là lần đầu tiên như vậy ở ta không?

Chuyện là thế này:

Cuối năm ngoái (2007), tôi có dịp họp mặt với nhiều dịch giả văn học tại thành phố New York. Ai cũng “trình làng” những dịch phẩm mới nhất của mình, và tôi thì có hai cuốn của Paul Auster là *Trần trụi giữa văn chương* và *Nhạc đời may rủi*. Hóa ra, đây là lần đầu tiên họ được tận mắt thấy hình hài và ngôn ngữ Việt của hai tác phẩm văn học Mỹ nổi tiếng, và đều không ngờ là Việt Nam có những ấn phẩm văn học dịch đàng hoàng như thế. Tôi cũng gửi tặng Paul Auster hai cuốn ấy. Ngay sau đó, cả đại diện của Paul Auster và *Phuong Nam Book* đều email cho tôi cuốn *Man in the Dark*, nói hai bên muốn thu xếp cho bản dịch tiếng Việt và nguyên tác ra đời cùng một lúc, và rất muốn tôi dịch cuốn này. Vài tuần thu xếp công việc rồi tôi mới dám nhận lời. Sau đó ra sao thì chắc bạn đọc cũng đoán được cả.

Dịch một cuốn tiểu thuyết chưa xuất bản cũng có nhiều cái hay. Chẳng có tí giấy bút nào. Màn hình laptop chia làm đôi, nửa trên là nguyên tác với kiểu chữ *American Typewriter* như đánh máy, nửa dưới là bản dịch mà lúc nào tôi cũng dùng kiểu chữ *Times New Roman* gõ dấu bằng Unicode. Văn phòng đại diện của Paul Auster thường xuyên email qua lại với tôi. Mọi thắc mắc giữa hai bên đều được giải thích ngọn ngành chóng vánh. Hơn một tháng sau khi hoàn thành bản dịch, tôi còn nhận được email nói là Paul đã vừa đọc lại bản in thử và có chữa một chữ ở trang ấy dòng ấy, đề nghị tôi lưu ý chỉnh lại bản dịch.

Paul Auster viết *Trần trụi* với văn chương lúc chưa đến tuổi bốn mươi, viết *Nhạc đời may rủi* lúc 44 tuổi, và viết *Người trong bóng tối* khi đã sang tuổi 60. Văn tài của ông sâu sắc, giản dị và trầm tĩnh hơn hẳn ở tác phẩm mới nhất này. Bóng dáng thấp thoáng của phong cách Hollywood trong hai cuốn trước nay đã mất hẳn. Ở *Người trong bóng tối*, hình như ông đang chính là ông già August Brill - người kể chuyện - và chất tự sự chân thực sâu lắng đã dung chứa kết nối rất tự nhiên mọi yếu tố hậu hiện đại vốn có trong các tác phẩm của ông: những thực tại song hành, tính chất liên văn bản (đặc biệt là giữa văn học và điện ảnh), cấu trúc phi trung tâm về đề tài và cốt truyện...

Paul Auster được thế giới phương Tây liệt vào hàng các nhà văn đương đại lớn của Mỹ. Ông mới được biết đến ở Việt Nam, nhưng hình như đã tìm được chỗ đứng của mình trong lòng độc giả. Trên mạng *Sachhay.com*, *Evan* và nhiều báo điện tử và blog cá nhân đã thấy có nhiều bài viết về ông từ khi có *Trần trụi* với văn chương và *Nhạc đời may rủi*. Tháng 5 vừa qua, tôi còn nhận được bản khóa luận tốt nghiệp của một sinh viên Đại học Sư phạm Hà Nội viết về yếu tố hậu hiện đại trong *Thành phố Thủy tinh* - một trong ba truyện của *Trần trụi* với văn chương. Tôi tin tưởng rằng *Người trong bóng tối* - một tiểu thuyết nóng bỏng những nỗi niềm của thời cuộc chúng ta nhưng vẫn bám rễ sâu xa ở những suy tư muôn đời về thân phận con người, tác phẩm của một văn tài thế giới đang độ chín muồi, sẽ được bạn đọc Việt nhạy cảm đón nhận xứng đáng.

Nhân dịp này, tôi xin chân thành cảm ơn tác giả Paul Auster, đại diện Carol Mann của ông tại New York, và nhà sách *Phuong Nam Book* ở thành phố Hồ Chí Minh đã tin tưởng và làm việc chặt chẽ với tôi. Tôi cũng có lời đặc biệt cảm ơn ban biên tập của *Phuong Nam Book* đã tận tình giúp tôi hoàn chỉnh chu đáo bản dịch.

*Xin trân trọng giới thiệu Người trong bóng tối cùng bạn đọc.*

***Trịnh Lữ, cuối hè 2008.***



## Người trong bóng tối

Tôi một mình trong bóng tối, đang quay cuồng vật lộn với một cơn mất ngủ nữa, một đêm trắng nữa trong chốn hoang mạc Mỹ vĩ đại. Trên gác, con gái và cháu gái tôi đang ngủ trong phòng của chúng, đứa nào cũng một mình. Miriam, bốn mươi bảy tuổi, đứa con duy nhất của tôi, đã ngủ một mình từ 5 năm qua, và Katya hai mươi ba tuổi, đứa con duy nhất của Miriam, trước đây vẫn ngủ với một thanh niên tên là Titus Small, nhưng giờ thì Titus đã chết rồi, và Katya ngủ một mình với con tim tan nát của nó.

Sáng trung, rồi bóng tối. Nắng dội xuống từ mọi ngả trời, sau đó là đêm đen, những vì sao im lặng, gió xao động lá cành. Lệ thường là vậy. Tôi đã sống trong ngôi nhà này được hơn một năm nay, suốt từ ngày họ cho tôi xuất viện. Miriam cứ nhất định là tôi phải về đây. Lúc đầu chỉ có hai bố con, với một hộ lý hàng ngày đến chăm tôi trong lúc Miriam đi làm. Thế rồi, ba tháng sau đó, tai họa giáng xuống đầu Katya, và nó bỏ dở trường điện ảnh New York để về nhà với mẹ ở Vermont.

Cha mẹ thằng bé ấy đã lấy tên đứa con trai của nhà danh họa Rembrandt ngày xưa để đặt cho nó, thằng bé của những bức tranh, đứa nhỏ tóc vàng với cái mũ đỏ, cậu học trò mơ mộng ngơ ngàng với những bài học của mình, thằng bé đã lớn lên trong bệnh tật và chết khi mới trên hai chục tuổi đầu, hết như Titus của Katya[1]. Một cái tên tuyệt mệnh, nhẽ ra phải bị cấm tiệt từ lâu rồi. Tôi thường nghĩ đến cái chết của Titus, câu chuyện khủng khiếp của cái chết ấy, những hình tượng của cái chết ấy, đám tro tàn trắng xóa của nó bao phủ lên đứa cháu gái buồn khổ của tôi, nhưng tôi không muốn lại về miền ý nghĩ ấy nữa, nhất là bây giờ, tôi phải tránh xa nó, càng xa càng tốt. Đêm còn rất dài, và khi tôi nằm trên chiếc giường này nhìn vào bóng tối, một thứ bóng tối đậm đặc đến mức cả trần nhà cũng không còn thấy đâu nữa, tôi bắt đầu nhớ đến câu chuyện mình đã bắt đầu đêm hôm trước. Đó là việc tôi làm khi giấc ngủ không chịu đến. Tôi nằm trên giường và tự kể chuyện cho mình. Có thể những câu chuyện ấy chẳng đi đến đâu, nhưng cứ còn sống với chúng thì tôi còn không phải nghĩ đến những thứ mình vẫn muốn quên đi. Nhưng tập trung cũng không phải là dễ, và thường thì cuối cùng tâm trí tôi vẫn cứ trôi khỏi câu chuyện mình đang cố kể và dạt vào những thứ mình chẳng muốn nghĩ đến chút nào. Chẳng biết làm sao được. Tôi vẫn cứ thua như thế, thua nhiều hơn được, nhưng không có nghĩa là tôi không chịu cố gắng hết sức mình.

*[1] Rembrandt van Rijn (1606-1669) là họa sĩ vĩ đại người Hà Lan rất bất hạnh trong đời sống gia đình: trong số bốn người con của ông chỉ có cậu con trai Titus là sống được tới 20 tuổi. Rembrandt có vẽ Titus hồi còn nhỏ ngồi học bài mà vẽ mặt mơ mộng ngơ ngơ, và một bức khác nữa khi Titus đã lớn, cả hai đều tóc quăn vàng, đội mũ đỏ.*

Tôi đã đặt hẳn vào một cái hố. Vào chuyện như vậy có vẻ được, một cách mở đầu hứa hẹn khởi động được mọi thứ. Đặt một người đàn ông đang ngủ xuống một cái hố, rồi xem chuyện gì sẽ xảy ra khi anh ta thức dậy và cố trèo lên khỏi đó. Là tôi đang nói đến một cái hố dưới đất, sâu xấp xỉ ba thước, đào thành một hình tròn hoàn hảo, vách nện rõ chặt, cứng nhẵn như sành, mà thậm chí thành ra như thủy tinh. Nói cách khác, cái người đàn ông dưới hố ấy sẽ không thể thoát khỏi đó khi hẳn thức dậy. Trừ phi hẳn được trang bị một bộ đồ leo núi - một cái búa với những chiếc đinh neo kim loại, ví dụ thế, hoặc một cuộn thừng để có thể quăng thòng lọng lên một cái cây gần đó - nhưng hẳn lại không có gì cả, và một khi thức dậy, hẳn sẽ nhanh chóng thấy được bản chất tình trạng mắc kẹt của mình.

Và đúng là như vậy. Người đàn ông ấy tỉnh giấc và thấy mình đang nằm ngửa, chăm chăm nhìn lên một trời đêm không mây. Tên hẳn là Owen Brick, và hẳn không thể hiểu nổi tại sao mình lại ở đó, không hề nhớ là đã bị ngã xuống cái hố hình trụ tròn ấy mà hẳn ước lượng có đường kính khoảng ba thước rưỡi. Hẳn ngồi dậy, rất ngạc nhiên thấy mình đang mặc một bộ quần phục bằng vải len thô sẫm màu. Một chiếc mũ lưỡi trai đội trên đầu, và một đôi ủng da đen sờn cũ chắc nịch đi dưới chân, đây

buộc nút kếp chặt chẽ ngay phía trên mắt cá. Bên tay áo nào cũng thấy có đấp hai vạch, chứng tỏ bộ quân phục này là của một người mang cấp bậc hạ sỹ quan. Người ấy có thể là Owen Brick, nhưng cái người ở dưới hồ, mang tên Owen Brick, lại không thể nhớ là hắn đã từng phục vụ trong quân đội hoặc tham dự một cuộc chiến tranh nào trong đời hay chưa.

Không biết lý giải thế nào, hắn dành cho rằng mình đã bị đánh vào đầu và đang tạm thời mất trí nhớ. Nhưng khi lần ngón tay lên da đầu để xem có chỗ nào sưng biều thũng rách không, hắn lại không thấy một chỗ nào có thể gọi là đã bị đánh như vậy cả. Vậy thì là cái gì? Có phải hắn vừa bị một chấn động kinh khủng làm tê liệt nhiều vùng vỏ não chẳng? Cũng có thể. Nhưng trừ phi kí ức về chấn động ấy đột ngột trở lại, còn thì không tài nào hắn có thể biết được là có đúng như vậy hay không. Sau đó, hắn bắt đầu xem xét khả năng mình vẫn đang ngủ trên giường ở nhà, mắc kẹt trong một cơn mơ siêu rành mạch nào đó, một cơn mơ giống thực và mạnh mẽ đến mức ranh giới giữa mơ và tỉnh đã tan biết mất cả. Nếu đó là sự thật, thì hắn chỉ việc mở mắt ra, nhảy khỏi giường, rồi vào bếp pha cà-phê sáng. Nhưng làm thế nào để mở mắt khi chúng đã mở thao láo cả rồi? Hắn chớp mắt một vài lần, ngây ngô với ý nghĩ không biết làm thế có giải được bùa mê không - nhưng làm gì có bùa chú nào mà giải, và cũng chẳng thấy có giường chiếu gì hết.

Một bầy sao đôi ngời vụt qua trên đầu, lọt vào tầm nhìn của hắn độ năm sáu giây, rồi biến mất trong màn trời chạng vạng. Brick đứng lên để xem xét xung quanh, và trong khi làm như vậy hắn nhận ra có vật gì đó vướng víu trong túi quần ở đùi bên trái. Hóa ra là một cái ví, ví của hắn, trong đó ngoài 76 đô-la tiền Mỹ ra còn thấy có một tấm bằng lái xe cấp ở tiểu bang New York cho một Owen Brick sinh ngày 12 tháng 6 năm 1977. Chuyện này khẳng định cái mà Brick đã biết rồi: hắn là một gã đàn ông đang sắp sang tuổi 30 và sống ở khu Jackson Heights của quận Queens. Hắn cũng biết rằng mình có vợ tên là Flora, rằng trong bảy năm qua hắn đã làm công việc của một nhà ảo thuật chuyên nghiệp, trình diễn chủ yếu tại các bữa tiệc sinh nhật của trẻ con ở khắp nơi trong thành phố dưới cái biệt danh sân khấu là Zavello Vĩ đại. Những dữ kiện ấy càng làm tình trạng của hắn bí hiểm hơn. Nếu đã biết chắc mình là ai như vậy thì sao hắn lại có thể rơi vào cái hồ này, lại còn mặc bộ quân phục này, mà không hề có thể lính hoặc bất kỳ một giấy tờ căn cước nào khác chứng tỏ hắn đúng là một người lính?

Chẳng mấy chốc hắn đã hiểu rằng đừng hòng nghĩ đến chuyện thoát thân. Vách hồ quá cao, và hắn đã đi ủng đá thật lực xem có tạo được hốc hõm gì để đặt chân bám víu trèo lên không, nhưng rốt cuộc chỉ được một ngón chân cái đau nhức. Đêm đang xuống nhanh, không khí giá lạnh, một cảm giác rét buốt ngấm vào người hắn như rấn bò, và khi Brick đã bắt đầu thấy sợ, hắn vẫn còn ngờ ngác mắt một lúc rồi mới thực sự hãi hùng. Tuy thế, hắn không thể không kêu cứu. Cho đến lúc ấy, bốn phương tám hướng xung quanh hắn vẫn im lặng như tờ, có vẻ như hắn đang ở giữa một chốn thôn dã hẻo lánh không người, không hề nghe thấy gì ngoài tiếng gió xào xạc và thảng hoặc một tiếng chim kêu. Ấy thế mà đúng lúc hắn gào lên CỨU TÔI VỚI, thì tiếng súng đại bác bỗng gầm lên từ đằng xa và bầu trời đang tối dần sáng bừng lên với những luồng đạn vút qua như những vì sao chổi chết người, cứ như hắn vừa ra lệnh và mọi thứ đã diễn ra theo một luật nhân quả méo mó nào đó vậy. Bricks nghe thấy tiếng súng máy, tiếng lựu đạn nổ, và bên dưới tất cả những âm thanh đó, chắc là phải cách hắn hàng dặm đường, là tiếng người gào thét nghe như âm hưởng của một dàn đồng ca buồn thảm. Đây là chiến tranh rồi, hắn vỡ lẽ, và hắn là một người lính trong cuộc chiến đó, nhưng lại không hề có vũ khí trong tay, không có cách gì để tự vệ nếu bị tấn công, và thế là lần đầu tiên kể từ lúc tỉnh dậy trong hồ, hắn bỗng khiếp sợ thực sự.

Tiếng súng kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, rồi thưa thớt dần cho đến lúc im lặng. Không lâu sau đó, Brick thoáng nghe thấy những tiếng còi mà hắn cho là của xe cứu hỏa đang chạy đến chỗ có nhà cửa vừa bị tấn công. Rồi những tiếng còi ấy cũng chấm dứt, và im lặng lại bao trùm lấy hắn. Rét cóng và sợ hãi đã đành, Brick còn kiệt sức nữa, và sau khi đã đi lòng vòng trong cái nhà tù hình trụ tròn của mình cho đến khi các vì sao đã lấp lánh trên trời, hắn nằm dài xuống đất và cuối cùng cũng ngủ thiếp đi được.

Sáng sớm hôm sau, hắn bị đánh thức bởi một giọng người đang gọi từ trên mép hồ. Brick ngẩng lên và

thấy mặt một người đàn ông thò ra ở đó, và vì chỉ thấy mỗi cái mặt, hắn đoán rằng người kia đang nằm sấp ở trên đó.

Trung sỹ, người ấy nói. Trung sỹ Brick, đến lúc phải đi rồi.

Brick đứng dậy, mắt hắn chỉ cách cái gương mặt của người lạ kia độ hơn một mét, và hắn có thể thấy đó là một gã bặm trợn cầm bạnh với đám râu cầm hai ngày chưa cạo, đội một cái mũ lưỡi trai nhà binh hết như của hắn. Brick chưa kịp lên tiếng về chuyện hắn rất muốn đi nhưng không có cách gì đi được cả thì bộ mặt lạ kia đã biến mất.

Đừng lo, hắn nghe người kia nói. Chúng tôi sẽ đưa cậu ra khỏi đó ngay thôi.

Mấy phút sau thì nghe tiếng búa hoặc dùi sắt động vào một vật kim loại, và vì tiếng động ấy cứ nhỏ dần, Brick cho rằng có lẽ người kia đang đóng một cái cọc xuống đất. Mà nếu đúng như vậy thì có thể người ta sẽ buộc một đoạn thừng vào đó và với đoạn thừng ấy Brick sẽ có thể trèo lên khỏi hố. Tiếng động búa ngừng lại, ba bốn mươi giây qua đi, và rồi đúng như hắn đoán, một đoạn thừng rơi bịch xuống chân hắn.

Brick là một nhà ảo thuật, không phải lực sỹ thể hình. Nhưng nhờ ra hắn đã không vấp và đến thế khi trèo lên khỏi hố, vì leo có độ hơn một thước dây thừng chẳng phải là việc quá sức gì đối với một gã đàn ông khỏe mạnh đang ở tuổi ba mươi. Chỉ là vì vách hố quá trơn, hắn không thể tì gót ủng vào được, mà quặp chân vào dây thì có nghĩa là hắn chỉ còn dùng được lực của hai cánh tay, mà tay hắn thì chẳng cơ bắp lực lưỡng gì, đoạn thừng thì thô nhám đến trầy xước cả lòng bàn tay, cho nên một việc đơn giản như vậy cũng thành ra vất vả. Khi cuối cùng hắn đã lên gần đến mép hố và người kia đã túm được lấy bàn tay phải của hắn và lôi hắn lên đến mặt đất, Brick vừa hụt hơi vừa bực bội. Sau một màn trình diễn vụng về đến thế, hắn đã tưởng thể nào cũng phải nghe những lời chế giễu này nọ, nhưng không hiểu vì phép lạ gì mà người kia không hề có một lời lẽ nào như vậy.

Trong lúc Brick từ từ gương đứng lên, hắn để ý thấy bộ quân phục của người kia giống hệt như bộ của hắn, chỉ khác là tay áo có đấp ba vạch quân hàm chứ không phải hai. Sương mù dày đặc nên hắn khó có thể thấy mình đang ở đâu. Một chốn thôn dã heo lánh, đúng như hắn vẫn ngờ, nhưng cái thành phố hoặc thị trấn bị tấn công đêm hôm trước thì không thấy đâu cả. Vật duy nhất hắn có thể phân biệt được rõ ràng là cái cọc kim loại với đoạn thừng buộc quanh nó và một chiếc xe jeep lấm bùn đổ cách mép hố chừng ba thước.

Trung sỹ, người lạ vừa nói vừa sằng sái bắt tay Brick thật chặt. Tôi là Serge Tobak, thượng cấp của cậu. Mọi người vẫn gọi tôi là Thượng sỹ Serge.

Brick nhìn xuống người ấy, thấp hơn hắn đến mười lăm phân, và nhắc lại với một giọng trầm trầm: Thượng-sỹ-Sec.

Tôi biết, Tobak nói. Nghe rất ngộ. Nhưng mọi người quen gọi thế rồi, chẳng làm thế nào được. Mà đã không làm gì được thì ra phải theo thôi, phải không nào?

Tôi đang làm gì ở đây vậy? Brick hỏi, cố ghìm giọng lo lắng.

Này cậu, tỉnh lại đi chứ. Cậu đang chiến đấu mà. Cậu tưởng cái gì đấy hả? Một chuyến rong chơi chác?

Chiến đấu gì chứ? Vậy chúng ta đang ở Iraq à?

Iraq nào? Ai cần gì đến Iraq chứ?

Nước Mỹ đang tham chiến ở Iraq. Ai cũng biết mà.

Iraq cái mẹ gì. Đây là nước Mỹ, và nước Mỹ đang đánh nhau với nước Mỹ.

Anh nói cái gì vậy?

Nội chiến, Brick ạ. Chẳng nhẽ cậu không biết gì cả hay sao? Đã sang năm thứ tư rồi. Nhưng bây giờ cậu đã xuất hiện, sẽ sớm kết thúc thôi. Cậu chính là người sẽ làm điều đó.

Làm sao anh biết được tên tôi?

Cái cậu ngốc này, cậu thuộc trung đội của tôi mà.

Thế còn cái hồ này thì sao? Tôi đã làm gì dưới đó?

Thủ tục bình thường ấy mà. Tất cả tân binh đều đến với bọn tôi như vậy cả.

Nhưng tôi có ghi danh đâu. Tôi không đăng lính mà.

Tất nhiên rồi. Không ai đăng lính cả. Nhưng nó là như vậy đấy. Cậu đang sống cuộc đời của mình nhé, rồi dùng một cái cậu đã vào cuộc chiến.

Lời lẽ của Tobak khiến cho Brick rối mù không còn biết nói gì nữa.

Thế này nhé, tay Thượng sỹ lại thao thao tiếp tục. Cậu là anh chàng chúng tôi chọn để thi hành một nhiệm vụ to lớn. Đừng có hỏi tại sao, nhưng bộ chỉ huy nghĩ rằng cậu là người hay nhất cho nhiệm vụ này. Có thể là vì không ai biết cậu, hoặc có thể là vì cậu có cái... cái gì nhỉ?... cái vẻ nhạt nhẽo như thế này này, nên sẽ không ai ngờ được cậu là một tay sát thủ.

Sát thủ?

Đúng thế, sát thủ. Nhưng tôi thích gọi cậu là người giải phóng. Hoặc là người kiến tạo hòa bình. Muốn gọi là gì cũng được, nhưng không có cậu thì chiến tranh sẽ không bao giờ chấm dứt.

Brick muốn chạy ngay khỏi đó, nhưng vì không có vũ khí, hắn chỉ còn biết âm ừ nguyên tại chỗ. Vậy tôi sẽ phải giết ai? hắn hỏi.

Giết ai ở đây không quan trọng bằng giết cái gì, Thượng sỹ đáp với giọng bí hiểm. Chúng tôi còn chưa biết chắc tên người ấy là gì. Có thể là Blake. Có thể là Black. Có thể là Bloch. Nhưng chúng tôi có một cái địa chỉ, và nếu đến giờ mà hắn vẫn chưa chuẩn được khỏi đó thì chắc là cậu sẽ chẳng gặp rắc rối gì đâu. Chúng tôi sẽ bố trí cho cậu bắt liên lạc với một đầu mối trong thành phố, cậu sẽ bí mật ở đó, và chỉ vài ngày là mọi việc sẽ kết thúc.

Nhưng tại sao người ấy phải chết?

Bởi vì hắn sở hữu cuộc chiến tranh này. Hắn tạo ra nó, và tất cả những gì đang diễn ra hoặc sắp diễn ra đều nằm trong đầu hắn cả. Loại bỏ cái đầu ấy đi là chiến tranh chấm dứt ngay. Đơn giản thế thôi.

Đơn giản thế thôi ư? Anh làm như người ấy là Thượng đế không bằng.

Không phải Thượng đế, Trung sỹ ạ, chỉ là một con người thôi. Hắn ngồi trong một gian phòng và viết suốt ngày, mà bất cứ điều gì hắn viết ra đều trở thành sự thật. Các báo cáo tình báo đều nói hắn bị đàn vật vì cảm giác tội lỗi, nhưng hắn không thể ngừng lại được. Nếu thằng khốn ấy có gan tự bắn vào đầu

một phát thì chúng ta đã chẳng có cuộc nói chuyện này.

Anh bảo đây là một câu chuyện, có một người đang viết một câu chuyện, và tất cả chúng ta đều là một phần của câu chuyện ấy.

Đại khái thế.

Vậy sau khi anh ta bị giết rồi thì sao nào? Chiến tranh chấm dứt, nhưng chúng ta thì sao?

Mọi thứ sẽ trở lại bình thường.

Hoặc có thể chúng ta sẽ biến mất.

Có thể. Nhưng đó là cái rủi ro chúng ta buộc phải chấp nhận. Hoặc thế hoặc là chết, cậu ạ. Hơn mười ba triệu người đã chết rồi. Nếu cứ tiếp tục thế này, chẳng mấy chốc mà cả nửa dân số sẽ đi đời nhà ma.

Brick không có ý định giết ai cả, và càng nghe Tobak nói, hắn càng tin rằng đây là một thằng cha mất trí lảm mồm. Nhưng ngay lúc này, hắn chỉ có cách vờ hiểu và giả bộ đang hăng hái muốn thi hành nhiệm vụ.

Thượng sỹ Serge đi ra xe lấy một túi vải nhựa căng phồng ở ghế sau và đưa nó cho Brick. Đồ mới của cậu đây, anh ta nói, và lập tức lệnh cho nhà ảo thuật cởi bỏ quần phục ngay tại đó để lấy bộ quần áo thường dân trong túi ra mặc vào người: quần bò đen, sơ-mi xanh nước biển vải oxford, áo len chui đầu cổ chữ V, thắt lưng, áo da màu nâu và giày da đen. Rồi Thượng sỹ đưa cho hắn một cái balô nylông màu xanh lá cây đầy những quần áo nữa, với đồ cạo râu, bàn chải răng, thuốc đánh răng, lược chải đầu, một khẩu súng lục 38 ly cùng một hộp đạn. Cuối cùng, Brick nhận thêm một chiếc phong bì đựng hai mươi tờ 50 đô-la và một mẫu giấy có ghi tên và địa chỉ đầu mối liên lạc của hắn.

Lou Frisk, Thượng sỹ lên tiếng. Một người tốt. Tới thành phố là cậu phải đến chỗ ông ấy ngay, rồi ông ấy sẽ nói cho cậu biết mọi thứ cần thiết.

Ta đang nói đến thành phố nào vậy? Brick hỏi. Tôi chẳng biết mình đang ở đâu cả.

Wellington, Tobak đáp, xoay người sang phải và chỉ tay về phía đám sương mù dày đặc buổi sáng. Hai mươi dặm về phía bắc. Cứ theo con đường này, và chỉ nửa buổi chiều là cậu sẽ đến nơi.

Tôi phải cuốc bộ à?

Xin lỗi nhé. Tôi muốn cho cậu đi cùng lắm, nhưng tôi lại phải đi về hướng khác. Người của tôi đang chờ.

Thế còn bữa điếm tâm? Hai mươi dặm với cái bụng rỗng không...

Xin lỗi cả chuyện ấy nữa nhé. Nhẽ ra tôi phải mang cho cậu một cái bánh kẹp trứng với một phích cà-phê, nhưng tôi quên mất.

Trước khi đi, Thượng sỹ Serge lôi đoạn dây lên khỏi hồ, lay nhỏ cái chốt kim loại, rồi ném cả hai thứ lên ghế sau chiếc jeep. Rồi anh ta lên xe và nổ máy. Vừa đưa tay chào theo nghi thức chia tay, anh ta vừa nói với Brick: Cố lên nhé, người lính. Trông cậu không giống một tay sát thủ lắm đâu, nhưng biết đâu đây? Tôi chả đúng được cái gì bao giờ.

Không nói thêm lời nào, Tobak nhún ga, và chỉ vài giây sau đã cứ thế biến mất trong sương mù. Brick không nhúc nhích. Hắn vừa rét vừa đói, vừa hoang mang vừa sợ hãi, và hơn một phút sau vẫn cứ đứng

đó ngay giữa đường, chẳng biết phải làm gì. Cuối cùng, hắn bắt đầu run lẩy bẩy trong bầu không khí đầy sương giá. Tình hình ấy đã quyết định thay hắn. Hắn phải động cựa chân tay, phải làm cho nóng người lên, và thế là hắn quay lại, dứt tay vào túi quần rồi bắt đầu bước về phía thành phố, không hề biết điều gì sẽ chờ đợi mình ở đó.

\*\*\*

Vừa có tiếng cửa mở trên gác, và nghe thấy cả tiếng chân đi dọc hành lang. Không biết là Miriam hay Katya. Tiếng cửa nhà tắm mở ra rồi đóng lại; nhẹ, rất là nhẹ, tôi nhận ra thứ âm nhạc quen thuộc của nước giải tia róc rách xuống mặt nước, nhưng ai đang làm chuyện ấy đã giữ ý không giạt cầu, sợ làm cả nhà thức giấc, mặc dù có lẽ hai phần ba thành viên trong nhà đã tỉnh ngủ cả rồi. Rồi cửa nhà tắm mở ra, rồi lại tiếng chân rón rén dọc hành lang và tiếng cửa một phòng ngủ đóng lại. Nếu bị đánh đổ thì tôi sẽ bảo đó là Katya. Tội nghiệp Katya đang đau khổ, nó cũng khó ngủ chẳng khác gì ông ngoại đang liệt giường. Ước gì tôi có thể bước lên cầu thang, vào phòng nó, chuyện trò với nó một lúc. Nói vài câu đùa vô duyên của mình, cũng được chứ sao, còn không thì chỉ cần ngồi vuốt tóc nó cho đến lúc nó nhắm mắt chìm vào giấc ngủ. Nhưng ngồi xe lăn thế này thì tôi lên cầu thang sao nổi, đúng không nào? Và nếu chống nạng, có thể tôi sẽ vấp ngã trong bóng tối. Cái chân ngu ngốc khôn nạn này! Cách duy nhất là phải mọc ra một đôi cánh, đôi cánh không lồ bằng lông trắng mượt mà nhất. Lúc ấy thì chỉ nháy mắt là tôi sẽ lên đến nơi.

Mấy tháng qua, tôi với Katya chỉ suốt ngày ngồi xem phim với nhau. Ông cháu cùng ngồi trên cái sô-pha trong phòng khách, cắm mắt vào cái tivi, ngẫu nhiên hai ba thậm chí bốn phim liền một mạch, rồi nghỉ để ăn tối với Miriam, ăn xong một cái là lại tót lên sô-pha xem một hoặc hai phim nữa rồi mới đi ngủ. Nhẽ ra tôi phải viết nốt tập hồi ký đã hứa với Miriam từ lúc mới nghỉ hưu ba năm trước đây, câu chuyện cuộc đời mình, lịch sử gia đình, một biên niên ký của cái thế giới đã mất, nhưng sự thực là tôi thích ngồi sô-pha với Katya hơn, nắm tay con bé, để nó ngả đầu lên vai, đón nhận cái cảm giác mù mị dần của tâm trí trước cuộc diễu hành vô tận những hình ảnh quay cuồng trên màn hình. Có lẽ là từ sau khi Sonia qua đời, chắc thế, khi đời sống vợ chồng chấm dứt, cái cô đơn của tất cả mọi sự, cái cô đơn khôn kiếp sau khi tôi mất năng, rồi thì đến chuyện tôi đâm nát cái xe đi thuê ấy, đi tong hẳn một bên chân, suýt nữa thì toi mạng, mà cũng có thể là vì thế này nữa: cái vô tình, cái cảm giác rằng sau bảy mươi hai năm sống trên cõi đời này, liệu có ai thèm để ý gì đến việc tôi có viết về mình hay không? Tôi chưa bao giờ thích viết về mình, kể cả khi còn trẻ, và quả thật cũng chưa bao giờ có tham vọng viết sách. Tôi thích đọc sách, chỉ vậy thôi, đọc, rồi sau đó viết về chúng, nhưng lúc nào cũng chỉ là một kẻ chạy cự ly ngắn, chưa bao giờ làm cái gì dài hơi, một con chó săn luôn phải đem mồi về thật đúng hạn trong suốt bốn mươi năm qua, một chuyên gia sản xuất những bài 700 chữ, 1500 chữ, những cột báo phải ra hai kỳ một tuần, rồi thì thoảng là một bài tạp chí, tôi đã nôn ra bao nhiêu nghìn những của ấy chẳng biết được. Mấy chục năm trời làm những thứ vụn vặt như vậy, hàng núi giấy báo đã bị đốt hoặc quẳng vào sọt tái chế. Nhưng khác với hầu hết đồng nghiệp, tôi chưa bao giờ có ý định thu thập những bài hay, giả dụ là có chúng đi nữa, để xuất bản lại thành những cuốn sách mà không có một người tình táo nào buồn đọc. Hãy cứ mặc cho tập bản thảo dở dang của tôi tiếp tục nằm hứng bụi đi đã. Miriam thì lại viết rất chăm, đang sắp xong tập tiểu sử của Rose Hawthorne, tranh thủ từng giờ một vào ban đêm, vào cuối tuần, những hôm nó không phải lái xe đi Hampton dạy học, mà có lẽ trong giai đoạn này ở nhà chỉ cần có một văn sỹ thôi là đủ.

Đang đến đoạn nào rồi ấy nhỉ? Owen Brick... Owen Brick đang đi theo con đường ấy để về thành phố. Không khí lạnh, tâm trạng hoang mang, cuộc nội chiến thứ hai ở nước Mỹ. Một mở đầu cho cái gì đó, nhưng trước khi tìm ra cách giải quyết vấn đề của anh chàng ảo thuật đang rối trí ấy, tôi cần có một lúc để suy ngẫm về Katya và những bộ phim kia, vì tôi vẫn chưa biết chuyện này xấu tốt ra sao. Khi con bé bắt đầu đặt mua đĩa phim DVD trên mạng internet, tôi đã nghĩ đó là một dấu hiệu tốt, một bước nhỏ theo hướng đúng đắn. Nếu không phải là cái gì khác, chuyện ấy cho tôi thấy nó đã bắt đầu cho phép mình nghĩ đến những chuyện khác chứ không phải chỉ có cái chết của Titus nữa. Dù sao thì nó cũng là sinh viên điện ảnh, đang học để trở thành biên tập phim, cho nên khi thấy DVD gửi liên tục đến nhà, tôi đã nghĩ không biết nó có định quay lại trường hay không, mà nếu không về trường thì có phải là nó

định tự học tiếp không? Nhưng chẳng mấy chốc tôi bắt đầu nhận ra rằng cái lối xem phim như nghiệm này là một dạng tự chuốc thuốc cho chính mình, một thứ thuốc mê cốt để con bé khỏi phải nghĩ gì đến tương lai của nó nữa. Chạy trốn vào một bộ phim khác với chạy trốn vào một cuốn sách. Sách bắt buộc ta phải có đi có lại với chúng, phải động não, phải tưởng tượng, trong khi ta có thể xem phim - thậm chí thích thú với nó - mà tâm trí vẫn hoàn toàn thụ động. Nói vậy không có nghĩa là Katya đã biến mình thành một hòn đá. Nó vẫn mỉm cười, đôi khi còn bật cười thành tiếng khi có những cảnh hay trong các phim hài, và tuyến lệt của nó cũng vẫn thường hoạt động tích cực trong những đoạn xúc động của các phim tâm lý xã hội. Chắc có lẽ là tại tư thế của nó thì hơn, cái kiểu nó ngồi lún sâu vào cái sofa, hai chân duỗi dài gác lên bàn nước, im lìm như thể hàng nhiều giờ liền, không chịu động cựa gì, thậm chí điện thoại reo cũng mặc kệ, trông cứ như chẳng còn dấu hiệu gì của sự sống cho đến lúc tôi chạm vào hoặc ôm lấy nó. Mà có lẽ cũng là tại tôi. Tôi đã khuyến khích nó vào cái nếp sinh hoạt nằm dài suốt ngày này, có lẽ tôi nên bảo nó chấm dứt - mặc dù tôi biết là có bảo chưa chắc nó đã nghe.

Nhưng không phải ngày nào cũng tệ như vậy. Mỗi lần xem xong một bộ phim, ông cháu thường khảo chuyện về nó một lúc trước khi Katya thay một đĩa phim khác. Tôi hay muốn bàn về câu chuyện và chất lượng diễn xuất, nhưng ý kiến của nó thường tập trung vào những khía cạnh kỹ thuật điện ảnh: lối bố trí ống kính máy quay, biên tập phim, ánh sáng, âm thanh, vân vân. Thế mà vừa mới tối nay, sau khi xem ba phim liền - *Áo tưởng Lớn lao*, *Kẻ trộm xe đạp*, và *Thế giới của Apu*[2] - Katya bỗng có những bình luận sắc và sâu, phác ra cả một lý thuyết làm phim độc đáo và xác đáng khiến tôi rất ấn tượng.

[2] *Áo tưởng lớn lao (Grand Illusion)* là bộ phim có đề tài phản chiến của đạo diễn người Pháp Jean Renoir (1894-1979) - con trai của danh họa Piere-Auguste Renoir- quay năm 1937. *Kẻ trộm xe đạp (The Bicycle Thief)* là phim làm năm 1948 của đạo diễn người Ý Vittorio De Sica. *Thế giới của Apu (The World of Apu)* là phim làm năm 1959 của đạo diễn Ấn Độ Satyajit Ray. Cả ba đều là những kiệt tác điện ảnh thế giới.

Đồ vật, nó nói.

Đồ vật thì sao? Tôi hỏi.

Đồ vật, những vật vô tri, có thể diễn đạt tình cảm của con người. Đó là ngôn ngữ của phim. Chỉ những đạo diễn giỏi mới biết dùng ngôn ngữ này, mà Renoir, De Sica và Ray là ba người giỏi nhất, phải không ạ?

Chắc chắn rồi.

Cứ nghĩ đến những cảnh mở đầu của *Kẻ trộm xe đạp* mà xem. Nhân vật chính nhận được một việc làm, nhưng anh ta không thể vào việc nếu không tháo được cái xe đạp của mình ra khỏi xích. Anh ta buồn bã trở về nhà. Rồi đến cảnh chị vợ ở bên ngoài ngôi nhà, đang lặt lè xách hai thùng nước rõ to. Mọi cái nghèo, mọi vật lộn của người đàn bà ấy và gia đình của chị ta chất chứa cả trong hai cái thùng nước ấy. Anh chồng thì đang buồn bực chuyện của mình, chẳng buồn đỡ vợ một tay, mãi cho đến lúc họ đã sắp về đến cửa. Mà rồi lúc ấy anh ta cũng chỉ xách cho vợ một thùng, để mặc chị xách tiếp thùng kia. Tất cả những gì ta cần biết về cuộc hôn nhân của họ đã được thể hiện rõ ràng chỉ trong vài giây đồng hồ. Sau đó họ lên cầu thang về căn hộ của mình, và chị vợ này ra ý đem cầm bộ khăn trải giường của họ để có tiền chuộc lại cái xe đạp. Ông có nhớ chị vợ đá cái thùng nước ở trong bếp dữ dội thế nào không, có nhớ chị ta rút cái ngăn tủ ra dữ dội thế nào không. Những vật vô tri, những tình cảm con người. Sau đó là cảnh tiệm cầm đồ, không ra cửa tiệm tí nào, mà là một nơi rộng lớn, như kiểu nhà kho chứa những đồ không dùng đến nữa. Chị vợ bán chỗ khăn trải giường, và sau đó ta thấy một người làm đem cái gói nhỏ xíu của họ đến chỗ những cái giá chứa hàng cầm cố. Lúc đầu, những cái giá ấy không có vẻ cao lắm, nhưng khi ống kính lùi lại, và lúc người làm công kia bắt đầu trèo lên, ta thấy chúng cứ nối tiếp nhau mãi, nối tiếp nhau mãi cho lên đến tận trần nhà, và giá nào ngăn nào cũng đầy chật những cái gói giống hệt như cái mà người kia đang đem đi cất, và thế là dùng một cái ta thấy

dường như gia đình nào ở Rome cũng đã bán khăn trải giường của họ, dường như cả cái thành phố ấy đang cùng một cảnh ngộ khốn nạn như nhân vật chính và chị vợ của anh ta. Chỉ một cảnh thôi, ông ạ. Chỉ một cảnh thôi là ta đã thấy hình ảnh của cả một thành phố đang sống bên bờ thảm cảnh.

Khá đấy, Katya. Cháu vào giường rồi đấy...

Đêm nay cháu mới thấy được điều ấy. Nhưng có lẽ cháu đang phát hiện ra cái gì đó thật, vì cháu thấy những ví dụ của nó ở cả ba bộ phim. Ông có nhớ mấy cái đĩa ăn trong phim *Áo tưởng lớn lao* không?

Mấy cái đĩa ư?

Ngay trước lúc hết phim ấy mà ông. Gabin nói với người đàn bà Đức rằng anh ta yêu bà ấy, rằng anh sẽ trở lại tìm hai mẹ con bà khi chiến tranh kết thúc, nhưng tụi lính đang đến gần, và anh ta và Dalio phải cố vượt biên giới sang Thụy Sĩ trước khi quá muộn. Bốn người bọn họ ngồi ăn bữa cuối cùng với nhau, rồi đến lúc họ phải chia tay. Tất cả thật cảm động, tất nhiên rồi. Gabin và người đàn bà đứng ở lối cửa, có thể họ sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa, nước mắt của người đàn bà, rồi cảnh hai người đàn ông mất dạng trong đêm tối. Sau đó Renoir cắt ngay vào cảnh Gabin và Dalio đang chạy trong rừng, và cháu cuộc tiên với ông là tất cả các đạo diễn khác trên thế giới này sẽ bám cái cảnh ấy cho đến hết phim. Nhưng Renoir thì không. Ông ta là thiên tài - cháu nói thiên tài có nghĩa là ông ta có sự thấu hiểu, có lòng cảm thông sâu sắc - nên đã trở lại cảnh người đàn bà và đứa con gái còn nhỏ, góa phụ trẻ tuổi đã mất chồng trong cuộc chiến điên rồ nọ, và bà ấy đã làm gì? Bà ấy quay vào trong nhà, đổi mặt với cái bàn ăn và đồng đĩa chưa dọn dẹp còn ở nguyên đó. Hai người đàn ông đã đi rồi, và vì họ đi rồi, những cái đĩa ấy liền trở thành dấu hiệu cho sự vắng mặt của họ, nỗi đau khổ của phụ nữ khi đàn ông phải đi lính đánh nhau, và rồi không nói một lời, bà ấy nhặt nhanh chỗ đĩa ấy để dọn bàn, lần lượt từng cái một. Cảnh ấy kéo dài bao lâu? Mười giây? Mười lăm giây? Chỉ thế thôi, nhưng nó làm ta ngạt thở, có phải không ạ? Nó làm ta thật sự não hết cả ruột.

Cháu gái của ông can đảm lắm, tôi nói, chợt nhớ đến Titus.

Thôi đi ông. Cháu không muốn nói đến anh ấy đâu. Có thể là lúc khác, chứ bây giờ thì không. Ông ô kê chứ?

Ô kê. Minh chỉ nói chuyện phim thôi. Còn một phim nữa. Cái phim *Án Độ* ấy. Ông nghĩ đấy là phim ông thích nhất hôm nay.

Vì nó là câu chuyện về một nhà văn mà, Katya nói, nhoẻn một nụ cười trên ngời.

Cũng có thể. Nhưng như vậy không có nghĩa là phim không hay.

Không hay thì cháu đã không chọn. Không xem đồ vứt đi. Nội quy của mình là như vậy, ông nhớ không nào? Minh xem tất cả các loại phim, từ điên rồ nhất đến cao đạo nhất, nhưng không xem loại rác rưởi.

Đồng ý. Nhưng trong phim *Apu* làm gì có đồ vật nào đâu nhì.

Ông nghĩ lại đi.

Ông không muốn nghĩ. Lý thuyết của cháu mà, nói ông nghe đi nào.

Cái màn cửa và cái cặp tóc. Sự chuyển tiếp từ cuộc đời này sang cuộc đời khác, bước ngoặt của bộ phim. *Apu* về quê dự đám cưới một cô em họ của bạn. Một cuộc hôn nhân gả bán cổ truyền, và khi chú rể xuất hiện thì hóa ra đó là một thằng ngốc, một gã ngớ ngẩn thảm hại. Đám cưới bị đình lại, và bố mẹ cô dâu bắt đầu hoảng hốt, sợ con gái sẽ bị ám quẻ suốt đời nếu không cưới được chồng ngay



chiều hôm ấy. Apu thì đang nằm ngủ đầu đó dưới bóng cây, không màng gì đến sự đời, sung sướng vì được thoát khỏi thành phố một vài ngày. Gia đình cô gái đến tìm anh. Họ phân trần rằng anh là đàn ông chưa vợ duy nhất ở đó, và chỉ có anh mới có thể giải quyết được vấn đề của họ. Apu phát hoảng. Anh tưởng họ điên, một bọn nhà quê đần độn và mê tín, và nhất định không chịu. Nhưng sau khi suy đi nghĩ lại một lúc, anh quyết định chấp nhận. Như một hành động thiện tâm, một cử chỉ phúc đức, chứ không hề có ý định sẽ đem cô gái về Calcutta với mình. Sau lễ cưới, khi cuối cùng họ chỉ còn một mình với nhau, lần đầu tiên trong đời, Apu mới biết rằng cô gái bên lén ấy cứng rắn hơn anh tưởng rất nhiều. Tôi nghèo lắm, anh nói, tôi muốn làm nhà văn, tôi chẳng có gì cho cô cả. Em biết, cô ta đáp, nhưng chuyện ấy chẳng làm thay đổi được gì hết, cô đã quyết chí theo anh rồi. Tá hỏa tam tinh nhưng cũng cảm động vì quyết tâm của cô, Apu miễn cưỡng đầu hàng. Chuyển cảnh về thành phố. Một cỗ xe đỗ lại trước một ngôi nhà nát nơi Apu đang sống, và anh chàng cùng với vợ mới cưới của mình bước xuống. Hàng xóm láng giềng đổ hết ra đường há hốc mồm nhìn cô gái xinh đẹp trong lúc Apu đưa cô lên thang gác để về nơi trú ngụ nhỏ bé nhom nhếch của mình. Một lúc sau, có ai đó gọi và anh phải đi. Ông kính bám theo cô gái, một mình trong căn phòng lạ, giữa một thành phố lạ, là vợ của một người mà cô chưa hề biết. Cuối cùng, cô bước đến bên cửa sổ có một mảnh vải buồm nhem nhuốc treo tòm tem làm rèm cửa. Mảnh vải ấy có một lỗ thủng, và cô gái nhìn qua cái lỗ ấy xuống sân sau, thấy một đứa bé còn quần tã đang chập chững đi giữa bụi bậm và rác rưởi. Ông kính đổi chiều, và ta thấy mắt cô gái qua lỗ thủng. Nước mắt đang chảy ra từ con mắt ấy, mà ai dám trách cô vì cảm giác căng thẳng, sợ hãi và lạc lõng lúc ấy cơ chứ? Apu quay lại căn phòng và hỏi cô có chuyện gì vậy. Không có gì, cô lắc đầu, không có gì cả. Rồi màn ảnh tối đen lại, và ta tự hỏi: chuyện gì sẽ xảy ra sau đó? Một câu hỏi lớn. Cái gì đang chờ đợi cặp vợ chồng vừa mới vì một tai nạn bất ngờ mà lấy nhau này? Thế mà chỉ cần vài nét chấm phá tuyệt luân, tất cả sẽ được tiết lộ cho ta thấy rõ ràng trong vòng chưa đầy một phút. Đồ vật số một: cái cửa sổ. Màn ảnh bùng lên với cảnh sáng sớm, và vật đầu tiên ta thấy là cái cửa sổ mà cô gái đã nhìn qua ở cảnh trước. Nhưng mảnh vải buồm bần thiêu không còn nữa, thay thế bằng một cặp rèm cửa vải ca-rô sạch tinh tươm. Ông kính lùi lại một tí, và ta thấy đồ vật số hai: một lọ hoa trên bậu cửa sổ. Chúng là những dấu hiệu đáng mừng, nhưng ta vẫn chưa chắc chúng có ý nghĩa gì. Ừ thì không khí gia đình, vẻ ngọt ngào, có bàn tay của phụ nữ trong nhà, nhưng đó là những cái mà người vợ bình thường nào cũng làm, và chuyện cô vợ của Apu đã thi hành tốt nghĩa vụ của mình không chứng tỏ gì là cô ta thực sự quan tâm đến anh. Ông kính tiếp tục lùi lại, và ta thấy hai người nằm ngủ trên giường. Đồng hồ báo thức reo, cô vợ ra khỏi giường trong lúc Apu rên rầm vui đầu xuống gối. Đồ vật thứ ba: cái váy quần của cô vợ. Sau khi ra khỏi giường và bắt đầu bước ra ngoài, cô bỗng khựng lại không đi được nữa, bởi vì giải váy của cô bị buộc với quần áo của Apu. Rất lạ đời. Ai đã làm chuyện ấy, và tại sao? Mặt cô vợ lúc ấy có cái vẻ vừa tức lại vừa thích, và ta biết ngay là Apu đã làm chuyện ấy. Cô ta quay lại giường, phát nhẹ nhàng vào mông anh chàng, rồi gỡ cái nút buộc ra. Giây phút ấy nói lên điều gì? Cháu thì cháu hiểu rằng họ đã ân ái nhau rất thỏa, rằng giữa họ đã có được một thái độ vui đùa, rằng họ đã thực sự là vợ chồng. Nhưng còn tình yêu thì sao? Họ có vẻ hài lòng đấy, nhưng tình cảm của họ dành cho nhau thực sự mạnh mẽ đến mức nào? Đó là lúc đồ vật số bốn xuất hiện: cái cặp tóc. Cô vợ rời khuôn hình để đi soạn bữa sáng, và ông kính tập trung vào Apu. Cuối cùng thì anh chàng cũng mở được mắt ra, rồi trong lúc oằn oại ngáp dài trên giường, anh thấy có cái gì đó ở giữa hai cái gối. Anh thò tay xuống và lấy ra một cái cặp tóc của vợ. Đó là giây phút đỉnh điểm. Anh giơ cái cặp tóc lên và ngắm nghía nó, và khi ta thấy cặp mắt của Apu, vẻ dịu dàng và ngưỡng mộ trong cặp mắt ấy, ta biết chắc chắn rằng anh chàng đang yêu vợ say đắm, rằng cô nàng chính là người đàn bà của đời anh. Và Ray đã chuyển tải tất cả những cái đó mà không cần phải có một lời thoại nào hết.

Hệt như với những cái đĩa, tôi nói. Như với gói khăn trải giường. Không một lời nào.

Không cần lời, Katya đáp. Đã biết nghề thì không cần phải dùng lời.

Còn có một thứ ở trong cả ba cái cảnh ấy nữa. Lúc xem phim thì ông không nhận ra, nhưng nghe cháu nói bây giờ thì ông bỗng thấy ngay lập tức.

Cái gì thế hả ông?

Tất cả đều là về những người đàn bà. Họ là những người đã gánh vác thế giới này như thế nào. Họ làm những việc thực sự, trong lúc bọn đàn ông vô dụng chỉ lảng tránh làm mọi thứ khó khăn hơn. Hoặc không thì chỉ quanh quẩn ườn thần xác chẳng chịu làm gì. Sau cái cặp tóc là đúng như vậy đấy. Apu vẫn ở nguyên trong phòng nhìn ra chỗ vợ đang lúi húi nấu bữa sáng với một cái nồi, và anh ta không hề động chân động tay đỡ cho vợ tí nào. Thằng cha người Ý kia cũng vậy, không hề để ý đến việc vợ đang phải xách mấy thùng nước như thế.

Cuối cùng thì cũng phải có một đàn ông nhận ra điều đó, Katya nói, chọc nhẹ vào sườn tôi một cái.

Đừng có thậm xưng. Ông chỉ đang thêm một ghi chú cho lý thuyết của cháu. Một lý thuyết rất sắc sảo của cháu, ông phải nói thế.

Vậy ông đã là một người chồng thuộc loại gì hả ông?

Thì cũng lơ đãng và lười nhác hết như bọn dở hơi trong mấy phim ấy đấy. Bà cháu đã làm tất cả mọi việc.

Không đúng.

Đúng mà. Có cháu ở cùng thì lúc nào ông cũng tử tế nhất. Cháu chưa thấy lúc ông bà ở một mình với nhau đấy thôi.

\*\*\*

Tôi ngừng một lúc để đổi tư thế nằm, chỉnh lại cái gối, nhấp một ngụm nước ở cái cốc thủy tinh trên mặt bàn ngủ đầu giường. Tôi không muốn lại nghĩ đến Sonia. Vẫn còn sớm quá, mà nếu đã nghĩ là thế nào tôi cũng sẽ miên man hàng nhiều giờ liền. Hãy theo câu chuyện đi cái đã. Đó là giải pháp duy nhất. Cứ theo câu chuyện để rồi xem nó ra sao nếu tôi đi được đến tận cùng.

Owen Brick. Owen Brick đang trên đường đến thành phố Wellington, ở tiểu bang nào hán đâu có biết, vùng nào hán cũng chẳng hay, nhưng vì thấy không khí ẩm ướt buốt giá nên hán ngờ rằng có lẽ mình đang ở đất bắc, có thể là vùng New England, tiểu bang New York cũng nên, mà cũng có thể là đâu đó trong vùng Trung Tây Thượng. Thế rồi khi nhớ đến lời của Trung sỹ Serge về một cuộc nội chiến, hán lại nghĩ không biết ai đang đánh nhau với ai và vì cái gì chẳng biết. Miền Bắc đánh miền Nam à? Đông đánh Tây à? Quân Đỏ đánh quân Xanh ư? Hay là Trắng đánh Đen? Dù có nguyên nhân gì đi nữa, hán tự nhủ, và có vì vấn đề hoặc lý tưởng gì đi nữa thì cũng vẫn cứ vô lý. Làm sao đây có thể là nước Mỹ được nếu Tobak chẳng biết tí gì về Iraq? Hoàn toàn mất phương hướng, Brick đành quay lại với ý nghĩ trước đây rằng hán đang bị kẹt trong một cơn mơ, rằng mặc dù tất cả những bằng chứng vật thể ở xung quanh, thật ra là hán vẫn đang nằm cạnh Flora trên giường ở nhà mình.

Mù mịt chẳng thấy được gì mấy, nhưng qua màn sương ấy Brick có thể mơ hồ nhận ra hai bên hán là rừng cây, không thấy nhà cửa dinh thự gì ở đâu hết, không có cột chằng dây điện thoại, không có biển chỉ đường, không có dấu hiệu gì của con người trừ con đường, một dải đường nhựa tòi tẹt nứt nẻ đầy những ổ gà, chắc đã nhiều năm không được bảo dưỡng. Hán đi được một dặm, rồi một dặm nữa, mà vẫn không thấy có chiếc xe nào chạy qua, không có ai hiện ra từ khoảng không trống rỗng ấy. Cuối cùng, sau khoảng hai mươi phút, hán nghe có tiếng động đang đến gần, một thứ tiếng lộc cộc lê lét không thể nhận ra là tiếng gì. Từ trong sương mù, một người đàn ông đang đạp xe về phía hán. Brick giơ tay làm hiệu và gọi to *Xin chào, thưa ông, xin làm ơn*, nhưng người kia phớt lờ hán và cứ thế đạp xe qua. Một lúc sau, thêm nhiều người đi xe đạp bắt đầu xuất hiện, người đi hướng này, kẻ đi hướng kia, nhưng với cung cách bọn họ đáp lại lời gọi khẩn thiết của Brick thì có lẽ là hán hoàn toàn vô hình.

Đi thêm năm sáu dặm đường nữa thì các dấu hiệu của sự sống bắt đầu xuất hiện - mà là dấu hiệu của một sự sống đã chấm dứt thì đúng hơn: nhà cửa cháy rụi, chợ búa đổ nát, một con chó chết, xác xe cộ

bị nổ tung. Một bà già quần áo tả tơi đẩy một cái xe mua hàng chất đầy những thứ linh kinh đột ngột hiện ra ngay trước mặt hắn.

Xin lỗi, Brick lên tiếng. Thưa bà đây có phải là đường đến Wellington không ạ?

Bà già dừng lại nhìn Brick với vẻ hoàn toàn ngờ ngạc. Hắn để ý thấy một túm râu nhỏ đâm tủa ra dưới cằm bà lão, cái miệng nhăn nheo, đôi bàn tay sưng khớp sần sùi vì phong thấp. Wellington nào? bà lão nói. Ai hỏi anh?

Không ai hỏi tôi, Brick nói. Tôi đang hỏi bà mà.

Tôi á? Tôi có dính dáng gì nào? Tôi còn không biết ông nữa kia.

Tôi cũng có biết bà đâu. Tôi chỉ muốn hỏi đây có phải là đường đến Wellington không.

Bà già xăm soi Brick một lúc rồi nói, trả tôi năm ti đi đã.

Năm đồng cho một câu hỏi như vậy ư? Bà điên rồi.

Ở đây ai cũng điên hết. Ông định bảo tôi là ông không điên hả?

Tôi có dám bảo gì đâu. Tôi chỉ muốn biết mình đang ở đâu.

Ông đang đứng ngoài đường đấy, ngốc ạ.

Thôi được rồi, thì tôi đang đứng giữa đường, nhưng tôi muốn biết đường này có đến Wellington được không.

Mười ti.

Mười đồng?

Hai mươi ti.

Thôi đi bà, Brick nói, bấy giờ đã không chịu nổi nữa. Tôi sẽ tự tìm ra cho mà xem.

Tìm ra cái gì chứ? bà già vặc lại.

Không buồn đôi co nữa, Brick bắt đầu đi tiếp, và trong lúc sải bước trong sương mù, hắn nghe tiếng bà già phá lên cười ở sau lưng, cứ như bà ta vừa nghe được một câu đùa đắt lời của ai đó...

Phố xá Wellington. Hắn vào đến thành phố lúc quá trưa, kiệt sức và đói bụng, hai chân đau nhừ vì cuộc đường dài. Nắng đã xua tan sương mù buổi sáng, và khi hắn lang thang giữa tiết trời đẹp dễ mát mẻ, Brick phần khởi thấy nơi ấy vẫn tương đối nguyên vẹn chứ không phải một vùng chiến trận bom đạn tan hoang đầy những đồng gạch vụn và xác chết dân thường. Hắn thấy một số tòa nhà bị phá hủy, một số đường phố có hố bom, vài chiến lũy đã tan tành, chỉ vậy thôi, còn thì Wellington có vẻ vẫn là một thành phố đang hoạt động bình thường, có người đi bộ lui tới chỗ này chỗ kia, các cửa hàng vẫn có khách ra vào, và không khí chẳng có vẻ gì là sắp có tai họa nào cả. Thứ duy nhất làm nó khác với các trung tâm đô thị Mỹ là không thấy có ô tô, xe tải hoặc xe buýt. Hầu hết mọi người đều đi bộ, ai không đi bộ thì đi xe đạp. Brick không thể biết đó là do khan hiếm xăng dầu hay là vì chính sách của thành phố, nhưng hắn phải công nhận rằng không khí yên tĩnh ấy có một tác động dễ chịu mà hắn thích hơn nhiều so với cái ồn ào náo nhiệt của đường phố New York. Nhưng mà chỉ vậy thôi, chứ Wellington chẳng có gì đáng khoe nữa. Đó là một nơi nhom nhếch kiêu hạ đẳng, với những tòa nhà

xấu xí xây dựng cầu thả, hầu như chẳng có một cái cây nào, và rác thì vứt bừa bãi chẳng ai thu dọn, chất thành gò thành đống ở ngay vỉa hè. Một thành phố bệ rạc, có lẽ vậy, nhưng chưa đến nỗi hoàn toàn thảm hại như Brick mừng tượng.

Việc đầu tiên là hắn phải tìm cái gì ăn cái đã, nhưng Wellington có vẻ hiếm hàng ăn, và loanh quanh mãi hắn mới tìm được một quán trong một phố nhỏ từ một đại lộ rẽ vào. Lúc ấy đã gần ba giờ chiều, quá bữa trưa đã lâu, và trong quán không có một người khách nào lúc hắn bước vào. Bên trái hắn là một dãy quầy với sáu cái ghế trống trơn; bên phải, dọc theo bức tường đối diện, và bốn khoang bàn, cũng trống trơn nốt. Brick quyết định sẽ ngồi ở quầy. Vài giây sau khi đã yên vị trên một trong sáu cái ghế, một người phụ nữ còn trẻ từ trong bếp đi tới quầy toẹt cuốn thực đơn xuống ngay trước mặt hắn. Cô ta chùng hãm nhăm hãm bầy gì đó, gầy gò, tóc vàng nhạt, mắt nhìn đầy vẻ mệt mỏi, và cặp môi thoáng gợn một nụ cười.

Hôm nay có gì ngon nhỉ? Brick hỏi, không buồn mở thực đơn.

Nhẽ ra phải hỏi là chúng tôi có gì hôm nay thì hơn, cô bồi bàn đáp.

Ô thế à? Vậy thì có gì nào?

Salát cá trích, salát gà, và trứng. Cá trích thì từ hôm qua, gà thì từ hai hôm trước, còn trứng thì vừa về sáng nay. Ông muốn ăn kiểu gì cũng được. Rán, chung, đập vỏ bỏ nước sôi. Rắn, vừa, mềm. Kiểu gì cũng xong, thế nào cũng được.

Có thịt xông khói hay xúc-xích không? Có bánh mì nướng hay khoai tây không?

Cô bồi trơn mắt như giả vờ không tin. Cứ việc mà mơ, cung ạ, cô nói. Trứng là trứng. Không có kèm cái gì khác cả. Chỉ có trứng thôi.

Thôi được rồi, Brick nói, chán quá nhưng vẫn cố làm mặt tử tế, thì trứng vậy.

Làm thế nào đây?

Thế nào nhỉ... Để tôi xem nào, trứng chung nhé.

Mấy quả?

Ba. Không, làm cho bốn quả.

Bốn cơ à? Sẽ mất hai mươi đô-la đấy, ông biết không. Cô bồi nheo mắt nhìn Brick như kiểu mới thấy hắn lần đầu. Vừa lác đầu, cô vừa nói: Ông làm cái gì ở cái xó rác rưởi này mà có những hai mươi đô-la trong túi thế hả?

Thì tôi muốn ăn trứng mà, Brick đáp. Bốn trứng chung, do ai sẽ mang cho tôi ấy nhỉ...

Molly, cô bồi nói, mỉm cười với hắn. Molly Wald.

...à, Molly Wald. Có ai phản đối gì không nhỉ?

Theo chỗ tôi nghĩ thì không.

Vậy là Brick gọi bốn quả trứng chung. Trong lúc cố giữ giọng bõn cọt nhẹ nhàng với cô nàng Molly Wald gầy gò nhưng không phải là không thân thiện kia, hắn đã tính ngay rằng với giá cả kiểu năm đô-la một quả trứng chẳng cần tí mỡ màng gì như thế này thì chỗ tiền Tobak đưa hắn hỏi sáng sẽ chẳng

mấy chốc mà hết. Lúc Molly xoay người gọi chỗ vào bếp ở phía sau, Brick nghĩ không biết có nên hỏi cô ta về cuộc chiến tranh không hay là cứ khép áo im mồm cho xong. Chưa biết quyết bề nào, hắn gọi một tách cà-phê.

Rất tiếc, không được rồi, Molloy nói, hết sạch rồi. Trà nóng nhé. Tôi có thể lấy cho ông một tách trà nóng nếu ông thích.

Ô kê, Brick nói. Một ấm trà vậy. Sau khi lưỡng lự một lúc, hắn dồn hết can đảm rồi hỏi: Cho biết thôi nhé, bao nhiêu tiền ấm trà ấy nhỉ?

Năm đô-la.

Năm đô-la? Hình như ở đây cái gì cũng năm đô-la.

Rõ ràng là ngạc nhiên vì câu nói của hắn, Molly nghiêng người tì cả hai cánh tay xuống mặt quầy rồi lắc đầu. Ông ngốc hay sao đấy, hả?

Có lẽ thế, Brick nói.

Chúng tôi không dùng tiền một đồng và tiền xu đã từ sáu tháng nay rồi. Ông đã ở đâu thế hở ông bạn thân mến? Ông là dân ngoại quốc hay gì vậy, hả?

Tôi không biết. Tôi là dân New York. Như thế tôi có phải là ngoại quốc không?

Thành phố New York?

Quận Queens.

Molly bật ra một tiếng cười sắc lẹm có vẻ diễn tả cả lòng khinh bỉ và thương hại của cô đối với ông khách đếch biết gì này. Thế mới thật là lạ, cô nói, thực sự là lạ. Một anh chàng New York mà không biết đâu là đầu đâu là đít của chính mình nữa đây.

Tôi... chả là..., Brick lúng búng, chả là tôi có bệnh. Phải nằm liệt. Trong bệnh viện ấy mà, nên không biết tình hình bên ngoài ra sao.

Thế hả? Vậy thì nói để ông biết, thưa ông Ngốc, Molly nói, chúng ta đang có chiến tranh, và New York đã gây ra nó.

Thế à?

Vâng, thế ạ. Ly khai. Có thể ông đã nghe rồi. Khi một tiểu bang tuyên bố độc lập với tất cả những phần còn lại của quốc gia. Giờ thì ta có mười sáu tiểu bang thôi, và có giới biết bao giờ nó mới kết thúc. Tôi không bảo ly khai là xấu, nhưng mà đủ lắm rồi. Ai cũng mệt nhọc lắm rồi, và chẳng mấy chốc mà chỉ còn thấy phát ốm với tất cả những chuyện này.

Đêm qua thấy có súng nổ nhiều lắm, Brick nói, mãi mới dám hỏi thẳng. Ai thắng thế?

Quân Liên bang tấn công, nhưng lính của chúng tôi đẩy được chúng đi rồi. Chắc chúng không định quay lại ngay đâu.

Có nghĩa là mọi thứ sẽ tương đối yên tĩnh ở Wellington.

Ít nhất là bây giờ, đúng thế. Mà là họ nói vậy. Còn ai mà biết được.

Có tiếng người gọi vọng ra từ trong bếp: Bồn trứng trứng, và nhoáng một cái một cái đĩa trắng xuất hiện trên giá ngay sau lưng Molly. Cô xoay người lại, cầm lấy đĩa đồ ăn của Brick và đặt nó xuống trước mặt hắn. Rồi cô bắt đầu pha trà.

Món trứng vừa khô vừa quá lửa, rắc mãi muối với tiêu vào rồi mà vẫn chẳng thấy có hương vị gì. Sắp chết đói sau cuộc đi bộ mười hai dặm đường, Brick xúc từng đĩa đầy lửa vào miệng, cẩn thận nhai món trứng dai như cao su và nuốt trôi chúng với những ngụm nước trà không hề nóng như quảng cáo mà chỉ ấm nhờ nhờ. Không sao, hẳn tự nhủ. Với bao nhiêu vấn đề chưa được giải đáp trong đầu, chất lượng món ăn không phải là chuyện hắn cần quan tâm. Nhưng một lúc khi đã đánh vật với món trứng được nửa đường, Brick ngẩng lên nhìn Molly. Cô đang đứng sau quầy, khoanh tay trước ngực nhìn hắn ăn, hết đôi chân này đến chân kia, đôi mắt xanh lá cây hấp háy những tia nhìn như có một niềm vui đang cố giấu.

Có gì mà buồn cười thế? Brick hỏi.

Có gì đâu, cô nhún vai nói. Chỉ vì anh ăn nhanh quá, làm tôi nhớ đến một chú cún tôi vẫn có hồi còn bé.

Xin lỗi, Brick nói. Tôi đói.

Tôi thấy rồi.

Mà có lẽ cô cũng đã thấy tôi là người lạ mới đến đây, hắn nói. Tôi không quen một ai ở Wellington, và tôi cần một chỗ ở. Không biết cô có giúp được không.

Trong bao lâu?

Tôi không biết. Có thể một đêm, có thể một tuần, có thể mãi mãi. Chưa biết thế nào.

Ông cũng mơ hồ lắm, nhỉ.

Chẳng làm thế nào được. Cô thấy đấy, tôi đang rơi vào một tình huống lạ lắm, kiểu như mình đang mò mẫm trong bóng tối. Sự thực là tôi còn không biết hôm nay là thứ mấy ngày mấy nữa kia.

Thứ Năm, mười chín tháng Tư.

Mười chín tháng Tư. Tốt rồi. Thì cô vừa nói thế. Nhưng mà là năm nào?

Ông không đùa đấy chứ?

Không, khổ một nỗi là tôi không đùa. Năm nào hả cô?

Hai nghìn linh bảy.

Lạ thật.

Sao lại lạ?

Vì năm thì đúng rồi, nhưng mọi chuyện khác lại hỏng cả. Nghe này Molly...

Tôi đang nghe đây, anh bạn. Tôi đang dòng tai đây.

Tốt rồi. Thế này nhé, nếu tôi nói *ngày 11 tháng 9*, mấy từ ấy có nghĩa gì với cô không?

Không có gì đặc biệt.

Thế còn *Trung tâm Thương mại Thế giới*?

Tòa tháp đôi hả? Hai tòa nhà cao ấy ở New York chứ gì?

Chính xác.

Thế thì sao?

Chúng vẫn còn ở đó chứ?

Tất nhiên là chúng vẫn còn đó. Ông làm sao thế hả?

Không sao, Brick nói, chỉ vừa đủ để cho mình nghe được. Sau đó, hắn vừa nhìn xuống đĩa trứng đã ăn hết một nửa vừa nói thêm: Hết ác mộng này đến ác mộng khác.

Cái gì cơ? Tôi nghe không rõ.

Ngẩng lên và nhìn thẳng vào mắt Molly, Brick hỏi cô một câu cuối cùng: Và không có chiến tranh ở Iraq, đúng không?

Nếu đã biết rồi thì ông còn hỏi tôi làm gì?

Tôi chỉ muốn biết chắc thôi. Hãy tha thứ cho tôi.

Nghe này, ông...

Owen. Owen Brick.

Được rồi, Owen. Tôi không biết vấn đề của anh là gì, cũng không biết chuyện gì đã xảy ra với anh trong bệnh viện, nhưng nếu là anh, tôi sẽ ăn nốt chỗ trứng kia trước khi chúng nguội. Tôi vào bếp gọi điện thoại một cái. Một người anh em họ với tôi làm quản lý ban đêm cho một khách sạn nhỏ ngay góc phố kia. Có thể vẫn còn phòng trống.

Sao cô lại tốt với tôi như thế? Cô có biết tôi là ai đâu.

Tôi không tốt với anh đâu. Ông anh họ ấy có một thỏa thuận với tôi. Cứ đem khách mới đến chỗ ông ấy là tôi sẽ được mười phần trăm số tiền thu được đêm đầu tiên. Đơn thuần là làm ăn thôi, người vũ trụ ạ. Nếu ông ấy có phòng cho anh, anh không phải nợ tôi cái gì cả.

Nhưng hóa ra hắn vẫn nợ cô nàng. Lúc Brick vừa nuốt xong miếng cuối cùng (với sự trợ giúp của một ngụm trà lúc đó là nguội lạnh), Molly đã từ bếp ra với một tin vui. Có ba phòng còn trống, cô nói, hai phòng giá ba trăm một đêm và một phòng giá hai trăm. Không biết hắn có thể chi trả đến đâu, nhưng cô đã tự ý giữ cái phòng hai trăm cho hắn, một biểu hiện rõ ràng, Brick nghĩ với lòng biết ơn, rằng mặc dù cô bảo đó chỉ đơn thuần là chuyện làm ăn, Molly đã cắt hẳn mười đô-la từ món hoa hồng của cô để tiết kiệm cho hắn. Một cô gái không đến nỗi tệ, hắn nghĩ, cho dù cô ta có cố che dấu thiện chí của mình thế nào đi nữa. Brick cảm thấy cô đơn chán nản vì những sự kiện của hai mươi giờ vừa qua đến mức hắn thậm chí mong cô gái sẽ bỏ vị trí của mình ở sau cái quầy ấy và đưa hắn về khách sạn, nhưng hắn biết cô không thể làm vậy, và cũng không đủ dạn dĩ để đề nghị cô một việc ngoại lệ như vậy vì mình. Dù sao, Molly cũng vẽ sơ đồ lên một mảnh giấy ăn để chỉ đường cho hắn đến khách sạn Exeter

chỉ cách đó có một quãng phố. Sau đó hắn trả tiền, nhất định ép cô phải nhận một đô-la tiền tip, rồi bắt tay tạm biệt.

Hy vọng được gặp lại cô, hắn nói, đột nhiên rung rung muốn khóc, một cách rất vờ vẩn.

Lúc nào tôi cũng ở đây mà, cô nói. Từ tám đến sáu giờ, thứ Hai đến thứ Sáu. Nếu vẫn còn thềm một bữa ăn dở ẹc nữa thì anh đã biết chỗ rồi nhé.

Khách sạn Exeter là một tòa nhà xây bằng đá cao sáu tầng ở giữa một quãng phố toàn những hiệu bán giấy giảm giá và những quán rượu đèn đóm tù mù. Chắc sáu bảy chục năm về trước thì chỗ ấy cũng là một nơi hấp dẫn, nhưng chỉ mới vào đến tiền sảnh, thấy những bộ ghế nhung sập xệ thùng lỗ chỗ toàn vết nhay cắn, những cây cọ trồng trong bình đã chết khô, Brick hiểu ngay rằng hai trăm đô-la chẳng mua được gì nhiều ở Wellington này. Hắn hơi sững người khi gã nhân viên sau quầy tiếp tân nhất định đòi hắn phải trả hết tiền phòng cho đêm đó ngay, nhưng vì chưa biết lệ địa phương thế nào, hắn cũng chẳng phản đối. Trông giống hệt như anh em sinh đôi của Trung sỹ Serge, gã này đếm đủ bốn tờ năm mươi đô-la, gạt hết chúng xuống ngăn kéo bên dưới mặt quầy làm bằng đá hoa cương đã rạn nứt, rồi đưa cho Brick chìa khóa phòng 406. Không hỏi gì đến giấy căn cước, cũng không phải ký cọc gì cả. Lúc Brick hỏi thang máy ở đâu, gã bảo hắn là thang máy hỏng rồi.

Gần hực hơi sau khi leo bốn tầng lầu, Brick mở khóa cửa và bước vào phòng mình. Hắn thấy cái giường đã trải khăn gối tử tế, những bức tường trắng trông và ngửi như có vẻ vừa được sơn vôi lại, và mọi thứ đều trông đối sạch sẽ. Nhưng một khi bắt đầu nhìn kỹ xung quanh, hắn bỗng rùng mình sợ hãi. Căn phòng âm ỉ và lạnh lùng quá, hắn tưởng tượng rằng hàng chục hàng chục con người tuyệt vọng đã tới đó trong suốt bao nhiêu năm qua chỉ cốt để tự tử. Cảm giác ấy ở đâu mà ra? Có phải đó là tâm trạng riêng của hắn, hay đúng là do ngoại cảnh gây ra? Ví dụ như cảnh tượng rất thưa thớt đồ đạc: chỉ có một cái giường và một tủ quần áo chơ vơ giữa một không gian quá rộng. Không ghế, không điện thoại. Trên tường không có một thứ tranh ảnh gì. Phòng tắm vô cảm và âm ỉ, với một thời xa phòng mini duy nhất còn nguyên trong gói trên mặt bồn rửa, một chiếc khăn tắm trắng duy nhất mắc trên thanh treo, mặt men rỉ sét trong bồn tắm trắng. Đi đi lại lại mãi với một nỗi sợ hãi cứ dâng dần lên như một cơn gió xoáy, Brick quyết định bật cái tivi đen trắng ở cạnh cửa sổ lên xem sao. Có thể hắn sẽ bình tĩnh lại được, hoặc nếu may mắn, có thể sẽ có bản tin và hắn sẽ có thể biết đôi chút về tình hình chiến tranh. Một tiếng “ping” rỗng tuếch vang lên từ cái tivi khi hắn ấn nút bật. Dấu hiệu đáng mừng đây, hắn tự nhủ, nhưng rồi đợi mãi cho cái máy nóng lên rồi mà vẫn chẳng thấy gì trên màn hình. Chỉ có những chấm muối và tín hiệu nhiễu rú rít. Hắn đổi kênh. Lại càng muối, càng rú rít. Hắn vặn hết các kênh, nhưng kênh nào cũng như vậy cả. Thay vì ấn nút tắt cái tivi đi, Brick giật tung cái phích cắm điện ra khỏi ổ. Rồi hắn ngồi xuống cái giường cô lỗ kêu cọt kẹt như rên rầm dưới sức nặng của hắn.

Chưa kịp chìm vào một cơn tử thân vô ích thì hắn nghe có ai gõ cửa phòng. Chắc là nhân viên khách sạn, Brick nghĩ bụng, nhưng lại thầm mong đó là Molly Wald, giá mà cô ta vừa tìm được cách chuồn khỏi quán một lúc để đến xem hắn có ổn cả hay không. Tất nhiên, hắn vẫn biết đây chỉ là hy vọng viễn vông, và đúng là vừa mở cửa ra thì hy vọng đó tiêu tan lập tức. Không phải là Molly, mà cũng chẳng phải nhân viên khách sạn. Hắn thấy mình đứng trước mặt một người đàn bà cao lớn hấp dẫn với mái tóc sẫm màu và cặp mắt xanh da trời trong bộ quần bò đen và áo da nâu - giống bộ quần áo mà Trung sỹ Serge đã đưa cho hắn sáng hôm ấy. Trong lúc nhìn kỹ gương mặt người đàn bà, hắn nghĩ chắc họ đã từng gặp nhau rồi, nhưng ở đâu và bao giờ thì không thể nhớ ra được.

Ô này, chào Owen, người đàn bà lên tiếng, nở một nụ cười tươi rói với hắn, và lúc nhìn cái miệng ấy, hắn thấy một màu son đỏ rất rạo rức.

Tôi có biết chị không nhỉ? Brick đáp lời. Tôi thì tôi nghĩ là có. Nhưng cũng có thể chỉ vì trông chị giống ai đó mà tôi đã quen.

Virginia Blaine đây, người đàn bà reo lên, giọng đặc thẳng. Cậu không nhớ hả? Cậu đã từng rất thích



tôi hỏi lớp mười mà.

Trời đất ơi, Brick lầm nhảm, hoang mang hơn bao giờ hết. Virginia Blaine. Tôi với cậu vẫn ngồi cạnh nhau trong lớp hình học của cô Blunt.

Có cho tôi vào phòng hay không đã nào?

Tất nhiên, nhất định rồi, hắn nói, tránh ra khỏi cửa và nhìn người bạn cũ nhanh nhẩu bước vào phòng.

Sau khi đưa mắt nhìn khắp gian phòng trống trơn buồn thảm, Virginia quay về phía hắn và nói: Trông kinh quá. Làm thế nào mà cậu lại chọn chỗ này nhỉ?

Chuyện dài lắm, Brick đáp, không muốn bắt chuyện.

Thế này không được đâu, Owen. Tôi sẽ tìm cho cậu một chỗ nào đó tốt hơn.

Để đến mai được không. Tôi đã trả hết tiền cho đêm nay, chắc gì họ đã chịu hoàn lại.

Đến cái ghé ngồi cũng không có nữa.

Biết rồi. Cậu ngồi tạm xuống giường vậy, nếu cậu muốn.

Cám ơn, Virginia nói, liếc qua tấm khăn trải giường xanh lá cây sồn cũ, tôi đứng thế này được rồi.

Cậu làm gì ở đây vậy? Brick hỏi, đột ngột chuyển chủ đề.

Tôi trông thấy cậu vào khách sạn này, thế là chạy lên đây...

Không, không, không phải chuyện ấy, hắn ngắt lời. Tôi muốn hỏi về Wellington này này, tôi chưa nghe đến thành phố này bao giờ. Và về cái nước này nữa, nhẽ ra là nước Mỹ mà lại không phải là nước Mỹ, chí ít nó không phải là nước Mỹ như tôi vẫn biết.

Tôi không thể giải thích gì cho cậu được. Bây giờ thì chưa thể được.

Tôi lên giường với vợ ở New York, làm tình, rồi ngủ, và khi tỉnh dậy thì lại đang nằm dưới một cái hồ ở giữa một nơi vô định khôn kiếp nào đó, mặc một bộ quân phục mắc dịch. Có chuyện mẹ gì thế không biết?

Bình tĩnh đi nào Owen. Tôi biết lúc đầu sẽ hơi loạn đầu một tí, nhưng cậu sẽ quen thôi, tôi hứa với cậu đấy.

Tôi không muốn quen với chuyện này. Tôi muốn trở lại cuộc sống của mình.

Cậu sẽ trở lại mà. Sớm hơn cậu tưởng nhiều đấy.

A... nói thế thì còn nghe được một chút, Brick nói, không biết có nên tin lời cô bạn cũ hay không. Nhưng nếu tôi có thể trở lại thì cậu có thể không?

Tôi không muốn về nữa đâu. Ở đây cũng lâu lâu rồi, và tôi thích ở đây hơn chỗ cũ của mình nhiều.

Lâu lâu rồi... Vậy là khi cậu không đến trường nữa thì không phải là vì bố mẹ cậu đã dọn đi nơi khác.

Đúng thế.

Tôi đã rất nhớ cậu. Suốt ba tháng trời, tôi đã không đủ can đảm hẹn hò với cậu, rồi đúng lúc đã sẵn sàng làm chuyện đó thì cậu biến mất.

Không làm thế nào được. Tôi không có lựa chọn nào cả.

Cái gì giữ chân cậu ở đây? Cậu có gia đình riêng không? Có con cái gì không?

Con cái thì không, nhưng tôi đã từng có gia đình. Chồng tôi đã tử trận ngay từ lúc bắt đầu chiến tranh.

Thật đáng buồn.

Vâng, đúng thế. Mà tôi cũng hơi buồn khi biết cậu đã có gia đình. Tôi vẫn không quên cậu, Owen ạ. Tôi biết chuyện đã qua lâu lắm rồi, nhưng tôi đã mong cuộc hẹn ấy chẳng kém gì cậu.

Bây giờ cậu mới nói.

Thật đấy. Thế cậu tưởng việc đưa cậu đến đây là ý tưởng của ai chứ?

Cậu đùa đấy à. Thôi nào, Virginia, tại sao cậu có thể làm một chuyện khủng khiếp đến thế với tôi cơ chứ?

Tôi muốn gặp lại cậu. Và tôi cũng nghĩ rằng cậu sẽ là người hoàn hảo để làm việc này.

Việc gì?

Đừng vờ vịt nữa, Owen. Cậu biết tôi đang nói gì mà.

Tobak hả. Cái thằng hề tự gọi mình là Trung sỹ Sọc ấy hả.

Và cả Lou Frisk nữa. Nhẽ ra cậu đã phải đến thẳng chỗ ông ta, cậu nhớ chứ?

Tôi mệt. Tôi đã cuộc bộ suốt ngày không có tí gì vào bụng. Tôi cần phải ăn cái gì đó và ngủ một tí. Tôi đang sắp lên giường thì cậu gõ cửa đấy.

Không may rồi. Chúng ta phải theo một kế hoạch rất chặt chẽ, và phải đến chỗ Frisk ngay bây giờ.

Tôi chịu thôi. Kiệt sức rồi. Cho tôi ngủ độ một hai tiếng cái đã, rồi tôi sẽ đi với cậu.

Thực sự là tôi không thể...

Làm ơn đi, Virginia. Vì bạn cũ đi nào.

Thôi được, người đàn bà nói, mắt nhìn xuống chiếc đồng hồ đeo tay. Tôi sẽ cho cậu một tiếng. Bây giờ là bốn rưỡi. Đúng năm rưỡi là sẽ có tiếng gõ cửa đấy nhé.

Cám ơn.

Nhưng đừng có giở trò gì đấy nhé, Owen. Được không nào?

Tất nhiên rồi.

Sau khi nở một nụ cười thăm thiết với hấn, Virginia dang tay ôm tạm biệt Brick. Rất mừng được gặp

lại cậu, cô ta thăm thì vào tai hắn. Brick vẫn nín thinh, hai tay buông thõng, hàng trăm ý nghĩ quay cuồng trong đầu. Cuối cùng, Virginia buông hắn ra, vỗ vỗ lên má hắn, rồi quay ra mở cửa bằng một động tác dúm tay rất nhanh xuống cái tay nắm. Trước khi đi, cô ta quay lại nói: Năm rưỡi.

Năm rưỡi, Brick nhắc lại như một tiếng vọng, sau đó cánh cửa đóng sầm lại, không còn Virginia ở đó nữa.

Brick đã có một kế hoạch, và một loạt nguyên tắc. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào hắn cũng không muốn gặp Frisk hoặc thi hành cái nhiệm vụ họ đã giao cho mình. Hắn sẽ không sát hại ai cả, sẽ không làm theo lệnh ai hết, hắn sẽ lánh mặt và ẩn náu cho đến khi nào không phải thế nữa mới thôi. Vì Virginia biết hắn ở đây, nên hắn sẽ phải rời khách sạn ngay lập tức và không bao giờ quay lại nữa. Vấn đề cấp thiết nhất bây giờ là đi đâu, và hắn chỉ có thể nghĩ đến ba giải pháp có thể thực hiện được. Quay lại tiệm ăn và đề nghị Molly Wald giúp đỡ. Nếu cô ta không chịu thì sao? Lang thang phố phường và tìm một khách sạn khác, hoặc là đợi đến đêm rồi chuồn khỏi Wellington.

Hắn cho mình mười phút, thừa đủ để Virginia xuống hết bốn tầng lầu và ra khỏi Exeter. Có thể cô ta sẽ chờ ở sảnh, dĩ nhiên rồi, hoặc sẽ theo dõi cửa khách sạn từ bên kia đường. Nếu cô ta không chờ ở trong sảnh, hắn sẽ ra bằng cửa sau, nếu như có cửa sau và hắn có thể tìm thấy nó. Còn nếu cô ta ở trong sảnh thì sao? Hắn sẽ chạy tháo thân, đơn giản thế thôi. Brick có thể không phải là người chạy nhanh nhất thế giới, nhưng trong lúc chuyện trò với Virginia hắn đã để ý thấy cô đi ủng gót cao, mà nhất định là đàn ông đi giày đế bằng sẽ chạy nhanh hơn đàn bà đi giày cao gót, lúc nào chả thế.

Còn với cái ôm và nụ cười thăm thiết, với lời thú nhận muốn gặp lại hắn và tiếc là đã không hẹn hò với hắn hồi còn đi học, Brick chẳng cảm thấy gì, mà còn thấy nghi ngờ. Virginia Blaine, kẻ từng khiến cái bản ngã 15 tuổi của hắn phải bồi hồi, đã là đứa con gái xinh nhất lớp, và thằng con trai nào mà chẳng chóng mặt vì thèm muốn và mơ tưởng mỗi lần nó bước ngang qua mình. Thì đúng là hắn đã muốn hẹn hò, nhưng ở cái tuổi ấy, hắn sẽ chẳng bao giờ dám thế.

Áo da kéo khóa kín lên, ba-lô khoác lên một bên vai phải, Brick đi xuống theo cầu thang hậu, qua lối thoát hiểm hỏa hoạn, và rất may là hắn đã tránh được tiền sảnh, đến được một cái cửa sắt mở thẳng ra con phố ở phía sau khách sạn. Không có dấu hiệu gì của Virginia, và người hùng rôi trí của chúng ta bỗng phần chần đến nỗi thấy lạc quan hẳn lên trong giây lát, cảm thấy cuối cùng thì hắn cũng có thể thêm hai chữ *hy vọng* vào vốn từ vựng về cảnh ngộ khổ não của mình. Hắn vội rảo bước, lảng lảng chen qua những đám bộ hành, tránh một thằng bé đang chơi nhẩy gậy lò xo, hơi chậm chân lại một tí khi gặp bốn quân nhân mang súng trường đi qua, lúc nào cũng nghe tiếng xe đạp lanh canh chạy trên phố. Rẽ, rồi rẽ nữa, thêm một lần nữa, và thế là hắn đã đang đứng trước quán ăn Pulaski nơi Molly làm việc.

Brick bước vào, và một lần nữa lại thấy quán trống trơn. Vì đã hiểu tình hình nên cảnh tượng ấy không còn làm hắn ngạc nhiên nữa, vì ai mà thèm vào một quán ăn không có món nào làm gì! Cho nên chẳng có khách ăn nào là phải, nhưng chán một nỗi là Molly cũng không thấy đâu cả. Không biết có phải cô đã về nhà sớm hay không, Brick chỉ còn biết gọi tên cô gái, và khi không thấy cô xuất hiện, hắn lại gọi nữa. Sau nhiều giây phấp phỏng, hắn nhẹ cả người khi thấy cô bước vào, nhưng vừa nhận ra hắn, vẻ chán chường trên mặt cô lập tức biến thành lo lắng, thậm chí là giận dữ.

Mọi việc ổn cả chứ? cô hỏi, giọng căng thẳng và đề phòng.

Ổn mà không ổn, Brick nói.

Nghĩa là sao? Họ không gây rắc rối gì cho anh ở khách sạn chứ?

Không. Họ đã chuẩn bị đón tôi. Tôi đã trả tiền trước cho một đêm và lên gác.

Phòng ốc thế nào? Có vấn đề gì không?

Cho tôi nói nhé, Molly, Brick không còn ghì được nụ cười đang nở trên môi, tôi đã đi khắp thế giới, và nếu nói đến chuyện phòng ốc hạng nhất, nghĩa là dễ chịu và lịch sự vào loại đầu bảng ấy, thì không đâu có thể sánh với phòng bốn không sáu của khách sạn Exeter ở Wellington.

Molly cười rạng rỡ khi nghe lời nhận xét vờ vịt ấy của hắn, và lập tức trông cô như một người khác hẳn. Vâng, tôi biết mà, cô nói. Chỗ ấy sang trọng chứ, nhỉ?

Thấy nụ cười ấy, Brick chợt hiểu ra nguyên nhân nổi hốt hoảng của cô. Cô đã tưởng hắn quay trở lại đây để phàn nàn, để trách cứ cô đã gạt hắn, nhưng hóa ra không phải thế, thành ra cô hết đề phòng ngay, dịu hẳn lại với một thái độ thân ái hơn.

Không liên quan gì đến khách sạn cả, hắn nói. Mà là tình hình tôi đã có nói với cô đấy. Có một bọn người đang tìm tôi. Họ muốn tôi làm một việc mà tôi không muốn làm tí nào, và bây giờ thì chúng biết là tôi đang trọ ở Exeter. Có nghĩa là tôi không thể ở đó được nữa. Vì thế mà tôi quay lại đây. Tôi xin cô hãy giúp tôi.

Sao lại là tôi?

Vì cô là người duy nhất mà tôi biết.

Anh không biết tôi, Molly nói, đôi tư thế đứng từ chân phải sang chân trái. Tôi phục vụ anh mấy quả trứng, tôi tìm một căn phòng cho anh, chúng ta nói chuyện chừng dăm phút đồng hồ. Khó lòng nói là anh biết tôi.

Cô nói phải. Tôi không biết cô. Nhưng tôi không biết đi đâu bây giờ.

Sao tôi phải liều mạng vì anh chứ? Có thể anh đang gặp rắc rối. Với cảnh sát hoặc quân đội. Hoặc có thể là anh đã trốn khỏi bệnh viện. Bệnh viện tâm thần, tôi đoán thế. Thử cho tôi một lí do tại sao tôi lại phải giúp anh nào.

Tôi chịu. Chẳng có một lí do nào cả, Brick nói, chán cả người vì thấy mình đã đánh giá nhầm cô gái này như thế nào. Sao hắn lại ngốc đến mức nghĩ rằng có thể nhờ cậy được gì ở cô ta cơ chứ. Tôi chỉ có thể cho cô mỗi một thứ thôi, hắn nói tiếp, nhớ đến cái phong bì đựng toàn tờ 50 đô-la trong balô. Nếu cô biết chỗ nào cho tôi ẩn náu một thời gian, tôi sẽ sẵn lòng trả tiền.

A, đấy lại là chuyện khác, nhỉ? Molly dễ hiểu và không láu lỉnh cho lắm lên tiếng. Ta có bao nhiêu tiền trong chuyện này đây?

Tôi không biết. Cô cứ nói.

Có lẽ tôi sẽ thu xếp cho anh ở căn hộ của tôi một hai đêm được. Cái xô-pha cũng đủ dài cho anh nằm, tôi nghĩ thế. Nhưng không có vợ vẫn gì đâu nhé. Bạn trai tôi ở cùng với tôi đây, và anh ấy rất nóng tính, anh hiểu tôi nói gì chứ, cho nên chớ có định dờ dờ trò ngu ngốc nào đấy nhé.

Tôi có vợ rồi. Tôi không dấy vào những trò ấy đâu.

Anh tốt lắm, nhỉ. Đàn ông có vợ nào trên thế giới này mà lại chịu bỏ qua cơ hội tòm tem thêm nếm cơ chứ.

Có lẽ tôi không sống trong thế giới này.

Ờ, có lẽ thế thật. Điều đó sẽ lý giải được khối chuyện, nhỉ?

Vậy, cô sẽ lấy tôi bao nhiêu? Brick hỏi, nóng ruột muốn cho xong việc.

Hai trăm.

Hai trăm? Hơi đắt quá đấy, đúng không cô?

Anh chẳng biết cái cóc khô gì, ông anh ạ. Ở quanh đây thì thế là rẻ nhất rồi, không thể hạ hơn được nữa đâu. Không đồng ý thì thôi.

Thôi được rồi, Brick nói, cúi đầu tỏ ra một hơi dài sườn sượt. Tôi đồng ý.

Tự dung tôi bỗng thấy buồn đi giải căng cả bụng. Đáng lẽ đừng uống cái cóc vang cuối cùng ấy mới phải, nhưng lại không nhịn được, nên lúc vào giường thì tôi đã hơi chệnh choáng thật. Cái bình trước đây đựng nước táo vẫn để dưới sàn ngay cạnh giường, nhưng sao tôi mò mẫm mãi mà không thấy. Để cái bình ở đó là sáng kiến của Miriam, cốt cho tôi khỏi phải vất vả ra khỏi giường và lặn lội vào nhà tắm lúc nửa đêm. Một sáng kiến tuyệt vời, nhưng vấn đề là phải để nó vào đúng tầm với của tôi kia, chứ còn như đêm nay thì đã quờ quạng chói với mãi mà tôi vẫn chẳng sờ thấy nó đâu. Cách duy nhất là phải bật cái đèn đầu giường, nhưng đã làm thế là tôi sẽ không thể nào ngủ lại được nữa. Chỉ là bóng 15 óát, nhưng trong bóng tối đen như mực của gian phòng, bật nó lên sẽ giống hệt như ném tôi vào một quả cầu lửa. Tôi sẽ quáng hết cả mắt, rồi sau khi con người đã dần dần mở ra, tôi sẽ thức chong chong, và có tắt đèn đi nữa thì đầu óc sẽ vẫn cứ quay cuồng cho đến sáng. Tôi đã kinh nghiệm rồi, đã suốt đời chiến đấu với chính mình trong những giao thông hào của đêm tối. Ôi chao, chẳng làm được gì đâu, chẳng làm được cái mẹ gì cả. Tôi bật đèn. Tôi quáng mắt. Tôi chớp mắt từ từ khi quen dần, và tôi nhìn thấy cái bình, ở ngay dưới sàn và chỉ cách chỗ thường lệ của nó độ dăm sáu phân. Tôi nghiêng người, dướn thêm một tí, và tóm được cái đồ khốn ấy. Sau đó, lật tấm phủ chăn giường ra, tôi nhích dần lên vào tư thế ngồi - thận trọng, rất thận trọng, để không đánh thức nỗi đau đớn của cái chân đã dập nát - vặn mở nút bình, nhét đầu chim của tôi vào miệng bình, rồi để mặc cho nước giải tồ tồ tuôn ra. Cái giây phút ấy luôn làm tôi thỏa mãn, kéo dài sang cả lúc tôi ngắm nhìn giòng chất lỏng vàng vàng sủi bọt tuôn xối xả vào cái bình thủy tinh đang ảm dần lên trong tay. Một người 72 tuổi đầu thì đã đi đái tổng cộng là bao nhiêu lần nhỉ? Có thể tính ra được, nhưng thôi, đái sắp xong rồi tính với toán làm gì? Lúc rút chim ra, tôi cúi nhìn người đồng chí của mình và tự hỏi liệu mình có bao giờ làm tình nữa hay không, liệu có một người đàn bà nào còn muốn ngủ và qua đêm trong vòng tay tôi nữa hay không. Tôi cố gạt ý nghĩ đó đi, tự nhủ phải thôi nó đi, chứ cứ như vậy thì thế nào tôi cũng sẽ phát điên. Sao em lại phải chết hả Sonia? Tại sao anh lại không thể đi trước em cơ chứ?

Tôi đóng nút bình, đặt nó lại đúng chỗ cũ, kéo chăn nằm xuống. Giờ thì sao đây? Tắt đèn hay là không tắt đèn đây? Tôi muốn trở lại câu chuyện của mình để xem chuyện gì sẽ xảy ra với Owen Brick, nhưng mấy đoạn mới viết xong trong cuốn sách của Miriam đang nằm ngay trên ngăn dưới của bàn đầu giường, và tôi đã hứa là sẽ đọc và góp ý cho nó. Chỉ vì mãi xem phim với Katya mà tôi vẫn chưa làm được việc ấy, và cứ nghĩ đến là lại áy náy vì đã không giữ lời với con gái. Thôi thì đọc đi một lúc vậy, một hai chương cũng được, vì Miriam.

Rose Hawthorne, con út trong số ba người con của Nathaniel Hawthorne[3], ra đời năm 1851, mới 13 tuổi đã mồ côi cha, Rose tóc đỏ, hoa hồng tóc đỏ, ở nhà vẫn gọi là Rosebud - Nụ Hồng, người đàn bà sống hai cuộc đời, một thì buồn thảm, đau đớn, thất bại, cuộc đời kia thì lại rõ ràng. Tôi vẫn thường tự hỏi tại sao Miriam lại chọn chủ đề này, nhưng bây giờ thì có lẽ tôi đang bắt đầu hiểu ra rồi. Cuốn sách trước của nó là về cuộc đời của John Donne, ông hoàng của các nhà thơ, thiên tài của các thiên tài, và sau đó nó bắt đầu một cuộc viễn du vào cuộc đời của một người đàn bà đã chìm nổi ba đào trong suốt bốn mươi năm năm trời, một nhân cách man dại và khó khăn, người vẫn tự thú là một “kẻ xa lạ với chính mình”, thử sức với đời lúc đầu bằng âm nhạc, rồi đến hội họa, và sau khi thấy chẳng đi đến đâu thì quay sang thơ và truyện ngắn, cũng loay hoay xuất bản được một ít (nhất định là nhờ ở danh tiếng

của cha mình), nhưng đều nặng nề và vụng dại, hay nhất thì cũng chỉ thuộc hạng bình thường, trừ có một câu mà Miriam đã trích dẫn trong bản thảo mà tôi vô cùng thích: *Trong lúc thế giới kì dị này vẫn trôi lăn tiếp tục.*

[3] Nathaniel Hawthorne (1804-1864) - tác giả tiểu thuyết và truyện ngắn đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển nền văn học Mỹ, nổi tiếng với tác phẩm *The Scarlett Letter*.

Khi đọc đến những sự kiện riêng tư bổ sung cho bức chân dung phổ biến của nhân vật: cuộc tình ở tuổi hai mươi với nhà văn trẻ George Lathrop, một chàng trai tài năng không bao giờ giữ lời, những xung đột cay đắng của cuộc hôn nhân ấy, cuộc ly thân, hòa giải, cái chết của đứa con duy nhất mới lên bốn, cuộc ly thân cuối cùng, những xung đột kéo dài của Rose với anh chị em trong nhà, ta bắt đầu nghĩ: tại sao nhỉ, sao lại phải mất thì giờ tìm hiểu linh hồn của một cá nhân bất hạnh và vật vãnh như vậy? Nhưng sau đó, đến tuổi trung niên, Rose bắt đầu thay đổi. Bà trở thành một người Cơ Đốc, chấp nhận mọi lời nguyện linh thiêng, và lập ra một dòng nữ tu gọi là Nữ bộc Cứu nạn Ung thư Nan y, cống hiến ba mươi năm cuối của đời mình cho việc chăm sóc người nghèo mắc những bệnh vô phương cứu chữa, trở thành một nhân vật hăng hái bảo vệ quyền của mỗi con người được chết đàng hoàng với đầy đủ nhân phẩm của mình. *Thế giới kì dị vẫn trôi lăn tiếp tục.* Nói cách khác, cũng như với Donne, cuộc đời của Rose Hawthorne là một câu chuyện cải đạo, và câu chuyện ấy nhất định là phải có cái hấp dẫn của nó, cái đã khiến cho Miriam phải quan tâm đến bà. Tại sao nó lại quan tâm thì lại là chuyện khác, nhưng chắc đây là ảnh hưởng trực tiếp của mẹ nó: cái xác tín cơ bản rằng con người có sức mạnh biến cải. Đó là ảnh hưởng của Sonya, không phải của tôi, và có thể là Miriam thừa hưởng nó là tốt, nhưng dù con gái tôi có xuất sắc như vậy thật, nó vẫn cứ có cái gì đó ngây thơ và mỏng mảnh, và tôi vẫn cầu trời cho nó hiểu được rằng những hành vi thối tha mà con người ta vẫn có với nhau không phải chỉ là lầm lỡ - chúng là một phần cốt lõi của căn tính loài người. Có biết thế thì nó mới đỡ khổ. Thế giới sẽ không sụp đổ nữa mỗi khi nó gặp phải chuyện chẳng ra gì, và nó sẽ không còn cứ cách một đêm lại phải nằm khóc một mình cho đến lúc ngủ thiếp đi được nữa.

Tôi sẽ không giả đò rằng li dị chẳng có gì là ác đâu. Nỗi khổ không thể nói nên lời, cảm giác tuyệt vọng đến tê liệt cả người, những cơn giận ma quái, và đám mây sầu thảm thường trực trong đầu, tất cả sẽ dần biến thành một tâm trạng than khóc, như thể mình đang đau buồn thương tiếc một người vừa chết. Nhưng Richard ruồng bỏ Miriam cách đây cũng 5 năm, nhỡ ra đến giờ thì nó cũng phải quen với hoàn cảnh mới, hoàn hồn và có ý định làm lại cuộc đời rồi mới phải. Vậy mà toàn bộ sức lực của nó chỉ dành cho việc dạy học và viết lách, hề tôi cứ đã động đến chuyện đàn ông đàn ông là nó giãy nảy. May mà lúc hai đứa chia tay thì Katya cũng đã mười tám và đi đại học, đủ lớn và đủ mạnh để chấp nhận cú sốc ấy mà không bị đổ bể. Miriam đã khó khăn hơn nhiều lúc tôi và Sonya chia tay nhau. Nó mới có mười lăm, đang lúc dễ bị tổn thương hơn, và cho dù chúng tôi đã quay lại với nhau chín năm sau đó, sự tổn thương ấy đã thành vết mất rồi. Người lớn sống qua li dị đã khổ, nhưng trẻ con còn khổ hơn nhiều. Chúng hoàn toàn bất lực, và chúng hứng chịu hết những xót xa đắng đót của nỗi đau ấy.

Miriam và Richard đã phạm một sai lầm hết như của Sonya với tôi: lấy nhau lúc còn quá trẻ. Cả hai chúng tôi đều mới hăm hai, nhưng đó là năm 1957, cưới tuổi ấy cũng không đến nỗi quá trẻ. Nhưng khi Miriam và Richard dặt nhau vào nhà thờ một phần tư thế kỷ sau đó, nó cũng bằng tuổi mẹ nó ngày xưa. Richard lớn hơn một chút, hăm tư hăm năm gì đó, chắc thế, nhưng lúc ấy cuộc sống đã khác lắm rồi và chúng vẫn chỉ như hai đứa trẻ sinh viên đang làm nghiên cứu sinh ở Yale, hơn bọn trẻ ranh được một tí, và chỉ một hai năm sau đã có con với nhau. Chẳng nhẽ Miriam không biết rằng thế nào rồi Richard cũng không yên? Chẳng nhẽ nó không hiểu rằng một giáo sư bốn mươi tuổi đứng trước một lớp học đầy những nữ sinh viên thì trước sau gì rồi cũng bị những tấm thân trẻ trung ấy mê hoặc? Một câu chuyện cũ đến thế ở khắp mọi nơi, nhưng Miriam cần cù, chung thủy và nhiệt tình đã không chú ý. Ngay cả khi chuyện của chính mẹ nó đã hằn sâu đến thế vào tâm trí - cái đoạn kinh khủng lúc thẳng bố đốn mặt của nó, sau mười tám năm hôn nhân, đã bỏ đi với một ả đàn bà hai mươi sáu tuổi. Lúc ấy tôi bốn mươi. Phải cảnh giác với bọn đàn ông bốn mươi.

Sao tôi lại đang thế này nhỉ? Lý do gì đã khiến tôi cứ nhất định trở lại những đoạn đường mệt mỏi xưa

cũ; tại sao tôi cứ nhất định cậy những vết thương xưa và khiến mình lại đầm đìa máu chảy? Có thậm xưng mấy cũng không thể diễn tả hết cảm giác kinh tởm mà đôi khi tôi cảm thấy đối với chính bản thân mình. Nhẽ ra phải đọc bản thảo của Miriam thì tôi lại đang ngậy người nhìn một vết rạn trên tường và nạo vết quá khứ, vớt lên toàn những đồ vỡ không bao giờ hàn gắn được nữa. Hãy trả lại câu chuyện của tôi nào. Bây giờ tôi chỉ muốn có vậy thôi - câu chuyện nho nhỏ của tôi để xua đuổi những bóng ma này. Trước khi tắt đèn, tôi giờ hù họa một trang bản thảo và bắt gặp hai đoạn cuối trong hồi ký của Rose về cha mình, viết năm 1896, mô tả lần cuối cùng bà gặp cha.

*Với tôi dường như thật kinh khủng khi thấy một người đặc biệt mạnh mẽ, nhạy cảm, rõ ràng như cha tôi mỗi ngày một yếu ớt và mờ nhạt đi để cuối cùng thành bệch bạc và lặng lẽ như một bóng ma. Vậy mà khi chân đi đã không vững và người đã chỉ còn như một cái bóng, cha vẫn cứ oai vệ như thời còn hào sảng, và giữ dáng mình còn ngay ngắn hơn nữa như thi hành mệnh lệnh trong quân ngũ vậy. Cha không chịu vào bàn ăn bữa tối mà không khoác bộ áo đen diện nhất của mình, và những thủ tục nhằm chán trong phòng ăn chẳng bao giờ làm cha mất ngon miệng. Cha ghét thất bại, phụ thuộc, những hành vi bừa bãi, vi phạm luật lệ và loi lổng kỷ luật, hệt như ghét sự hèn nhát. Tôi không thể diễn tả được hết những gì tôi cảm nhận được về lòng dũng cảm của cha. Lần cuối cùng tôi gặp cha, ông đang rời khỏi nhà để lên đường chữa bệnh, và con đường ấy đã dẫn cha thẳng sang thế giới bên kia. Mẹ đi cùng cha đến nhà ga - sau này lúc nhận được tin cha đã chết, mẹ đã loạng choạng và nghẹn ngào, thốt ra với chúng tôi rằng có cái gì đó đang hút sạch mọi sức lực của mẹ - tôi đã không dám nhìn dáng hình suy sụp và đau khổ của mẹ vào cái ngày chia tay ấy. Nhất định là cha đã biết, và mẹ cũng mơ hồ cảm thấy, rằng cha sẽ không bao giờ trở về nữa.*

*Như một ông già tuyệt đã rất già mà vẫn còn ngay ngắn, cha đứng nhìn tôi một lúc. Mẹ khóc thút thít đi cạnh cha đến chỗ cỗ xe. Kể từ giây phút ấy, chúng tôi không còn bao giờ gặp lại cha nữa. Và chúng tôi đã thương nhớ ông, bất kể nắng mưa bão táp, lúc hoàng hôn hay buổi rạng ngày, suốt từ ngày ấy.*

Tôi tắt đèn, và một lần nữa lại nằm trong bóng tối, bọc kín trong bóng tối óng mượt vô tận. Đầu đó xa xa có tiếng một chiếc xe tải đang chạy trên con đường làng quê vắng ngắt. Tôi lắng nghe tiếng thở ra hít vào qua lỗ mũi của chính mình. Theo như chiếc đồng hồ ở bàn đầu giường mà tôi đã nhìn trước khi tắt đèn thì lúc này là mười hai giờ hai mươi phút. Nhiều giờ nữa mới đến sáng, đêm vẫn còn lù lù cả đống trước mắt tôi... Hawthorne đã mặc kệ. Bà đã nói nếu miền Nam có muốn ly khai thì cứ mặc họ, cho họ đi cho rảnh nợ. Thế giới kỳ dị, thế giới bầm dập, cái thế giới kì dị vẫn trôi lăn tiếp tục với những cuộc chiến tranh ở khắp nơi: những cánh tay bị chặt lia ở châu Phi, những đầu người bị chặt lia ở Iraq, và ngay trong đầu tôi cũng có chiến tranh, một cuộc chiến tưởng tượng ngay trên mảnh đất quê hương, nước Mỹ đang rạn nứt, cuộc thí nghiệm cao thượng cuối cùng đã chết. Ý nghĩ tôi dạt trở lại Wellington, và lập tức tôi lại thấy Owen Brick, đang ngồi trong một khoang ăn tại nhà hàng Pulaski nhìn Molly Wald lau dọn bàn quây cho đến lúc sáu giờ. Rồi thấy họ ra ngoài, lẳng lặng đi bên nhau về nhà cô gái, hè phố đầy những đàn ông đàn bà dáng vẻ mệt nhọc đang chen chúc đi làm về, lính mang súng trường đứng gác ở các góc phố chính, một bầu trời hồng hồng nhòe nhoẹt ở trên đầu. Brick đã mất hết tin tưởng ở Molly. Sau khi biết rằng không thể tin cậy gì ở cô, không thể tin bất kỳ ai, hắn đã lẩn vào nhà vệ sinh ở nhà hàng khoảng hai mươi phút trước khi rời khỏi đó và lấy cái phong bì đựng toàn tờ năm chục đô-la từ balô ra cất vào túi quần bò phía trước. Làm thế đỡ sợ mất hơn, hắn nghĩ vậy, và tự nhủ là sẽ cứ mặc nguyên quần như thế để ngủ đêm hôm đó. Lúc trong nhà vệ sinh hắn mới chịu khó nhìn kỹ lại chỗ tiền và yên tâm khi thấy tờ nào cũng có chân dung tướng Ulysses S. Grant[4]. Chứng tỏ là cái nước Mỹ này, cái nước Mỹ khác này, dù có chưa trải qua sự kiện 11 tháng 9 hoặc cuộc chiến ở Iraq, vẫn cứ có những liên hệ lịch sử chắc chắn với nước Mỹ mà hắn biết. Câu hỏi được đặt ra ở đây là: hai câu chuyện này đã tách biệt nhau ra ở thời điểm nào?

[4] Ulysses S. Grant - Tổng thống thứ 18 của Hoa Kỳ, đắc cử hai nhiệm kỳ liền từ 1869 đến 1877.

Molly này, Brick lên tiếng, phá vỡ mười phút im lặng họ vừa có trên đường, cô cho tôi hỏi một vài câu được không?

Còn tùy là anh hỏi gì cái đã, cô đáp.

Cô đã bao giờ nghe đến Đại chiến Thế giới lần thứ Hai chưa?

Cô hầu bàn hừm một tiếng đầy vẻ bức mình. Anh nghĩ tôi là cái gì thế hả? cô nói. Một con thộn chắc? Tất nhiên là tôi biết rồi.

Cả về Việt Nam nữa chứ?

Ông tôi là một trong số lính đầu tiên họ bắt sang bên đó.

Nếu tôi nhắc đến New York Yankees thì cô sẽ nói gì?

Thôi nào, ai mà chẳng biết.

Cô sẽ nói gì nào? Brick nhắc lại.

Với một tiếng thở dài cố tình làm ra vẻ nảo nuột, Molly quay sang hắn và tuyên bố với giọng riều cọt: New York Yankees hả? Là cái lũ con gái vẫn nhảy múa ở phòng hòa nhạc Radio City chứ còn gì nữa.

Rất tốt. Còn Rockettes là tên một đội bóng chày, đúng không?

Chính xác[5].

*[5] Thật ra là Molly lẫn lộn: Rockettes là các vũ nữ váy ngắn của Radio City, nổi tiếng vì các tiết mục khoác tay nhau nhảy thành hàng ngang với động tác đá chân thẳng ra phía trước và lên cao đến ngang tầm mắt, điển hình Mỹ; còn New York Yankees mới là đội bóng chày của thành phố New York.*

Ôê. Một câu nữa thôi nhé.

Anh đúng là khó chịu thật đấy, anh có biết không?

Tôi xin lỗi. Tôi biết cô đang nghĩ là tôi đần độn, nhưng đó không phải lỗi tại tôi.

Tôi cũng đoán thế. Anh sinh ra đã như vậy rồi, biết làm sao được.

Tổng thống là ai nào?

Tổng thống? Anh nói cái gì vậy? Chúng tôi không có tổng thống nào cả.

Không có ư? Vậy ai là người đứng đầu chính phủ?

Thủ tướng, ngốc ạ. Lạy Chúa tôi, anh từ hành tinh nào thế hả?

Tôi hiểu rồi. Các tiểu bang độc lập thì có thủ tướng. Nhưng còn Liên bang thì sao? Họ vẫn có tổng thống chứ?

Dĩ nhiên.

Tên ông ta là gì?

Bush.



George W. Bush phải không?

Đúng thế. George W. Bush.

Giữ đúng lời hứa, Brick không dám hỏi thêm gì nữa, và thế là hai người lại lẳng lặng đi. Mấy phút sau, Molly chỉ một ngôi nhà khung gỗ bốn tầng trong một dãy phố toàn những ngôi nhà tương tự cho thuê với giá rẻ, nhà nào cũng phếch phác cần được sơn vôi lại cả. Số 628 Đại lộ Cumberland. Đến nơi rồi, cô nói, lấy chìa khóa trong ví ra mở cửa ngoài, sau đó Brick theo chân cô trèo hai tầng cầu thang ọp ẹp lên căn hộ mà cô đang ở với một người bạn trai chưa biết tên tuổi là gì. Một căn hộ nhỏ nhưng gọn gàng, có một phòng ngủ, một phòng khách, bếp, và một nhà tắm có vòi sen chứ không có bể tắm. Nhìn quanh chỗ ở ấy, Brick ngạc nhiên vì không thấy có cái tivi hoặc radio nào cả. Khi hắn nói với Molly nhận xét ấy của mình, cô bảo hắn rằng tất cả các tháp truyền thông trong tiểu bang đều đã bị phá hủy ngay trong những tuần lễ đầu của cuộc chiến, và chính phủ không có đủ tiền để xây dựng lại chúng.

Có lẽ phải sau chiến tranh, Brick nói.

Vâng, có lẽ thế, Molly đáp, ngồi xuống cái sô-pha trong phòng khách và châm một điếu thuốc lá. Nhưng thực tế là hình như không ai quan tâm đến chuyện ấy nữa. Lúc đầu thì khó - lạy Chúa, không có tivi! - nhưng rồi ai cũng quen dần, và sau một hai năm thì bắt đầu thấy thích. Cái yên tĩnh ấy mà. Không bị nheo nhéo vào tai suốt hăm tư giờ một ngày nữa. Có lẽ nếp sống bây giờ thuộc loại cổ lỗ rồi, chắc giống như hàng trăm năm về trước. Nếu muốn biết tin tức thì đọc báo. Muốn xem phim thì đi rạp. Không còn loại người ngồi thì lì trước cái tivi nữa. Tôi biết là có nhiều người chết lắm rồi, và mọi thứ ở ngoài kia đều khó khăn vất vả lắm, nhưng có khi như vậy cũng đáng chứ chẳng phải không. Có lẽ thế. Chỉ là có lẽ thế thôi. Chứ nếu chiến tranh không sớm kết thúc thì rồi mọi thứ sẽ be bét hết.

Brick nhận ra là Molly không còn nói với giọng coi hắn là một tên đàn độn nữa, nhưng hắn không thể lý giải được tại sao cô lại thay đổi như vậy. Chẳng nhẽ chỉ là vì cô đã xong một ngày làm việc và đang thoải mái ngồi ở nhà mình với một điếu thuốc trên môi? Hoặc giả cô đã bắt đầu thấy áy náy cho tình cảnh của hắn? Hoặc là ngược lại, chỉ vì kiếm được thêm hai trăm đô-la ở hắn nên cô đã quyết định thôi không trêu chọc hắn nữa? Gì thì gì, Brick nghĩ, đây là một cô gái nhiều tâm trạng, có lẽ không đến nỗi thô thiển như thế, nhưng cũng chẳng phải thông minh đỉnh ngộ gì nhiều. Hắn vẫn còn muốn hỏi cô hàng trăm câu khác, nhưng không dám liều thử vận may của mình nữa.

Dụi tắt điếu thuốc, Molly đứng lên bảo Brick rằng gần một tiếng nữa cô sẽ đi ăn tối với bạn trai ở đầu kia của thành phố. Cô bước đến chỗ tủ tường giữa phòng ngủ và bếp, lấy ra hai tấm trải giường, hai cái chăn, một cái gối, rồi đem cả ra phòng khách thả xuống cái sô-pha.

Của anh đây, cô nói. Anh tự trải giường nhé, cũng chẳng ra giường thật đâu. Hy vọng cũng không làm anh đau lưng.

Một đến thế này, Brick nói, có nằm trên một đồng đá tôi cũng ngủ được.

Nếu đói thì trong tủ lạnh có mấy thứ ăn được đấy. Một hộp súp, một ổ bánh mì, với vài lát thịt gà tây. Anh có thể tự làm bánh kẹp mà ăn nhé.

Bao nhiêu tiền thế?

Anh bảo gì cơ?

Cái bánh kẹp ấy hết bao nhiêu tiền?

Thôi đi nào. Tôi sẽ không tính tiền một tí đồ ăn thế đâu. Anh trả tôi thế là đủ rồi.

Thế bữa sáng mai thì sao?

Cũng thế thôi. Mà cũng chẳng có nhiều mà ăn đâu. Cà-phê với bánh mì nướng thôi.

Không đợi Brick trả lời, Molly vội vàng vào phòng ngủ thay đồ. Cánh cửa đóng sầm lại, và Brick bắt đầu thu xếp cái giường không ra giường của mình. Khi đã xong, hắn đi quanh phòng xem có tờ báo hoặc tạp chí gì không, hy vọng tìm được cái gì đó về cuộc chiến tranh, cái gì đó sẽ hé lộ cho hắn biết hắn đang ở đâu, một mẫu tin có thể biết thêm một ít về cái xứ sở lạ lùng mà hắn vừa rơi vào. Nhưng không có báo chí gì trong phòng cả - đọc một kệ sách nhỏ đầy những sách bìa mềm toàn truyện trinh thám và rùng rợn mà hắn chẳng muốn đọc tí nào.

Hắn quay lại và ngồi xuống sô-pha, ngả đầu vào lưng ghế bọc nệm, rồi ngủ thiếp đi ngay lập tức.

Khi hắn mở mắt chừng ba mươi phút sau đó, cánh cửa phòng ngủ đang mở hé và Molly đã đi rồi.

Hắn vào tìm báo và tạp chí trong phòng ngủ - cũng chẳng thấy gì.

Sau đó hắn vào bếp hâm một hộp súp rau và làm cho mình một cái bánh kẹp thịt gà tây. Hắn thấy các nhãn hiệu đều quen thuộc cả: Progresso, Boars Head, Arnolds. Trong lúc rửa bát đĩa sau khi đã ăn xong bữa ăn đạm bạc ấy, hắn nhìn cái phon màu trắng treo trên tường và không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu hắn gọi cho Flora.

Nhắc ống máy lên, hắn quay số nhà của mình ở Jackson Heights, và nhận ngay được hồi âm: số máy ấy đã không còn hoạt động nữa.

Hắn lau bát đĩa và cất chúng vào chạn. Rồi sau khi đã tắt đèn bếp, hắn trở lại phòng khách và nghĩ đến Flora, người bạn đồng sàng gốc Argentina tóc sẫm của mình, lò lửa nhỏ của hắn, người vợ trong ba năm vừa qua của hắn. Không biết nàng đang ra sao đây, hắn tự hỏi.

Hắn tắt hết các đèn trong phòng khách. Hắn cởi dây giày. Hắn chui vào trong chăn. Hắn chìm vào giấc ngủ.

Vài giờ sau, hắn bị đánh thức bởi tiếng chìa tra vào ổ khóa cửa căn hộ. Vẫn nhắm mắt, Brick lắng nghe tiếng chân bước lộp cộp, giọng đàn ông trầm lâu bầu, giọng đàn bà lạnh lạnh như kim châm, rõ ràng là của Molly, đứng rồi, đứng là Molly và cô ta gọi người đàn ông là Duke, sau đó một cái đèn sáng lên thành một quầng đỏ lự trên mí mắt hắn. Nghe như cả hai đều đang chệnh choáng say, và khi cái đèn kia tắt rồi hai người ngất ngưỡng vào phòng ngủ - nơi lập tức có một cái đèn khác được bật lên - Brick hiểu rằng họ đang cãi vã nhau chuyện gì đó. Trước lúc cánh cửa đóng lại, hắn lồm bồm nghe thấy mấy câu *không thích thế, hai trăm, liều lĩnh, vô hại*, và biết rằng hắn chính là chủ đề của cuộc cãi vã ấy, rằng Duke không vui về tí nào về sự hiện diện của hắn trong nhà này.

Loay hoay mãi mới ngủ lại được sau khi những ồn ào trong phòng ngủ đã lịm đi (toàn tiếng động giao phối: Duke hôn hên, Molly rên rỉ, nệm giường lò xo cọt két), Brick chìm vào một giấc mơ đầy ẩn ức về Flora. Đầu tiên, hắn thấy mình đang nói chuyện với nàng qua điện thoại. Nhưng lại không phải giọng nói của Flora với những âm r uồn lười ròn tan và âm điệu nhấn nhá như hát, mà là giọng của Virginia Blaine, và nhân vật vừa là Flora vừa là Virginia ấy đang nài hắn phải bay - không được đi, mà phải bay - đến một góc phố nào đó ở Buffalo trong tiểu bang New York, nơi cô ta sẽ đứng đợi trần truồng trong một tấm áo mưa trong suốt, một tay cầm cái ô màu đỏ, còn tay kia cầm một bông tulip màu trắng. Brick bắt đầu khóc, nói rằng hắn không biết bay, và đến đó thì Flora/Virginia giận dữ quát qua điện thoại rằng sẽ không bao giờ muốn thấy mặt hắn nữa rồi đập máy. Sững sờ trước cơn giận dữ ấy, Brick lắc đầu lăm nhăm: Nhưng hôm nay anh có ở Buffalo đâu, anh đang ở Worcester thuộc tiểu bang Massachusetts cơ mà. Rồi hắn đi bộ dọc theo một phố ở Jackson Heights, mặc bộ đồ biểu diễn ảo thuật của Zavello Vĩ đại có cái mũ trùm đen thật dài, vừa đi vừa tìm tòa nhà có căn hộ của mình.

Nhưng tòa nhà ấy không còn nữa, chỉ thấy ở chỗ đó có một túp nhà nhỏ bằng gỗ có cái biển hiệu treo trên cửa đề là Phòng khám Nha khoa Toàn Mỹ. Hắn bước vào đó, và thấy Flora, Flora thật, mặc đồng phục hộ lý trắng tinh. Chào ông Brick, nàng nói, rất mừng là ông đã tới, rõ ràng là không nhận ra hắn, rồi nàng dẫn hắn vào trong phòng và ra hiệu cho hắn ngồi vào một bộ ghế chữa răng. Quả là đáng tiếc, nàng vừa nói vừa cầm lên một cái kim nhỏ răng to tướng sáng lóa, thật đáng tiếc, nhưng có lẽ chúng tôi sẽ phải nhổ toàn bộ răng của ông mất thôi. Toàn bộ ư? Brick hỏi, hoảng sợ đến kinh hoàng. Vâng, Flora đáp, toàn bộ. Nhưng ông đừng lo. Sau khi đã xong, bác sỹ sẽ cho ông một bộ mặt mới.

Giấc mơ kết thúc ở đó. Có người đang vừa lay vai Brick vừa quát tháo rất lớn tiếng, và khi nhân vật mơ ngủ của chúng ta cuối cùng mở được mắt ra thì hắn thấy một tên đàn ông to lớn vai rộng hai cánh tay gân bắp cuồn cuộn đang lừng lững ngay phía trên. Một thằng lực sỹ thể hình đây, Brick nghĩ bụng. Duke, người bạn trai, thằng cha nóng tính, vận một chiếc áo phong bó sát người màu đen và một chiếc quần đùi của võ sỹ quyền anh, đang thét bảo hắn cút khỏi nhà ngay.

Tôi đã trả tiền hậu hĩnh... Brick mở mồm.

Cho một đêm thôi, Duke hét. Và cái đêm ấy hết rồi, mày phải đi ngay.

Gượng đã nào, gượng đã nào, Brick nói, giơ bàn tay phải lên làm dấu hiệu hòa bình. Molly đã hứa cho tôi ăn sáng. Cà-phê với bánh mì nướng. Cho tôi uống chút cà-phê đã, rồi tôi sẽ đi mà.

Không cà-phê. Không bánh mì. Không có gì sất.

Vậy cho tôi trả tiền nhé. Trả thêm một ít, được không?

Mày không hiểu tiếng Anh hả?

Và vừa nói vậy, Duke vừa cúi xuống túm chặt lấy áo Brick và lôi hắn đứng dậy. Bây giờ, khi đã ở tư thế đứng, Brick mới thấy rõ cánh cửa phòng ngủ, đúng lúc Molly bước ra, vừa đi vừa cài dây lưng bộ áo ngủ, rồi dùng cả hai bàn tay vuốt tóc.

Thôi nào, cô nói với Duke. Anh không phải dữ dằn thế làm gì.

Đừng có lên nước thế, gã vặc lại. Cô gây ra chuyện lung tung này, giờ tôi phải giải quyết đây.

Molly nhún vai, rồi nhìn Brick với một thoáng cười phân bua. Xin lỗi nhé, cô nói. Có lẽ anh nên đi ngay thôi.

Xỏ chân vào giày mà không buồn buộc dây, lấy cái áo da dưới chân sô-pha lên khoác vào người, Brick nói với cô: tôi không hiểu được. Tôi trả cô ngàn ấy tiền, mà bây giờ cô đuổi tôi đi như thế này. Chẳng ra sao cả.

Thay vì đáp lại, Molly chỉ cúi nhìn sàn nhà và lại nhún vai. Cái cử chỉ vô cảm ấy hàm chứa tất cả sức mạnh của đảo ngũ và phản bội. Không còn ai là đồng minh, Brick quyết định sẽ ra đi không phản đối gì nữa. Hắn cúi xuống nhặt cái balô xanh lá cây để dưới sàn, nhưng vừa quay ra định đi thì Duke giật ngay cái balô ra khỏi tay hắn.

Chuyện gì nữa đây? hắn hỏi.

Đồ của tôi, Brick nói. Rõ ràng mà.

Của mày ư? Duke vặc lại. Tao không nghĩ thế đâu, thằng điên ạ.

Anh nói gì vậy?

Bây giờ nó là của tao.

Của anh? Anh không thể như vậy được. Tất cả những gì của tôi đều ở trong đó cả.

Vậy thì mày thử cố lấy lại xem nào.

Brick hiểu rằng Duke đang thềm đánh nhau, và cái balô chỉ đơn thuần là cái cớ. Hắn cũng hiểu rằng nếu dây vào thằng bạn trai này của Molly thì hắn sẽ bị xé xác là cái chắc. Nhưng đó là tâm trí hắn nghĩ vậy, chứ lúc nghe tiếng Duke khiêu khích như thế thì Brick đã không còn nghĩ bằng tâm trí nữa, bởi cơn giận đang dâng lên trong hắn đã nhận chìm mọi lý lẽ, và nếu để cho thằng con vật này thắng thế mà không chống cự gì, hắn sẽ mất hết lòng tự trọng của chính mình. Thế là Brick lấy thế rồi bất ngờ giật phắt lại được cái balô, và lập tức sau đó cuộc đánh lộn bắt đầu, diễn ra không cân sức và nhanh chóng đến nỗi chỉ ba cú đấm của gã to con kia là Brick đã đo ván dưới sàn: một cú tay trái vào bụng, một cú tay phải vào mặt, và một cú lên gối vào hạ bộ. Đau đón tràn như nước lũ vào khắp các góc ngách cơ thể của nhà ảo thuật, và khi lẫn lộn trên tấm thảm sòn rách nấc nghẹn cố lấy hơi để thở, một bàn tay ôm bụng, bàn tay kia ôm chặt lấy hạ bộ, hắn thấy máu tuôn ra từ chỗ rách trên má, rồi sau đó, ở ngay trên vũng máu đang loang ấy, hắn thấy một mẩu răng - nửa dưới của một chiếc răng nanh bên trái của mình. Hắn chỉ lờ mờ nghe thấy tiếng kêu thét của Molly, nghe như vọng lại từ cách đó hàng chục quãng phố. Một lúc sau thì hắn không còn biết gì nữa.

Khi đã hơi hoàn hồn, Brick thấy mình đang cố lê xuống cầu thang, bám lấy thanh vịn bằng cả hai tay, chậm chạp từng bước một xuống tầng dưới cùng. Không còn balô nữa, có nghĩa là cả súng lẫn đạn cũng mất luôn, chưa kể những thứ khác trong đó, nhưng lúc Brick dừng chân thò tay kiểm tra túi quần, một thoáng cười bồng vụt hiện trên cặp môi sưng vù của hắn - nụ cười cay đắng của một kẻ chưa đến nỗi hoàn toàn bị thua trận. Chỗ tiền vẫn còn. Không còn là một ngàn Tobak đưa cho hắn sáng hôm trước nữa, nhưng năm trăm sáu mươi năm đô-la cũng còn hơn là không có đồng nào, hắn nghĩ bụng, vẫn thừa đủ để hắn có một căn phòng ở đâu đó và ăn uống chút đỉnh. Hăng cứ nghĩ đến thế thôi đã. Tìm chỗ ăn náu này, rửa sạch máu me trên mặt này, rồi ăn no nếu hắn còn thấy đói trở lại.

Kế hoạch chi khiêm tốn có thể thôi, nhưng hắn vừa bước ra khỏi cửa nó đã bị chặn đứng ngay lại. Trục chỉ trước mặt hắn, hai tay khoanh trước ngực đứng dựa lưng vào cửa một chiếc xe jeep quân sự, Virginia Blaine đang nhìn Brick với một vẻ mặt kính tởm.

Đã bảo đừng có giờ trò gì, cô ta nói. Cậu đã hứa với tôi rồi.

Virginia, Brick đáp, cố làm ra bộ ngỡ ngẩn, cậu làm gì ở đây thế?

Phớt lờ câu hỏi của hắn, cựu nữ hoàng trong lớp hình học của cô Blunt lắc đầu vặc lại: Nhẽ ra chúng ta phải gặp nhau lúc năm rưỡi chiều qua. Cậu đã lỡm tôi.

Có chuyện xảy ra, và đến phút cuối cùng thì tôi phải đi.

Cậu định nói chuyện xảy ra ấy là TÔI chứ gì, và cậu đã bỏ trốn.

Không biết nói gì, Brick lặng thinh.

Trông cậu không ổn, Owen, Virginia nói tiếp.

Ừ, tôi cũng nghĩ thế. Tôi vừa mới bị một trận lòi tói.

Cậu nên cảnh giác khi bắt quen chứ. Gã Rothstein ấy là một tay bặm trợn.

Rothstein là ai?

Duke chứ ai, bạn trai của Molly ấy.

Cậu biết à?

Cùng bọn cả mà. Gã là một trong những tay khá nhất của chúng ta.

Cái thằng súc vật. Đồ bạo dâm mạt hạng.

Tất cả chỉ là màn kịch mà Owen. Cốt để dạy cậu một bài học.

Ô thế à? Brick xìa xói, cơn giận dữ lại dâng lên. Mà bài học gì vậy hả? Thằng khốn nạn đánh tôi gãy cả một cái răng đây này.

Cậu phải mừng là không gãy toàn bộ đấy.

Rất hay, Brick lau nhàu, giọng pha chút cay đắng, và rời thình lình cái đoạn cuối của giấc mơ bỗng ào trở lại với hắn: Phòng khám Nha khoa Toàn Mỹ, Flora và cái kim nhổ răng, bộ mặt mới. Thế đấy, Brick nghĩ bụng trong lúc sờ lên vết thương trên má, mình có bộ mặt mới thật, nhỉ? Nhờ có quả đấm của Rothstein.

Cậu không thắng được đâu, Virginia nói. Có đi đâu thì cũng vẫn có người theo dõi cậu. Cậu không bao giờ thoát được chúng tôi đâu.

Là cậu nghĩ thế thôi, Brick nói, vẫn không chịu thua, mặc dù trong thâm tâm hắn biết rằng Virginia nói đúng.

Thôi nhé, Owen thân mến, màn lừa đảo trốn tìm nho nhỏ này đến đây là hết. Nhảy lên xe đi. Đến giờ cậu phải nói chuyện với Frisk rồi.

Không được đâu, Virginia. Tôi không thể nhảy, tôi không thể chạy, và tôi cũng không thể đi đâu được hết. Mặt tôi đang chảy máu, hạ bộ tôi đau rát như đang cháy, da thịt bụng tôi đang như rách nát cả ra đây. Tôi phải vá víu lại mình cái đã. Sau đó mới nói chuyện với người của cậu được. Ít nhất thì cũng phải cho tôi tắm rửa một cái đã chứ.

Từ lúc vào chuyện đến giờ mới thấy Virginia mỉm cười. Tội nghiệp cậu bé, cô nói, đầy vẻ thông cảm, nhưng Brick không thể biết là mỗi thông cảm ấy thật giả đến đâu.

Cậu có nghe tôi nói không nào? Hắn hỏi.

Lên đi, Virginia nói, tay vồ vồ vào cửa chiếc xe jeep. Tất nhiên là tôi nghe. Tôi sẽ đưa cậu về nhà, chúng tôi sẽ sửa sang cậu ở đó. Vẫn còn sớm. Cứ để Lou đợi một chút không sao. Chỉ cần cậu gặp ông ấy trước khi trời tối là chúng ta sẽ ô kê thôi.

Được lời, Brick lấy bẫy lên chiếc jeep, nhấc tấm thân như bị thịt đáng buồn của mình vào ghế khách trong lúc Virginia nhanh nhẹn ngồi vào sau tay lái. Sau khi nổ máy, cô bắt đầu kẻ lẻ vòng vo dài dòng về cuộc nội chiến, rõ ràng cảm thấy có trách nhiệm phải cho hắn biết cái bối cảnh lịch sử của cuộc giao tranh, nhưng vấn đề là Brick không thể đủ sức nghe kịp những gì cô nói, và khi họ chạy lác lư dọc những đường phố đầy ổ gà của Wellington, mỗi một cú lắc cú xóc như thế đều khiến cho toàn thân hắn đau nhói lên dữ dội. Thêm vào đó, tiếng ồn của máy xe lại quá to đến nỗi át hết cả tiếng của Virginia, và để nghe được chút ít thôi Brick cũng phải cố gắng đến hết sức, và sức hắn cứ lả dần, nếu

không muốn nói là đã kiệt sức. Hai tay bám chặt lấy hai bên mặt ghế, hai chân ghì thật chặt xuống sàn để giữ cho người không bị xóc nảy lên, hấn cứ thế nhắm nghiền hai mắt trong suốt hai mươi phút ngồi trên xe, và trong hàng ngàn hàng ngàn sự kiện đã và đang đổ vào đầu hấn từ lúc ở căn hộ của Molly cho đến lúc về đến nhà Virginia, hấn chỉ còn nhớ được như sau:

Cuộc bầu cử năm 2000... ngay sau phán quyết của Tòa án Tối cao... những cuộc biểu tình... những cuộc nổi loạn ở các thành phố lớn... một phong trào đòi hủy bỏ Cử tri Đoàn... dự luật không được Quốc hội thông qua... một phong trào mới... do thị trưởng và các chủ tịch quận ở thành phố New York cầm đầu... ly khai... được cơ quan lập pháp tiểu bang thông qua năm 2003... lính của chính phủ Liên bang tấn công... Albany, Buffalo, Syracuse, Rochester... Thành phố New York bị ném bom, tám mươi ngàn người chết... nhưng phong trào vẫn lớn mạnh... năm 2004, các tiểu bang Maine, New Hampshire, Vermont, Massachusetts, Connecticut, New Jersey, và Pennsylvania theo chân New York trở thành các Tiểu bang Độc lập của Mỹ... cuối năm đó, California, Oregon và Washington cũng tách ra thành lập nước cộng hòa riêng của họ gọi là Pacifica... năm 2005, Ohio, Michigan, Illinois, Wisconsin và Minnesota gia nhập các Tiểu bang Độc lập... Liên minh châu Âu công nhận các quốc gia mới này... quan hệ ngoại giao được thiết lập... rồi đến Mexico... đến các nước ở Trung và Nam Mỹ... Nga cũng theo chân, rồi đến Nhật Bản... Trong khi đó, chiến sự vẫn tiếp diễn, thường rất ác liệt, con số thương vong tăng lên không ngừng... các nghị quyết của Liên Hợp Quốc đều bị chính phủ Liên bang phớt lờ, nhưng cho đến nay chưa ai dùng đến vũ khí hạt nhân có thể giết hại tất cả mọi người ở cả hai phe... Chính sách đối ngoại: không can thiệp ở bất kỳ đâu... Chính sách đối nội: bảo hiểm y tế phổ cập, không dùng dầu hỏa nữa, không còn ô tô máy bay nữa, lương giáo viên tăng gấp bốn lần (để thu hút những học sinh giỏi nhất vào nghề này), kiểm soát súng ống gắt gao, giáo dục và dạy nghề miễn phí cho người nghèo... lúc này thì tất cả đều vẫn chỉ là huyền tưởng, một mơ ước cho tương lai, bởi lẽ chiến sự vẫn kéo dài và tình trạng khẩn cấp vẫn còn có hiệu lực.

Chiếc xe jeep giảm tốc độ và từ từ dừng lại. Khi Virginia tắt máy, Brick mở mắt và thấy mình không còn ở nội thành Wellington nữa. Họ đã đến một đường phố ngoại ô giàu có với những ngôi nhà kiểu Tudor với những sân cỏ sạch tinh tươm ở cửa trước, những luống hoa tulip, những bụi hoa đầu xuân và đồ quỳn nỡn nà, vô vàn những dấu hiệu của một đời sống rất sung túc. Tuy thế, lúc trèo ra khỏi xe và nhìn dọc xuống cuối phố, hấn thấy nhiều nhà đổ nát: cửa sổ vỡ nát, tường cháy lem nhem, mặt tiền thủng vỡ, những xác nhà nơi đã từng có người ở. Brick đoán chỗ này đã từng bị bắn phá trong cuộc chiến, nhưng hấn không hỏi gì về chuyện ấy. Thay vì thế, hấn chỉ tay vào ngôi nhà họ sắp vào và nói một cách băng quơ: Thế này mới gọi là nhà chứ, Virginia. Cậu có vẻ ăn nên làm ra thật đấy.

Chồng tôi từng là luật sư của công ty, cô bình thân nói, không hứng đến bàn chuyện quá khứ. Anh ấy kiếm rất nhiều tiền.

Virginia lấy chìa khóa mở cửa, và họ bước vào trong nhà...

Một châu tấm ấm áp, nằm ngập đến tận cổ hàng hai mươi, ba mươi phút, bất động, yên tĩnh, một mình. Sau đó hấn mặc cái áo choàng trắng vải terry của người chồng quá cố, bước vào phòng ngủ, ngồi xuống một cái ghế trong lúc Virginia kiên nhẫn bôi thuốc sát trùng lên chỗ rách ở má rồi đậy kín nó lại bằng một dải băng dính nhỏ. Brick bắt đầu thấy dễ chịu hơn. Phép lạ của nước, hấn tự nhủ, cảm thấy cái đau đớn ở bụng và phần dưới nữa đã gần như biến mất. Má hấn vẫn còn xót, nhưng trước sau gì rồi cũng sẽ hết. Với cái răng gãy thì chẳng làm gì được cho đến khi hấn có thể đến một nha sỹ để hàn nó lại, nhưng hấn đoán là chưa thể làm ngay được việc đó. Còn bây giờ (hấn biết thế vì đã nhìn kỹ mặt mình trong tấm gương phòng tắm) thì hậu quả trông rất gớm guốc. Chỉ mất có vài phân men răng thôi mà trông hấn đã như một gã ăn mày kiệt quệ, một kẻ đàn độn. May mà cái chỗ hồng ấy chỉ thấy được mỗi khi hấn cười, và trong tình trạng ấy thì đúng là Brick sợ nhất là phải cười. Nếu cơn ác mộng này không chấm dứt, hấn nghĩ bụng, chắc là hấn sẽ không bao giờ dám cười nữa, cho đến tận cuối đời.

Hai mươi phút sau, đã quần áo chỉnh tề và ngồi trong bếp với Virginia - cô đã làm bánh mì nướng và cà-phê cho hấn, đúng như cái bữa điểm tâm đã suýt làm hấn mất mạng sáng hôm đó - Brick đang tra

lời đến câu hỏi thứ mười của cô về Flora. Hắn thấy sự tọc mạch của cô thật khó hiểu. Nếu cô là người chịu trách nhiệm mang hắn đến đây, chắc hẳn cô đã phải biết mọi chuyện về hắn, kể cả cuộc hôn nhân của hắn với Flora. Nhưng Virginia cứ hỏi như thể không bao giờ thỏa mãn, và giờ thì Brick bắt đầu tự hỏi liệu có phải cái trò này chỉ là một mẹo nhằm giữ chân hắn ở nhà, khiến hắn mất hết khái niệm về thời gian và không còn định chạy trốn nữa trước khi Frisk xuất hiện. Hắn muốn chạy thật, chắc chắn rồi, nhưng sau đoạn ngâm mình lâu đến thế trong bồn tắm, rồi tắm áo choàng vải terry và những ngón tay dịu dàng của cô lúc dán băng lên mặt hắn, có cái gì đó trong người hắn đã bắt đầu mềm ra đối với Virginia, và hắn có thể cảm thấy ngọn lửa của tuổi thiếu thời khi xưa đang từ từ nhen nhúm trở lại.

Tôi gặp cô ấy ở Manhattan, hắn nói. Cách đây chừng ba năm rưỡi. Một cuộc liên hoan sinh nhật sang trọng mừng một đứa bé ở khu Đông Thượng. Tôi biểu diễn ảo thuật, còn cô ấy là một trong đám người phục vụ ở đó.

Cô ấy đẹp không, Owen?

Với tôi thì cô ấy đẹp. Không đẹp theo kiểu cậu, Virginia ạ, với gương mặt tuyệt vời và thân hình thon thả như của cậu đâu. Flora nhỏ người, cao chưa đến thước sáu, cũng không tròn trịa gì, thật thế, nhưng cô ấy có hai con mắt to sáng ngời và mái tóc sẫm màu rối bời thế này này với cả giọng cười hay nhất trên đời mà tôi từng được nghe nữa.

Cậu yêu cô ấy chứ?

Dĩ nhiên rồi.

Và cô ấy yêu cậu chứ?

Ừ. Đúng ra là hầu hết mọi lúc. Flora rất dễ nổi cáu, và cô ấy có thể vù vù nổi trận lôi đình. Cứ mỗi lần cãi nhau, tôi lại nghĩ có lẽ cô ấy lấy mình chỉ cốt để có quốc tịch Mỹ. Nhưng cũng không thường xuyên đâu. Mười ngày thì có tới chín ngày vợ chồng vui vẻ với nhau. Thật thế.

Con cái thì sao?

Chúng tôi có kế hoạch cả rồi. Cũng vừa bắt đầu cố từ vài tháng trước.

Đừng bỏ cuộc nhé. Sai lầm của tôi đấy. Tôi đã chờ đợi quá lâu, còn giờ thì hãy nhìn tôi xem. Không chồng, không con, chẳng gì cả.

Cậu vẫn còn trẻ. Vẫn là cô gái xinh nhất phố. Sẽ có ai đó đến với cậu, chắc chắn là như vậy.

Virginia chưa kịp đáp thì chuông cửa reo. Cô đứng lên, khẽ văng ra một câu cụt thật như thể rất tự nhiên, rất thực là cô ghét bị chen ngang vào như vậy, nhưng Brick thì biết ngay là mình đã bị dòn vào góc tường rồi, không còn cơ hội chạy trốn nào nữa. Trước khi rời khỏi bếp, Virginia quay lại nói: tôi đã gọi điện lúc cậu đang tắm. Tôi bảo ông ta đến vào quãng từ bốn đến năm giờ, nhưng có lẽ ông ta không đợi được nữa. Xin lỗi nhé, Owen. Tôi đã muốn có riêng một vài giờ với cậu và bỏ bùa để cậu phải cởi quần ra đấy. Thực thế mà. Tôi đã muốn fấc cậu đến mục đầu ra thì thôi. Khi trở về cậu phải nhớ đấy nhé.

Trở về? Nghĩa là tôi sẽ được về nhà?

Lou sẽ giải thích. Đó là việc của ông ấy. Tôi chỉ là một cán bộ nhân sự, một cái bánh răng nhỏ trong cỗ máy lớn.

Hóa ra Lou Frisk là một đàn ông có vẻ cứng nhắc trạc ngoại ngữ tuần, hơi thấp người, vai hẹp, kính

gọng dây thép, vớ nước da xấu sần của một người đã từng mắc bệnh trứng cá. Ông ta mặc áo len chui đầu xanh lá cây cổ chữ V trong có somi trắng và cà-vạt carô vải len cào, tay trái thì xách một cái cặp đen giống như kiếu túi của bác sỹ. Vừa vào đến trong bếp ông ta đã đặt cái cặp xuống và nói: Anh đã tránh mặt tôi, Hạ sỹ ạ.

Tôi không phải là Hạ sỹ nào cả, Brick đáp lại. Ông biết điều đó mà. Cả đời tôi chưa bao giờ là lính.

Trong thế giới của anh thì thế, Frisk nói, nhưng ở thế giới này thì anh là một Hạ sỹ quan trong sư đoàn Massachusetts số Bảy, một thành viên trong lực lượng vũ trang của các Tiểu bang Độc lập Mỹ.

Vùi đầu vào hai lòng bàn tay, Brick khẽ rên rỉ khi một yếu tố nữa của giấc mơ vừa trở lại với hắn: Worcester, Massachusetts. Hắn ngẩng lên, nhìn Frisk ngồi xuống một cái ghế phía bên kia bàn, và nói: vậy là tôi đang ở Massachusetts. Có phải ông đang bảo tôi thế phải không?

Wellington, Massachusetts, Frisk gật đầu nói. Trước đây vẫn gọi là Worcester.

Brick đấm tay xuống mặt bàn, không còn kim được cơn giận đang trào lên trong người nữa. Tôi không thích chuyện này! Hắn hét lên. Có ai đó đang ở trong đầu tôi. Ngay cả các giấc mơ cũng không còn là của tôi nữa. Toàn bộ cuộc sống của tôi đã bị đánh cắp rồi. Sau đó, quay sang Frisk và nhìn thẳng vào mắt ông ta, hắn rú lên đến lạc cả giọng: Ai là kẻ đang làm chuyện này với tôi?

Bình tĩnh nào, Frisk nói, vỗ vỗ lên tay Brick. Anh hoàn toàn có quyền lẫn lộn. Vì thế mà tôi đến đây. Tôi là người sẽ giải thích cho anh, tôi là người sẽ làm rõ mọi chuyện. Chúng tôi không muốn anh phải khổ. Nếu anh đến ngay với tôi như dự định thì đã không bao giờ phải mơ giấc mơ đó. Anh có hiểu tôi đang nói gì với anh không?

Quả thực là không, Brick nói, giọng đã dịu lại.

Qua mấy lần tường của ngôi nhà, hắn vừa thoáng nghe thấy tiếng chiếc xe jeep nổ máy, sau đó là tiếng sang số khi Virginia lái xe đi.

Virginia đấy à? Hắn hỏi.

Thế thì sao?

Cô ấy vừa mới đi, có phải không?

Cô ấy có rất nhiều việc phải làm, không liên can gì đến việc của chúng ta.

Thậm chí không một lời tạm biệt nữa, Brick đề thêm, chưa muốn bỏ chuyện ấy. Giọng hắn có vẻ tự ái, có vẻ như vẫn chưa tin rằng Virginia có thể bỏ hắn đi một cách tỉnh bơ như thế.

Quên Virginia đi, Frisk nói. Ta có nhiều chuyện quan trọng hơn.

Cô ấy có nói tôi sẽ được trở về. Có đúng vậy không?

Đúng. Nhưng trước hết tôi phải nói để anh biết tại sao cái đã. Nghe cho kỹ đây, Brick, rồi trả lời tôi cho thật nhé. Đặt cả hai cánh tay lên mặt bàn, Frisk nghiêng người về phía trước và nói: Chúng ta đang ở trong một thế giới có thật, hay là không nào?

Làm sao tôi biết được? Mọi thứ trông đều thật. Nghe thấy thật. Tôi đang ngồi đây với thân xác của tôi thật, nhưng đồng thời lại vẫn không phải ở đây, đúng không? Tôi thuộc về một nơi khác kia.



Anh đang ở đây, đúng thế. Và anh cũng thuộc về một nơi nào đó khác.

Không thể cả hai như vậy được. Phải là nơi này hoặc nơi kia thôi chứ.

Cái tên Giordano Bruno nghe có quen với anh không?

Không. Chưa bao giờ tôi nghe đến ông ta.

Một nhà triết học Ý thế kỷ 16. Ông ta lý luận rằng nếu Thượng đế là vô hạn, và nếu quyền năng của Thượng đế là vô hạn, thì nhất định là phải có vô vàn các thế giới khác nhau.

Nghe cũng có lý. Nếu như ta tin vào Thượng đế.

Ông ta đã chết trên giàn hỏa thiêu vì cái ý tưởng ấy. Nhưng không có nghĩa là ông ta sai, đúng không?

Sao lại hỏi tôi? Tôi không biết quái gì về chuyện ấy cả. Mà đã không biết thì còn có ý kiến gì được chứ?

Trước lúc anh tỉnh dậy dưới cái hố đó hôm vừa rồi, toàn bộ cuộc sống của anh đã chỉ diễn ra ở một thế giới. Nhưng làm sao anh có thể chắc đó là thế giới duy nhất được?

Bởi vì... bởi vì đó là cái thế giới duy nhất mà tôi từng biết.

Nhưng bây giờ thì anh đã biết một thế giới khác rồi đấy. Anh nghĩ gì về chuyện này, Brick?

Tôi không hiểu.

Không có một thực tại duy nhất, Hạ sỹ ạ, mà có nhiều thực tại. Không có một thế giới duy nhất, mà có nhiều thế giới, và chúng đều tồn tại song hành với nhau, thế giới và phản thế giới, thế giới và bóng thế giới, và thế giới nào cũng được mơ hoặc tưởng tượng hoặc viết ra bởi một người nào đó ở một thế giới khác. Thế giới nào cũng là tác phẩm của một tâm trí mà thôi.

Ông đang bắt đầu nói như Tobak rồi. Anh ta bảo cuộc chiến tranh này là ở trong đầu một người đàn ông, và nếu tiêu diệt được người ấy, chiến tranh sẽ chấm dứt. Tôi chưa từng nghe một chuyện gì thối đến như thế.

Có thể Tobak không phải là người lính thông minh nhất trong quân ngũ, nhưng điều anh ta nói với anh là sự thật.

Nếu muốn tôi tin một thứ điên rồ đến thế, trước hết là ông phải chứng minh cho tôi xem cái đã.

Được thôi, Frisk nói, vỗ mạnh cả hai lòng bàn tay xuống mặt bàn, cái này thì sao nào? Không nói thêm một lời, ông thò bàn tay phải vào bên trong áo len và rút ra một tấm ảnh khổ 8 x 12 từ túi áo ngực ra. Thủ phạm đây này, ông nói, đẩy bức ảnh qua bên kia bàn đến chỗ Brick.

Brick chỉ liếc nhìn tấm ảnh đó một cái. Một cái ảnh màu chụp một người đàn ông khoảng sáu bảy chục tuổi đang ngồi trên một chiếc xe đẩy trước một ngôi nhà thôn dã màu trắng. Một người trông rất có cảm tình, Brick thấy thế, với mái tóc xám rể tre và một gương mặt phong trần.

Cái này chẳng chứng minh được gì hết, hắn nói, đẩy cái ảnh trở lại chỗ Frisk. Chỉ là một người. Bất kỳ người nào. Theo chỗ tôi biết thì có khi là chú bác gì của ông cũng nên.

Tên ông ta là August Brill, Frisk lên tiếng, nhưng Brick lập tức cắt lời.

Không đúng như lời Tobak rồi. Anh ta bảo tên người đó là Blake.

Blank.

Gì mà chả được.

Tobak không được cập nhật tin tình báo. Trong một thời gian dài, Blank là nghi phạm của chúng tôi, nhưng sau đó chúng tôi đã loại ông ta ra khỏi danh sách. Brill mới là đúng. Giờ thì chúng tôi biết chắc là vậy rồi.

Vậy thì cho tôi biết câu chuyện của lão đi. Hãy thò tay vào cái bị kia của ông và lấy bản thảo ra rồi chỉ cho tôi cái câu có nhắc đến tên tôi xem nào.

Vấn đề là ở đó. Brill không viết gì ra giấy cả. Lão chỉ tự kể câu chuyện ấy trong đầu.

Làm sao ông có thể biết điều đó?

Đó là bí mật quân sự. Nhưng chúng tôi biết, Hạ sỹ ạ. Cứ tin tôi đi.

Vớ vẩn.

Anh muốn trở về, đúng không nào? Mà đây là cách duy nhất. Nếu không chấp nhận việc này, anh sẽ bị kẹt ở đây mãi mãi.

Thôi được rồi. Cứ thử nghĩ mà xem, ví thử như tôi bắn chết được người này... cái lão Brill này này. Cái gì sẽ xảy ra sau đó? Nếu lão đã sáng tạo ra thế giới của ông, thì ngay lúc lão chết, cả ông cũng sẽ không tồn tại nữa.

Lão không sáng tạo ra thế giới này. Lão chỉ sáng chế ra cuộc chiến. Và lão đã tạo ra anh, Brick ạ. Anh không hiểu điều đó ư? Đây là câu chuyện của anh, không phải của chúng tôi. Lão già này đã tạo ra anh để giết chính lão.

Vậy thì là một vụ tự sát.

Theo lối vòng vo, đúng thế.

Một lần nữa, Brick vùi đầu vào hai lòng bàn tay và bắt đầu rên rỉ. Tất cả thật quá sức chịu đựng của hắn, và sau khi đã vật vã kháng cự lại những khẳng định điên khùng của Frisk, hắn thấy tâm trí như đang tan chảy, xoắn xuýt cuồn cuộn loạn giữa một vũ trụ toàn những ý nghĩ rời rạc và những nỗi sợ hãi không thành hình thù gì cả. Chỉ đọc một điều còn rõ ràng: hắn muốn trở về. Hắn muốn về với Flora và cuộc sống cũ của mình. Để làm được điều đó, hắn buộc phải tuân thủ mệnh lệnh đi giết một người mà hắn chưa hề gặp mặt, một người hoàn toàn xa lạ. Hắn sẽ phải chấp nhận, nhưng một khi đã qua phía bên kia, cái gì sẽ ngăn hắn từ chối thi hành cái mệnh lệnh ấy?

Vẫn cầm mặt xuống bàn, hắn gắng sức nói thành lời: Hãy cho tôi biết đôi điều về con người ấy.

A, tốt hơn rồi, Frisk nói. Cuối cùng thì chúng ta cũng tỉnh táo được với nhau.

Đừng có lên giọng dạy đời nữa, Frisk. Chỉ cần cho tôi biết những gì cần thiết thôi.

Một nhà phê bình sách đã về hưu, bảy mươi hai tuổi, sống bên ngoài Brattleboro, Vermont, cùng với con gái bốn mươi bảy tuổi và cháu gái hai mươi ba tuổi. Vợ ông ta đã chết năm ngoái. Chồng bà con

gái bỏ đi năm năm trước đây. Bạn trai cô cháu gái thì bị giết. Một gia đình buồn thảm, những linh hồn đầy thương tích, và đêm nào Brill cũng nằm thức trong bóng tối, cố không nghĩ đến quá khứ, và dựng nên những câu chuyện về các thế giới khác.

Sao lão phải ngồi xe lăn vậy?

Tai nạn ô tô. Chân trái lão bị đập nát. Tí nữa thì phải cưa.

Và nếu tôi đồng ý giết người này, ông sẽ để tôi trở về.

Thỏa thuận là thế. Nhưng đừng đại nuốt lời, Brick ạ. Nếu anh không giữ lời, chúng tôi sẽ truy anh đến cùng. Hai viên đạn. Một cho anh và một cho Flora. Pằng, pằng. Không còn anh. Không còn cô ta.

Nhưng nếu ông thanh toán tôi, chiến tranh sẽ tiếp tục.

Không nhất thiết. Lúc này đây vẫn chỉ là một giả thuyết, và một số người chúng tôi còn cho rằng thanh toán anh cũng sẽ có kết quả hết như thanh toán Brill. Câu chuyện sẽ chấm dứt, và chiến tranh sẽ kết thúc. Đừng nghĩ chúng tôi sẽ không dám chấp nhận rủi ro đây nhé.

Tôi sẽ trở về bằng cách nào?

Trong lúc ngủ.

Nhưng tôi đã ngủ ở đây. Hai lần rồi. Và cả hai lần đều tỉnh dậy ở nguyên chỗ.

Đó là giấc ngủ thường. Cái tôi nói đến là ngủ bằng thuốc kia. Anh sẽ được tiêm thuốc. Hiệu quả tương tự như đánh thuốc mê, như vẫn làm với người được giải phẫu ấy. Cõi trống rỗng đen ngòm của quên lãng, một vô thường sâu và tối như sự chết.

Nghe cũng vui đấy, Brick nói, thấy hoảng sợ vì những gì sắp đến với hắn đến nỗi không thể không bật ra một câu đùa oạt ẹo.

Thế nào Hạ sỹ, có dám hay không nào?

Đành vậy thôi, còn cách nào nữa đâu.

Tôi cảm thấy một con ho đang tụ lại trong ngực, tiếng lao xao rất khẽ của đờm đang bị chôn sâu trong khí quản, và chưa kịp ghìm nhịn thì nó đã nổ tung lên cổ họng. Bật lên đi, phun hết lên đi, cho sạch hết chỗ cặn bã nhầy nhụa đã bị mắc kẹt trong lòng ống, nhưng cố một lần chưa đủ, hai lần cũng chưa, ba lần cũng chưa, và thế là tôi rơi vào một cơn co giật, toàn thân oằn oại trong đợt ho bất chợt ấy. Cũng là lỗi tại tôi. Đã bỏ thuốc lá từ mười lăm năm trước, nhưng bây giờ khi Katya ở cùng nhà với những bao American Spirits của nó lăn lóc ở khắp nơi, tôi lại bắt đầu nhiễm lại cái thú vui bản thủ ngày xưa, xin những điều đang hút dở của nó trong lúc ông cháu cùng ngụp lặn trong thế giới phim ảnh, ngồi cạnh nhau trên xô-pha, thi nhau nhả khói như hai cái đầu tàu hỏa đang lặc lè chạy trên cái thế giới đáng ghét không thể chịu được này, nhưng phải nói là tôi không hối hận, không mảy may áy náy hoặc thoáng chút ân hận nào cả. Cái quan trọng là cảm thấy mình có bạn đồng hành, có cái tình đồng lõa, cái tình đoàn kết của những kẻ khốn nạn đang muốn mặc mẽ tất cả những ai không đồng bọn với mình.

Đang lại nghĩ đến những bộ phim, tôi nhận ra là còn có một ví dụ nữa cần được bổ sung vào danh sách

của Katya. Tôi phải nhớ sáng ngày ra sẽ bảo nó ngay trong lúc ông cháu ăn điểm tâm, vì thế nào nó cũng sẽ rất thích, và nếu tôi có thể làm nở một nụ cười trên bộ mặt sầu thảm của nó thì cũng đã là một thành tích xứng đáng rồi.

Cái đồng hồ trong cảnh cuối cùng của phim *Câu chuyện Tokyo*. Ông cháu vừa xem phim ấy mấy hôm trước, đều là lần thứ hai, nhưng lần đầu của tôi thì đã từ mấy chục năm trước, cuối những năm 60 đầu 70 gì đó, và tôi chỉ nhớ là mình đã thích bộ phim ấy thôi chứ chẳng còn nhớ câu chuyện ra sao nữa. Phim của Ozu, năm 1953, tám năm sau khi Nhật Bản đầu hàng. Một bộ phim chậm rãi, đĩnh đạc, kể một câu chuyện giản dị nhất, nhưng với một cảm xúc sâu xa và sang trọng đến nỗi tôi đã nước mắt lưng tròng khi hết phim. Có những bộ phim hay chẳng kém gì sách, kể cả những cuốn sách hay nhất (thật đấy, Katya, ông cam đoan với cháu là như vậy), và đây là một bộ phim như thế, không nghi ngờ gì nữa, một tác phẩm tinh tế và cảm động như một truyện vừa của Tolstoy.

Một cặp vợ chồng già đến Tokyo thăm mấy người con đã trưởng thành: một anh bác sỹ còn vất vả đã có vợ có con, một chị có nghề làm đầu đã có chồng và một cửa hàng sửa sắc đẹp riêng, và một cô con dâu là vợ của một anh con trai nữa đã chết trận, một góa phụ còn trẻ sống một mình và làm việc ở một văn phòng. Ngay từ đầu, rõ ràng là anh con trai và chị con gái đều coi sự có mặt của bố mẹ già là một cái gì đó phiền nhiễu, gần như một gánh nặng. Họ bận bịu với công việc, với gia đình riêng của mình, và không có thì giờ sẵn sóc bố mẹ cho phải phép. Chỉ có cô con dâu là gắng hết sức đối xử với hai ông bà thật tử tế. Cuối cùng, ông bà già rời Tokyo để trở về nơi họ vẫn sống (không biết là ở đâu, hoặc là tôi đã nhầm không để ý lúc xem phim), và mấy tuần sau đó, không hề có dấu hiệu gì, không hề ốm đau gì, người mẹ bỗng qua đời. Hành động phim chuyển về ngôi nhà của gia đình ở cái thành phố hoặc thị trấn vô danh ấy. Mấy người con từ Tokyo về dự lễ tang, có cả cô con dâu, Norika hoặc Noriko, tôi không thể nhớ được, nhưng thôi ta cứ coi là Noriko đi. Thế rồi một anh con trai thứ hai xuất hiện, không biết là từ đâu, và cuối cùng thì có một người con út nữa vẫn sống ngay ở đó, một cô con gái chừng hơn hai mươi tuổi, giáo viên tiểu học. Ta lập tức nhận ra rằng cô út không những rất ngưỡng mộ và khâm phục Noriko, mà còn coi Noriko là chị em ruột với mình nữa. Sau lễ tang, cả nhà ngồi ăn bữa trưa quanh một cái bàn, và một lần nữa anh con trai và chị con gái ở Tokyo lại bận tít bận tít và chỉ mê mải đến những việc riêng của họ mà không hỏi han ngó ngàng gì nhiều đến người cha. Họ bắt đầu nhìn đồng hồ liên tục và quyết định sẽ về Tokyo bằng tàu tốc hành ngay đêm đó. Anh con trai thứ hai cũng quyết định về ngay. Hành vi ấy của họ không bộc lộ cái gì ác mố cả, ta nên thông cảm với họ, mà đó mới thực sự là điều Ozu muốn truyền đạt. Đơn giản chỉ là vị họ bị phân tán tư tưởng, mắc kẹt trong công việc và đời sống của họ, bị nhiều thứ trách nhiệm khác lôi kéo. Nhưng Noriko dịu dàng thì ở lại, không muốn bỏ mặc bố chồng đang đau buồn (một nỗi đau buồn được dấu kín, với bề ngoài chai đá, đúng là như thế, nhưng là một nỗi đau buồn thực sự), và đến buổi sáng cuối cùng của cuộc viếng thăm kéo dài ấy của chị, Noriko và cô út giáo viên ngồi ăn sáng với nhau.

Cô út vẫn còn bực vì anh chị mình đã vội về như thế. Cô nói nhẽ ra họ phải ở lại lâu hơn, gọi họ là đồ ích kỷ, nhưng Noriko lại bào chữa cho mấy người kia (mặc dù bản thân chị sẽ không bao giờ làm vậy), phân trần rằng con cái nào thì rồi cũng sẽ phải xa bố mẹ thôi, và phải lo đến cuộc đời riêng của mình. Cô út khăng khăng là cô sẽ không bao giờ như thế. Nếu làm thế thì còn gì là gia đình nữa? cô nói. Noriko nhắc lại ý kiến của chị, cố an ủi cô út rằng con cái nào cũng rơi vào hoàn cảnh ấy, rằng họ chẳng làm thế nào được. Sau đó là một khoảng im lặng dài, rồi cô út nhìn chị dâu và nói: *Đời chán thật, đúng không nào?* Noriko nhìn lại cô, và với một thoáng xúc động trên vẻ mặt, chị đáp: *Ừ, đúng thế.*

Cô út đi làm, Noriko bắt đầu dọn dẹp trong nhà (làm tôi nhớ đến những người đàn bà trong những phim khác mà Katya vừa nói đến tới nay), rồi đến cái cảnh có chiếc đồng hồ, giây phút đỉnh điểm của toàn bộ phim. Ông già từ ngoài vườn bước vào nhà, và Noriko bảo ông rằng chị sẽ đi chuyến tàu chiều. Họ ngồi nói chuyện, và sở dĩ tôi có thể nhớ được những ý chính và tuần tự của câu chuyện là vì tôi đã bảo Katya cho xem lại cái cảnh ấy. Tôi đã bị ấn tượng rất mạnh, và muốn nghiên cứu cái đoạn đối thoại ấy kỹ hơn để xem Ozu đã kết thúc phim như thế nào.

Ông già vào chuyện với lời cảm ơn về tất cả những gì cô con dâu đã làm, nhưng Noriko lắc đầu nói mình có làm được gì đâu. Ông già vẫn nhất định bảo chị rằng chị đã đỡ đàn được họ rất nhiều, rằng vợ ông đã nói với ông về chuyện chị đã tử tế với bà như thế nào. Noriko lại nói không dám, rằng những việc cô làm chỉ toàn việc vặt vãnh chẳng quan trọng gì. Không chịu thua, ông già nói vợ ông đã bảo rằng những lúc ở với Noriko là thời gian hạnh phúc nhất của bà ở Tokyo. Mẹ đã rất lo lắng về tương lai của con, ông nói tiếp. Con không thể tiếp tục như thế này. Con phải tái giá. Hãy quên chuyện X đi (cậu con trai chồng của Noriko). Nó đã chết rồi.

Noriko bối rối không nói gì lại được, nhưng ông già không chịu dừng câu chuyện ở đó. Lại nhắc đến bà vợ, ông nói tiếp: Mẹ nói con là người đàn bà tử tế nhất mà mẹ từng biết. Noriko vẫn không chịu thua, nói rằng mẹ chồng đã đánh giá chị quá cao, nhưng ông già thẳng thừng rằng chị nói thế là sai. Noriko bắt đầu chới với. Con không phải là người tử tế như cha tưởng, chị nói. Con ích kỷ lắm, thực là như vậy. Rồi chị phân bua rằng không phải lúc nào chị cũng nghĩ đến chồng, rằng đã ngày này qua ngày khác mà có khi chị chẳng nghĩ đến anh ấy một tí nào. Im lặng một lúc, chị thú nhận là mình rất cô đơn, vẫn nghĩ đến chuyện rồi cuộc đời mình sẽ ra sao mỗi đêm mất ngủ. Hình như trong lòng con vẫn mong chờ cái gì đó, chị nói. Con ích kỷ thật.

ÔNG GIÀ: Không, không phải thế.

NORIKO: Thật mà, con ích kỷ.

ÔNG GIÀ: Con là một người đàn bà tử tế. Một người đàn bà trung thực.

NORIKO: Hoàn toàn không phải thế.

Đến đó, Noriko không chịu đựng nổi nữa, chị bắt đầu khóc, nước nỡ vùi mặt vào hai lòng bàn tay và để mặc cho nỗi lòng mình tuôn trào - người thiếu phụ đã câm nín quá lâu, người đàn bà tử tế không chịu tin mình là người tốt, bởi chỉ có người tốt mới nghi ngờ lòng tốt của chính mình, và chính điều đó mới là cái đầu tiên khiến họ thành người tốt. Kề xấu thì vẫn nghĩ chúng là người tốt, còn người tốt thì lại không tự biết về mình. Cả đời họ tha thứ cho người khác, nhưng lại không thể tha thứ cho chính mình.

Ông già đứng lên, và vài giây sau ông trở lại với chiếc đồng hồ, một kiểu đồng hồ cổ lỗ có vỏ đập bằng kim loại. Cái này là của vợ ông, ông bảo Noriko thế, và ông muốn chị giữ nó. Hãy vì mẹ mà giữ lấy nó, ông nói. Cha biết là mẹ sẽ rất vui.

Xúc động vì cử chỉ ấy, Noriko cảm ơn ông, nước mắt tuôn lã chã. Ông già nhìn chị với một vẻ đăm chiêu, nhưng ta không thể biết ông nghĩ gì, bởi toàn bộ tình cảm của ông được giấu kín sau tấm mặt nạ của một thái độ trung dung tinh táo. Nhìn Noriko khóc, ông bèn thốt ra một câu giản dị, nhả từng từ một, thẳng thừng, không ủy mị tí nào, khiến cho chị sụm hẫn người trong một cơn nước nỡ bùng lên dữ dội và kéo dài với những tiếng khóc tức tưởi nào nùng thật đau đớn và thẳm sâu, như thể phần cốt lõi nhất của bản ngã chị vừa mới bị cạy mở và phơi bày ra giữa trời.

Ta muốn con được hạnh phúc, ông già nói.

Một câu ngắn gọn thế thôi, và Noriko suy sụp hẳn, bị nghiền nát dưới sức nặng của chính cuộc đời mình. *Ta muốn con được hạnh phúc.* Trong lúc chị tiếp tục khóc, ông bố chồng nói thêm một câu nữa trước khi hết cảnh. Lại thật, ông nói, gần như ngỡ ngàng. Ta có một lũ dút ruột đẻ ra, vậy mà con mới là đứa đỡ đàn chúng ta nhiều nhất.

Cắt sang cảnh nhà trường. Nghe tiếng trẻ đang hát, và một lúc sau là lớp học của cô út. Tiếng tàu hỏa xa xa. Cô út liếc nhìn đồng hồ rồi bước đến bên cửa sổ. Một đoàn tàu âm âm chạy qua: chuyến tàu chiều tốc hành, mang người chị dâu yêu quý trở lại Tokyo.

Cắt sang cảnh đoàn tàu - với tiếng bánh xe ầm ầm như sấm rền khi tàu lao nhanh trên đường ray. Chúng ta bị phóng vào tương lai.

Vài giây sau, phim đưa ta vào bên trong một toa tàu. Noriko đang ngồi một mình, trần trối nhìn khoảng không, tâm trí ở đâu đó khác. Nhiều giây trôi qua, và rồi chị nhắc chiếc đồng hồ của mẹ chồng mà chị vẫn cầm để trong lòng lên. Chị mở cái nắp đây, và đột nhiên ta nghe thấy tiếng kim giây tích tắc chạy quanh mặt số. Noriko tiếp tục nhìn cái đồng hồ, vẻ mặt vừa buồn rầu vừa tư lự, và khi ta thấy chị với chiếc đồng hồ trong lòng bàn tay, ta cảm thấy như đang nhìn thấy chính Thời Gian, thời gian đang tăng tốc cùng với đoàn tàu đang tăng tốc, xô ta vào cuộc đời rồi lại cuộc đời, nhưng thời gian cũng lại là quá khứ, quá khứ của người mẹ chồng đã chết, quá khứ của Noriko, cái quá khứ đang tiếp tục sống trong hiện tại, cái quá khứ ta sẽ mang theo mình vào tương lai.

Tiếng còi tàu chát chúa ầm vang trong tai ta, một âm thanh sắc lẹm và tàn nhẫn. *Đời chán thật, đúng không nào?*

*Ta muốn con được hạnh phúc.*

Rồi phim đột ngột chấm dứt.

\*\*\*

Góa phụ. Những người đàn bà sống một mình. Hình ảnh Noriko thổn thức vẫn ở trong đầu tôi. Không thể không nghĩ đến chị tôi lúc này - và ngả rẽ không may trong cuộc đời khi chị ấy lấy phải một người tuyệt mệnh ngay khi còn trẻ. Nó vẫn nung nấu trong đầu kể từ khi tôi bắt đầu nghĩ về cuộc nội chiến của mình: cái sự rằng tôi đã thoát được tất cả mọi trò quân sự trong suốt cả cuộc đời. Nguyên việc tình cờ ra đời, cái may mắn của việc đã sinh ra vào năm 1935, đã khiến tôi thành quá trẻ hồi chiến tranh Triều Tiên và quá già hồi Việt Nam, thế rồi một may mắn nữa là lúc bị gọi quân dịch năm 1957 thì tôi lại không được quân đội chấp nhận. Họ nói tim tôi có tiếng thờ, mà thực ra là không có gì cả, và liệt tôi vào loại 4-F. Hồi đó không có chiến tranh, nhưng đã có lúc tôi rơi vào một hoàn cảnh gần giống như chiến tranh, và lúc ấy tình cờ có cả chị tôi, Betty, và người chồng thứ hai của chị là Gilbert Ross. Đó là năm 1967, cách đây đúng bốn mươi năm tính đến mùa hè này. Ba chúng tôi đang ăn tối với nhau ở khu Đông Thượng, hình như là ở đại lộ Lexington, quãng phố 66 hoặc 67 gì đó, tại một nhà hàng Tàu gọi là Dương Phúc, nay đã không còn nữa. Sonia thì đang đi Pháp thăm bố mẹ đẻ ở ngoại ô Lyon cùng với Miriam, lúc ấy mới 7 tuổi. Kế hoạch là tôi sẽ sang bên đó sau, còn lúc ấy thì đang còn phải giam mình trong căn hộ nhỏ như hộp đựng giày ở gần Riverside Drive, toát mồ hôi với một bài dài đã hẹn với tờ Harpers về các tác phẩm thơ và tiểu thuyết Mỹ có cảm hứng từ cuộc chiến Việt Nam mới xuất hiện trong thời gian ấy - cái căn hộ không có điều hòa nhiệt độ, chỉ độc một cái quạt bằng nhựa rẻ tiền, còn tôi thì may mắn quần đùi ngồi viết và gõ máy chữ, mồ hôi đầm đìa khi New York cứ hầm hập hết đợt nóng này đến đợt nóng khác. Hồi ấy vợ chồng tôi còn eo hẹp tiền nong, còn Betty thì lớn hơn tôi bảy tuổi và đang sống sung túc, là họ nói vậy, nên chị có thể thỉnh thoảng mời thằng em đi ăn tiệm được. Sau cuộc hôn nhân đầu tôi tệ và kéo dài quá lâu, chị đã lấy Gil quãng ba năm trước đó. Một quyết định thông minh, tôi cảm thấy thế - hoặc ít nhất thì cũng có vẻ là như vậy lúc bảy giờ. Gil kiếm tiền bằng nghề luật sư lao động và thương thuyết đình công, nhưng anh đã tham gia chính quyền thành phố Newark với cương vị công sứ doanh nghiệp từ đầu những năm 1960, và lúc đến New York cùng với chị tôi tối hôm đó, cách đây 40 năm, anh lái một chiếc xe công có trang bị máy bộ đàm hai chiều. Tôi không nhớ tí gì về bữa ăn ấy, nhưng lúc chúng tôi cùng ra xe và Gil nổ máy để đưa tôi về thì cái máy bộ đàm phát ra những tiếng người hỏi hỏi - đó là cảnh sát đang gọi, tôi đoán thế, báo cáo rằng khu trung tâm Newark đang trong tình trạng rối loạn. Không buồn chạy lên phía bắc Manhattan để đưa tôi về nữa, Gil lái thẳng xe ra đường hầm Lincoln, và thế là tôi có dịp chứng kiến một trong những cuộc nổi loạn chủng tộc tệ hại nhất trong lịch sử nước Mỹ. Hơn hai chục người bị giết, hơn bảy trăm người bị thương, hơn ngàn rưởi người bị bắt, thiệt hại tài sản lên đến hơn chục triệu đô-la. Tôi nhớ các con số vì lúc còn học phổ thông mấy năm trước, Katya có viết một bài về tình trạng phân biệt chủng tộc trong lớp lịch sử Mỹ và nó đã hỏi tôi về cuộc nổi loạn ấy. Lại một điều là tôi vẫn nhớ những con số ấy,

nhưng giờ đây khi tôi cứ quên dần rất nhiều thứ khác, bám chặt lấy chúng cũng là một cách tự chứng minh rằng tôi vẫn chưa phải hoàn toàn là đồ bỏ đi.

Lái xe vào Newark đêm hôm đó giống như đi vào một tầng bên dưới của địa ngục. Nhà cửa bốc cháy, từng đám đông cuồng loạn chạy trên phố, tiếng kính bị đập vỡ từ hết cửa hàng này đến cửa hàng khác, tiếng còi báo động, tiếng súng nổ. Gil lái xe về tòa thị chính, và khi đã vào đến bên trong, cả ba chúng tôi đều đi thẳng đến chỗ văn phòng thị trưởng. Hugh Addonizio đang ngồi ở bàn làm việc của ông ta, một người trạc ngoại ngữ tuần với cái đầu hói nhẵn và thân hình phì nộn trên bé dưới to như quả lê, cựu anh hùng thời chiến, đã sáu lần làm hạ nghị sỹ, đang trong nhiệm kỳ thị trưởng lần thứ hai, và người đàn ông to lớn ấy đang cực kỳ hoảng hốt, ngồi đó với hai giòng nước mắt lăn dài trên má. Tôi phải làm gì bây giờ? ông ta nói, mắt nhìn Gil. Tôi làm cái mẹ gì bây giờ đây?

Một hình ảnh không thể xóa được, không hề phai mờ sau ngần ấy năm: cảnh tượng con người ủ rũ ấy đang bị áp lực của sự kiện làm cho tê liệt, một con người đờ đẫn trong tuyệt vọng trong lúc thành phố đang nổ tung xung quanh ông ta. Trong khi ấy, Gil bình tĩnh lo việc mình, gọi đến thống đốc ở Trenton, gọi cảnh sát trưởng, cố hết sức để kiểm soát được tình hình. Có một lúc anh và tôi đã xuống cả nhà ngục ở tầng dưới cùng của tòa nhà. Các phòng giam đều chật ních tù nhân, toàn bộ là người da đen, và ít nhất là một nửa số họ đều quần áo tả tơi mặt mũi sưng vù máu chảy đầm đìa từ trên đầu xuống. Nguyên nhân thì đoán được ngay, nhưng Gil vẫn cứ hỏi. Lần lượt từng người, câu trả lời nào cũng hệt như nhau: ai cũng bị cảnh sát đánh đập cả.

Không lâu sau khi chúng tôi đã quay lại văn phòng thị trưởng, có một viên cảnh sát tiểu bang New Jersey bước vào, Thiếu tá Brand hoặc Brandt gì đó, khoảng bốn mươi tuổi, đầu cua xén sắc như dao cạo, hàm bạnh, răng nghiêng chật, với cặp mắt rắn đanh của một thủy quân lục chiến sắp thi hành một nhiệm vụ đặc công. Gã bắt tay Addonizio, ngồi xuống một chiếc ghế, rồi tuyên bố như sau: Ta sẽ sẵn lòng cho bằng hết bọn đen khốn kiếp ở cái thành phố này. Nhẽ ra thì tôi phải không bị choáng mới phải, nhưng mà tôi đã choáng. Có thể không phải vì chính những từ ngữ ấy, mà vì cái giọng miệt thị lạnh buốt đã thốt ra chúng. Gil bảo gã đừng có ăn nói như vậy, nhưng tay thiếu tá chỉ lắc đầu thờ dãi, bỏ ngoài tai câu nói của ông anh rề tôi như kiểu coi anh này chỉ là một tên ngốc ngu muội.

Đó là cuộc chiến tranh của tôi. Có thể chưa phải là một cuộc chiến tranh thực sự, nhưng một khi đã chứng kiến bạo lực ở qui mô như thế, ta khó có thể tưởng tượng được cái gì tệ hơn nữa, mà khi đã tưởng tượng được thì ta hiểu ra rằng mức độ xấu xa nhất của nó chính là cái đất nước mà ta đang sống. Cứ nghĩ đến thôi, là thể nào nó cũng xảy ra.

Mùa thu năm ấy, khi Gil được cử vào một chức vụ rất khó chịu là bào chữa cho thành phố Newark trong hàng loạt các vụ kiện của những tiểu chủ có cửa hàng bị đập phá trong cuộc nổi loạn, anh đã bỏ việc và không bao giờ làm cho chính phủ nữa. Mười lăm năm sau, hai tháng trước sinh nhật lần thứ 53, anh qua đời.

Tôi muốn nghĩ đến Betty, nhưng muốn thế tôi lại phải nghĩ đến Gil, và đã vậy thì phải nghĩ đến đầu đến đũa. Mà tôi biết được bao nhiêu về anh? Rốt cuộc thì chẳng nhiều nhận gì, chỉ là một vài sự kiện nổi bật đọng lại từ những chuyện nghe được của anh và Betty. Là đầu lòng trong số ba người con của một chủ quán rượu tại Newark nghe đồn là trông giống hệt huyền thoại bóng chày Babe Ruth. Rồi đến lúc Dutch Schultz chèn ép ông bố của Gil và cướp cả doanh nghiệp của ông, tại sao và như thế nào thì tôi không rõ, và vài năm sau đó thì ông bố chết vì đau tim. Lúc ấy Gil mười một tuổi, và vì bố chết trong nghèo túng, món gia tài duy nhất anh được hưởng của ông là chứng cao huyết áp kinh niên và bệnh tim - phát hiện lần đầu khi anh mười tám tuổi, đến năm ba mươi tư tuổi thì anh bị nhồi máu cơ tim, rồi hai năm sau đó lại bị một trận nữa. Gil cao lớn và mạnh mẽ, nhưng anh đã sống cả đời với cái án tử hình tuần hoàn trong huyết mạch.

Mẹ anh tái giá lúc anh mười ba tuổi, và bố dượng chỉ chịu nuôi hai đứa em còn thì tổng cổ anh ra khỏi nhà, với sự đồng ý của mẹ. Thử tưởng tượng xem: bị chính mẹ đẻ bắt ra khỏi nhà và phải sống với họ

hàng ở tận Florida trong suốt thời thơ ấu.

Hết trung học, anh quay trở lại miền bắc và vào học Đại học New York, tiền nông chả có, buộc phải làm nhiều việc phụ để sống. Có lần nhớ lại những ngày gian khổ ấy, Gil kể rằng anh thường đến cái quán Do Thái cũ bán toàn đồ ăn làm từ sữa gọi là Ratners ở khu Đông Hạ, ngồi vào một bàn và bảo hầu bàn là anh chờ bạn gái sắp đến ăn cùng. Một trong những cái hấp dẫn nhất của quán ấy là món bánh mì tròn ăn với bơ nổi danh. Cứ vừa ngồi vào bàn là sẽ có người mang ngay đến một giỏ bánh tròn với rất nhiều bơ. Từng cái một, Gil chén hết cả giỏ, thỉnh thoảng lại liếc đồng hồ làm như đang sốt ruột vì sự muộn màng của một cô bạn gái tưởng tượng. Mà cứ hết giỏ đầu thì lập tức lại có giỏ thứ hai, rồi thứ ba, không phải gọi gì cả. Cuối cùng, cô bạn gái ấy không đến, và Gil sẽ rời quán với vẻ mặt rất khó chịu. Được một thời gian thì đám hầu bàn phát hiện ra cái mẹo ấy, nhưng lúc ấy thì Gil cũng đã lập kỷ lục từng chén hết hai mươi bảy cái bánh tròn một lần ngồi đợi rồi.

Trường luật, sau đó là bắt đầu một sự nghiệp thành công và những hoạt động ngày càng gia tăng với Đảng Dân chủ. Đây lý tưởng, có tư tưởng tự do cánh tả, từng ủng hộ Stevenson làm ứng viên tranh cử tổng thống năm 1960, từng tháp tùng Eleanor Roosevelt tại kỳ đại hội đảng tại Atlantic City, và có cả một bức ảnh (tôi vẫn giữ sau khi Betty mất) chụp John F. Kennedy đang bắt tay Gil trong chuyến viếng thăm Newark năm 1962 hoặc 1963 gì đó và nói với anh: Chúng tôi đã được nghe nhiều điều tuyệt vời về anh. Nhưng tất cả những cái đó đã chẳng là gì nữa sau cuộc nổi loạn ở Newark, và sau khi rời bỏ chính trường, Gil và Betty cuốn gói sang California. Từ đó tôi không còn gặp họ nhiều nữa, nhưng có vẻ như sáu bảy năm tiếp theo cũng yên bình cả. Gil gây dựng lại nghề luật sư, chị tôi mở một cửa hàng ở Laguna Beach bán những đồ làm bếp, khăn trải bàn, máy xay với các thứ đồ dụng cụ hạng nhất, và mặc dù Gil phải uống hơn hai chục viên thuốc mỗi ngày thì mới sống nổi, mỗi lần họ sang thăm họ hàng bên này trông anh vẫn khỏe mạnh như thường. Thế rồi tim anh giờ chứng. Giữa những năm 1970, một loạt những cơn truy mạch và rắc rối khác đã khiến anh không còn làm việc được nữa. Cứ lúc nào có cái gì gửi được cho họ là tôi gửi, Betty thì vẫn làm suốt ngày để duy trì cuộc sống, còn Gil thì phần lớn là một mình ở nhà và đọc sách. Người chị lớn của tôi với ông chồng đang chết dần chết mòn, cách xa tôi hàng ba ngàn dặm. Những năm cuối cùng ấy, theo lời Betty, Gil thường viết những mẩu thơ tình rồi để vào ngăn tủ, giấu trong đồng nịt vú, quần sịp và quần đùi của chị, và sáng nào khi dậy mặc quần áo, chị cũng thấy vài lời say đắm mới lúc nào cũng ngợi ca chị là người đàn bà tuyệt vời nhất trên thế gian này. Cũng được. Trong hoàn cảnh của họ như thế là được lắm rồi.

Tôi không muốn nghĩ đến đoạn cuối: căn bệnh ung thư, lần nằm viện cuối cùng, lần nặng tực tịu tràn ngập nghĩa địa sáng hôm tang lễ. Nao vét thế là đủ rồi, nhưng tôi vẫn không thể chấm dứt mà không trở lại với một chi tiết cuối cùng, một bất ngờ xấu xa cuối cùng. Lúc Gil chết, Betty nợ nần nhiều đến nỗi không thể có tiền mua một chỗ chôn cất cho chồng. Tôi sẵn lòng giúp chị, nhưng vì đã nhờ vả tiền nong tôi nhiều quá rồi nên chị không dám nữa. Thế là chị không nói gì với tôi mà lại đi hỏi bà mẹ chồng, người đàn bà tai tiếng đã để mặc Gil bị ném ra khỏi nhà khi anh còn là một đứa trẻ. Tôi không thể nhớ tên bà ta (có lẽ cũng vì tôi khinh bà ấy đến thế), nhưng đến năm 1980 thì bà ấy lấy ông chồng thứ ba, một doanh nhân hưu trí mà hóa ra lại rất giàu có. Ông chồng thứ hai thì tôi không biết đã chết hay là họ li dị - cũng chẳng quan trọng gì. Ông chồng thứ ba giàu có thì sở hữu một khu đất gia đình rộng rãi trong một nghĩa địa ở đâu đó tại miền nam Florida, và chị tôi đã xin được phép của ông ta để chôn Gil ở đó. Chưa đầy một năm sau, ông chồng thứ ba ấy chết, và một cuộc chiến tranh thừa kế ác liệt như trong chuyện của Balzac nổ ra giữa lũ con của ông ta và bà mẹ của Gil. Họ đưa bà ta ra tòa, thắng kiện, và vì muốn bà bị tổng khứ không đem theo một đồng nào, họ đã có thêm một điều kiện trong phán quyết của vụ án là hài cốt của Gil cũng phải cải táng ra khỏi khu đất gia đình ấy của họ. Thử tưởng tượng xem. Người đàn bà đã đuổi con trai mình ra khỏi nhà lúc nó còn là một đứa trẻ, và rồi, vì một túi bạc, lại đuổi nó ra khỏi huyết mộ khi đã chết. Khi Betty gọi kể cho tôi chuyện ấy, chị cứ thốn thức khóc. Chị đã chịu đựng cái chết của Gil với một thái độ khắc kỷ nghiêm trang, nhưng chuyện ấy đã vượt quá sức của chị, và chị đã đổ vỡ hoàn toàn. Tới lúc Gil bị đào lên và chôn lại ở chỗ khác, chị không còn là mình nữa.

Chị cầm cự được thêm bốn năm nữa. Sống một mình trong một căn hộ nhỏ ở ngoại ô New Jersey, chị



bắt đầu tăng cân, rồi phát phì thật sự, và chẳng mấy chốc đã mắc bệnh tiểu đường, tắc nghẽn động mạch, và một lô một lốc những chứng bệnh khác nữa. Chị nắm tay tôi khi Oona bỏ đi và cuộc hôn nhân tai họa kéo dài 5 năm ấy của tôi chấm dứt, vỗ tay hoan hô khi Sonya và tôi quay lại với nhau, gặp mặt con trai mỗi lần hai vợ chồng từ Chicago bay sang thăm chị, tham dự các sự kiện gia đình, xem tivi từ sáng đến đêm, vẫn còn kể được một chuyện vui đáng hoàng mỗi khi hưng phấn, và trở thành một người u buồn nhất mà tôi từng biết. Một sáng mùa xuân năm 1987, người dọn nhà của chị gọi cho tôi với giọng gần như hoảng loạn. Cô ta vừa mới vào căn hộ của Betty với cái chìa khóa vẫn dùng để hàng tuần đến lau dọn nhà cửa, và thấy chị tôi nằm bất động trên giường. Mượn ô tô của một người hàng xóm, tôi lái sang New Jersey, và xác nhận tử thi với cảnh sát. Cú sốc khi thấy chị như thế: thật im ắng, thật xa vời, thật chết chóc, kinh khủng là chết chóc. Họ hỏi tôi có muốn bệnh viện khám nghiệm tử thi hay không. Tôi bảo không cần. Chỉ có hai khả năng. Hoặc thân xác chị đã rời bỏ chị, hoặc chị đã uống thuốc, và tôi không muốn biết khả năng nào là thật, vì chẳng có cái nào làm được rõ chuyện. Betty đã chết vì một trái tim tan vỡ. Sẽ có người cười khi nghe câu nói ấy, nhưng đó chỉ là vì họ chẳng biết gì về thế giới này. Người ta vẫn chết vì trái tim tan vỡ. Chuyện ấy xảy ra hàng ngày, và sẽ còn như vậy cho tới tận cùng thời gian.

\*\*\*

Không, tôi chưa quên đâu. Con ho đã xoáy tôi vào một cõi khác, nhưng tôi đã quay lại rồi và Brick vẫn còn đây, bất luận ra sao, kể cả khúc nạo vết buồn thâm vừa rồi về quá vãng, nhưng khi tâm trí đã miên man về đâu đó thì làm sao mà ngăn lại được? Tâm trí lại có một tâm trí khác riêng của nó. Ai đã nói như vậy nhỉ? Có ai đó, mà nếu không thì là chính tôi vừa nghĩ ra thế, có khác gì đâu. Đặt điều ra giữa đêm khuya, dựng chuyện giữa đêm khuya - ta đang đồng hành cùng nhau mà, hồi những điều thân thiết nhỏ bé của tôi, mà cho dù có be bét khổ sở thật, nhưng vẫn cứ có chất thơ khi ta vẫn tìm được từ ngữ để diễn đạt, giả dụ như có những từ ngữ ấy. Đúng thế, Miriam ạ, đời chán thật, nhưng bố vẫn muốn con được hạnh phúc.

Đừng rên rảm nữa nào. Lẩn quẩn thế này chẳng qua là vì câu chuyện của tôi đang có thể diễn tiến theo nhiều hướng khác nhau và tôi vẫn chưa biết nên cho nó đi theo ngã nào. Hy vọng hay là vô vọng đây? Chọn hướng nào cũng được, nhưng chả có cái nào hoàn toàn thỏa đáng đối với tôi. Liệu có một hướng trung dung nào không sau khi đã bắt đầu như thế, sau khi đã ném Brick vào cho bầy sói và khiến cho tâm trí anh chàng khôn khổ ấy méo mó hẳn đi? Có lẽ là không. Tăm tối thì tăm tối hẳn đi vậy, đi cho đến tận cùng xem nào.

Thuốc đã tiêm. Brick chìm vào cái đen ngòm vô đáy của vô thức, và nhiều giờ sau đó hấn mở mắt và thấy mình đang nằm trên giường với Flora. Mới sáng sớm, độ bảy rưỡi hoặc tám giờ, và khi Brick nhìn tấm lưng trần của người vợ đang ngủ, hấn không biết liệu hấn có vừa lẩn lộn hay không, liệu mọi chuyện vừa xảy ra ở Wellington có phải chỉ là trong một giấc mơ tệ hại sinh động đến phát buồn nôn hay không. Nhưng ngay sau đó, hấn quay đầu trên gối và cảm thấy ngay cái vương vùi của đoạn băng dính mà Virginia đã dán lên má hấn, rồi khi lưỡi hấn đụng phải cái răng nanh bị gãy còn sắc lẹm, Brick bắt buộc phải chấp nhận sự thật: hấn đã ở đó, mọi việc xảy ra với hấn ở nơi ấy là có thật. Giờ thì chỉ còn độc một hy vọng mong manh: may ra thì hai ngày ở Wellington đã chỉ bằng một cái nháy mắt ở thế giới này. May ra thì Flora sẽ không bao giờ biết là hấn đã ở đó. Có như thế mới thoát được vấn đề phải giải thích chuyện hấn đã đi đâu, vì Brick biết rằng sự thật sẽ rất khó nuốt, nhất là với một người đàn bà cả ghen như Flora, và khổ hơn nữa là hấn sẽ không đủ sức mà cũng chẳng lòng nào mà bịa ra một câu chuyện cho nó có vẻ đáng tin hơn, một chuyện gì đó để chị đỡ nghi ngờ, để chị hiểu rằng sự vắng mặt hai ngày của hấn chẳng liên quan gì đến một người đàn bà nào cả.

Không may cho Brick, đồng hồ ở cả hai thế giới này lại đều chỉ cùng một giờ. Flora biết sự vắng mặt của hấn, và khi trở mình trong giấc ngủ và bất ngờ đụng phải hấn, chị lập tức giật mình tỉnh giấc. Mọi lo lắng của hấn dội lại trong tia nhìn mừng rỡ đang ủa tới từ đôi mắt nâu đăm đăm đuôi của chị, và đột nhiên hấn thấy xấu hổ, tự mắng mình rằng sao đã có lúc dám nghi ngờ tình yêu của vợ.

Owen đẩy ư? chị hỏi, như đang không dám tin một tí nào. Có phải anh thật đấy không?

Anh đây, Flora, hẳn nói. Anh về rồi đây.

Chị choàng tay ôm lấy hẳn, xiết chặt hẳn vào da thịt trần mịn màng của mình. Em đã phát rồ hết cả người, chị nói, âm của từ rồ rung lên bần bật. Phát rồ đến mất trí. Thế rồi, khi thấy cái băng dính trên má và những cái miệng sung vù của hẳn, vẻ mặt chị bỗng thành ra hốt hoảng. Có chuyện gì vậy? chị hỏi. Anh bị người ta đánh đau thế này hả cưng.

Phải mất hơn một tiếng đồng hồ hẳn mới kể hết được câu chuyện về chuyến đi bí hiểm đến cái nước Mỹ kia. Hẳn chỉ không nhắc đến lời Virginia nói muốn bỏ bùa cho hẳn phải tụt quần ra và fấc hẳn đến mù mị thì thôi, nhưng đó chỉ là một chi tiết vụn vặt, và hẳn chẳng muốn làm Flora phải điên đầu vì những cái không có ý nghĩa gì lắm đến câu chuyện. Khó nhất là đoạn cuối, khi hẳn cố thuật lại cuộc nói chuyện với Frisk. Ngay khi ấy hẳn đã chẳng hiểu mô tê gì lắm rồi, và bây giờ khi hẳn đã về lại căn hộ của mình, đã đang ngồi trong bếp uống cà-phê với vợ, toàn bộ câu chuyện về sự hiện hữu của nhiều thực tại và nhiều thế giới do những tâm trí khác mơ hoặc tưởng tượng ra ấy càng trở nên vô cùng ngớ ngẩn. Hẳn lắc đầu, như muốn xin lỗi vì đã không thể làm cho nó dễ hiểu hơn được. Nhưng liều thuốc tiêm thì là thật, hẳn nói. Cả cái lệnh phải bắn chết August Brill cũng là thật. Và nếu không chịu thi hành mệnh lệnh ấy thì cả hẳn và Flora sẽ bị nguy hiểm ngay lập tức.

Cho đến lúc ấy, Flora đã im lặng ngồi nghe, kiên nhẫn nhìn chồng kể câu chuyện phi lý và nực cười mà chị cho là một thứ vớ vẩn ketchup xù nhất mà con người có thể dựng nên được. Bình thường ra thì chị đã vù vù nổi trận lôi đình kết tội hẳn là lừa dối, nhưng tình cảnh này lại không bình thường, mà Flora, người đã biết tông mọi thói tật của Brick, người đã từng chỉ trích phê phán hẳn không biết bao nhiêu lần trong ba năm chung sống vợ chồng, thì lại chưa một lần nào gọi hẳn là kẻ nói dối, và thế là khi phải đối mặt với câu chuyện phi lý này, chị thấy mình choáng váng, không còn biết nói gì nữa.

Anh biết chuyện này rất khó tin, Brick nói. Nhưng là sự thật cả đấy, không sai một lời nào đâu.

Và anh nghĩ là em sẽ tin anh hả Owen?

Bản thân anh cũng thấy rất khó tin. Nhưng tất cả đã xảy ra như vậy, Flora, đúng như lời anh nói với em.

Anh nghĩ em là đồ ngốc hả?

Em nói gì cơ?

Một là anh cho em là đồ ngốc, hai là anh phát điên rồi.

Anh không cho em là ngốc, mà anh cũng chưa phát điên.

Anh nói hệt như mấy thằng hóa dại. Anh biết đấy, mấy thằng bảo là đã bị người ngoài hành tinh bắt cóc ấy. Người sao Hỏa trông ra sao hả Owen? Họ có tàu vũ trụ to không?

Thôi đi, Flora. Chẳng buồn cười đâu.

Buồn cười ư? Ai định khôi hài ở đây vậy? Em chỉ muốn biết là anh đã đi đâu.

Anh đã nói rồi. Đừng tưởng là anh đã không định bịa ra chuyện khác. Những chuyện ngu xuẩn đại loại như anh đã bị cướp và mất hết trí nhớ trong hai ngày. Hoặc là bị ô tô cán. Hay ngã cầu thang ở ga tàu điện ngầm. Những chuyện vớ vẩn như thế. Nhưng anh đã nhất quyết phải nói cho em biết sự thật.

Có thể thế thật. Rốt cuộc thì anh đã bị đánh mà. Có thể là anh đã nằm lăn lóc trong một con hẻm trong hai hôm vừa rồi, và đã mơ thấy tất cả những chuyện kia.

Thế tại sao anh lại có cái này trên cánh tay? Một hộ lý đã dán nó vào đó sau khi họ tiêm cho anh. Đó là cái cuối cùng anh còn nhớ được trước khi mở mắt dậy sáng hôm nay.

Brick xắn tay áo bên trái lên, chỉ vào một mẩu băng dính nhỏ màu da người phía bên trên cánh tay, rồi dùng bàn tay phải bóc nó ra. Nhìn đây này, hấn nói. Em có thấy cái vẩy bé tí này không. Vết kim tiêm đây.

Nó chẳng có nghĩa gì cả, Flora đáp, phủ định bằng chứng cụ thể duy nhất của Brick. Anh có thể có cái vẩy ấy bằng hàng triệu cách khác nhau.

Đúng thế. Nhưng sự thật là chỉ có một cách đã thực sự xảy ra, đúng như anh đã kể với em. Đây là vết kim tiêm của Frisk.

Được rồi Owen, Flora nói, cố không nổi cáu, có lẽ ta hãy thôi nói chuyện này cái đã. Anh đã về. Đó là điều quan trọng duy nhất đối với em. Lạy Chúa, cung ơi, anh không biết hai hôm vừa rồi nó như thế nào đâu. Em đã phát cuồng, nghĩa là điên một trăm phần trăm rồi ấy. Em tưởng là anh đã chết. Em tưởng là anh đã bỏ em. Em tưởng là anh đi theo một con nào khác. Nhưng mà anh đã về. Như một phép lạ ấy, mà nếu anh muốn biết sự thật thì để em nói anh nghe, em thực sự không cần biết chuyện gì đã xảy ra nữa. Anh đã đi, và bây giờ anh đã về. Hết chuyện, được chưa nào?

Chưa, Flora, chưa được đâu. Anh đã về, nhưng câu chuyện ấy chưa chấm dứt. Anh phải lên Vermont để bắn chết Brill. Anh không biết mình có bao nhiêu thời gian, nhưng anh không thể ngồi đợi quá lâu. Nếu không làm việc ấy, họ sẽ truy nã chúng ta. Một viên đạn cho em và một viên đạn cho anh. Frisk đã nói thế, và ông ta không đùa đâu.

Brill, Flora dần giọng, làm như cái tên ấy là một từ bản thiu trong một ngôn ngữ ngoại lai nào đó. Em cuộc với anh là không hề có lão trên đời này.

Anh đã thấy ảnh lão, nhớ không nào?

Một cái ảnh thì chúng mình được gì?

Anh cũng nói hệt như thế lúc Frisk đưa cái ảnh ấy cho anh xem.

Thôi được, mình có một cách này. Nếu là văn sỹ cỡ bự thì thể nào lão cũng phải có ở trên internet. Mình thử bật máy lên xem thử nào.

Frisk nói lão đã được giải Pulitzer khoảng hai chục năm trước đây. Nếu tên lão không có trong danh sách thì chúng ta thoát. Còn nếu có thì phải coi chừng, Flora bé bỏng của anh ạ, vì chúng ta sẽ lòi thối to đấy.

Không có đâu Owen. Chắc chắn là như vậy. Không có Brill nào cả, cho nên sẽ không có tên hấn ở đó.

Nhưng mà lại có. August Brill, được giải phê bình văn học Pulitzer năm 1984. Hai vợ chồng tiếp tục tìm, và chỉ mấy phút sau họ đã lục ra hàng đống thông tin, kể cả tư liệu tiểu sử trong cuốn Nhân vật chí của Mỹ (sinh năm 1935 tại thành phố New York; kết hôn với Sonia Weil năm 1957, li dị năm 1975; lấy Oona McNally năm 1976, li dị năm 1981; con gái là Miriam sinh năm 1960; bằng Cử nhân đại học Columbia năm 1957; bằng tiến sỹ danh dự của Đại học Williams và Học viện Pratt; thành viên của Học viện Khoa học và Nghệ thuật Mỹ; tác giả của hơn 1500 bài viết, điểm sách và chuyên mục trên các báo và tạp chí; biên tập mục điểm sách của tờ Boston Globe từ 1972 đến 1991), có một trang

web đăng hơn 400 bài của lão viết trong giai đoạn từ 1962 đến 2003, cùng một số ảnh chụp Brill hồi ba mươi, bốn mươi và năm mươi tuổi, trông biết ngay là hình ảnh thời trẻ của lão già ngồi trên xe đẩy trước cửa ngôi nhà gỗ màu trắng ở Vermont.

Brick và Flora đang ngồi cạnh nhau bên cái bàn nhỏ trong phòng ngủ, mắt dán vào màn hình trước mặt, quá sợ hãi đến nỗi không dám nhìn nhau khi thấy hy vọng của họ tan thành mây khói. Cuối cùng, Flora tắt cái máy tính xách tay rồi nói bằng một giọng trầm run rẩy: chắc là em sai rồi, hả?

Brick đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng. Giờ thì em tin anh rồi chứ? hấn hỏi. Cái lão Brill này, cái lão August Brill chết tiệt này... Vừa mới hôm qua anh mới nghe đến tên lão. Làm sao anh bịa ra chuyện này được? Anh không đủ khôn để nghĩ ra dù chỉ là một nửa câu chuyện anh vừa kể cho em, Flora ạ. Anh chỉ là một thằng làm trò ảo thuật cho tụi nhóc xem mà thôi. Anh không đọc sách, không biết tí gì về phê bình sách, mà cũng chẳng quan tâm gì đến chính trị. Đừng bắt anh phải giải thích, nhưng anh vừa trở về từ một nơi đang có nội chiến. Và bây giờ thì anh phải đi giết một người.

Hấn ngồi xuống mép giường, bị áp đảo hoàn toàn bởi tình thế dữ dằn và tất cả những bất công đang xảy ra với mình. Nhìn Brick với cặp mắt lo lắng, Flora bước tới và ngồi xuống cạnh hấn. Chị quàng tay ôm vai hấn, tựa đầu vào vai hấn và nói: Anh không phải đi giết ai cả.

Anh bắt buộc phải đi, Brick nói, cắn mắt xuống sàn nhà.

Em không biết có nên nghĩ ngợi gì không, Owen, nhưng hãy nghe em nói đây này, anh không phải đi giết ai hết. Anh cứ mặc kệ người ấy đi.

Không thể được.

Vậy anh tưởng em lấy anh là vì sao hả? Là bởi vì anh là một người dịu dàng, anh yêu ạ, một người trung thực và tử tế. Em không lấy một kẻ sát nhân. Em lấy anh, Owen Brick vui tính của em, và em sẽ không để anh đi giết người rồi ngồi tù cho đến hết đời đâu.

Không phải là anh muốn. Chỉ là vì anh chẳng có cách nào khác.

Đừng nói thế. Ai cũng có cách của mình. Mà hơn nữa, đừng tưởng là anh có thể làm được việc này. Có thực là anh sẽ có thể bước vào nhà người ta, chìa súng vào đầu người ta, rồi lạnh lùng bắn chết người ta sao? Có hàng trăm năm nữa anh cũng chẳng làm được đâu, Owen ạ. Con người anh không làm được một việc như thế đâu. Cảm ơn Chúa.

Brick biết là Flora nói đúng. Hắn sẽ không bao giờ có thể giết một người lạ vô tội, ngay cả khi việc ấy có quyết định sống chết đối với hắn, mà đúng là như thế thật. Bật ra một tiếng thở dài run rẩy, Brick vuốt tóc Flora và nói: Vậy thì anh phải làm gì?

Không làm gì cả.

Em nói không làm gì cả nghĩa là sao?

Chúng ta sẽ lại bắt đầu sống. Anh làm việc anh, em lo việc em. Chúng ta ăn, ngủ và thanh toán các hóa đơn. Chúng ta rửa bát đĩa và hút bụi sàn nhà. Chúng ta cùng nhau sinh con. Anh đặt em vào bể tắm và gội đầu cho em. Em kì lưng cho anh. Anh tập các tiết mục ảo thuật mới. Chúng ta đi thăm bố mẹ và lắng nghe mẹ anh phàn nàn về sức khỏe. Chúng ta tiếp tục như thế, cùng ạ, tiếp tục sống cuộc đời bé mọn của mình. Em muốn nói thế đấy. Không làm gì cả nghĩa là như vậy.

Một tháng trôi qua. Sau khi Brick về nhà được một tuần thì Flora tắt kính, họ tự xét nghiệm bằng thuốc thử thông thường và biết rằng nếu mọi chuyện diễn ra bình thường thì đến tháng Giêng tới họ sẽ thành bố thành mẹ. Họ ăn mừng cái kết quả dương tính ấy bằng cách đến một tiệm ăn thời thượng trong Manhattan quá với khả năng của họ nhiều, uống cạn một chai sâm-banh Pháp trước khi gọi món, rồi ăn hết cả một xuất đúp bí-tết khổng lồ mà Flora cho rằng ngon gần bằng thịt bò ở Argentina. Hôm sau, Brick đến nha sỹ lần thứ hai làm nốt cái bít và cho chiếc răng nanh gãy, và hắn lại bắt đầu lại công việc của nhà ảo thuật Zavello Vĩ Đại. Sục sạo khắp thành phố trên chiếc Mazda vàng rúm rỏ, hắn khoác bộ áo choàng và biểu diễn ở các buổi gặp mặt tại các trường tiểu học, nhà dưỡng lão, trung tâm cộng đồng và các buổi liên hoan tư gia, lôi chim bồ câu và thả ra từ cái mũ quả dưa, làm những giải khăn lụa biến mất, nhật trứng trong không trung, và biến những tờ báo buồn thảm thành những bó hoa cúc, tulip và hoa hồng sắc sỡ. Flora, đã bỏ việc phục vụ từ hai năm trước và đang làm nhân viên tiếp tân tại một văn phòng bác sỹ trên Đại lộ Park, thì vừa bị sếp từ chối không chịu tăng lương thêm hai chục đô-la. Chị nổi đóa vì lòng tự trọng bị xúc phạm và dùng đùng bỏ về, nhưng khi nói chuyện với Brick tối hôm đó, hắn lại khuyên chị sáng hôm sau nên trở lại xin lỗi bác sỹ Sontag, và chị làm theo lời, rồi vì ông bác sỹ cũng không muốn mất một người làm vừa chăm chỉ vừa có năng lực nên đã đồng ý tăng lương cho chị thêm mười đô-la, cũng là số tiền chị mong đợi lúc đầu. Dù sao tiền nong vẫn cứ là một vấn đề, và vì sắp có con, Brick và Flora đều chưa biết sẽ như thế nào với số tiền họ đang kiếm được khi có thêm một miệng ăn nữa. Một chiều Chủ Nhật ẩm đạm gần cuối tháng, họ còn bàn đến chuyện có thể Brick sẽ đi làm cho ông anh họ Ralph là chủ một hãng môi giới bất động sản khá giả ở khu Park Slope. Ảo thuật sẽ chỉ còn là một việc làm phụ, không hơn gì một thú tiêu khiển vào ngày nghỉ, và Brick miễn cưỡng chấp nhận sự thay đổi lớn lao ấy, thề rằng phải kiếm được những việc nhiều tiền có thể giúp họ dễ thở hơn. Trong khi đó, hắn vẫn không quên chuyến đi tới cái nước Mỹ nọ.

Wellington vẫn nóng bỏng trong người hắn, và ngày nào hắn cũng nghĩ đến Tobak, Molly Wald, Duke Rothstein, Frisk, và khó chịu nhất là Virginia Blaine. Hắn không làm thế nào được. Flora đã dịu dàng với hắn hơn nhiều kể từ ngày hắn trở về, đã biến thành một người bạn đời đầy yêu thương mà hắn vẫn luôn mong ước, và mặc dù rõ ràng là hắn cũng đáp lại tình yêu ấy của vợ, Virginia vẫn cứ luôn ở đó, rình rập trong một góc tâm trí hắn, nhẹ nhàng dán băng lên má hắn và bảo hắn rằng vẫn muốn bỏ bùa để hắn phải tụt quần ra với thị. Có lẽ để bù lại thế nào đó, hắn bắt đầu đọc những bài điếm sách ngày xưa của Brill có trên internet - tất nhiên là rất kín đáo, vì hắn không muốn Flora biết là hắn vẫn nghĩ đến người mà hắn đã được lệnh phải giết - và mỗi lần gặp một bài viết về cuốn sách nào đó có vẻ hay, hắn lại đến thư viện mượn cuốn sách ấy về. Trước hắn thường ngồi xem tivi với Flora trên chiếc sofa trong phòng khách cả buổi tối. Giờ thì hắn nằm đọc sách trên giường. Cho đến giờ, phát hiện quan trọng nhất của hắn là Chekhov, Calvino và Camus[6].

*[6] Anton Chekhov (1860-1904) - nhà văn Nga, nổi tiếng vì truyện ngắn và kịch; Italo Calvino (1923-1985) - nhà báo và nhà văn Ý rất nổi tiếng ở Anh và Mỹ, được coi là người có thể được giải Nobel văn chương nếu ông còn sống thêm ít năm nữa; Albert Camus (1913-1960) - nhà văn Pháp gốc Algeria theo thuyết hiện sinh, được giải Nobel Văn chương năm 1957.*

Cứ như thế, Brick và Flora bơi trong cái chẳng làm gì ấy của đời sống vợ chồng, cuộc đời bé mọn mà chị đã như hắn trở lại bằng linh cảm lạnh mạnh của một người đàn bà không tin vào các thế giới khác, người biết rằng chỉ có duy nhất một thế giới này thôi và mọi nô nê thường nhật với những va chạm chốc lát và lo lắng tiền nong đều là một phần cốt tử của nó, rằng mặc dù những đón đau buồn chán bực dọc, sống trong thế giới này vẫn là nẻo gần nhất để ta có thể nhìn thấy thiên đường. Sau những giờ phút khủng khiếp ở Wellington, Brick cũng chỉ còn mong có thể, cái vất vả quay cuồng của New York, tấm thân trần của Floratina bé nhỏ, công việc của Zavello Vĩ Đại, đứa con đang lớn lên từng ngày trong bụng mẹ, nhưng tận đáy lòng hắn biết rằng hắn đã bị ô nhiễm bởi chuyến đi sang cái thế giới kia, và rằng sớm muộn gì rồi mọi thứ cũng phải kết thúc. Hắn đã nghĩ đến việc lái xe lên Vermont và nói chuyện với Brill. Liệu có thể thuyết phục ông già ấy thôi đừng nghĩ đến câu chuyện của hắn nữa hay không? Hắn thử tưởng tượng ra cuộc đối thoại ấy, cố tìm từ ngữ sẽ dùng để trình bày lý lẽ của mình, nhưng lần nào cũng chỉ thấy Brill đang cười vào mặt hắn, điệu cười khó chịu của một người coi hắn là thằng khờ, một kẻ thiếu năng tâm thần, rồi lập tức tổng hắn ra khỏi cửa. Thế là Brick không làm gì cả, và đúng một tháng sau khi từ Wellington trở về, vào tối ngày 21 tháng Năm, khi hắn đang ngồi trong phòng khách với Flora, đang khoe một mẹo ảo thuật bài lá mới cho chị vợ đang cười, thì có tiếng gõ cửa. Brick biết ngay lập tức, không phải nghĩ ngợi gì cả. Hắn bảo Flora đừng mở cửa, hãy chạy ngay vào phòng ngủ và trèo xuống phố thật nhanh bằng thang cứu hỏa, nhưng Flora búng bình táo tợn lại không hề biết được như hắn và chị vừa phớt lờ những lời hốt hoảng của hắn vừa làm đúng cái mà hắn đang bảo chị đừng làm. Vùng ra khỏi sofa trước khi hắn tóm được tay chị, Flora nhảy nhót chạy ra cửa với một động tác quay vòng riểu cợt rồi vịn tay nắm giật tung cửa ra. Hai người đàn ông đang đứng đó, Lou Frisk và Duke Rothstein, và vì người nào cũng lăm lăm một khẩu súng lục ở quay chìa thẳng vào Flora, Brick không còn dám động đậy gì nữa, đành ngồi chết dí trên sofa. Lý thuyết mà nói thì hắn vẫn có thể chạy trốn, nhưng chỉ cần hắn đứng lên thôi là người mẹ của đứa con hắn sẽ chết.

Các ông là đéo ai thế này? Flora giận dữ hét lên.

Ngồi xuống cạnh chồng bà đi, Frisk đáp, vẩy khẩu súng về phía cái sofa. Chúng tôi có việc phải bàn với ông nhà.

Quay lại Brick với vẻ mặt đau đớn khổ sở, Flora nói: Chuyện gì thế này hả cưng?

Lại đây em, Brick nói, vỗ vỗ cái sofa. Súng ấy không phải đồ chơi đâu, em phải làm theo lời họ.

Lần này thì Flora không cưỡng lời, và trong lúc hai người đàn ông bước vào rồi đóng cửa lại, chị đến và ngồi xuống cạnh chồng.

Đây là bạn anh, Brick nói với chị. Duke Rothstein và Lou Frisk. Anh đã kể cho em về họ đấy, còn nhớ không nào? Đấy, chính là họ đấy.

Trời đất quý thần ơi, Flora lúng búng, bấy giờ thì sợ chết khiếp.

Frisk và Rothstein ngồi xuống hai chiếc ghế đối diện với sô-pha. Những lá bài vừa được dùng để khoe cái mẹo mới vẫn vung vãi trên bàn nước trước mặt họ. Nhặt một lá bài lên và lật nó trong tay, Frisk nói: Rất mừng là anh vẫn nhớ đến chúng tôi, Owen. Chúng tôi đã bắt đầu có những nghi ngại này khác.

Đừng lo, Brick nói. Tôi không quên một bộ mặt nào hết.

Cái răng thế nào? Rothstein hỏi, trông như nửa cười nửa nhăn nhó.

Khá hơn nhiều rồi, cảm ơn, Brick nói. Tôi đến nha sỹ, họ đã vá bịt nó lại.

Xin lỗi đã đánh anh mạnh thế. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh, tôi phải thi hành thôi. Chiến thuật hù dọa mà. Hình như cũng không thành công lắm, nhỉ?

Đã bao giờ anh bị chữa súng vào người chưa? Frisk hỏi.

Có tin không thì tùy, Brick nói, nhưng đây là lần đầu đấy.

Có vẻ anh cũng khá bình tĩnh đấy chứ.

Tôi vẫn thường xuyên tưởng tượng đến cảnh này. Cảm thấy như nó đã diễn ra thật rồi.

Nghĩa là anh vẫn đang chờ đợi chúng tôi.

Thì tất nhiên là thế. Chỉ lạ một điều là các anh đã không đến sớm hơn.

Chúng tôi tính cứ cho anh một tháng. Đây là một nhiệm vụ khó, có lẽ cho anh có ít thời gian tự chuẩn bị cũng là công bằng. Nhưng giờ thì hết một tháng đó rồi, mà chúng tôi vẫn chưa thấy kết quả gì. Anh có muốn tự mình giải thích không?

Tôi không thể làm được. Chỉ có vậy. Đúng là tôi không thể làm được.

Trong lúc anh ngồi rồi ở Jackson Heights, chiến tranh đã ngày càng ác liệt. Lính Liên bang mở cuộc tấn công mùa xuân, và hầu hết các thành phố ở duyên hải phía Đông đã đều bị đánh. Chiến dịch Thống nhất, chúng gọi thế. Một triệu rưỡi người nữa đã thiệt mạng trong lúc anh ngồi đánh vật với lương tâm ở đây. Twin Cities đã bị chiếm ba tuần trước, một nửa tiểu bang Minnesota lại rơi vào tay Liên bang. Nhiều khu vực rộng lớn của Idaho, Wyoming và Nebraska đã bị biến thành những trại tù binh. Tôi có nên kể nữa không?

Thôi thôi, tôi hình dung được rồi.

Anh phải làm việc đó, Brick ạ.

Rất tiếc, nhưng tôi không thể làm được.

Anh vẫn nhớ đến hậu quả chứ, có nhớ không?

Có phải vì thế mà các anh đến đây?

Cũng chưa phải. Chúng tôi đang gia hạn cho anh. Một tuần kể từ hôm nay. Nếu không giải quyết được Brill vào lúc nửa đêm ngày hôm sau, Duke và tôi sẽ trở lại, và lúc ấy chúng tôi sẽ nạp đạn đầy đủ. Anh nghe rõ chứ, Hạ sỹ? Một tuần kể từ hôm nay, nếu không anh và vợ anh sẽ chết vô ích.

\*\*\*

Không biết đã mấy giờ rồi. Kim chiếc đồng hồ báo thức không có lân tinh phát sáng, mà tôi sẽ không bật đèn lên để rồi lại phải chịu đựng những tia chói lòa ấy của sợi bóng đèn. Tôi vẫn định bảo Miriam mua hộ một cái đồng hồ có lân tinh, nhưng cứ sáng ra là quên bẵng. Ánh sáng xóa mất cái ý nghĩ ấy, và tôi lại chỉ nhớ đến nó lúc đã nằm trên giường, thao thức như bây giờ, ngược lên cái trần nhà vô hình trong căn phòng vô hình này của tôi. Không thể chắc được, nhưng có lẽ đã hơn hai rưỡi gần ba giờ gì đó. Thời gian cứ dần trôi, từng tí một...

Cái trang web là ý tưởng của Miriam. Nếu biết ý định của nó thì tôi đã bảo nó đừng phải mất thì giờ, nhưng nó đã giữ kín không để tôi biết (thông đồng với mẹ nó, là người đã cất giữ tất cả những gì tôi đã từng xuất bản, từng mẩu một), và khi nó về New York dự bữa tối sinh nhật lần thứ 70 của tôi, nó dẫn tôi vào phòng làm việc, bật cái máy xách tay của tôi lên, và cho tôi xem việc nó đã làm. Những bài viết ấy nào có đáng được như vậy, nhưng chỉ nghĩ đến việc con gái đã mất không biết bao nhiêu công để đánh máy lại những trang viết cở lổ ấy của mình - vì *hậu thế*, như lời nó nói - tôi đã gần như bàng hoàng vì xúc động, không còn biết nói gì nữa. Thường thì tôi vẫn đánh lạc hướng những màn bi lụy bằng một lời rảo hoảnh hoặc một nhận xét tinh tế, nhưng tối hôm đó tôi chỉ quàng tay ôm lấy Miriam và chẳng nói gì cả. Sonia khóc, dĩ nhiên rồi. Nàng luôn luôn khóc mỗi khi hạnh phúc, nhưng vào dịp ấy thì nước mắt của nàng đặc biệt cay đắng và kinh khủng đối với tôi, vì chứng bệnh ung thư của nàng vừa được phát hiện chỉ mới ba ngày trước đó với một chẩn đoán ảm đạm, chỉ biết là rất nguy kịch. Không ai nói một lời nào về chuyện ấy, nhưng cả ba chúng tôi đều biết rằng có thể nàng sẽ không còn nữa vào dịp sinh nhật sau của tôi. Và quả nhiên, hy vọng một năm như thế cũng đã là quá dài.

Tôi không nên như thế này. Tôi đã tự hứa không để mình rơi vào bẫy của những ý nghĩ và hồi ức về Sonya, không thể như vậy được. Tôi không thể khủng hoảng vào lúc này và chìm vào tuyệt vọng với sâu muộn và ân hận. Tôi sẽ gào rú và đánh thức con cháu ở trên gác mất thôi - hoặc sẽ loay hoay nhiều giờ nữa để tìm ra những cách tự tử lạ lùng khéo léo hơn. Nhiệm vụ ấy đã để dành cho Brick, nhân vật chính trong câu chuyện đêm nay. Có lẽ vì thế mà hắn và Flora mới bật máy tính lên và vào xem trang web của Miriam. Có vẻ quan trọng là nhân vật anh hùng của chúng ta phải biết về tôi một chút, hiểu cái người hắn phải giết là loại người gì, và bây giờ khi hắn đã nhúng mũi vào mấy cuốn sách tôi giới thiệu, chúng tôi đã bắt đầu có ràng buộc với nhau. Nó đang trở nên khá phức tạp đây, có vẻ thế, nhưng quả thật là trong dự kiến ban đầu của tôi không hề có nhân vật Brill. Cái tâm trí đã tạo nên cuộc chiến tranh sẽ thuộc về một ai đó khác cơ, một nhân vật hư cấu khác, không có thật, cũng hết như Brick, Flora, Tobak và tất cả những người khác, nhưng càng kéo dài câu chuyện tôi càng nhận ra là tôi đã đang tự dối mình như thế nào. Đây là câu chuyện về một người phải giết cái người đã tạo ra hắn, vậy thì tại sao lại phải giả vờ rằng tôi không phải là người ấy? Khi đưa chính tôi vào câu chuyện này, nó trở thành có thật. Còn không thì tôi sẽ hóa ra không thật, chỉ còn là một chấm màu nữa trong tưởng tượng của chính mình. Đẳng nào thì hiệu quả cũng thỏa đáng hơn, hài hòa với tâm trạng của tôi hơn - vốn đen tối, các con ạ, đen tối như đêm hạt huyền đang ở quanh ta đây.

Tôi tiếp tục làm nhảm, thả cho ý nghĩ bay loạn xạ để Sonya không lọt vào được, nhưng dù đã gắng sức, nàng vẫn ở đó, một người vắng mặt luôn túc trực, người đã qua biết bao nhiêu đêm với tôi trên chiếc giường này, giờ đang nằm dưới một ngôi mộ trong nghĩa địa Montparnasse, người vợ Pháp 18 năm của tôi, rồi 9 năm cách biệt, rồi lại 21 năm nữa bên nhau, 39 năm tất cả, 41 nếu tính cả hai năm trước đám cưới, già nửa cuộc đời tôi, hơn thế nhiều, thế mà cũng chỉ còn lại mấy hộp ảnh và bầy cái đĩa hát đã sây sước, những đĩa hát nàng đã thu trong những năm sáu mươi và bảy mươi, Schubert,



Mozart, Bach, và cơ hội được nghe lại giọng hát của nàng, cái giọng nhỏ nhưng tuyệt đẹp, thấm đẫm cảm xúc, chứa đựng nhiều hồn cốt của nàng đến thế. Những bức ảnh... và âm nhạc... và Miriam. Nàng còn để lại cả đứa con của chúng tôi, không thể bỏ qua chuyện này được, đứa con mà nay không còn là trẻ con nữa, và thật lạ lùng khi nghĩ rằng nếu không có nó chắc tôi đã hư nát rồi, chắc chắn là đêm nào cũng say khướt nếu vẫn chưa chết hoặc nằm liệt sống bằng thuốc và tiêm truyền ở một bệnh viện nào đó. Lúc nó bảo tôi về với nó sau vụ tai nạn, tôi đã lịch sự từ chối, nói rằng nó đã đủ vất vả lắm rồi không cần phải thêm tôi vào nữa. Nó nắm lấy tay tôi và nói: Không, bố ơi, bố không hiểu rồi. Con cần bố. Con cô đơn khủng khiếp ở cái nhà đó, không biết còn chịu đựng được bao lâu nữa. Con cần có người chuyện trò. Con cần nhìn thấy ai đó, có ai ăn tối cùng, có ai thỉnh thoảng ôm con vào lòng và bảo rằng con không phải là một người đáng ghét.

Mấy từ *một người đáng ghét* ấy chắc phải là của thằng Richard, một câu mớ chí phọt ra từ miệng nó trong một cuộc cãi lộn như nhuốc lúc kết thúc cuộc hôn nhân của chúng. Người ta nói những điều tệ hại nhất trong lúc giận dữ, và tôi thật đau lòng vì Miriam đã để cho những lời ấy ám vào nó như một lời phán quyết cuối cùng về bản tính của mình, một lời kết án cả con người lẫn sự nghiệp của nó. Có những tầng sâu thiên lương trong đứa con gái này, kiểu như cái lòng tốt luôn tự trừng phạt mình mà Noriko là hiện thân trong bộ phim nọ, và vì thế mà gần như không thể tránh được rằng con gái tôi đã tiếp tục coi mình là có lỗi vì những gì đã xảy ra, cho dù Richard có phải là kẻ ruồng bỏ hay không cũng mặc. Không biết tôi có giúp gì được nó không, nhưng ít nhất thì nó cũng không còn đơn độc nữa. Hai bố con đã ổn định được một nếp sống khá thoải mái trước khi Titus bị tử nạn, và bố chỉ muốn con nhớ điều này Miriam ạ: lúc Katya gặp nạn, nó đã không tìm đến cha nó, mà tìm đến con.

\*\*\*

Lúc này, Frisk và Rothstein vừa mới đi. Cửa vừa đóng lại sau lưng họ là Flora bắt đầu chửi rửa bằng tiếng Tây Ban Nha, tuôn ra một tràng dài những từ ngữ ghê gớm Brick không thể nghe kịp, bởi vốn liếng của hắn chỉ vồn vện mấy từ như *Xin chào* và *Tạm biệt*, nhưng hắn cũng không ngắt lời vợ, chỉ lẳng lẳng co mình trong ba mươi giây ngỡ ngàng ấy để ngẫm nghĩ về tình trạng tiến thoái lưỡng nan của cả hai vợ chồng và tìm xem sẽ phải làm gì. Hắn thấy lạ, hình như mọi nỗi sợ hãi đã tan biến hết, mới chỉ mấy phút trước hắn đã tin chắc là cả hai vợ chồng sắp chết đến nơi rồi, nhẽ ra sau khi bất ngờ thoát nạn thì hắn phải lẩy bẩy hốt hoảng lắm mới phải, thế mà hắn lại thấy bình thản vô cùng. Hắn đã thấy cái chết của mình trong họng súng của Frisk, và dù cho cái họng súng ấy đã không còn ở đó nữa, cái chết vẫn ở nguyên cạnh hắn, như thể giờ đây hắn chỉ còn có nó, và mọi rơi rớt của sự sống đều đã bị cái chết ấy trộm đi mất rồi. Mà nếu Brick đã tận số như thế thì việc hắn cần làm ngay là phải cứu Flora bằng cách cho chị rời khỏi hắn ngay, càng xa càng tốt.

Brick bình thản, nhưng hình như điều ấy chẳng có tác dụng gì với vợ hắn đang mỗi lúc một thêm cuồng quít nôn nả hơn.

Mình làm gì đây? chị nói. Lạy Chúa, Owen, mình không thể ngồi chờ bọn họ quay lại. Em không muốn chết. Chết lúc hăm bảy tuổi thì ngu xuẩn quá. Em không biết nữa... nhưng có lẽ mình nên chạy trốn đến một nơi nào đó.

Không ăn thua gì đâu. Có đi đâu thì bọn họ cũng sẽ tìm ra mình thôi.

Thế thì có lẽ anh phải giết cái lão già kia thôi, rốt cuộc là vậy.

Mình đã nói chuyện này mãi rồi. Em phản đối việc ấy mà, còn nhớ không?

Lúc ấy em chưa biết gì cả. Bây giờ em biết rồi.

Như vậy thì có khác gì đâu. Anh không thể làm được việc ấy, mà nếu có đi nữa thì rốt cuộc anh cũng rũ tù thôi.

Ai bảo là anh sẽ bị bắt nào? Nếu nghĩ ra được một kế hoạch tốt thì có lẽ anh sẽ thoát chứ?

Thôi đi nào, Flora. Em cũng không muốn anh làm việc ấy, hết như anh mà.

Ôkê, vậy thì mình sẽ thuê ai đó làm cho anh.

Thôi nào. Mình sẽ không giết ai cả. Em có hiểu anh không hả?

Thế thì thế nào? Nếu không làm gì cả thì chỉ một tuần nữa là mình sẽ chết, kể từ đêm nay.

Anh sẽ cho em đi xa. Đó là bước đầu tiên. Về với mẹ em ở Buenos Aires.

Nhưng anh vừa bảo có đi đâu thì họ cũng sẽ tìm ra mình kia mà.

Họ không quan tâm đến em. Anh mới là người họ truy đuổi, và khi mình mỗi đứa một nơi thì họ sẽ không bận tâm đến em nữa đâu.

Anh bảo gì cơ hả Owen?

Thì anh muốn em được an toàn.

Còn anh thì sao?

Đừng lo. Anh sẽ có cách. Anh sẽ không để mình bị hai cái thằng điên ấy giết chết đâu, anh hứa đấy. Em cứ xuống thăm mẹ một thời gian, lúc em về anh sẽ lại đợi em trong căn hộ này của mình. Hiểu chưa nào?

Em không thích thế đâu Owen.

Em không cần phải thích. Nhưng em phải làm đúng như vậy. Vì anh.

Tối hôm đó họ đăng ký một vé khứ hồi đi Buenos Aires, và sáng hôm sau Brick lái xe đưa Flora ra sân bay. Hắn biết đây là lần cuối cùng, nhưng vẫn cố hết sức giữ thái độ bình thường không để lộ một tí gì nổi đau đớn đang vò xé tâm can mình. Khi hắn hôn chia tay chị ở cửa an ninh, xung quanh toàn hành khách và nhân viên mặc đồng phục của sân bay, Flora bỗng òa lên khóc. Brick ôm chị vào lòng và vỗ về lên đầu vợ, nhưng giờ đây, khi hắn cảm thấy thân thể chị đang quần quai nép sát vào mình, nước mắt chị đang thấm qua áo mình ấm nóng cả da thịt, hắn không còn biết nói gì nữa.

Đừng bắt em đi, Flora nài nỉ.

Đừng khóc, hắn thì thầm vào tai chị. Chỉ mười ngày thôi em. Em về là mọi chuyện sẽ kết thúc.

Mà nhất định là thế, hắn nghĩ bụng khi lên xe lái về Jackson Heights. Lúc ấy, hắn hoàn toàn muốn giữ lời: sẽ tránh gặp mặt Rothstein và Frisk, sẽ đợi Flora ở nhà khi chị trở về - nhưng không có nghĩa là hắn dự định sẽ sống được cho đến ngày ấy.

*Vậy thì là một vụ tự sát, hắn nhớ đã nói với Frisk như vậy*

*Theo lối vòng vo, đúng thế.*

Brick sắp đến kỳ sinh nhật lần thứ ba mươi của mình, và chưa từng bao giờ nghĩ đến chuyện tự sát. Giờ thì hắn lại chỉ còn biết nghĩ đến chuyện ấy, và trong hai ngày sau đó hắn ngồi trong nhà cố nghĩ

cách nào để rời bỏ thế giới này một cách hữu hiệu và ít đau đớn nhất. Hắn đã định mua súng bắn một phát vào đầu. Hắn đã định dùng thuốc độc. Định cửa đứt cổ tay. Đúng vậy, hắn tự nhủ, từ xưa tới giờ người ta vẫn làm như thế, đúng không nhỉ? Uống nửa chai vodka, nuốt chừng hai ba chục viên thuốc ngủ, chúi vào nằm trong bồn tắm nước nóng, rồi dùng dao cắt thịt cửa đứt động mạch ở cổ tay. Họ đồn là chẳng thấy đau đớn gì.

Rắc rối là ở chỗ vẫn còn những năm ngày nữa, và cứ mỗi một ngày qua đi, tâm trạng bình thản và tự tin đã tràn ngập tâm trí khi hắn nhìn vào họng súng của Frisk cứ vơi dần. Trước thì Chết là kết cục đã được chấp nhận luôn rồi, chỉ còn là một thủ tục tất yếu phải làm trong hoàn cảnh ấy mà thôi, nhưng bây giờ khi bình thản đang dần trở thành bản loạn và tự tin đang tan chảy thành ngờ vực, hắn lại cố tưởng tượng ra cái chai vodka với vốc thuốc ngủ, cái bồn tắm và lưỡi dao, và thế là nỗi sợ cổ xưa bỗng trở lại, mà đã thế rồi thì hắn biết ngay rằng quyết tâm chết của hắn đã tan biến, rằng hắn sẽ không bao giờ đủ can đảm để tự sát như vậy nữa.

Đã bao nhiêu ngày rồi nhỉ? Bốn, không, năm ngày rồi, nghĩa là chỉ còn có bốn mươi tám giờ nữa. Brick vẫn chưa hề nhúc nhích ra khỏi căn hộ của mình. Hắn đã hủy mọi cuộc biểu diễn trong tuần của Zavello Vĩ đại, nói là mình bị cúm, và đã rút hết dây điện thoại ra khỏi ổ. Hắn đoán là Flora thế nào cũng cố liên lạc với hắn, nhưng lúc bấy giờ hắn không thể nào nói chuyện với chị được, biết rằng giọng nói của chị sẽ khiến hắn mất tự chủ và sẽ nói lung tung, hoặc tệ hơn nữa là sẽ khóc, và càng làm cho chị hoảng hốt hơn. Tuy nhiên, đến sáng ngày 27 tháng Năm, rốt cuộc hắn cũng cạo mặt, tắm gương sen và mặc vào người một bộ quần áo sạch tinh tươm. Năng đang ulla vào qua mấy ô cửa sổ, mùa xuân New York đang vẫy gọi, và hắn tin rằng một cuộc đi dạo ngoài trời sẽ làm cho hắn khá hơn. Nếu đầu óc không giải quyết được vấn đề thì có lẽ hắn sẽ tìm được lời giải ở đôi chân của mình vậy.

Nhưng vừa đặt chân xuống vỉa hè thì hắn nghe có người gọi tên mình. Một giọng đàn bà, mà vì lúc ấy chẳng có khách bộ hành nào ở đó, Brick chịu không biết cái giọng ấy từ đâu mà ra. Hắn nhìn quanh, giọng người ấy lại gọi hắn lần nữa, và xem kìa, chính là Virginia Blaine, đang ngồi sau tay lái một chiếc xe đỗ ngay bên kia đường. Trái với lòng mình, Brick thấy vui khác thường khi gặp lại cô ta, nhưng khi bước xuống lòng đường và đi tới chỗ người đàn bà đã ám ảnh mình suốt tháng vừa rồi, sợ hãi bỗng tràn qua trong hắn như một đợt sóng. Lúc đến bên chiếc Mercedes trắng, hắn thấy mạch đập như búa bổ trong đầu.

Chào Owen, Virginia nói. Cậu có một phút chứ?

Tôi không nghĩ là sẽ gặp lại cậu, Brick đáp, nhìn kỹ gương mặt đẹp đẽ của cô bạn cũ, còn đẹp hơn là hắn vẫn nhớ, với mái tóc nâu sẫm ngắn hơn lần gặp trước, cái miệng tinh tế tô son đỏ, đôi mắt xanh lơ với hàng mi dài, và đôi bàn tay thanh mảnh duyên dáng đặt trên tay lái.

Hy vọng là tôi không làm lỡ việc gì của cậu, cô nói.

Hoàn toàn không. Tôi chỉ đang định đi dạo.

Tốt. Vậy mình đi dạo bằng xe chứ, ô kê?

Đi đâu?

Tôi sẽ nói với cậu sau. Mình có nhiều chuyện phải nói với nhau cái đã. Lúc đến nơi cậu sẽ hiểu tại sao tôi lại đưa cậu đến đó.

Brick ngần ngừ, vẫn không biết có nên tin Virginia hay không, nhưng rồi hắn nhận ra rằng hắn bắt cần chuyện ấy, rằng dù có làm gì thì hắn cũng đã là một kẻ chết rồi. Nếu đây là những giờ phút cuối cùng của đời mình, hắn nghĩ, thì thà cứ ở bên cô ả này còn hơn là đợi chết một mình.

Thế là họ cùng đi vào buổi sáng tháng Năm rõ ràng ấy, bỏ New York lại phía sau, theo vành đai phía Nam của tiểu bang Connecticut trên xa lộ liên bang I-95, sau đó rẽ vào đường 395 ngay trước khi đến New London rồi chạy lên phía bắc với tốc độ 70 dặm một giờ. Brick chẳng mấy để ý đến phong cảnh bên ngoài, quyết định chú mục vào Virginia đang ngồi trên ghế xe bọc da nâu với một chiếc áo len cashmere màu lơ nhạt và quần lụa rộng màu trắng, dáng vẻ tự tin và bất cần đến nỗi hắn tưởng như đang nhìn cô bạn trẻ ngày xưa, người mà cứ mỗi lần định hỏi chuyện là hắn lại lắp bắp chẳng nên lời. Mọi thứ đổi khác rồi, hắn tự nhủ. Hắn đã trưởng thành, hắn không còn khiếp đảm trước mặt cô ta như trước nữa. Hắn chỉ hơi cảnh giác, có lẽ thế, nhưng không phải vì người đàn bà Virginia, mà là vì cái “bánh răng nhỏ trong bộ máy lớn” này, một đồng bọn của Frisk.

Owen, trông cậu khá hơn nhiều đấy, cô lên tiếng. Không sây xước băng bó gì nữa. Mà tôi thấy cậu cũng đã sửa được cái răng rồi. Nha khoa kì diệu thật, hả? Từ một kẻ đánh nhau bầm dập lại thành một ông Điện Trai rồi.

Chuyện ấy chẳng thú vị gì với Brick, nên hắn chẳng buồn tán dóc về tình trạng bộ mặt của mình, mà nói thẳng luôn vào vấn đề. Frisk cũng tiêm thuốc cho cậu à? hắn hỏi.

Tôi đến đây bằng cách nào không quan trọng, cô nói. Quan trọng là tại sao tôi đến kia.

Để khừ tôi chứ gì.

Cậu nhầm rồi. Tôi đến là vì tôi thấy mình có lỗi. Tôi đã đẩy cậu vào cái mớ bòng bong này, bây giờ tôi muốn cố kéo cậu ra khỏi đó.

Nhưng cậu là người của Frisk. Nếu cậu làm việc cho ông ta thì cậu là đồng bọn trong chuyện này với ông ta rồi.

Nhưng tôi không làm cho ông ta. Đó chỉ là nguy trang.

Nghĩa là sao?

Tôi có cần phải nói toạc ra không?

Vậy cậu là điệp viên hai mang à?

Đại loại thế.

Cậu không định nói cậu là người của Liên bang đấy chứ?

Tất nhiên là không. Tôi ghét cái bọn giết người đốn mạt ấy.

Vậy thì là ai?

Bình tĩnh nào, Owen. Cậu phải cho tôi thời gian một chút. Lần lượt từ đầu nhé?

Được rồi. Tôi nghe đây.

Ô kê, đúng tôi là người gợi ý để cậu làm việc này. Nhưng tôi lại không biết đó là việc gì. Một nhiệm vụ lớn lao, họ nói thế, có vai trò quan yếu đến hậu quả của cuộc chiến, nhưng họ không cho tôi biết chi tiết. Mãi đến lúc cậu đã ở bên kia rồi họ mới nói với tôi. Tôi thề đấy, tôi không hề biết họ sẽ ra lệnh cho cậu giết ai đó. Và sau đó lúc biết thế rồi, tôi cũng lại không hề biết là Frisk sẽ đe dọa giết cậu nếu cậu không thi hành nhiệm vụ. Đêm qua tôi mới biết chuyện ấy. Đó là lý do tại sao tôi đến. Bởi vì tôi muốn giúp cậu.

Tôi không tin một lời nào của cậu.

Làm sao cậu tin được. Nếu ở địa vị cậu thì tôi cũng không tin. Nhưng sự thật là như vậy đấy.

Lạ một điều, Virginia ạ, tôi cũng chẳng thấy phiền nữa kia. Nghĩa là khi cậu nói dối ấy. Tôi thích cậu quá, chẳng thấy cái giận về chuyện ấy nữa. Có thể cậu là của dờm, có thể cậu chính là người cuối cùng sẽ giết tôi, nhưng tôi vẫn thấy thích cậu.

Tôi cũng thích cậu, Owen ạ.

Cậu là một người lạ lùng. Có ai nói thế với cậu chưa?

Lúc nào tôi chả nghe thế. Ngay từ khi tôi còn là một con bé con kia.

Bao lâu rồi cậu mới trở lại phía bên này?

Mười lăm năm. Đây là chuyến đầu tiên. Mãi đến ba tháng trước mới có thể thực hiện được việc này. Cậu là người đầu tiên đi lại giữa hai bên đấy. Cậu có biết thế không?

Có ai nói gì cho tôi biết đâu.

Giống như bước vào một giấc mơ, nhỉ? Cũng thì nơi ấy, mà lại hoàn toàn khác. Nước Mỹ không có chiến tranh. Khó mà tin được. Khi đã quá quen với chiến tranh thì hình như nó ngấm dần vào xương cốt mình, và thế là mình không thể tưởng tượng lại có thế giới nào mà không có nó nữa.

Nước Mỹ có chiến tranh cũng được đi. Nhưng ở đây chúng tôi không tham chiến. Dù sao thì cũng chưa tham chiến.

Vợ cậu thế nào, Owen? Tôi thật ngốc, không thể nhớ được tên cô ấy.

Flora.

Phải rồi, Flora. Cậu có muốn gọi báo cho cô ấy là cậu sẽ đi vắng một vài ngày không?

Cô ấy không ở New York. Tôi đã cho cô ấy về với mẹ ở Argentina rồi.

Thông minh thật. Cậu làm thế là đúng.

Mà cô ấy đang có mang. Có lẽ cậu cũng muốn biết điều đó.

Khá lắm, cậu bé. Xin chúc mừng.

Flora đang có mang, tôi yêu cô ấy hơn bao giờ hết, tôi thà chặt bỏ cánh tay phải của mình chứ không thể làm điều gì để cô ấy phải đau đớn, ấy thế mà, điều duy nhất mà tôi thực sự muốn ngay lúc này là lên giường với cậu. Nói thế có nghĩa lý gì không nhỉ?

Hoàn toàn có lý.

Một lần cuối cùng rồi chết.

Đừng có ăn nói thế. Cậu sẽ không chết, Owen ạ.

Được rồi, nhưng cậu nghĩ sao? Ý tưởng ấy có hấp dẫn cậu không?

Cậu còn nhớ tôi nói gì với cậu lần trước không?

Làm sao mà tôi quên được?

Vậy thì cậu đã có câu trả lời của tôi rồi, đúng không?

Họ vượt biên giới vào tiểu bang Massachusetts, ít phút sau thì dừng để mua xăng, vào nhà vệ sinh, ăn mỗi người một cái bánh kẹp xúc xích nhão nhuộm đậm lại bằng lò vi sóng, cố nuốt cho trôi với ít nước khoáng đóng chai. Lúc trở ra xe, Brick quàng tay ôm lấy Virginia rồi hôn cô, đánh lười rõ sâu. Với hắn đó là một giây phút ngon lành, thực hiện được mơ ước của cả nửa đời người, nhưng cũng lại hẳn rõ ân hận và xấu hổ, vì cái khúc dạo đầu nhỏ nhắn vào những khoái lạc tiếp theo với người tình trong mộng ngày xưa cũng là lần đầu tiên hắn động chạm tới một đàn bà khác kể từ lúc lấy Flora. Nhưng Brick, bấy giờ đã chỉ còn là một người lính, một trang nam nhi đang lâm trận, biện hộ cho hành vi không chung thủy ấy của mình bằng cách tự nhủ rằng rất có thể chỉ ngày mai thôi là hắn sẽ chết.

Khi đã ra đến xa lộ, hắn quay sang Virginia và hỏi lại cái câu hắn đã phải nhịn từ hai giờ trước đó: chúng ta đang đi đâu đây?

Đến hai nơi, cô nói. Hôm nay một, ngày mai một.

Ờ, nghe cũng được hơn rồi, nhưng cậu không muốn nói cụ thể hơn một tí được à?

Tôi không thể tiết lộ địa điểm đầu tiên, vì tôi muốn cậu ngạc nhiên. Nhưng mai thì mình sẽ đến Vermont.

Vermont... Nghĩa là Brill. Cậu đưa tôi đến chỗ Brill.

Cậu hiểu nhanh thật đấy, Owen.

Không ăn thua gì đâu, Virginia. Tôi đã nghĩ đến việc đến đó hàng chục lần rồi, nhưng không biết sẽ phải nói gì với ông ta.

Thì cứ bảo ông ta thôi đi.

Đời nào ông ấy nghe.

Không thử thì sao cậu biết được.

Vì tôi biết, vậy thôi.

Cậu quên là còn có tôi nữa nhé.

Thì có khác gì?

Tôi đã bảo cậu là tôi không thực sự làm việc cho Frisk. Cậu tưởng tôi nhận lệnh của ai, hả?

Làm sao tôi biết được?

Thôi nào, Hạ sỹ, thử nghĩ xem nào.

Không phải Brill đấy chứ?

Chính là Brill.

Không thể thế được. Ông ta ở phía bên này, cậu ở phía bên kia. Không có cách gì liên lạc với nhau được.

Cậu đã bao giờ nghe đến điện thoại chưa?

Điện thoại không hoạt động. Tôi đã thử gọi lúc còn ở Wellington. Tôi quay số nhà mình ở Queens, và họ nói số ấy không có.

Điện thoại cũng có nhiều loại, anh bạn ạ. Với vai trò của ông ta trong tất cả những chuyện này, cậu tưởng là Brill chỉ có loại điện thoại không hoạt động thôi à?

Vậy là cậu có thể nói chuyện với ông ta?

Thường xuyên liên tục.

Nhưng chưa bao giờ gặp mặt.

Chưa. Mai sẽ là một ngày trọng đại.

Thế bây giờ thì sao? Sao không đến ông ta ngay bây giờ?

Vì buổi hẹn là ngày mai. Và từ giờ đến lúc ấy, cậu với tôi có những kế hoạch khác.

Cái ngạc nhiên ấy ư?

Đúng thế.

Còn bao lâu nữa?

Chưa đầy nửa tiếng nữa. Độ hai phút nữa, tôi sẽ đề nghị cậu nhắm mắt lại. Lúc đến nơi cậu sẽ được phép mở mắt.

Brick chấp nhận trò chơi ấy, vui vẻ thuận theo mọi bắt chọt trẻ trung của Virginia, và trong những phút cuối của chuyến đi ấy hắn chỉ ngồi im, cố đoán xem cô bạn đang sắp giở trò gì với hắn. Nếu thông thạo địa lý thì hắn đã có thể đoán được ngay, nhưng vì Brick rất lơ mơ về bản đồ, mà cũng chưa bao giờ đặt chân đến Worcester trong tiểu bang Massachusetts (chỉ mới tưởng tượng là đã ở đó trong một giấc mơ), cho nên lúc xe đã dừng lại và Virginia bảo hắn mở mắt ra, hắn định ninh là mình đã trở lại Wellington. Chiếc xe đỗ trước cửa chính ngôi nhà ngoại ô mà họ đã vào cách đây một tháng, vẫn ngôi nhà lớn xây bằng gạch có những chỗ trát vữa sần với sân cỏ sang trọng ở trước cửa, những luống hoa, những bụi cây cao đang trổ hoa rực rỡ. Nhưng khi hắn liếc nhìn xuống cuối phố thì lại thấy nhà cửa còn nguyên vẹn cả. Không còn những mảng tường cháy xém, những mái nhà đổ sụp, những cửa sổ vỡ nát như lần trước nữa. Chiến tranh vẫn chưa đụng đến dãy phố này, và khi Brick từ từ nhìn khắp xung quanh, cố thu nhận cảnh trí quen thuộc mà lại đối khác ấy, thì thỉnh linh hắn ngộ ra, biết ngay là mình đang ở đâu. Không phải Wellington mà là Worcester, thành phố trước đây của cái thế giới kia.

Có tuyệt không nào? Virginia nói, giơ cả hai tay lên chỉ về phía những ngôi nhà vẫn còn nguyên vẹn. Mắt cô sáng lên, mặt cười rạng rỡ. Từ xưa vẫn như thế này, Owen ạ. Lúc còn chưa có súng đạn... chưa có các cuộc tấn công... lúc mà Brill còn chưa bắt đầu xé nát mọi thứ. Tôi đã tưởng sẽ không bao giờ thấy lại được cảnh này nữa.

Ta hãy để Virginia Blaine ân hưởng giây phút ấy. Hãy để cho Owen Brick quên Flora nhỏ nhắn và tìm thấy niềm an ủi trong vòng tay của Virginia Blaine. Hãy để người đàn ông và người đàn bà ấy, từng biết nhau từ thuở còn là con trẻ, tìm được khoái lạc trong thân xác trưởng thành của mình. Hãy để họ cùng lên giường và làm những gì họ thích. Hãy để họ ăn. Hãy để họ uống. Hãy để họ quay trở lại giường và làm những gì họ thích trên từng milimét và mọi góc ngách của thân xác trưởng thành của họ. Rốt cuộc thì cuộc sống cứ tiếp diễn, ngay cả trong những hoàn cảnh đau đớn nhất, tiếp diễn cho đến tận cùng, rồi chấm dứt. Và những cuộc đời ấy sẽ chấm dứt, vì chúng phải chấm dứt, cả hai sẽ không bao giờ đến được Vermont để nói chuyện với Brill, vì Brill có thể khiến cho họ bị suy yếu và từ bỏ ý định ấy, và Brill không bao giờ bỏ cuộc, bởi lẽ ông phải tiếp tục kể câu chuyện của mình, câu chuyện chiến tranh ở cái thế giới kia, mà cũng là cái thế giới này, và ông không thể cho phép ai hoặc cái gì ngăn trở mình.

Đã nửa đêm. Virginia đang nằm ngủ trong chăn, da thịt mẫn nguyện phập phồng theo nhịp thở khi không khí mát rượi hết ra rồi lại vào tận buồng phổi của cô, và ai mà biết được là cô đang mơ thấy gì trong ánh trăng mờ lọt vào qua ô cửa sổ hé mở kia. Brick nằm nghiêng, nép sát mình vào thân thể cô bạn, một bàn tay úp khít bầu vú trái, bàn tay kia nằm lẩn trên cái nơi tròn trịa giữa cặp đùi, nhưng viên hạ sỹ của chúng ta đang bồn chồn, mắt cứ chong chong mà không hiểu tại sao, và sau gần một tiếng cố ngủ mà không được, hấn trườn ra khỏi giường và đi xuống dưới nhà làm một tộp, hy vọng rượu whiskey cất bằng gỗ sẽ trấn át được những cơn run rẩy đang dâng lên khi hấn nghĩ đến cuộc chạm mặt với lão già kia vào ngày mai. Khoác cái áo ngủ của người chồng đã chết, hấn vào bếp và bật đèn. Đứng trước cái rờ ràng của không gian lịch sự ấy, với những bề mặt trơn láng và những đồ dùng đắt tiền, Brick bắt đầu ngẫm nghĩ về cuộc hôn nhân của Virginia. Ông chồng này hấn phải già hơn cô nhiều, hấn suy diễn thế, một tay tháo vát sắc sảo và khá giả lắm mới có được cái nhà như thế này, và vì Virginia chưa hề nói gì về ông ta (chỉ đọc một câu là ông ta giàu có), anh chàng làm nghề ảo thuật chẳng khá giả gì ở quận Queens của chúng ta mới tự hỏi rằng không biết cô bạn này có yêu đương gì không hay đã lấy ông chồng này chỉ vì tiền. Thì cũng là những ý nghĩ lẩn thẩn của một người mất ngủ, lúc đang tìm một cái cốc sạch và chai rượu: những cái tâm thường vô tận bất chợt hiện ra trong tâm trí, cái này kéo theo cái kia. Chúng ta ai cũng vậy cả, trẻ cũng như già, giàu nghèo gì cũng vậy, và rồi một sự kiện bất chợt ào tới ném ta ra khỏi cơn mơ ấy.

Brick nghe thấy tiếng máy bay bay rất thấp từ đằng xa, rồi tiếng động cơ trực thăng, và ngay sau đó là một tiếng nổ dữ dội. Các cửa sổ trong bếp vỡ tan tành, sàn nhà rung động dưới đôi bàn chân trần của hấn rồi bắt đầu nghiêng hấn đi, như thể toàn bộ nền móng của ngôi nhà đang dịch chuyển, và khi Brick chạy ra sảnh trước để lên cầu thang xem Virginia thế nào, hấn bị cả một biển lửa điên cuồng chặn lại. Xà gỗ và những miếng đá đen lộp trên mái nhà đang rơi xuống ầm ầm. Brick ngẩng lên nhìn, và sau vài giây bàng hoàng hấn hiểu ra rằng mình đang nhìn thấy bầu trời đêm qua những cột khói cuộn cuộn. Nửa trên của ngôi nhà không còn nữa, có nghĩa là Virginia cũng đi tong rồi, và trong khi biết là vô ích, hấn vẫn điên cuồng muốn chạy lên cầu thang để tìm thi hài của cô. Nhưng cầu thang đang bốc cháy, chỉ lại gần thôi là hấn cũng sẽ chết cháy.

Hấn chạy ra ngoài sân cỏ, và khắp xung quanh là cảnh những người hàng xóm đang gào thét đổ xô ra khỏi nhà. Một đơn vị lính Liên bang đã tụ họp ở giữa phố, năm mươi hoặc sáu mươi lính đội mũ sắt, tất cả đều trang bị súng máy. Brick giơ tay làm điệu bộ đầu hàng, nhưng chẳng ăn thua gì. Viên đạn đầu tiên trúng vào chân, và hấn ngã xuống, ôm chặt lấy vết thương đang phọt máu qua các kẽ tay. Chưa kịp xem mình bị thương thế nào thì viên đạn thứ hai đã xuyên thẳng qua mắt phải và vọt ra sau gáy hấn. Và đó là kết cục của Owen Brick, người đã im lặng rời bỏ thế giới này, không kịp nói lời cuối cùng, nghĩ ý nghĩ cuối cùng.

Trong khi đó, cách bảy mươi lăm dặm về phía tây bắc, trong một ngôi nhà gỗ màu trắng ở phía nam tiểu bang Vermont, August Brill nằm thức trên giường nhìn trần trần vào bóng tối. Và cuộc chiến vẫn tiếp tục.



Có cần phải kết thúc như vậy không? Có, có lẽ phải thế, mặc dù nghĩ ra một đoạn kết đỡ tàn bạo hơn cũng chẳng khó gì. Nhưng để làm gì chứ? Chủ đề của tôi đêm nay là chiến tranh, và bây giờ khi chiến tranh đã vào đến ngôi nhà này, tôi cảm thấy Titus và Katya sẽ cảm thấy bị xúc phạm nếu tôi để cho nó vào một cách nhẹ nhàng. Hòa bình cho trái đất này, thiện chí cho con người. Ông thì đái mẹ nó vào trái đất, và chẳng thiện chí cho ai hết. Đến đây là tâm điểm rồi, cái tâm điểm đen ngòm của đêm tối, vẫn còn phải thiêu đốt những bốn tiếng đồng hồ nữa mà mọi hy vọng ngủ thì đã tiêu tan hết rồi. Giải pháp duy nhất là bỏ Brick lại đó, lo cho hắn được chôn cất tử tế, rồi nghĩ ra một câu chuyện khác. Lần này thì phải là truyện gì đó nôm na hơn, một đối trọng của cái bộ máy huyền hoặc mà tôi vừa mới dựng nên đó. Giordano Bruno với cái lý thuyết về vô vàn thế giới khác nhau. Cũng khiêu khích ra phết, đã đành, nhưng cũng có khối chuyện khác xứng đáng được đem ra ánh sáng.

\*\*\*

Chuyện chiến tranh. Cứ mất cảnh giác một tí thôi là chúng ào đến, từng trận một, từng trận một...

Lần cuối cùng đi với Sonia sang châu Âu, chúng tôi đến Brussel vài ngày tham dự buổi đoàn tụ của mấy người có họ xa của nàng. Một hôm, chúng tôi ăn trưa với một người anh họ của nàng, một ông lão lịch lãm sắp đến tuổi tám mươi, từng làm xuất bản, lớn lên ở Bỉ rồi sau này sống ở Pháp, một người đọc rộng đáng mến nói bằng những đoạn dài phức tạp mà lại rất khúc triết, một pho sách biết đi hình người. Tiệm ăn nằm trong một khu nhà hàng dài mà hẹp đầu đó ở trung tâm thành phố, và trước khi vào ăn, ông lão dẫn chúng tôi ra một cái sân nhỏ ở cuối lối đi để chỉ cho chúng tôi một cái đài phun nước và bức tượng đồng hình một nữ thủy thần đang ngồi trong hồ nước. Cũng chẳng phải là một tác phẩm đặc biệt xuất sắc gì - mô tả một cô gái khóa thân ở độ tuổi mới lớn hơi nhỏ hơn người thật một chút - nhưng mặc dù nó có vẻ vụng dại, bức tượng vẫn có những phẩm chất khiến cho ta cảm động, một cái gì đó trong đường nét của tấm lưng cô gái, có lẽ thế, hoặc không thì là cái vẻ gọn nhỏ của đôi vú và cặp hông mảnh dẻ của cô, hoặc chỉ đơn giản là cái tỷ lệ khiêm tốn của cả tác phẩm nói chung. Trong lúc đứng ngắm bức tượng, Jean-Luc bảo chúng tôi rằng người mẫu của bức tượng ấy sau này là cô giáo dạy văn của ông ở trường trung học, rằng lúc ngồi làm mẫu cô mới chỉ mười bảy tuổi. Chúng tôi quay về tiệm ăn, và trong bữa trưa ấy ông đã kể thêm về mối quan hệ của mình với người đàn bà đó. Bà là người đã khiến ông biết yêu quý sách, ông nói, bởi vì lúc còn là học sinh ông đã mê bà say đắm, và tình yêu ấy đã thay đổi phương hướng của cả cuộc đời ông. Khi quân Đức chiếm đóng nước Bỉ năm 1940, Jean-Luc mới 15 tuổi, nhưng ông đã làm giao liên cho một chi bộ kháng chiến bí mật, ban ngày đi học, ban đêm chạy giao liên. Cô giáo ông cũng tham gia kháng chiến, và một buổi sáng năm 1942 lính Đức đã xông vào tận trường để bắt cô. Sau đó ít lâu, chi bộ của Jean-Luc bị nội gián thâm nhập và tiêu diệt. Ông phải chạy trốn, và suốt 18 tháng cuối cùng của chiến tranh ông sống một mình trên một căn phòng áp mái và chẳng làm gì khác ngoài đọc sách - đủ mọi thứ sách, không sót một cuốn nào có ở đó, từ Hy Lạp cổ đại đến Phục Hưng rồi thế kỷ 20, ngôn cả tiểu thuyết, kịch, thơ và triết học, biết rằng mình sẽ không bao giờ có thể làm được thế nếu không có ảnh hưởng của cô giáo dạy văn, người đã bị bắt ngay trước mắt ông và vẫn được ông cầu nguyện hằng đêm. Khi cuối cùng chiến tranh chấm dứt, ông được tin là cô đã không còn sống để trở về từ trại tập trung, nhưng không ai có thể nói cho ông biết cô đã chết khi nào và như thế nào. Cô đã bị búng ngắt đi mất, loại bỏ khỏi mặt đất này, mà không một ai biết chuyện gì đã xảy ra với cô.

Ít năm sau (cuối những năm 1940 hoặc đầu những năm 1950?), ông đang ngồi ăn một mình trong một tiệm ở Brussels thì tình cờ nghe được câu chuyện của hai người đàn ông ở bàn bên cạnh. Một người đã ở trại tập trung trong chiến tranh, và khi ông ta kể cho người kia câu chuyện về một bạn tù của mình, Jean-Luc càng nghe càng tin rằng đó chính là cô giáo của ông, nữ thủy thần nhỏ bé đang ngồi ở đài phun nước cuối dãy nhà hàng kia. Mọi chi tiết đều có vẻ đúng: một cô gái Bỉ ngoài hai mươi tuổi, tóc đỏ, người nhỏ nhắn, cực kỳ đẹp, một nhân vật cánh tả chuyên gây rối đã dám không tuân lệnh của một gác trại. Để dẫn dắt tù nhân và cho thấy điều gì sẽ đến với những ai bất tuân gác trại, tên sỹ quan trưởng trại đã quyết định công khai tử hình cô gái, bắt toàn bộ tù nhân trong trại phải chứng kiến cuộc hành quyết ấy. Jean-Luc đã tưởng người kia sẽ nói là chúng đã treo cổ hoặc bắt cô đứng dựa tường rồi

bắn, nhưng hóa ra tên trưởng trại lại nghĩ đến một cách cổ truyền hơn, một phương pháp đã không còn thịnh hành từ hàng nhiều trăm năm trước đó. Jean-Luc không dám nhìn chúng tôi khi ông nói ra mấy từ ấy. Ông quay mặt đi và nhìn ra ngoài cửa sổ, như thể cuộc hành quyết ấy đã diễn ra ở ngay ngoài kia, rồi bằng một giọng im ắng bỗng chứa chan cảm xúc, ông nói: Cô ấy bị xé xác. Với những dây xích dài gông chặt vào cả hai cổ tay và hai cổ chân, cô bị điệu ra giữa sân trại, bắt phải đứng nghiêm khi các dây xích được nối vào bốn chiếc xe nhà binh đồ quay đầu ra bốn hướng, sau đó tên trưởng trại ra lệnh cho các tài xế nổ máy. Theo lời người đàn ông ở bàn bên cạnh ấy, cô đã không kêu khóc, không gây một tiếng động nào khi tứ chi lần lượt bị kéo đứt rời khỏi thân mình. Có thể như vậy được sao? Jean-Luc đã định nói chuyện với người đàn ông kia, ông nói, nhưng rồi ông thấy mình không thể nào nói nên lời. Cổ nhin khóc, ông đứng dậy, ném ít tiền xuống bàn và rời khỏi tiệm.

Sonia và tôi quay trở lại Paris, và trong vòng 48 tiếng sau đó tôi nghe được hai câu chuyện nữa khiến tôi choáng váng - không bạo lực dã man như chuyện của Jean-Luc, nhưng cũng đủ mạnh và tác động rất lâu dài. Chuyện thứ nhất là của Alec Foyle, một nhà báo Anh từ Luân Đôn bay sang ăn tối với chúng tôi một đêm. Alec cũng đã bốn mấy gần năm mươi, một thời đã cặp với Miriam, và mặc dù nước chảy qua cầu đã lâu rồi mà cả Sonia và tôi vẫn không hết ngạc nhiên sao con gái mình lại đi chọn Richard chứ không phải cậu này. Chúng tôi đã không liên lạc với nhau nhiều năm nên rất nhiều chuyện nói, thành thử cứ hồi hồi há há chuyện này xọ chuyện kia mãi. Rồi thì chúng tôi bắt đầu nói chuyện gia đình, và Alec thuật lại một câu chuyện giữa cậu ta với một người bạn, một người đàn bà phụ trách mục nghệ thuật cho tờ *Independent* hoặc tờ *Guardian*, tôi quên là tờ nào rồi. Alec nói với chị bạn rằng: Gia đình nào cũng có lúc trải qua những sự kiện bất thường - những tội ác khủng khiếp, lụt lội, động đất, những tai nạn lạ lùng, những may mắn kì diệu, và gia đình nào ở cái thế giới này cũng có những bí mật và những bộ xương giấu kín, những rương hòm chứa những thứ mà chỉ cần mở nắp chúng ra là mình sẽ phải há hốc mồm. Chị bạn kia không đồng ý. Chuyện đó đúng với nhiều gia đình, chị nói, có thể là hầu hết mọi gia đình, nhưng không phải là tất cả. Gia đình chị chẳng hạn. Chị không thể nghĩ đến bất kì một sự kiện thú vị nào đã từng xảy đến với những người trong nhà, không hề có một chuyện bất thường nào. Không thể thế được, Alec nói. Cứ chịu khó tập trung tư tưởng một tí mà xem, nhất định chị sẽ nhớ lại được cái gì đó. Thế là chị bạn kia ngẫm nghĩ một lúc, và cuối cùng thì bảo: Ừ nhỉ, có lẽ có một chuyện này. Bà tôi kể cho tôi nghe không lâu trước khi cụ qua đời, và tôi nghĩ nó cũng là lạ thật.

Alec mỉm cười với chúng tôi. Là lạ ư, cậu nói, nếu không có chuyện đó thì cũng đã chẳng có chị ấy, thế mà chỉ được coi là một chuyện “là lạ”. Tôi thì tôi cho đây là một chuyện kinh hoàng.

Bà của chị bạn nọ ra đời ở Berlin vào đầu thập kỷ 1920, và khi đảng Quốc xã lên cầm quyền năm 1933, gia đình Do Thái của bà đã phản ứng như rất nhiều người khác: họ tin rằng Hitler chỉ là một manh mún sẽ tiêu biến rất nhanh và không ai nghĩ đến chuyện phải rời bỏ nước Đức làm gì. Ngay cả khi tình hình đã ngày càng xấu đi, họ vẫn hy vọng là mọi việc sẽ tốt đẹp và không chịu nhúc nhích. Một ngày nọ, lúc bà đã mười bảy mươi tám gì đó, bố mẹ bà nhận được một bức thư của ai đó tự nhận là một đại úy trong lực lượng SS. Alec không nói đó là năm nào, nhưng có lẽ đó là năm 1938 hoặc sớm hơn thế một ít. Theo lời của chị bạn, bức thư viết như sau: Các vị không biết tôi, nhưng tôi biết tường tận về gia đình các vị. Tôi có thể bị ra tòa án binh vì viết bức thư này, nhưng tôi cảm thấy có nghĩa vụ phải cảnh báo các vị rằng các vị đang gặp nguy hiểm. Nếu không hành động ngay, các vị sẽ bị bắt và đưa đi trại tập trung. Xin hãy tin tôi, đây không phải là lời đàm tiếu. Tôi sẵn lòng cấp thị thực xuất cảnh để các vị có thể đi thoát đến một nước khác, nhưng để đổi lại, các vị phải giúp tôi một việc quan trọng. Tôi đã đem lòng yêu con gái của các vị. Tôi đã theo dõi nàng bấy lâu nay, và mặc dù hai bên chưa hề nói với nhau một lời nào, tình yêu này là vô điều kiện. Nàng là người tôi đã mơ ước cả đời mình, và nếu đây là một thế giới khác và chúng ta sống trong những luật lệ khác, tôi sẽ xin cầu hôn nàng ngay ngày mai. Tôi chỉ xin các vị thế này: Thứ Tư tuần sau, đúng 10 giờ sáng, con gái các vị sẽ sang bên công viên ngay trước cửa nhà, ngồi ở đúng chiếc ghế ưa thích của nàng, và cứ ngồi đó trong hai tiếng đồng hồ. Tôi hứa sẽ không hề chạm đến nàng, không đến gần nàng, không nói với nàng một

lời nào. Giờ thì chắc các vị đã hiểu tại sao tôi lại đề nghị như vậy. Tôi cần được nhìn thấy người yêu đầu của tôi một lần cuối trước khi mất nàng mãi mãi...

Không cần nói ta cũng biết rằng bà đã làm theo lời đề nghị ấy. Bà phải làm, mặc dù gia đình vẫn sợ đó là một trò lừa đảo, chưa nói đến những khả năng xấu xa khác như bà có thể bị sàm sỡ, bắt cóc, hãm hiếp. Bà của chị bạn Alec lúc ấy còn là một thiếu nữ thơ ngây, và việc có một Dante bí hiểm nào trong lực lượng SS đã biến bà thành một Beatrice đầy súng ái[7], việc có một người lạ đã theo dõi bà trong nhiều tháng qua, nghe hết những chuyện trò của bà và theo chân bà khắp nơi trong thành phố, đã ném bà vào một cơn hoảng hốt ngày càng trầm trọng trong lúc bà chờ cho đến cái ngày Thứ Tư ấy. Tuy nhiên, khi giờ hẹn tới, bà đã làm việc phải làm, đi bộ sang công viên với một ngôi sao vàng quần quanh tay áo len, ngồi xuống chiếc ghế bà vẫn thường ngồi, và mở cuốn sách bà đã mang theo để trấn tĩnh bản thân. Trong hai giờ liền, bà không ngẩng lên lấy một lần. Bà sợ đến như vậy đây, bà đã bảo cô cháu gái như thế, và chỉ còn biết vờ như đang đọc sách, nếu không thế có lẽ bà đã nhảy dựng lên và chạy đi mất rồi. Không thể biết hai tiếng đồng hồ ấy dài như thế nào đối với bà, nhưng rồi cũng đến trưa, và bà trở về nhà. Hôm sau, những tấm thị thực xuất cảnh được tuồn vào qua khe cửa như đã hứa, và gia đình rời sang Anh.

*[7] Dante Alighieri (1265-1321) - đại thi hào Ý, tác giả của trường ca Hài kịch Thần linh, trong đó Dante mô tả thế giới bên kia theo quan niệm của Cơ đốc giáo. Beatrice là cô gái cùng quê hương Florentine với ông, ý trung nhân của ông, và trong Hài kịch Thần linh, Beatrice là nhân vật dẫn đường đưa ông đi tham quan Thiên đường.*

\*\*\*

Chuyện cuối cùng là nghe từ một người cháu của Sonia, Bertrand, con trai cả của ông anh lớn nhất trong số ba ông anh của nàng, thành viên duy nhất trong gia đình nàng đã trở thành một nhạc công và do đó thành một người đặc biệt đối với nàng, một vĩ cầm thủ trong dàn nhạc của Nhà hát Lớn Paris, một đồng nghiệp và một người bạn. Buổi chiều sau hôm có bữa tối với Alec, chúng tôi ăn trưa với Bertrand ở Allard, và được nửa bữa thì cậu bắt đầu nói đến một nhạc công cello ở dàn nhạc đang chuẩn bị về hưu cuối mùa biểu diễn ấy. Chuyện của chị này thì ai cũng biết, cậu nói, chị ấy vẫn kể công khai, thành ra cậu không sợ là tiết lộ bí mật gì của ai nếu kể lại nó cho chúng tôi nghe. Francoise Duclos. Không hiểu sao tôi vẫn nhớ tên chị, nhưng mà đây, Francoise Duclos, nhạc công cello. Chị lấy chồng hồi giữa thập kỷ 1960, Bertrand kể thế, sang đầu những năm 1970 thì đẻ được một con gái, và hai năm sau đó thì anh chồng biến mất. Cũng không phải là chuyện hiếm hoi gì, cảnh sát nói vậy khi chị đến trình báo, nhưng Francoise biết là chồng rất yêu mình, và còn ngây ngất yêu con hơn, và trừ phi chị là loại đàn bà mù quáng và đàn độn nhất thiên hạ thôi chứ còn thì nhất định là anh không có dính gì đến một đàn bà nào khác. Anh có lương bổng đảng hoàng, nghĩa là tiền không phải là vấn đề, anh say sưa với công việc, và chưa bao giờ bộc lộ tí gì là có thói cờ bạc hoặc thích đầu tư liều lĩnh. Vậy thì chuyện gì đã xảy ra với anh, tại sao anh lại biến mất? Không ai biết cả.

Mười lăm năm trôi qua. Luật pháp chính thức coi anh là người đã chết, nhưng Francoise không bao giờ tái giá hoặc sống với một người đàn ông nào. Chị ở vậy nuôi con (cũng có sự hỗ trợ của bố mẹ), được vào làm ở dàn nhạc, dạy thêm ở nhà, và chỉ có vậy: một cuộc sinh tồn tro tro, với một nhóm bạn bè, hè đến thì về nông thôn với gia đình người anh, với một bí ẩn không lời giải đáp làm bạn đồng hành. Thế rồi, sau tất cả những năm tháng lặng lẽ ấy, điện thoại bỗng reo lên một ngày nọ, và người ta bảo chị đến nhà xác nhận diện một tử thi. Người đưa chị vào phòng để xác cảnh báo chị rằng sẽ rất khó khăn với chị đây: người chết đã bị đẩy ngã từ cửa sổ tầng sáu và tử vong ngay khi chạm đất. Thi thể dập nát thật, nhưng Francoise nhận ra ngay. Anh đã nặng nề hơn xưa đến chục cân, tóc đã thưa và hoa râm, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, chị đang đứng trước thi thể người chồng mất tích của mình.

Trước khi chị có thể rời gian phòng ấy, một người đàn ông bước vào, nắm lấy cánh tay chị và nói: Thưa bà Duclos, xin bà theo tôi. Tôi có chuyện muốn thưa với bà.

Ông ta dẫn chị ra ngoài, đến chỗ cái xe đang đỗ trước cửa một tiệm bán bánh ở phố bên cạnh, rồi bảo chị vào xe. Đáng nhẽ tra chìa khóa khởi động xe thì người đàn ông lại hạ kính cửa sổ và châm một điếu thuốc lá. Rồi trong suốt một tiếng sau đó, ông ta kể cho Françoise câu chuyện của mười lăm năm đã qua trong khi chị ngồi cạnh trong chiếc xe nhỏ màu xanh nước biển ấy, nhìn người ta từ tiệm bánh bước ra với những ổ bánh mì trong tay. Đó là chi tiết mà Bertrand nhớ - những ổ bánh mì - nhưng cậu lại không biết gì về người đàn ông kia. Tên tuổi ông ta, dung mạo ông ta... tất cả đều trống không, nhưng rốt cuộc thì những cái đó cũng chẳng can hệ gì.

Duclos là nhân viên của Tổng cục An ninh Đối ngoại Pháp, ông ta nói với chị như vậy. Tất nhiên là chị không thể biết điều đó, vì nhân viên Tổng cục không ai được phép nói đến công việc của mình, và trong suốt những năm ấy khi chị tưởng chồng chỉ viết các nghiên cứu kinh tế cho Bộ Ngoại giao thì thực ra anh là điệp viên của Tổng cục. Ngay sau khi đưa con gái ra đời mười bảy năm về trước, anh được giao một nhiệm vụ đã khiến anh trở thành hai mặt: giả đồ hoạt động cho Liên Xô nhưng kì thực là thu thập tin tức cho Pháp. Sau hai năm, người Nga phát hiện ra và định khử anh ngay. Duclos trốn thoát, nhưng từ đó anh không thể về nhà được nữa. Người Nga theo dõi chặt Françoise và con gái, điện thoại trong nhà bị nghe trộm, chỉ cần Duclos gọi điện hoặc về thăm là cả ba sẽ bị sát hại ngay lập tức.

Vậy là anh phải lánh mặt để bảo vệ gia đình, được chính phủ Pháp che giấu trong suốt 15 năm, đổi hết chỗ này chỗ nọ ngay tại Paris, thành một người bị săn đuổi, một kẻ bị ám ảnh, lén lút lắm mới thỉnh thoảng nhìn trộm được con gái mình, theo dõi sự trưởng thành của con từ xa, không bao giờ được nói với con, làm quen với nó, quan sát vợ trong lúc về trẻ trung của chị từ từ biến thành nét trung niên, và rồi, vì bất cẩn hoặc có ai đó chỉ điểm, hoặc chỉ là vì không may vô lối, người Nga đã tìm ra Duclos. Cuộc đột nhập... giải băng bịt mắt... đoạn thừng thít quanh hai cổ tay... những cú đâm vào mặt và thân mình... và cú rơi từ cửa sổ tầng sáu. Chết vì ngã từ cửa sổ. Một phương pháp cổ điển nữa, cách hành quyết vẫn được cả điệp viên và cảnh sát ưa chuộng đã hàng nhiều thế kỷ.

Câu chuyện của Bertrand có nhiều lỗ hổng, nhưng cậu không trả lời được bất kì câu hỏi nào của Sonia và tôi. Duclos đã làm gì trong suốt những năm ấy? Anh ta có sống với một cái tên giả nào không? Có tiếp tục làm việc cho Tổng cục An ninh Đối ngoại ở một cương vị nào đó không? Anh ta có thường được ra ngoài không? Bertrand chỉ lắc đầu. Cậu không biết.

Duclos chết năm nào? tôi hỏi. Cậu phải nhớ chi tiết đó chứ?

1989. Mùa xuân 1989. Cháu chắc thế, vì năm ấy cháu vào dàn nhạc, và chỉ mấy tuần sau thì Françoise biết tin chồng chết.

Mùa xuân 1989, tôi nói. Tường Berlin bị phá vỡ tháng 11. Đông Âu bãi bỏ các chính phủ của họ, rồi Liên Xô tan rã. Duclos là một trong những thương vong cuối cùng của Chiến tranh Lạnh, phải không nhỉ?

\*\*\*

Tôi dặng hắng, và ngay sau đó lại ho, bật lên hàng cục đờm, tay bịt miệng để khỏi làm ồn. Tôi muốn nhổ vào khăn tay, nhưng lúc với tay tìm thì lại chạm phải cái đồng hồ báo thức và gạt nó rơi ầm ầm xuống sàn. Mà vẫn không thấy khăn tay đâu. Rồi tôi nhớ ra là bao nhiêu khăn tay vừa cho vào máy giặt cả rồi, thế là tôi cố nuốt, mặc cho đờm trườn nhầy nhựa xuống cổ họng, tự nhủ đến lần thứ 50 trong 50 ngày qua rằng mình phải thôi hút thuốc đi, biết là sẽ không bao giờ có chuyện đó nhưng vẫn cứ tự nhủ thế, cốt chỉ để tra tấn mình vì thái độ vờ vịt ấy của chính mình.

Tôi lại nghĩ đến Duclos, không biết liệu có khơi ra được một câu chuyện từ cái thực tại kinh khủng ấy không, không nhất thiết là về Duclos và Françoise, không phải về 15 năm trốn tránh đợi chờ kia,

không phải về những gì tôi đã biết rồi, mà là về cái gì đó tôi có thể bịa ra tùy hứng kia. Ví dụ như cô con gái, nhảy luôn từ 1989 đến 2007. Nếu như cô ta lớn lên và thành một nhà báo hoặc một tiểu thuyết gia, một người cầm bút kiểu gì đó, rồi sau khi mẹ chết thì cô quyết định viết một cuốn sách về bố mẹ mình chẳng hạn? Nhưng thằng cha đã chỉ điểm bố cô ta cho bọn Nga vẫn còn sống, và khi đánh hơi thấy ý định của cô, hẳn đã cố ngăn cô - thậm chí định giết chết cô...

Tôi chỉ có thể nghĩ được đến thế. Một lúc sau, tôi lại nghe thấy tiếng chân đi trên tầng hai, nhưng lần này thì không phải đi về phía nhà tắm mà là đang xuống thang, và trong lúc tưởng tượng Miriam hoặc Katya đang đi vào bếp tìm đồ uống, thuốc lá hoặc cái gì đó nhấm nháp được từ trong tủ lạnh thì tôi nhận ra rằng tiếng chân đi ấy đang tiến về phía này, ai đó đang đến phòng mình. Tôi nghe một tiếng gõ vào cửa - không, cũng không ra một tiếng gõ, chỉ là tiếng móng tay gõ nhẹ lên mặt gỗ - rồi sau đó là tiếng Katya thì thầm, Ông có thức không ạ?

Tôi bảo nó vào đi, và khi cánh cửa mở ra, tôi có thể nhận ra hình nó như cái bóng đen trên mảng sáng mờ nhờ xanh xanh ở phía sau. Hình như nó mặc cái áo phông của đội Red Sox với cái quần chần xám, mái tóc dài buộc đuôi ngựa phía sau.

Ông không sao chứ ạ? nó hỏi. Cháu nghe có cái gì rơi xuống sàn, rồi nghe tiếng ông ho rất nhiều.

Ông khỏe như vâm áy mà, tôi đáp. Mà cũng chả biết vâm là gì cháu nhỉ.

Ông ngủ được tí nào không?

Chả được chợp nào. Cháu thì sao?

Chập chờn ông ạ, chẳng được mấy.

Sao cháu không đóng cửa lại? Ở trong này tối mịt thích hơn. Ông có cái gối nữa đây, cháu có thể nằm cạnh ông này.

Cửa đóng lại. Tôi đẩy cái gối về chỗ Sonia ngày xưa vẫn nằm, và vài giây sau Katya đã nằm dài xuống cạnh tôi.

Cháu làm ông nhớ hồi cháu còn bé, tôi nói. Mỗi lần ông bà đến thăm, cháu đều bò lên giường với ông bà.

Cháu nhớ bà kinh khủng ông ạ. Cháu vẫn không thể tin được là bà không còn nữa.

Không phải chỉ có cháu đâu.

Ông ơi, sao ông lại không viết nốt quyển sách ấy hả ông?

Vì ông thấy xem phim với cháu vui hơn.

Đấy là mới đây. Ông không viết đã lâu rồi mà.

Vì nó trở thành buồn quá. Những phần đầu thì ông thấy thích, nhưng rồi ông gặp những chuyện chẳng ra sao, và bắt đầu phải đánh vật với nó. Ông đã làm nhiều điều ngu xuẩn đến thế trong đời, ông không đủ can đảm lặp lại chúng nữa. Rồi bà cháu ốm. Sau khi bà chết, cứ nghĩ đến viết nốt nó là ông thấy kinh cả người.

Ông không nên khe khát với mình thế.

Ông có khe khát gì đâu. Chỉ thực lòng thế thôi.

Cuốn sách ấy ông định viết cho cháu mà, ông nhớ không?

Cho cháu và cho mẹ cháu.

Nhưng mẹ đã biết hết rồi. Cháu thì không. Cho nên cháu rất mong được đọc nó.

Nếu đọc chắc cháu đã chán nó rồi.

Ông ơi, nhiều lúc ông đáng ghét lắm đấy ông ạ. Ông có biết thế không?

Sao cháu vẫn gọi “Ông ơi” thế nhỉ? Cháu đã không gọi “Mẹ ơi” từ nhiều năm nay rồi. Từ lúc còn ở trung học ấy, dùng một cái cháu không gọi “Mẹ ơi” nữa, mà chỉ “mẹ” thôi.

Con không muốn ăn nói như trẻ con nữa mà.

Ông gọi cháu là Katya. Cháu cứ gọi ông là August.

Cháu chưa bao giờ thích cái tên ấy lắm. Viết ra nhìn thì được, nhưng gọi thành lời thì khó ghê.

Vậy thì cái gì đó khác nhé. Ed thì sao nào?

Ed? Ở đâu ra thế ạ?

Ông không biết, tôi nói, cố sức bắt chước giọng Cockney trọ trẻ[8]. Ông vừa bắt chợt nghe thấy nó trong cái đầu bé nhỏ của ông này.

*[8] Giọng Cockney là giọng nói của người dân lao động nghèo sống ở khu phía Đông của thành phố London.*

Katya bật lên một tiếng rên chua chát.

Ông xin lỗi, tôi nói tiếp. Ông không nhận được. Ông ra đời với một cái gien nói đùa rất xấu, chẳng làm thế nào được.

Ông chẳng nghiêm túc chuyện gì, phải không ông?

Ông nghiêm túc tất cả mọi chuyện, cháu yêu ạ. Ông chỉ giả vờ không thế thôi.

August Brill, ông ngoại tôi, hiện được gọi là Ed. Lúc còn nhỏ mọi người gọi ông là gì?

Augie, hầu hết là như vậy. Những ngày tốt đẹp trong đời thì ông là Augie, nhưng mọi người còn gọi ông bằng khối thứ khác nữa cơ.

Khó tưởng tượng thật. Ông hồi bé ấy. Hẳn phải là một đứa trẻ kì dị. Lúc nào cũng đọc sách, có đúng không nào?

Sau này mới vậy. Trước tuổi 15, ông chỉ quan tâm đến bóng chày. Bọn ông chơi liên tục, đến tận tháng 11. Mấy tháng sau đó thì chơi bóng bầu dục, nhưng đến cuối tháng Hai là lại chơi bóng chày. Một lũ cùng ở Washington Heights[9] với nhau. Bọn ông điên lắm, thậm chí tuyệt cũng vẫn chơi bóng chày.

*[9] Một khu phố nghèo ở phía bắc Manhattan của thành phố New York*

Còn chuyện trai gái thì sao? Ông có nhớ tên môi tình lớn đầu tiên của mình không?

Dĩ nhiên. Ai mà quên được một thứ như thế chứ?

Là ai thế ạ?

Virginia Blaine. Lớp 10 là ông phải lòng cô ấy rồi, và dùng một cái bóng chày chẳng có ý nghĩa gì nữa. Ông bắt đầu đọc thơ, bắt đầu hút thuốc, và phải lòng Virginia Blaine.

Cô ấy có yêu ông không?

Ông chưa bao giờ chắc chuyện đó. Cô ta ỡm ờ với ông suốt sáu tháng trời, sau đó thì đi với người khác. Tưởng như tận thế đến nơi, đây là cuộc tan nát cõi lòng lớn lao đầu tiên của ông.

Sau đó thì ông gặp bà cháu à? Lúc ấy ông mới hai mươi tuổi, phải không ạ? Trẻ hơn cả cháu bây giờ.

Cháu hỏi nhiều quá đây...

Nếu ông không viết nốt cuốn sách thì cháu chỉ còn cách này để biết những chuyện cháu cần biết thôi.

Sao bỗng dưng cháu lại đề ý thế?

Không phải bỗng dưng. Cháu đã nghĩ từ lâu rồi. Lúc cháu nghe tiếng ông còn thức ban nãy, cháu liền tự nhủ đây là cơ hội của mình, và cháu xuống gõ cửa ông đấy.

Gãi cửa thì có.

Vâng thì gã. Nhưng bây giờ ông cháu mình đang nằm trong bóng tối đây này, và nếu ông không trả lời những câu cháu hỏi thì cháu sẽ không cho ông xem phim cùng nữa đâu.

Nhân tiện, ông còn có một ví dụ nữa hỗ trợ cho lý thuyết phim ảnh của cháu đây.

Hay quá. Nhưng mình không nói về phim ảnh bây giờ đâu. Nói về ông cơ.

Chuyện ấy chẳng dễ chịu tí nào, Katya. Nhiều thứ buồn lắm lắm.

Cháu là con gái lớn rồi đây, Ed. Ông lôi chuyện gì ra cháu cũng chịu được mà.

Ông nghi lắm.

Theo chỗ cháu biết, thứ buồn thảm duy nhất mà ông nhắc đến ấy là chuyện ông đã lừa dối vợ mình và bỏ bà để theo một người đàn bà khác. Cháu xin lỗi, ông thân mến ạ, nhưng chuyện ấy gần như đã thành tiêu chuẩn sống ở quanh đây rồi, nhỉ? Ông nghĩ cháu không thể chịu được chuyện ấy ư? Cháu đã chịu được rồi, với chính bố mẹ đẻ cháu đây thôi.

Lần cuối cùng cháu nói chuyện với ông ấy là lúc nào?

Ai cơ?

Bố cháu ấy.

Ai?

Thôi nào, Katya. Bố cháu, Richard Furman, chồng trước của mẹ cháu, con rể trước đây của ông. Nói với ông một tí nào, cháu yêu của ông. Ông sẽ trả lời các câu hỏi của cháu, nhưng phải cho ông biết được tin bố cháu lần cuối là khi nào.

Hình như là hai tuần trước.

Thế bố con có thu xếp để gặp nhau không?

Ông ấy mời cháu đến Chicago, nhưng cháu bảo chưa muốn đi. Tháng sau thì hết học kỳ, ông ấy nói sẽ đến New York vào cuối tuần và bố con có thể ở khách sạn đâu đó và chén thật nhiều các món ngon. Có thể cháu sẽ đi, nhưng cháu vẫn chưa quyết định. Vợ ông ấy đang có mang, là tiện thể cháu bảo ông thế. Suzie Dero mồm Xinh xắn đang mang bầu.

Mẹ cháu có biết không?

Cháu không nói với mẹ. Cháu nghĩ mẹ có thể bực mình.

Trước sau rồi thì mẹ cháu cũng biết.

Đã đành. Nhưng mẹ cháu có vẻ đang khá hơn một tí, cháu không muốn làm lộn tung bậy lên.

Cháu cứng rắn phết đấy, nhóc ạ.

Không, chẳng phải thế đâu. Cháu chỉ là cái bánh đường nhão nhoét to đùng. Toàn những đường chảy và bột nát.

Tôi nắm lấy tay Katya, và chừng nửa phút sau đó cả hai ông cháu đều im lặng nhìn lên bóng tối. Tôi đang nghĩ có thể nó sẽ ngủ thiếp đi nếu tôi không lên tiếng tiếp tục câu chuyện, nhưng chỉ một lúc sau ý nghĩ ấy của tôi nó đã phá tan im lặng bằng một câu hỏi khác:

Lần đầu ông gặp bà là khi nào?

Ngày bốn tháng Tư, năm một nghìn chín trăm năm mươi năm, lúc ba giờ rưỡi chiều.

Thật thế ư?

Thật.

Ở đâu hả ông?

Broadway. Chỗ Broadway và Phố 115, ông đang đi lên để đến chỗ thư viện Butler. Sonia học ở Julliard[10], lúc ấy còn ở gần Columbia, và cô ấy đang từ phố trên đi xuống. Chắc là ông đã thấy cô ấy từ khoảng cách nửa dặm phố, có thể vì cô ấy mặc một cái áo khoác đỏ - màu đỏ lúc nào cũng đập ngay vào mắt mình, nhất là ở ngoài phố toàn những gạch đá ẩm đạm làm nền. Vậy là ông nhìn thấy ngay cái áo đỏ ấy đang tiến về phía mình, sau đó ông thấy người mặc nó là một cô gái thấp người có mái tóc sẫm màu. Từ xa thì trông rất hứa hẹn, nhưng vẫn còn quá xa chưa thể chắc được điều gì. Bọn con trai đều như thế cả, cháu biết đấy. Lúc nào cũng nhìn bọn con gái, lúc nào cũng đo đạc chúng, lúc nào cũng hy vọng sẽ gặp được một người đẹp choáng ngợp sẽ làm mình ngạt thở và tìm mình ngừng đập. Vậy là ông đã nhìn thấy cái áo khoác đỏ, đã thấy người mặc nó là một cô gái có mái tóc ngắn sẫm màu cao độ một thước sáu, và sau đó ông để ý thấy đầu cô ấy cứ ngúc nga ngúc ngắc khắp xung quanh như là đang hát thầm một mình, thấy cái dáng nhún nhẩy trong bước đi của cô, cái vẻ nhẹ nhõm trong các chuyển động của cô, và ông tự nhủ, cô gái này đang hạnh phúc, hạnh phúc vì được sống và được đi



trên phố phường trong bầu không khí đầu xuân đầy nắng trong veo. Mấy giây sau, gương mặt cô ấy rõ nét dần lên, và ông thấy môi son cô ấy dùng có màu đỏ sáng, và sau đó, khi khoảng cách cứ ngắn dần lại, ông bỗng nhận ra hai dữ kiện quan trọng cùng một lúc. Một: đúng là cô ấy đang khe khẽ hát một mình - một độc thoại trong ca kịch của Mozart, ông nghĩ thế, nhưng không chắc - và không những là cô ấy đang hát một mình, mà còn có giọng hát của một ca sỹ thực thụ nữa. Hai: cô ấy cực kỳ hấp dẫn, thậm chí là đẹp hẳn hoi, và tim ông đang sắp ngừng đập đến nơi. Lúc ấy thì ông chỉ còn cách cô ấy chừng thước rưỡi hai thước, và ông, một thằng chưa bao giờ dừng lại ngoài phố để nói chuyện với một cô gái lạ, một thằng cả đời chưa lúc nào có can đảm mở mồm với một người lạ để coi ở nơi công cộng, ông bỗng mở miệng chào *Hello* một tiếng, mà vì ông mỉm cười với cô ấy, rõ ra một vẻ cười không hề có chút đe dọa hoặc táo tợn gì, cô ấy liền ngừng hát, mỉm cười lại với ông, và cả chào lại ông một tiếng nữa. Chỉ có thế. Ông run quá không nói gì thêm được, cứ thế bước đi, và cô gái xinh đẹp mặc áo khoác đỏ cũng vậy, nhưng được sáu bảy bước thì ông hối hận là đã nhút nhát quá và liền quay người lại, hy vọng vẫn còn kịp bắt chuyện, nhưng cô gái đi quá nhanh và đã ra khỏi tầm mắt rồi, thế là, dán mắt vào lưng cô ấy, ông nhìn cô đi qua đường và mất dạng vào đám đông.

*[10] Julliard School of Music - trường nhạc nổi tiếng nhất của Mỹ, sau này dọn về chỗ Lincoln Center, cũng trên trục đường Broadway, nhưng lui về phía nam, gần phố 71.*

Tức nhi - nhưng mà hiểu được ông ạ. Cháu rất ghét bọn đàn ông định bắt quen với cháu ở ngoài phố. Nếu ông bạo dạn hơn, có khi bà đã mất hứng, và ông sẽ chẳng còn ăn thua gì với bà nữa.

Nhìn nhận kiểu ấy là hào phóng rồi. Sau khi cô ấy đi mất, ông tưởng là vừa tự làm mất cơ hội ngàn năm có một của mình.

Bao lâu sau ông mới gặp lại bà?

Gần một tháng. Ngày lại ngày lê thê nối tiếp nhau, ông không thể thôi nghĩ đến cô ấy. Nếu biết cô ấy là sinh viên Julliard thì ông đã có thể tìm ra ngay, nhưng ông có biết gì đâu. Cô đã chỉ là một bóng ma đẹp để mới nhìn vào mắt ông vài giây đồng hồ rồi biến mất. Ông tin chắc là sẽ không bao giờ gặp lại được nữa. Thánh thần đã chơi xỏ ông, và cô gái mà số phận bắt ông phải yêu, người duy nhất được đưa xuống trái đất này để khiến cho đời ông có ý nghĩa, đã bị búng mất và ném vào một chiều kích khác, một nơi chốn không thể đến được, một chỗ mà ông không bao giờ được phép bước vào. Ông nhớ đã viết một bài thơ dài ngớ ngẩn về các thế giới song hành, về những cơ hội bị mất, những bi kịch hồi thối của số phận. Hai mươi tuổi đầu mà ông đã bị đánh bùa phép rồi.

Nhưng số phận đã đứng về phía ông.

Số phận, may mắn, cháu muốn gọi là gì cũng được.

Nó xảy ra ở đâu?

Trong tàu điện ngầm. Tàu liên quận Đại lộ Bảy. Đang chạy xuống phía nam tối ngày 27 tháng Tư năm 1955. Trong toa đông khách, nhưng chỗ ghế cạnh ông vẫn trống. Tàu dừng ở Phố 66, cửa toa mở ra, và cô ấy bước vào. Vì không còn chỗ trống nào khác, cô ấy ngồi xuống cạnh ông.

Bà có nhớ ra ông không?

Hơi lờ mờ thì phải. Ông nhắc đến cuộc chạm chán chốc lát ở Broadway hôm đầu tháng thì cô ấy nhớ ra ngay. Thời gian thì ít. Ông đang trên đường đến khu Greenwich Village gặp mấy người bạn, Sonia thì sẽ xuống tàu ở Phố 42, nên hai người chỉ đi cùng nhau có ba trạm. Cũng đủ để tự giới thiệu và lấy số điện thoại của nhau. Ông biết là cô ấy đang học ở Julliard. Ông biết cô ấy là người Pháp nhưng đã sống 12 năm đầu đời của mình ở Mỹ. Tiếng Anh của cô ấy hoàn hảo, không lạc giọng tí nào. Lúc ông nói thử mấy câu tiếng Pháp xoàng xĩnh của mình với cô ấy thì mới lại biết là tiếng Pháp của cô ấy

cũng hoàn hảo nốt. Có lẽ hai người chỉ nói chuyện được chừng bảy phút, hoặc mười phút là cùng. Rồi cô ấy xuống tàu, và ông biết rằng đã vừa có một điều gì lớn lao xảy ra. Chắc chắn là với ông rồi. Ông không thể biết Sonia đang nghĩ hoặc cảm thấy gì, nhưng sau bảy hoặc mười phút đồng hồ ấy, ông biết là đã gặp được ý trung nhân của mình rồi.

Cuộc hẹn hò đầu tiên. Nụ hôn đầu tiên. Những thứ đầu tiên khác... ông biết cháu muốn nghe gì mà.

Chiều hôm sau ông gọi điện cho cô ấy. Hai tay run bần... ông phải nhắc lên đặt xuống đến ba bốn lần mới đủ can đảm quay số. Một tiệm ăn Ý ở khu West Village, ông không thể nhớ tên tiệm là gì nữa rồi. Không đắt, ông có giàu có gì đâu, mà đó là lần đầu tiên - thật khó tin - lần đầu tiên ông dám mời một cô gái đi ăn tối hẳn hoi. Ông chẳng biết mình trông thế nào. Không biết mình có gây được ấn tượng gì không, nhưng vẫn nhớ hình ảnh cô ấy ngồi đối diện, chiếc áo cánh trắng, cặp mắt xanh lá cây điềm tĩnh, chăm chú, tinh táo, vui vẻ, và cái miệng siêu việt với cặp môi đầy đặn, đang mỉm cười, rất hay mỉm cười, và giọng nói trầm trầm của cô ấy, một chất giọng vang cộng hưởng sâu ở đâu đó tận trong ngực, một giọng nói cực kỳ gọi tình, ông phát hiện ra thế, lúc nào cũng nghĩ thế, và còn cả tiếng cười của cô ấy nữa, cao hơn giọng nói nhiều, có lúc như the the, một kiểu cười có vẻ như vọng ra ngay từ cổ họng, hoặc từ đỉnh đầu cũng nên, và hễ có cái gì chạm vào huyết cười của mình - đây là ông đang nói về sau này cơ, không phải buổi tối đầu tiên ấy đâu - là cô ấy sẽ rơi ngay vào những trận cười hoang dại, cười đến nổi nước mắt cô ấy cứ thế trào ra dàn dụa.

Cháu cũng nhớ thế. Cháu chưa bao giờ thấy ai cười như bà. Lúc còn bé, nhiều lần cháu đã thấy sợ. Bà cười lâu quá, cháu tưởng sẽ không bao giờ thôi, sợ bà sẽ cứ thế cười cho đến chết. Sau này cháu mới dần dần thấy thích.

Thế là ông với cô ấy ở đó, đều mới hai chục tuổi đầu, trong cái tiệm ăn ấy, phố Bank hoặc phố Perry, cũng chẳng biết nữa, trong cuộc hẹn hò đầu tiên. Hai người nói rất nhiều chuyện, phần lớn ông cũng quên cả rồi, nhưng vẫn nhớ đã rất ngạc nhiên khi nghe về hoàn cảnh gia đình của cô ấy. So với cô ấy thì chuyện gia đình của ông chán quá, bố làm nghề chào hàng đồ đạc trong nhà, mẹ là giáo viên dạy lớp bốn, gia đình nhà Brills ở khu Thượng Manhattan, chưa bao giờ đi đâu hoặc có bất kì chuyện gì khác ngoài chuyện đi làm và trả đủ tiền thuê nhà. Ông bố của Sonia là một nhà nghiên cứu sinh học, một giáo sư, một trong những nhà khoa học hàng đầu ở châu Âu. Alexandre Weil - có họ xa với nhà soạn nhạc Kurt Weil[11] - sinh ở Strasbourg, là người Do Thái, cháu biết rồi, cho nên cái việc ông ấy chấp nhận sang làm việc theo lời mời của trường đại học Princeton hồi 1935 là một sự kiện cực kỳ may mắn. Nếu gia đình cứ ở Pháp trong thời gian chiến tranh thì ai mà biết được rồi họ sẽ ra sao. Bà mẹ của Sonia, Marie-Claude, thì là người Lyon. Ông quên mất là ông bố làm gì rồi, nhưng cả ông nội ông ngoại của bà cháu đều là mục sư Tin Lành, nghĩa là bà cháu, Sonia ấy, cũng không phải là một cô gái Pháp điển hình đâu. Trong nhà không có ai theo đạo Cơ Đốc cả, không hát mừng đức Mẹ Đồng trinh, không vào phòng xưng tội bao giờ[12]. Marie-Claude gặp Alexandre khi cả hai còn đang là sinh viên ở Paris, và họ lấy nhau quãng sau năm 1920. Bốn con tất cả: ba con trai, rồi 5 năm sau đó thì thêm một gái là Sonia, cô công chúa út, mới được đầy tháng thì cả nhà đã dọn sang Mỹ. Mãi đến 1947 họ mới trở lại Paris. Alexandre nhận được một chân quan trọng ở Viện Pasteur - hình như là Giám đốc thì phải - và thế là Sonia vào học Lycée Fénelon[13]. Cô ấy đã quyết tâm trở thành ca sĩ và không muốn học hết trung học phổ thông, nhưng bố mẹ nhất định không chịu. Vì thế mà Sonia đã sang Mỹ học nhạc ở Julliard chứ không vào nhạc viện Paris. Cô ấy chán vì bố mẹ khe khắt quá và gần như đã bỏ nhà mà đi. Nhưng sau này thì mọi người cũng tha thứ cho nhau, lúc ông gặp Sonia thì gia đình nhà Weil đã êm thấm cả rồi. Và họ niềm nở chấp nhận ông. Có lẽ họ cảm động khi thấy ông cũng có gốc gác pha trộn - mẹ Do Thái bố Cơ Đốc - và thế là, theo một thứ mật mã bí hiểm bất thành văn nào đó về những phẩm chất trung thành của gia tộc và bộ lạc, họ tin rằng Sonia với ông sẽ rất xứng đôi.

*[11] Kurt Weil (1900-1950) - nhạc sĩ Đức gốc Do Thái, sau này nhập tịch Mỹ, nổi tiếng với các sáng tác cho sân khấu, hoạt động âm nhạc từ 1920. Họ gốc có hai chữ l (Weill), nhưng sau này gia tộc quyết định chỉ viết một chữ l như Paul Auster đã viết, mặc dù các tài liệu viết về ông vẫn thường viết theo kiểu cũ.*

[12] Phần lớn người Pháp theo Cơ đốc giáo chứ không theo Tin Lành. Người Cơ đốc tin rằng họ phải thông qua Giáo hội và Nhà thờ thì mới đến được với Chúa, còn người theo Tin Lành thì tin rằng cá nhân nào cũng có thể trực tiếp đến với Chúa. Nhà thờ Tin Lành có thể giản dị như nhà ở bình thường, và mục sư Tin Lành được quyền lấy vợ để con để trải nghiệm cuộc sống thực tại và phụng sự Chúa thiết thực hơn.

[13] Tức là trường trung học phổ thông Fénelon.

Ông nhẩy cóc mắt rồi. Ông trở lại năm 1955 đi. Nụ hôn đầu của ông, giây phút ông nhận ra rằng Sonia rất quan tâm đến ông ấy.

Ông nhớ rõ lắm, vì chuyện ấy xảy ra ngay trong đêm đó, trước cửa căn hộ của cô ấy. Sonia ở chung với hai cô sinh viên Julliard khác tại một chỗ trên Phố 114. Sau chuyến tàu điện ngầm lên khu ấy, ông đi bộ đưa cô ấy về tận nhà. Chỉ hai đoạn phố ngắn thôi, từ Phố 116 đến Phố 114, nhưng trong quãng đường ngắn ngủi ấy, ngay vào lúc đầu, chắc hai người mới đi được độ mười mười hai bước thôi, bà cháu bỗng luôn tay khoác lấy tay ông. Giây phút ấy vẫn còn làm ông choáng ngợp cho đến tận bây giờ. Sonia đã chủ động trước. Hoàn toàn không phải một cử chỉ gọi tình công khai, chỉ đơn giản là một tuyên bố rằng cô ấy thích ông, rằng cô ấy đã rất thích buổi tối với ông ngày hôm ấy, rằng cô ấy sẽ thích gặp ông nữa. Nhưng cái cử chỉ ấy có ý nghĩa biết nhường nào... và ông thực sự hạnh phúc, tí nữa thì ngã. Rồi đến cửa. Nói lời tạm biệt và chúc ngủ ngon bên cánh cửa, một cảnh tình si mới chớm cổ điển. Hôn nhau hay là không hôn nhau đây? Nghiêng đầu hay là bắt tay đây? Vuốt nhẹ đầu ngón tay lên má nàng chẳng? Hay quàng tay ôm lấy nàng? Bao nhiêu phương án mà lại chỉ có tẹo thời gian. Làm sao mà biết được ai kia đang muốn gì? Có thể đọc được ý nghĩ của ai đó vừa mới quen hay sao? Ông không muốn sấn sỏ làm cô ấy sợ, nhưng cũng không thích làm cô ấy tưởng mình nhút nhát đến nỗi chẳng biết mình muốn gì. Thì đành theo đạo trung dung vậy, và ông biến báo cái đạo ấy như thế này: ông đặt cả hai tay lên vai cô ấy, cúi xuống (vì cô ấy thấp hơn ông), và ép chặt môi mình lên môi cô ấy, khá mạnh. Không đánh lười, không ôm ấp, nhưng vẫn là một cái hôn mạnh dạn đậm đà. Ông nghe thấy cổ họng cô ấy im lặng rung lên, một âm *m* trầm trầm, *mmmm*, rồi tiếng lấy hơi vội vã, một âm thanh trầm trầm nữa, rồi hình như là một tiếng cười. Ông lùi lại, thấy là cô ấy đang mỉm cười, liền ôm choàng lấy cô. Chỉ một tích tắc sau, cô ấy cũng choàng tay ôm ông, và lúc ấy ông mới dám nhào vào một cái hôn thật sự, một nụ hôn kiểu Pháp, một nụ hôn Pháp với cô gái Pháp đang đột nhiên trở thành là tất cả đối với ông. Chỉ một cái hôn thôi, nhưng là một nụ hôn dài, thế rồi, không muốn thành quá trốn, ông chúc cô ấy ngủ ngon và bước trở lại cầu thang.

*Pas mal, mon ami*[14]. Được đấy ông ơi!

[14] Tiếng Pháp trong nguyên tác, có nghĩa là “Không đến nỗi tồi, anh bạn ạ.”

Một cái hôn ngàn đời.

Bây giờ thì cháu cần một bài về xã hội học đây. Mình đang nói đến năm 1955, mà theo chỗ cháu đọc và nghe được thì những năm 1950 ấy không phải là thời hoàng kim của thanh niên. Cháu muốn nói là bọn trẻ và tình dục ấy. Bây giờ thì hầu hết bọn nhóc đều đã chơi nhau từ lúc còn choai choai, và hai mươi tuổi thì chúng đã thành chuyên nghiệp lão luyện trong chuyện ấy rồi. Còn ông thì lúc ấy đã hai mươi tuổi. Lần hò hẹn đầu tiên của ông với Sonia chỉ kết thúc bằng một nụ hôn vụng về đặc thẳng. Mà rõ ràng cả hai người đều thêm muốn nhau. Nhưng thời ấy mọi người còn coi tình dục trước hôn nhân là xấu, nhất là với con gái. Ông với bà mãi đến năm 1957 mới cưới nhau. Ông không định bảo cháu là ông bà đã nhìn nhau trong suốt hai năm trời đấy chứ?

Dĩ nhiên là không rồi.

May quá!

Nhục dục là một hằng số nhân loại, là cái động cơ xoay vần cả thế giới này, và ngay ở cái thời tăm tối giữa thế kỷ 20 ấy, sinh viên cũng vẫn đụ nhau như thỏ thối.

Xem ông tôi đang nói gì này!

Ông tưởng cháu sẽ thích nghe ông nói thế.

Đúng quá. Cháu thích thật.

Nhưng mặc dù vậy, ông phải nói thật rằng cũng có khối các cô gái vẫn tin vào huyền thoại cô dâu trinh tiết, phần lớn là con cái các gia đình trung lưu, những cô gái mà người ta vẫn gọi là con nhà lành, nhưng ông cháu mình cũng chẳng nên thậm xung chuyện này. Bà bác sỹ sản đã đỡ mẹ cháu ra đời hồi 1960 lúc ấy đã có gần hai chục năm trong nghề. Lúc đang khâu lại chỗ đã phải rạch thêm ra để mẹ cháu ra đời, bà ấy cam đoan với ông là sẽ rất tuyệt vời. Bà ấy tự nhận là một chuyên gia khâu vá, bởi vì đã làm mãi cái việc khâu chặt âm hộ lại để các cô gái vào đêm tân hôn có thể khiến các ông chồng tưởng rằng họ đã cưới được gái tân.

Những thứ cháu chưa hề biết...

Đó là những năm 1950 mà. Đâu chẳng dục tình, nhưng người ta nhắm mắt không chịu công nhận chuyện ấy. Cũng chỉ ở nước Mỹ thôi. Cái làm cho mọi thứ giữa ông với bà khác mọi người là ở chỗ bà cháu là người Pháp. Có vô vàn thói đạo đức giả trong cuộc sống Pháp, nhưng tình dục không nằm trong số đó. Sonia đã trở lại Paris lúc mười hai tuổi và sống ở đó cho đến khi mười chín. Nền giáo dục của cô ấy tiên tiến hơn của ông rất nhiều, và cô ấy sẵn sàng làm những điều có thể sẽ khiến cho các cô gái Mỹ kêu thét và chạy ra khỏi giường.

Ví dụ như?

Cứ tưởng tượng đi nào, Katya.

Ông không làm cháu bị choáng được đâu, ông biết mà. Cháu đã từng ở Sarah Lawrence[15], ông nhớ không nào? Thủ đô tình dục của thế giới phương Tây. Cháu đã đi nát cả chôn đó rồi, thật đấy.

*[15] Sarah Lawrence là một trường đại học tư nhân rất nổi tiếng về khoa học nhân văn, nghệ thuật biểu diễn và viết văn, ở thị trấn Yonker trong quận Westchester, cách Manhattan 15 dặm về phía bắc.*

Thân thể người ta chỉ có một số lỗ hờ nhất định thôi. Cứ nói là ta thám hiểm không sót một lỗ nào đi.

Nói tóm lại, bà cháu giỏi chuyện chăn gối?

Nói thế thì hơi thô, nhưng mà đúng, bà cháu giỏi thật. Không ngần ngại, thoải mái với thân thể của mình, nhậ bển đến từng biến động tế vi trong cảm xúc. Lần nào ông bà làm chuyện ấy, nó cũng có vẻ khác hẳn những lần trước. Hôm thì bạo liệt hoành tráng, hôm thì nhâm nhi chậm rãi, nhưng lần nào cũng ẩn chứa những biến tấu tinh tế ngạc nhiên vô tận...

Cháu nhớ đôi bàn tay bà, cảm giác dịu dàng khi bà chạm vào cháu.

Đôi bàn tay dịu dàng, đúng thế. Nhưng cũng thật mạnh mẽ. Đôi bàn tay thông thái. Ông thường nghĩ thế đấy. Đôi bàn tay biết nói.

Ông bà có sống với nhau trước khi cưới không ạ?

Ô không, không thể nghĩ đến chuyện đó được. Bọn ông phải vụng trộm suốt. Cũng hỏi hộp thú vị, nhưng phần lớn là bực mình. Ông thì vẫn ở với bố mẹ trên Washington Heights nên chưa có chỗ nào riêng. Còn Sonia thì có hai cô bạn ở cùng nhà. Cứ lúc nào họ đi vắng là bọn ông đến đó, nhưng không được thường xuyên nên vẫn cứ thòm thèm.

Sao ông bà không vào khách sạn?

Không được! Có đủ tiền làm chuyện ấy thì cũng vẫn quá nguy hiểm. New York thời ấy có luật cấm trai gái không phải là vợ chồng ở trong phòng một mình với nhau. Khách sạn nào cũng có thám tử nội bộ, nếu bị thằng khốn nạn ấy bắt quả tang thì mình chỉ có vào tù.

Đáng yêu thật!

Vậy thì làm thế nào? Hồi nhỏ Sonia đã sống ở Princeton và vẫn còn bạn bè ở đó. Có cái cặp vợ chồng ấy, ông bà Gontorsky, ông không bao giờ quên họ. Ông ấy là giáo sư dạy vật lý. Cả hai đều là người Ba Lan tị nạn. Họ mến Sonia lắm và chẳng đoái hoài gì đến những lễ thói tình dục của người Mỹ. Họ cho bọn ông ở trong phòng dành cho khách của họ qua các kỳ nghỉ cuối tuần. Và ở đó bọn ông còn làm tình cả ngoài trời nữa, những cuộc mây mưa ngoài cánh đồng và thảo nguyên mỗi khi trời âm. Cũng liêu thật. Và cuối cùng thì có người bắt gặp bọn ông trần truồng trong bụi cây. Sau đó thì bọn ông sợ không dám liêu nữa. Không có ông bà Gontorsky thì chắc là ông bà thấy khổ sở lắm.

Thế sao ông bà không cưới nhau luôn? Ngay lúc ấy, khi còn là sinh viên ấy?

Vì nghĩa vụ quân sự. Ngay khi tốt nghiệp đại học ông đã bị gọi đi khám sức khỏe, và tưởng là sẽ phải đi lính hai năm. Lúc ông học năm cuối đại học thì Sonia đã đang là ca sĩ chuyên nghiệp rồi, sẽ ra sao nếu họ bắt ông sang đồn trú ở Tây Đức hoặc Greenland hay Nam Triều Tiên? Ông không thể bảo cô ấy đi theo mình được. Như thế chẳng công bằng chút nào.

Nhưng ông có bao giờ đi lính đâu nào? Nếu ông cưới năm 1957 thì ông cũng sẽ không phải vào quân đội mà.

Ông không đi là bởi vì không đủ sức khỏe. Cũng là chẩn đoán nhầm thôi, sau này mới biết, nhưng thế là ông thoát, và chỉ một tháng sau đó là ông bà cưới nhau. Cả hai đều không có nhiều tiền, dĩ nhiên rồi, nhưng cũng không đến nỗi túng quẫn. Sonia đã thôi học Julliard và bắt đầu sự nghiệp của mình, còn ông thì đến lúc xong đại học cũng đã xuất bản được khoảng chục bài viết và điếm sách. Vợ chồng thuê lại một căn hộ hình ống ở Chelsea, vãi mồ hôi mất một mùa hè ở đó, rồi thì ông anh cả của Sonia, Patrice, một kỹ sư cầu đường, nhận được việc xây dựng một cái đập ở đâu đó bên châu Phi và ngỏ lời cho ông bà ở không mất tiền tại căn hộ của ông ấy bên Paris. Ông bà nhận lời ngay. Vừa nhận được điện tín của ông ấy là bọn ông khăn gói lên đường luôn.

Cháu không thích chuyện nhà cửa, mà cháu cũng đã biết về sự nghiệp của ông. Cháu muốn ông kể cho cháu nghe những thứ quan trọng cơ. Bà cháu là người như thế nào? Ông cảm thấy ra sao khi trở thành chồng của bà? Ông bà chung sống với nhau hòa thuận được đến đâu? Có bao giờ xung đột nhau không? Mọi ngóc ngách chi tiết ấy ông ạ, chứ không phải một chuỗi những dữ kiện bề ngoài đâu.

Thôi được rồi, để ông sang số và nghĩ một tẹo đã nhé. Sonia là người như thế nào ư? Sau khi cưới ông đã phát hiện những gì ở bà mà trước đó ông không biết? Những mâu thuẫn. Những ẩn ức. Một vùng tối đã dần dần bộc lộ và khiến ông phải nhìn nhận lại con người của bà. Ông yêu bà điên cuồng, Katya ạ, cháu phải hiểu điều đó, và ông sẽ không chỉ trích gì con người thật của bà. Chỉ có điều khi đã hiểu bà nhiều hơn ông mới nhận ra là bà đã sống với nhiều nỗi chịu đựng đến thế ở trong lòng. Về hầu hết mọi phương diện thì bà cháu là một người phi thường. Dịu dàng, tốt bụng, chung thủy, vị tha, nhiệt thành, với vô vàn tình yêu thương. Nhưng thỉnh thoảng bà lại lẳng trí, có nhiều khi ngay trong lúc đang chuyện trò, và bắt đầu ngáy người nhìn vào khoảng không với đôi mắt đầy vẻ mơ màng, cứ như

bà không còn biết ông là ai nữa. Lúc đầu, ông tưởng bà đang có một ý nghĩ gì sâu xa hoặc đang nhớ lại chuyện gì đó, nhưng cuối cùng khi ông hỏi bà đang nghĩ gì trong những lúc như vậy thì bà chỉ mỉm cười bảo chẳng có gì. Tưởng như toàn bộ bản thể của bà đã thành trống rỗng, và bà đã mất hết liên lạc với cả chính mình lẫn thế giới bên ngoài. Mọi bản năng và xúc cảm của bà đối với người khác thật sâu sắc, sâu sắc đến phát sợ, nhưng quan hệ với chính mình của bà thì lại nông cạn lạ lùng. Bà cháu đầu óc rất tốt, nhưng về cốt lõi thì bà lại thiếu học hành, và bà rất khó theo đuổi một ý tưởng cho đến cùng, không thể tập trung vào bất cứ việc gì được lâu. Ngoại trừ âm nhạc của bà, điều quan trọng nhất của đời bà. Bà cháu tin là mình có tài, nhưng đồng thời cũng biết những hạn chế của mình và không bao giờ dám động đến những tác phẩm mà bà cảm thấy là vượt quá khả năng biểu diễn của mình. Ông thực tình khâm phục bà, nhưng cũng thấy buồn buồn thế nào ấy, cảm thấy hình như bà chỉ coi mình là ca sỹ hạng nhì, có số phận luôn phải ở dưới một vài tầm so với người hạng nhất. Thành thử không bao giờ bà tham gia các vở ca kịch. Ca khúc nhỏ, những tác phẩm đồng ca, những bản độc tấu không khó lắm, chỉ vậy thôi. Ông bà có xung đột không ư? Tất nhiên là có. Cặp vợ chồng nào chẳng thế, nhưng bà không bao giờ ác độc mỗi khi xung đột như thế. Mà ông phải thừa nhận là phần lớn những lời bà chỉ trích ông đều trúng phóc cả. Theo tiêu chuẩn đàn bà Pháp thì hóa ra bà nấu nướng khá tệ, nhưng bà thích ăn ngon, nên ông bà thường hay ăn quán. Một người nội trợ vô tâm, tuyệt đối không để ý gì đến của nả. Ông nói thế là khen bà đấy. Và mặc dù là một phụ nữ trẻ đẹp với một thân hình đáng ngưỡng mộ, bà lại ăn mặc chẳng khéo chút nào. Thích váy áo, nhưng hình như chưa bao giờ bà chọn được thứ gì cho đúng với mình. Nói thực, có nhiều khi ông cảm thấy cô đơn, cô đơn trong công việc của mình, vì lúc nào ông cũng chỉ đọc và viết về các cuốn sách, còn bà thì chẳng đọc gì nhiều, mà có đọc thì cũng chẳng nói được gì mấy về những gì mình đã đọc.

Cháu có cảm giác là ông đã cảm thấy chán bà.

Không, không chán. Còn lâu ông mới chán bà. Hai kẻ mới lấy nhau đang dần điều chỉnh để chấp nhận những yếu điểm của nhau, những phát ngộ của tình cảm gần gũi. Nhìn chung thì đó là thời gian hạnh phúc đối với ông, với cả hai, chẳng bên nào có phần nản gì nghiêm trọng, rồi thì cái đập nước bên châu Phi cũng xây xong, và ông bà trở lại New York khi bà cháu đã có mang được ba tháng.

Ông bà sống ở đâu?

Ông tưởng cháu không quan tâm đến nhà cửa.

Ờ nhỉ, đúng thế. Cháu xin rút lại câu hỏi này.

Ông bà sống qua nhiều nơi. Nhưng lúc mẹ cháu ra đời thì đang ở trong một căn hộ trong Phố 84 phía Tây, ngay gần Riverside Drive. Một trong những phố lộng gió nhất của thành phố.

Mẹ cháu là một đứa trẻ như thế nào?

Đễ mà khó. Gào thét mà hay cười. Thật vui nhộn mà cũng cực kỳ khó chịu.

Nghĩa là đúng là một đứa trẻ.

Không phải một đứa trẻ chung chung, mà là đứa trẻ do ông bà đẻ ra, đứa trẻ của ông bà, khác hẳn với những đứa trẻ khác trên thế gian này.

Phải bao lâu sau bà mới lại biểu diễn hả ông?

Vì đi xa nên bà nghỉ hẳn một năm, nhưng khi mẹ cháu mới được ba tháng thì bà đã lại hát ở New York rồi. Cháu biết bà là người mẹ tốt thế nào rồi - chắc mẹ cháu đã bảo cháu thế hàng trăm lần - nhưng bà còn có công việc của mình. Bà sinh ra đời để làm công việc ấy, và ông không bao giờ mơ màng đến chuyện ngăn cản bà. Nhưng bà lại không tự tin, nhất là lúc đầu. Một hôm, khi Miriam đã được 6 tháng

thì phải, ông vừa bước vào phòng ngủ thì thấy bà cháu đang quỳ cạnh giường, hai tay chắp lại, đầu ngẩng cao, đang thì thầm với chính mình bằng tiếng Pháp. Lúc ấy tiếng Pháp của ông cũng khá rồi nên ông hiểu hết bà đang nói những gì. Và ông rất kinh ngạc, vì hóa ra bà cháu đang cầu nguyện. Lạy Chúa, hãy cho con một dấu hiệu và bảo cho con biết con phải làm gì với đứa con gái bé bỏng của con. Lạy Chúa, xin hãy lấp đầy khoảng trống trong lòng con và dạy con biết yêu thương và chịu đựng, biết tận tụy vì người khác. Hình dong và giọng nói của bà lúc ấy hết như một đứa trẻ, một đứa trẻ bé nhỏ và ngây ngô, và ông phải nói rằng ông đã hơi thất vọng, nhưng cũng xúc động, xúc động tận tâm can. Cứ như là một cánh cửa đã mở ra, và ông đang nhìn một Sonia mới mẻ, một con người khác hẳn với người mà ông đã biết trong suốt 5 năm vừa qua. Khi biết là ông đang ở đó, bà cháu quay lại và ngượng ngập mỉm cười. Em xin lỗi, bà nói, em không muốn anh biết. Ông bước đến và ngồi xuống giường. Không phải xin lỗi anh, ông bảo bà thế. Anh chỉ hơi khó hiểu một chút, chỉ vậy thôi. Ông bà nói chuyện lâu với nhau sau đó, ít nhất cũng một tiếng đồng hồ, ngồi cạnh nhau trên giường, bàn thảo về những bí ẩn của linh hồn bà. Sonia giải thích rằng nó bắt đầu lúc sắp mãn hạn mang thai của bà, vào giữa tháng thứ bảy. Bà đang đi ngoài phố một buổi chiều trên đường về nhà thì một cảm giác hoan lạc bỗng dâng lên trong lòng, một niềm vui choáng ngợp không thể giải thích được. Nó giống như toàn bộ vũ trụ đang ùa vào cơ thể, bà cháu bảo thế, và ngay lúc ấy bà hiểu rằng tất cả mọi thứ đều có quan hệ với nhau, và cái sức mạnh gắn kết nối liền tất cả mọi thứ với nhau ấy là Chúa trời. Bà chỉ có thể nghĩ ra được hai từ ấy. Chúa trời. Không phải một Chúa trời Do Thái hay Cơ Đốc giáo, không phải Chúa trời của bất kì một tôn giáo nào, mà là Chúa trời như một hiện diện thổi sự sống vào mọi vật. Từ đó bà bắt đầu nói chuyện với ông Chúa trời ấy, yên trí rằng ông ta có thể nghe thấy lời bà, và những độc thoại ấy, những lời cầu nguyện ấy, những thỉnh cầu ấy - muốn gọi chúng là gì cũng được - đã luôn an ủi bà, luôn vực bà trở lại thế thăng bằng với chính mình. Đã nhiều tháng như vậy rồi, nhưng bà không muốn nói với ông vì sợ ông sẽ nghĩ bà ngốc nghếch. Ông thông minh hơn bà đến thế, ưu việt hơn bà đến thế trong các vấn đề tri thức - ấy là lời bà chứ không phải lời ông đâu nhé - và bà lo rằng ông sẽ phá lên cười vào mũi người vợ u minh của mình khi bà bảo với ông rằng bà đã gặp được Chúa trời. Ông đã không cười. Quả ông là một kẻ vô thần, nhưng ông đã không cười. Sonia có cách nghĩ và cách làm riêng của mình, ông là ai mà dám giễu cợt bà?

Cả đời sống với bà mà chưa bao giờ bà nói với cháu về Chúa trời, chưa lần nào.

Ấy là vì bà cháu đã thôi không tin thế nữa. Khi ông bà đổ bể, bà cháu cảm thấy Chúa trời đã bỏ rơi mình. Chuyện ấy đã lâu lắm rồi, cháu yêu của ông ạ, rất lâu trước khi cháu ra đời nữa kia.

Tội nghiệp bà.

Ừ, thật tội.

Cháu có một lý thuyết về cuộc hôn nhân của ông đấy. Mẹ con cháu đã nói chuyện về nó, và mẹ có vẻ đồng ý với cháu, nhưng cháu cần được khẳng định, một lời từ chính ông ấy. Ông sẽ nói sao nếu cháu bảo thế này: Ông bà đã li dị nhau chỉ vì sự nghiệp của bà?

Ông sẽ bảo: Vô lý.

Được rồi, thì không phải là sự nghiệp chính thức của bà. Mà là vì bà vắng nhà nhiều quá vậy.

Có vẻ hơi đúng hơn đấy, nhưng vẫn chỉ là một lí do gián tiếp, một yếu tố hạng thứ.

Mẹ cháu bảo rất ghét mỗi lần bà đi lưu diễn. Mẹ sẽ khóc, sẽ gào thét, sẽ cầu xin bà đừng đi. Những cơn hoảng loạn... nổi khắc khoải sống xít... hết xa cách này đến xa cách khác...

Cũng một đôi lần như thế, nhưng ông không cho đấy là vấn đề lớn. Lúc mẹ cháu còn rất nhỏ, thời kỳ từ một đến sáu tuổi, bà không bao giờ đi đâu quá một tuần. Mẹ ông sẽ đến để trông nom Miriam, và mọi việc đều khá suôn sẻ. Cụ nội cháu có khiếu trông trẻ, cụ say mê mẹ cháu - đứa cháu gái duy nhất

của cụ - và Miriam rất mong cụ đến. Tự nhiên ông đang nhớ lại được mọi thứ... những trò buồn cười của mẹ cháu. Lúc lên ba lên bốn, Miriam tự nhiên rất thích vú của bà. Rất to, ông phải nói thế, vì lúc ấy mẹ ông đã thành một bà già núng nính cực kỳ. Sonia thì nhỏ người, với cặp vú vị thành niên nhỏ nhắn chỉ nở nang khi còn cho con bú, nhưng sau khi mẹ cháu đã cai sữa thì chúng lại còn nhỏ hơn cả lúc trước khi có mang nữa. Hai thái cực ấy khiến cho Miriam không thể không để ý. Mẹ ông có bộ ngực khổng lồ, phải to gấp 20 lần của Sonia. Một sáng Thứ Bảy, bà cụ và Miriam đang ngồi trên sô-pha xem phim hoạt họa với nhau. Rồi có một quảng cáo bánh pizza, kết thúc bằng câu: Đây, thế mới là pizza chứ! Một lúc sau, mẹ cháu quay sang phía mẹ ông, ngoạm luôn lên vú bên phải của bà cụ một cái rồi quay ra kêu ầm lên: Đây, thế mới là pizza chứ! Mẹ ông cười đến nổi vãi cả rắm, một phát rắm vang dội như kèn đồng, làm cho Miriam cười đến phát điên và tè cả ra quần. Nó nhảy ra khỏi sô-pha rồi vừa chạy khắp nhà vừa hét lạc cả giọng: Rắm-tè, rắm-tè, *oui, oui, oui!*[16].

[16] *Oui: tiếng Pháp nghĩa là Vâng, ừ, ờ...*

\*\*\*

**Ông bịa chuyện đấy hả!**

Không, thật như thế mà, ông thề đấy. Ông nhắc lại chỉ để cháu thấy là không phải mọi thứ đều u ám khi Sonia đi vắng. Miriam không thờ thần một mình như Oliver Twist[17] bị bỏ rơi đâu. Con bé ổn mà.

[17] *Nhân vật chính trong tiểu thuyết Oliver Twist của đại văn hào Dicken - một đứa bé bị bỏ rơi.*

Thế ông thì sao?

Ông học cách quen với hoàn cảnh.

Nghe như một câu đánh trống lảng.

Có nhiều thời kỳ khác nhau, nhiều giai đoạn khác nhau, mỗi cái có một cảm chất riêng của nó. Lúc mới đầu, Sonia còn tương đối vô danh. Cô ấy đã có hát chút ít ở New York trước khi dọn sang Paris, nhưng sang đó thì lại phải bắt đầu lại từ đầu, rồi đến khi mọi thứ đã có đang khởi sắc thì lại dọn về Mỹ, lại phải khởi động lại lần nữa. Cuối cùng thì như vậy cũng là hay, vì cô ấy được biết đến cả ở đây lẫn bên châu Âu. Nhưng để có tiếng tăm thì cũng lâu công lắm. Đến năm sáu bảy sáu tám thì mới có một bước ngoặt khi Sonia kí được hợp đồng thu đĩa với Nonesuch, nhưng sau đó thì cô ấy đi lưu diễn nhiều hẳn lên. Ông cứ như bị xé ra làm đôi. Một đằng thì rất vui mỗi lần cô ấy có chương trình lưu diễn ở một thành phố mới. Đằng khác thì lại rất ghét vì vợ lại đi, cũng hết như mẹ cháu ấy. Chỉ còn cách là phải quen dần đi thôi. Không phải đánh trống lảng đâu, mà thật sự như vậy đấy.

Ông vẫn chung thủy chứ?

Hoàn toàn chung thủy.

Thế lúc nào thì ông bắt đầu trượt dốc?

Có lẽ nói là *chệch hướng* thì đúng với hoàn cảnh của ông hơn.

Sa ngã vậy. Hàm ý tinh thần của hai chữ này có vẻ thích hợp với ông.

Được rồi, sa ngã. Hình như là vào năm 1970. Nhưng chẳng có gì là tinh thần trong chuyện đó cả. Hoàn toàn chỉ là tình dục, đơn thuần và giản dị là tình dục. Mùa hè tới, Sonia đi lưu diễn châu Âu ba tháng liền - cũng có đem theo mẹ cháu - và thế là chỉ có mình ông ở nhà, mới 35 tuổi, các loại hooc-môn vẫn



căng trăn, không có đàn bà bên cạnh, ngay giữa New York. Ngày nào ông cũng làm việc miệt mài, nhưng đến đêm thì trống rỗng, nhợt nhạt, tù đọng. Ông bắt đầu đánh đu với một bọn phóng viên thể thao, hầu hết là bọm rượu, chơi bài xì đến tận 3 giờ sáng, ăn uống ngoài quán rượu, không phải vì ông thích gì ai đặc biệt trong đám ấy, nhưng còn hơn chẳng làm gì, và ông cần cả một chút bạn bè sau khi đã cả ngày làm việc một mình. Một đêm, sau một chén rượu nữa ở một quán bar, ông đang trên đường cuộc bộ từ khu trung tâm lên phía Thượng Tây thì thấy một cô điếm đang đứng trong lối vào của một tòa cao ốc. Một cô gái rất hấp dẫn, nó lại thể cơ, và ông thì đã lên men đến mức chấp nhận luôn lời chào mời của cô ta. Ông có làm cháu khó chịu không đấy?

Hơi thôi ạ.

Ông sẽ không kể chi tiết đâu. Chỉ qua loa thôi đấy.

Thế cũng được. Lỗi tại cháu. Cháu đã biến đêm nay thành một đêm xung tội ở lâu đài tuyệt vọng mất rồi, nhưng vì ông cháu mình đã chót thể thì tốt nhất là cứ đi đến cùng ông ạ.

Vậy thì tiếp tục nhé?

Vâng, ông kể tiếp đi.

Thế là ông có một đêm vui vẻ, thực tình thì cũng chẳng có gì vui vẻ, nhưng sau 15 năm chỉ ngủ với một người đàn bà, ông vô cùng phấn khích được động chạm với một thân thể khác, cảm cái da thịt khác với da thịt mà mình đã quen biết. Đó là phát hiện của đêm hôm ấy. Cái mới lạ của việc ăn nằm với một đàn bà khác.

Ông có cảm thấy tội lỗi không?

Không. Ông coi đó là một thử nghiệm. Một bài học, có thể nói vậy.

Vậy thì lý thuyết của cháu đúng. Nếu bà ở nhà thì ông đã không bao giờ trả tiền để cô gái ấy ngủ với ông.

Trong trường hợp cụ thể ấy thì đúng là như vậy. Nhưng sự đổ bể của ông bà có nhiều nguyên do lắm, không phải chỉ là sự vắng mặt của bà hoặc hành vi không chung thủy của ông. Ông đã nghĩ về chuyện này nhiều năm rồi, và mới chỉ tìm ra được một lời giải thích nửa vời rằng con người ông có một cái hồng hóc gì đó, một lỗi về máy móc, một bộ phận bị hỏng khiến cho cả bộ máy tắc nghẽn lại. Ông không nói về sự yếu ớt đạo đức đâu. Mà là về tâm trí ông ấy, cái cơ cấu tinh thần của ông ấy. Bây giờ thì ông cũng có đỡ hơn rồi, có lẽ thế, càng về già càng đỡ, nhưng hồi bấy giờ, ở cái tuổi băm lăm, băm tám, bốn mươi, ông vẫn sống với cảm giác rằng cuộc đời ông vẫn chưa bao giờ thực sự thuộc về mình, rằng ông đã chưa hề thực sự trú ngụ nơi bản ngã mình, chưa hề là một thực thể. Mà vì ông chưa có thật, nên ông đã không hiểu những tác động của mình đối với người khác, những tổn thương mình có thể gây ra, nỗi đau mình có thể mang lại cho những người yêu quý mình. Sonia đã là mảnh đất của ông, mỗi nỗi vững chắc của ông với thế giới. Ở bên Sonia, ông trở thành tốt hơn chính mình - lành mạnh hơn, khỏe khoắn hơn, tinh táo hơn - nhưng vì ông bà bắt đầu sống với nhau từ khi còn rất trẻ như vậy nên cái lỗi hồng hóc ấy bị che khuất trong suốt những năm tháng đó, và ông vẫn cho rằng mình cũng giống hết như tất cả mọi người khác thôi. Mà thực thì ông không phải thế. Ngay lúc bắt đầu lạc khỏi bà, lớp băng gạc che đây kia rơi ngay ra khỏi vết thương, và sau đó cứ rỉ máu không ngừng. Ông đã đi theo những đàn bà khác bởi vì ông thấy mình đã bị lỗ mất cái gì đó và nhất định phải bù đắp lại quãng thời gian đã mất ấy. Ông đang nói về tình dục, chẳng gì khác ngoài tình dục, nhưng không ai có thể lỏng lỏng hành động như ông đã làm mà lại cho rằng cuộc hôn nhân của mình sẽ vẫn như nguyên được. Ông đã tự lừa dối mình khi nghĩ như vậy.

Ông ơi, ông đừng tự giận mình nhiều quá thế. Bà đã đón nhận ông trở lại, đúng không nào?

Ông biết... nhưng tất cả những năm tháng đã phí hoài ấy. Cứ nghĩ đến chúng là ông phát ốm. Những cuộc tình ba lãng nhãng ngu ngốc của ông. Chúng đã thành gì chứ? Vài chuyện khấp khờ rẻ tiền, chẳng có gì đáng kể, nhưng rõ ràng chúng đã dọn đường cho những gì xảy ra sau đó.

### **Oona McNally.**

Sonia thì tin tưởng ông như thế, ông thì kín đáo như thế, cuộc sống của ông bà cứ tiếp diễn không hề có rắc rối hệ trọng gì. Bà cháu không biết, và ông thì không nói, mà chưa có giây phút nào ông từng nghĩ đến chuyện rời bỏ bà. Thế rồi, năm 1974, ông viết một bài điếm sách khen ngợi cuốn tiểu thuyết đầu tay của một tác giả Mỹ trẻ tuổi. Cuốn *Luồng trước*, của O.M., người cháu vừa nhắc đến ấy. Đó là một cuốn sách đáng kinh ngạc, ông thấy thế, cực kỳ độc đáo và viết rất chắc tay, một tác phẩm đầu tay mạnh mẽ đầy hứa hẹn. Ông không biết tí gì về tác giả - chỉ biết là cô ta 26 tuổi và sống ở New York. Ông đọc bản in thử của cuốn sách, mà vì hồi đó các bản in thử chưa có in ảnh tác giả như bây giờ nên ông cũng chẳng biết cô ta trông ra sao nữa. Khoảng bốn tháng sau đó, ông đến dự một buổi đọc thơ ở Gotham Book Mart (một mình ông thôi, vì Sonia ở nhà với Miriam), và khi xong cuộc, lúc mọi người bắt đầu đi ra cầu thang, thì bỗng có người túm lấy cánh tay ông. Oona McNally. Cô ta muốn cảm ơn ông vì bài viết rất tích cực về cuốn tiểu thuyết của mình. Cũng chỉ có thế, nhưng ông bị ấn tượng rất mạnh vì vẻ ngoài của cô ta - cao ráo và mảnh mai, gương mặt tuyệt mỹ, một phiên bản của Virginia Blaine - đến nỗi ông ngỡ lời mời cô ta đi uống nước ngay. Cho đến lúc ấy ông đã phản bội Sonia bao nhiêu lần nhỉ? Ba hoặc bốn cuộc mây mưa một đêm, và một cuộc tình mini kéo dài gần hai tuần lễ. So với nhiều đàn ông thì bằng liệt kê ấy chẳng ghê gớm gì, nhưng cũng đủ để ông quen với thói sẵn sàng túm lấy cơ hội mỗi khi chúng tới. Nhưng cô gái này thì lại khác. Chẳng ai ngủ với Oona McNally rồi gút-bai cô ngay sáng hôm sau. Ai cũng phải lòng cô, và muốn cô thành một phần của cuộc đời mình. Ông sẽ không làm cháu chác với những chuyện vớ vẩn đâu. Những bữa ăn tối lén lút, những cuộc trò chuyện không dứt ở các quán bar hẻo lánh, cuộc nhả nha quyến rũ lẫn nhau. Cô ta không nhào vào vòng tay ông ngay đâu. Ông phải đeo đuổi cô ấy, chiếm được lòng tin của cô ấy, thuyết phục cô ấy rằng một đàn ông có thể yêu hai đàn bà cùng một lúc. Ông vẫn không có ý định rời bỏ Sonia, cháu hiền mà. Ông muốn có cả hai. Người vợ đã 17 năm trời, người đồng chí cật ruột của ông, mẹ đẻ con duy nhất của ông - và người đàn bà trẻ tuổi dữ dội này, với trí thông minh cháy rục, bù ngải dục tình mới lạ này, người đàn bà mà cuối cùng ông có thể chia sẻ công việc của mình, có thể chuyện trò về sách vở và các ý tưởng. Ông bắt đầu giống một nhân vật trong tiểu thuyết thế kỷ 19: hôn nhân vững chắc trong một hộp, nhân tình sống động trong một hộp khác, và ông, nhà ảo thuật bậc thầy, thì đứng giữa, với tài nghệ và trí khôn đủ để không bao giờ mở cả hai cái hộp ra cùng một lúc. Trong nhiều tháng trời ông đã làm được như vậy, và không còn chỉ là nhà ảo thuật, ông còn là nghệ sĩ đi dây nữa, nhún nhảy trên sợi dây căng thẳng trên cao, ngày nào cũng chấp chờn giữa cảm giác say đắm cực độ và đau đớn dần vật cực độ, và ngày càng tin rằng mình sẽ không bao giờ ngã.

Rồi thì thế nào?

Tháng 12 năm 1974, hai ngày trước Giáng Sinh.

Ông ngã.

Ông ngã. Đêm ấy Sonia có một chương trình toàn ca khúc của Schubert ở chỗ số 92 Phố Y, và khi về nhà thì bảo ông rằng cô ấy biết cả rồi.

Làm sao mà bà biết?

Bà cháu không nói tại sao. Nhưng mọi dữ kiện của bà đưa ra đều đúng cả, và ông thấy có chối cũng chẳng được. Cái mà ông nhớ rõ nhất về cuộc nói chuyện ấy là vẻ bình tĩnh của bà, ít nhất thì cũng đến đoạn chót, lúc bà không nói nữa. Bà không to tiếng, không khóc lóc, không cãi nhai, không câu xé hoặc quăng quật gì trong phòng. Anh phải chọn đi, bà bảo thế. Em sẵn lòng tha thứ cho anh, nhưng

anh phải đến con bé kia ngay bây giờ và chấm dứt với nó. Em không biết rồi chúng ta sẽ ra sao, không biết có còn được như trước nữa hay không. Ngay bây giờ, em thấy như anh đã đâm dao vào ngực em và moi tim em ra vậy. Anh đã giết chết em rồi, August. Anh đang thấy một người đàn bà đã chết rồi này, và lý do duy nhất để em còn giả vờ sống là vì Miriam vẫn cần đến mẹ nó. Em đã luôn yêu anh, luôn nghĩ anh là một người có tâm hồn lớn lao, nhưng hóa ra anh cũng chỉ là một tên dối trá mặt hạng. Sao anh có thể như vậy hả August?... Đến đó thì giọng bà vỡ ra và bà vùi mặt vào hai lòng bàn tay rồi bắt đầu khóc. Ông ngồi xuống sô-pha và quàng tay ôm vai bà, nhưng bị bà đẩy ra. Đừng có động vào tôi, bà nói. Đừng có đến gần tôi cho đến khi nào anh đã nói hết với con bé kia. Nếu đêm nay mà anh không quay lại thì đừng bao giờ quay lại nữa, đừng bao giờ nữa.

Ông có quay lại không?

Không, thế mới khổ.

Chán chuyện quá ông nhỉ.

Nếu cháu không muốn thì thôi nhé. Mình có thể nói chuyện khác mà.

Không, cứ tiếp đi ông ạ. Nhưng mình bỏ qua đoạn ấy được không ông? Ông không phải kể cho cháu về cuộc hôn nhân với Oona. Cháu biết ông yêu bà ấy, biết là ông đã có một thời sóng gió, cả chuyện bà ấy bỏ ông để đi theo cái ông họa sỹ người Đức nữa. Cái ông Klaus gì gì đó.

Klaus Bremen.

Đúng rồi. Cháu biết chuyện ấy khổ thế nào đối với ông, biết là ông đã phải qua một giai đoạn thực sự tồi tệ.

Giai đoạn nghiện rượu. Chủ yếu là whisky Tô-cách-lan, các loại cát bằng đại mạch nguyên chất.

Mà ông cũng không cần nói đến những rắc rối với mẹ cháu đâu. Mẹ cháu đã kể hết rồi. Những chuyện ấy đã qua rồi, chẳng việc gì phải lục lại nữa, phải không ông?

Ông sẽ theo lời cháu.

Cháu chỉ muốn nghe mỗi chuyện ông bà đã trở lại với nhau như thế nào.

Chuyện hôm nay chỉ là về bà cháu, nhỉ?

Phải thế chứ. Vì bà là người không còn ở đây với mình nữa.

Chín năm xa cách. Nhưng ông không bao giờ thù hận gì bà. Nuối tiếc và hối hận, nhục nhã, đau đớn mòn mỏi vì hoang mang, đó là những thứ đã ngấm hủi hoại những năm tháng của ông với Oona. Sonia đã là một phần quá lớn của ông, và ngay cả sau li dị, bà cháu vẫn ở đó, vẫn nói chuyện với ông ở trong đầu - một người vắng mặt luôn hiện diện, như bây giờ ông vẫn thường gọi bà. Ông bà vẫn liên lạc với nhau, dĩ nhiên, là vì còn có Miriam, những chuyện tiền nong gạo bịch của việc hai vợ chồng cùng nuôi con, những thu xếp cuối tuần, những kỳ nghỉ hè, những việc nhà trường của nó từ trung học đến đại học, và khi cả hai đều dần thích nghi với những hoàn cảnh mới ấy, ông cảm thấy lòng căm giận của bà đối với ông đã biến dần thành lòng thương hại. Tội nghiệp August, nhà vô địch của bọn ngốc. Bà cháu cũng có đàn ông. Không nói mình cũng biết, nhỉ? Bà mới có bốn mươi lúc ông bỏ đi, vẫn rạng rỡ, vẫn là cô gái ngồi ngời ngời ấy, và một trong những đàn đúm ấy của bà đã trở thành nghiêm túc thật sự, ông nghĩ thế, nhưng chắc mẹ cháu biết chuyện đó rõ hơn ông. Khi Oona phôi phới ra đi với anh chàng họa sỹ Đức kia, ông đã suy sụp hoàn toàn. Cháu nói đó là giai đoạn thực sự tồi tệ, nhưng lời lẽ thế vẫn là giọng nhẹ thôi, chứ chưa thể nói hết cái mức độ tồi tệ ấy đâu. Giờ thì ông sẽ không nghĩ

mãi đến những ngày đó nữa, ông hứa đấy, nhưng ngay cả trong thời gian ấy, lúc hoàn toàn đơn côi, ông đã không hề nghĩ đến việc tìm đến Sonia. Đó là năm 1981. Sang năm 1982, vài tháng trước khi bố mẹ cháu cưới nhau, Sonia viết thư cho ông. Không phải về chuyện của hai người, mà là về mẹ cháu, lo rằng Miriam còn quá trẻ mà đã vội lấy chồng, rằng nó sẽ lại mắc sai lầm như ông với bà hồi còn ở tuổi hai mươi mất thôi. Rất sáng suốt, đúng thế, mà bà cháu cũng thính những chuyện như vậy lắm cơ. Ông viết trả lời, bảo rằng có thể bà nói đúng, nhưng có đúng thật đi nữa thì mình cũng chẳng làm gì được. Ta không thể can thiệp vào tình cảm của người khác, nhất nữa lại là của con mình, và quả thật là bọn trẻ không bao giờ học được gì từ các sai lầm của bố mẹ chúng. Ta phải để mặc cho chúng vùng vẫy với đời và phạm sai lầm của chúng thôi. Đó là câu trả lời của ông, rồi sau đó ông kết thúc lá thư với một câu khá sáo mòn: Mình chỉ có thể hy vọng vào điều tốt đẹp nhất. Ngày làm đám cưới, Sonia đã bước đến chỗ ông và nói: Em đang hy vọng điều tốt đẹp nhất. Nếu phải nói thật chính xác lúc nào ông bà bắt đầu hòa giải với nhau thì có lẽ ông sẽ bảo là lúc ấy đấy, lúc bà cháu nói những lời ấy với ông. Đó là một ngày quan trọng đối với cả hai người - con gái đi lấy chồng - không gian tràn ngập những nỗi niềm: hạnh phúc, lo âu, nhớ tiếc, đủ mọi cảm xúc - và không ai muốn sân hận làm gì. Lúc bấy giờ ông vẫn còn be bét lắm, chưa hoàn hồn sau vụ tan nát với Oona, nhưng Sonia cũng đang trong thời kỳ khó khăn chẳng kém. Bà cháu đã thôi không hát nữa từ đầu năm, và như sau này ông mới biết qua lời mẹ cháu (Sonia không bao giờ chia sẻ với ông bất kì bí mật gì trong đời sống riêng tư của bà), cũng lại vừa chia tay với một người đàn ông. Thành thử dù có thế nào đi nữa thì cả hai người đều cùng đang buồn chán trong ngày hôm đó, và gặp nhau như vậy cũng thấy được an ủi phần nào. Hai cựu chiến binh đã từng dự cùng một trận đang chứng kiến đứa con của họ dần bước vào một cuộc chiến mới của riêng nó. Ông bà đã khiêu vũ với nhau, nhắc lại chuyện xưa, và đã có những giây phút còn nắm lấy tay nhau nữa. Thế rồi đám cưới kết thúc, mọi người ai về nhà người nấy, nhưng ông vẫn nhớ ý nghĩ của mình khi về đến New York, rằng đã lâu lắm rồi ông mới có một điều tốt đẹp là gặp lại bà cháu ngày hôm đó. Ông không bao giờ nghĩ trước, nhưng khoảng một tháng sau, ông thức dậy một sớm mai và nhận ra rằng ông muốn gặp lại bà. Không, còn hơn thế nữa. Ông muốn được bà trở lại với mình. Ông biết cơ hội ấy gần như là không có, nhưng ông cũng biết là mình bắt buộc phải thử. Và thế là ông gọi điện.

Chi vậy thôi ư? Ông cứ thế nhắc phôn lên và gọi ư?

Không phải là không bồn chồn. Không phải là không ghen cổ và thót hết cả bụng. Mà nó đúng là một tái diễn của lần đầu tiên ông gọi bà trong đời - hai mươi bảy năm trước đó. Ông lại thành hai mươi tuổi, một gã trai trẻ tương tự cuồng quýt lấy hết can đảm gọi cô gái trong mộng của mình để hẹn hò. Chắc ông đã nhìn cái phôn đến hàng chục phút đồng hồ, nhưng khi cuối cùng ông quay số thì Sonia lại không có nhà. Cái máy nhắn tin kêu click một cái, và khi nghe giọng bà nói xin để lại lời nhắn thì ông run lẩy bẩy đến mức phải đặt máy xuống. Bình tĩnh nào, ông tự nhủ, mày xử sự như thằng ngốc thế, rồi ông quay lại số và để lại lời nhắn. Cũng lơ mơ thôi. Chỉ bảo rằng ông muốn nói chuyện gì đó với bà, rằng ông hy vọng bà vẫn khỏe, rằng ông ở nhà cả ngày.

Bà có gọi lại ông không, hay ông phải gọi lại nữa?

Bà gọi. Nhưng như thế cũng chẳng chứng tỏ điều gì. Bà không biết ông muốn nói chuyện gì với bà. Theo chỗ bà biết thì có lẽ là về Miriam thôi, hoặc một chuyện gì đó lật vặt thực tế. Và giọng bà nghe bình thản, hơi rụt rè một chút, nhưng không căng thẳng tí nào. Ông bảo là ông đã nghĩ đến bà và muốn biết bà sống ra sao. Cũng vậy vậy thôi, bà nói, đại loại thế. Ông bảo gặp bà ở đám cưới ông rất mừng. Bà nói là bà cũng thế, hôm ấy thật đáng nhớ, và bà đã có một ngày tuyệt vời. Cứ như thế, ông bà nói chuyện với nhau, cả hai bên đều vẫn dè chừng, lịch sự và thận trọng, không dám nói gì nhiều. Rồi bỗng nhiên ông hỏi bà có muốn ăn tối với ông một hôm nào đó trong tuần không. Ăn tối ư? Khi bà nhắc lại như thế, ông có thể nghe thấy tâm trạng hết sức ngạc nhiên của bà. Sau đó là một lúc im lặng dài, rồi bà nói bà chưa biết, bà phải nghĩ cái đã. Ông không nài. Quan trọng là không được ép mạnh quá. Ông hiểu bà quá rõ, và chỉ cần ông làm mạnh một cái là bà phản ứng lại ngay. Cả hai đều bỏ lửng như vậy. Ông nói lời xin bà bảo trọng rồi tạm biệt.

Một khởi đầu không hứa hẹn lắm.

Đúng thế. Nhưng cũng không đến nỗi nào. Bà đã không từ chối, chỉ chưa biết là có nên nhận lời hay không thôi. Nửa tiếng sau, chuông điện thoại lại reo. Dĩ nhiên là tôi sẽ ăn tối với anh, Sonia nói. Bà xin lỗi vì đã chần chừ, nhưng mà ông làm bà bất ngờ quá và bà đã chẳng biết đằng nào mà nghĩ nữa. Thế là ông bà hẹn nhau ăn tối, đó là bắt đầu của một vũ điệu lâu dài và tế nhị, một điệu múa đôi của thềm muốn, sợ hãi và đầu hàng kéo dài hơn mười tám tháng trời. Lâu đến như thế rồi ông bà mới bắt đầu chung sống, và mặc dù sống với nhau thêm 21 năm nữa như vậy mà Sonia vẫn nhất định không cưới lại ông. Không biết cháu có biết chuyện ấy không. Bà cháu và ông đã sống trong tội lỗi cho đến ngày bà qua đời. Bà bảo cưới xin sẽ mang vận xấu đến cho hai người. Ông với bà cũng đã cưới một lần rồi đấy thôi, mà rồi có ra gì đâu, vậy tại sao không làm cách khác? Vất vả đến thế mới có lại được bà cho nên ông sẵn lòng làm theo ý bà. Kỳ sinh nhật nào của bà ông cũng ngỏ lời cầu hôn, nhưng những lời lẽ ấy cũng chỉ như một thứ mật mã, một dấu hiệu chứng tỏ rằng bà có thể lại tin tưởng ở ông, một lần và mãi mãi. Có rất nhiều thứ về bà mà ông không bao giờ hiểu nổi, rất nhiều thứ mà chính bà cũng không hiểu nổi về bản thân mình. Đến với nhau lần thứ hai như vậy thật khó khăn, một người đàn ông tán tỉnh người vợ trước đây của mình, và người vợ xưa ấy cũng rất gắng sức, không chịu lùi một phân nào, trong khi lại chẳng biết là mình muốn gì, cứ hết muốn rồi lại ghét như thế mãi, cho đến khi đầu hàng. Phải nửa năm sau hai người mới ngủ với nhau. Lần làm tình đầu tiên, bà cháu cười phá lên lúc vừa xong, rơi vào một trong những cơn nấc nẻ điên rồ lâu đến nỗi ông bắt đầu phát sợ. Lần thứ hai thì bà khóc, nức nở vùi mặt vào gối cho đến hơn một tiếng đồng hồ. Với bà, quá nhiều thứ đã đổi thay. Giọng bà đã mất cái phẩm chất không thể mô tả được nhưng rất riêng biệt của bà, cái chất xót xa trong veo và dễ vỡ như pha-lê rất biểu cảm ấy, vị thần mai danh ẩn tích đã lên tiếng thông qua bà - những cái đó đã mất cả rồi, và bà cháu biết thế, nhưng rời bỏ sự nghiệp là một đòn rất nặng, và bà vẫn còn chưa thể quen được với tình trạng của mình. Lúc bấy giờ bà chỉ còn dạy thanh nhạc, có học sinh đến tận nhà, và có nhiều ngày bà chẳng thiết gì đến chuyện gặp mặt ông. Rồi lại có những ngày bà cuống quýt gọi đến: Anh đến ngay nhé, em phải gặp anh ngay bây giờ. Hai người lại thành một cặp tình nhân, có thể còn thân thiết hơn cả lần đầu tiên nữa kia, nhưng bà cháu vẫn muốn người nào có cuộc sống riêng biệt của người ấy. Ông thì muốn hơn thế, nhưng bà không chịu. Đó là một ranh giới mà bà không muốn vượt qua. Rồi một năm rưỡi sau, mọi chuyện bỗng thay đổi chỉ vì một sự kiện.

Cái gì vậy ông?

Cháu.

Cháu ư? Ông nói thế nghĩa là thế nào?

Cháu ra đời. Bà cháu với ông lấy tàu hỏa đi New Haven, và đều có mặt ở đó lúc mẹ cháu đau đẻ. Ông không muốn thậm xưng hoặc nói năng ủy mị về chuyện này, nhưng khi Sonia bế cháu trên tay lần đầu tiên, bà đã ngẩng lên liếc nhìn ông, và khi ông thấy mặt bà - ông đang lúng túng đây, không biết nói thế nào nhỉ - mặt bà cháu lúc ấy sáng bừng lên ấy. Nước mắt chảy xuống má. Bà cười, hết lặng lẽ lại cười lên thành tiếng, và trông bà như đang tràn đầy ánh sáng. Vài giờ sau, khi hai người đã về khách sạn và đang nằm trên giường trong bóng tối, bà cháu nắm lấy tay ông và nói: em muốn anh dọn về ở với em, August ạ. Về đến New York thì anh dọn ngay về và ở với em mãi mãi nhé.

Vậy là cháu làm được việc ấy ư?

Đúng thế. Cháu là người đã đem ông bà về với nhau.

Chao ôi, ít nhất thì cháu cũng làm được một việc ở đời này. Tệ nhất là lúc ấy cháu mới ra đời được 5 phút và chẳng biết mình đang làm gì.

Cháu còn làm được nhiều việc lớn khác nữa kia.

Ông ơi, sao cuộc đời lại khủng khiếp thế hả ông?

Vì vốn dĩ nó vậy mà. Đời là thế thôi.

Những năm tháng tệ hại ấy của ông với bà này. Rồi của mẹ cháu với bố cháu này. Nhưng chí ít thì ông bà cũng yêu nhau và còn có cơ hội thứ hai. Chí ít thì mẹ cháu cũng yêu bố cháu đến mức cưới xin. Cháu thì chưa bao giờ yêu ai cả.

Cháu nói gì thế?

Cháu đã cố yêu Titus mà không nổi. Anh ấy yêu cháu, mà cháu không thể nào đáp lại được. Ông nghĩ tại sao anh ấy lại tham gia cái công ty ngu xuẩn kia rồi bỏ đi chứ?

Để kiếm tiền mà. Nó định bỏ ra một năm để kiếm chừng trăm ngàn đô-la. Chỗ tiền ấy thật kinh khủng đối với một thằng con trai mới 24 tuổi. Ông đã nói chuyện với nó rất lâu trước khi nó đi. Nó biết là đang liều, nhưng nghĩ rằng cũng đáng.

Anh ấy đi là vì cháu. Ông không hiểu à? Cháu bảo anh ấy rằng cháu không muốn nhìn mặt anh ấy nữa, thế là anh ấy bỏ đi và để cho mình bị giết chết. Anh ấy chết là vì cháu.

Cháu không thể nghĩ như vậy được. Nó chết là vì chẳng may lại ở đó đúng vào lúc ấy mà thôi.

Nhưng cháu đã đặt anh ấy vào chỗ đó đúng lúc ấy.

Cháu chẳng có liên quan gì hết. Đừng tự hành hạ mình như thế, Katya. Thế là đủ rồi.

Cháu không biết làm thế nào khác.

Cháu đã chết kẹt ở đây chín tháng rồi, mà chẳng khá hơn chút nào. Ông nghĩ đã đến lúc phải thay đổi cháu ạ.

Cháu chẳng muốn thay đổi gì hết.

Cháu có định quay lại trường vào mùa thu này không?

Lúc có lúc không. Chỉ vì cháu không chắc mình đã sẵn sàng chưa.

Còn những bốn tháng nữa mà.

Cháu biết. Nhưng nếu muốn về trường, cháu phải nói với họ ngay trong tuần tới.

Vậy thì nói đi. Nếu còn cảm thấy chưa sẵn sàng thì cháu vẫn có thể đổi ý vào phút chót mà.

Để xem thế nào.

Trong khi đó, ông cháu mình phải khuấy động nơi này một tí. Cháu có thích làm một chuyến đi không nào?

Đi đâu hả ông?

Bất kỳ chỗ nào cháu thích, và muốn ở bao lâu là tùy cháu.

Thế còn mẹ cháu? Mình không thể để mẹ cháu ở nhà một mình được.

Tháng sau mẹ cháu sẽ hết lớp. Mình có thể đi cả ba người.

Nhưng mẹ còn có cuốn sách. Mẹ muốn viết xong trong mùa hè này.

Thì trên đường mẹ cháu vẫn viết được chứ.

Trên đường ư? Làm sao mà ông lái xe được. Chân ông sẽ rất đau không chịu nổi đâu.

Ông đang nghĩ đến loại xe nhà. Chẳng biết mấy thứ đó tốn kém đến đâu, nhưng ông vẫn có khá tiền trong ngân hàng. Tiền bán căn hộ ở New York mà. Thẻ nào ông cũng đủ tiền mua một cái. Nếu không mới thì xe dùng rồi cũng được.

Ông bảo gì cơ? Cả ba người mình cùng lái một cái xe nhà lòng vòng suốt cả mùa hè ư?

Đúng thế. Miriam cứ viết sách, còn hàng ngày ông với cháu cùng ra ngoài thám hiểm.

Mình tìm gì hả ông?

Ông không biết. Gì mà chẳng được. Chiếc bánh kẹp thịt ngon nhất nước Mỹ chẳng hạn. Ta sẽ lên danh sách các nhà hàng làm bánh kẹp hàng đầu của cả nước rồi lần lượt đến ăn ở từng nơi và cho điểm theo các tiêu chí hẳn hoi. Vị này, độ mềm này, kích cỡ này, chất lượng của bánh mỳ này, vân vân và vân vân.

Nếu ông ăn mỗi ngày một cái bánh kẹp thì ông sẽ có thể lên cơn đau tim đấy.

Vậy thì cá. Mình sẽ tìm tiệm bán cá ngon nhất trong khu Phố 48 ở khu Nam thành phố.

Ông đang ngáng xỏ cháu đấy hả?

Đâu có. Bọn chân yếu như ông thì ngáng xỏ ai được. Không ai làm thế bao giờ.

Xe nhà sẽ chạt đấy ông ạ. Hơn nữa, ông đang quên một điều hệ trọng.

Điều gì thế?

Ông ngáy.

À... Đúng là như vậy, đúng là như vậy. Thôi được, mình bỏ cái xe nhà đi vậy. Thế đi Paris có được không? Cháu có thể gặp họ hàng, tập nói tiếng Pháp, và học một cách nhìn đời mới mẻ.

Thôi ạ, cháu cảm ơn ông. Cháu thà ở đây xem phim còn hơn.

Cháu biết chúng đang biến thành một thứ ma túy mà. Ông nghĩ mình nên xem ít đi, có thể còn phải thôi hẳn một thời gian nữa đấy.

Cháu chịu thôi. Cháu cần những hình ảnh ấy. Cháu cần có những cái khác để xem.

Những cái khác? Ông không hiểu. Khác với cái gì chứ?

Ông đừng chậm hiểu thế.

Ông biết là mình đần rồi, nhưng mà ông vẫn không hiểu.

Titus.

Nhưng mình đã xem đoạn video ấy có đọc một lần - đã hơn chín tháng nay rồi.

Thế ông có quên nó được không?

Không, tất nhiên là không. Ông nghĩ đến nó hàng hai chục lần một ngày.

Đấy. Ông hiểu rồi chứ? Nếu cháu không xem nó thì mọi việc đã khác. Người ta ra trận, và đôi khi người ta chết. Mình nhận một cái điện tín hoặc một cú phôn, có ai đó bảo mình rằng con trai hoặc chồng hoặc người yêu cũ của mình đã chết trận. Nhưng mình không thấy chuyện ấy đã diễn ra như thế nào. Mình mừng tượng trong đầu, nhưng không biết sự thật. Thậm chí nếu có ai đã chứng kiến rồi về kể lại, thì mình vẫn chỉ có những lời nói ấy thôi, những từ ngữ mơ hồ, muốn hiểu thế nào cũng được. Còn đây thì mình lại nhìn thấy hẳn hoi. Nhìn thấy họ đã giết chết anh ấy như thế nào. Nếu không có những hình ảnh khác làm khuất lấp cái đoạn video ấy đi, cháu sẽ chỉ còn nhìn thấy nó. Cháu không thể xóa bỏ nó được.

Ta sẽ không bao giờ xóa bỏ nó. Cháu phải chấp nhận chuyện ấy, Katya. Chấp nhận nó, và cố gắng làm lại cuộc đời.

Cháu đang cố hết sức mình.

Cháu không động cựa gần một năm nay rồi. Có nhiều thứ khác có thể làm cháu khuây khỏa chứ không phải chỉ có phim. Làm việc chẳng hạn. Một dự án, một cái gì đó để cháu toàn tâm toàn ý vào đó.

Như việc gì hả ông?

Đừng cười ông, nhưng sau khi đã xem tất cả những bộ phim đó với cháu, ông đã nghĩ rằng có lẽ ta nên viết một kịch bản riêng của mình.

Cháu không phải văn sỹ. Cháu không biết cách bịa chuyện.

Thế cháu nghĩ đêm nay ông đang làm gì?

Cháu không biết. Ông nghĩ. Ông hồi tưởng.

Càng ít càng tốt. Ông sẽ khá hơn nếu chỉ ngẫm nghĩ và hồi tưởng vào ban ngày. Còn chủ yếu là ông tự kể chuyện cho mình. Đó là việc ông làm khi không ngủ được. Ông nằm trong bóng tối và kể chuyện cho chính mình. Chắc đến giờ ông đã có vài chục chuyện như thế rồi đấy. Mình có thể chuyển chúng thành phim. Đồng tác giả, đồng sáng tạo. Mình chỉ ngồi xem phim của người khác. Sao lại không làm phim của mình?

Những loại chuyện gì thế hả ông?

Đủ loại. Hài, bi, tiếp nối của các cuốn sách mà ông thích, kịch lịch sử, đủ thứ, cháu tha hồ tưởng tượng. Nhưng nếu cháu chấp nhận lời đề nghị của ông, có lẽ mình nên bắt đầu với một hài kịch.

Cháu chả thiết cười cợt gì đạo này.

Thì chính vì vậy mà mình nên làm một cái gì đó nhẹ nhàng, một câu chuyện vặt vãnh sủi bọt càng nhí nhỏ càng tốt. Nếu mình thực sự để tâm vào nó, mình sẽ vui đấy.



Ai mà cần vui cơ chứ?

Ông cần. Và cháu cũng cần, cháu yêu của ông ạ. Ông cháu mình đã thành hai cái bị buồn thảm rồi, và ông đang đề nghị một cách chữa, một phương thuốc xoa tan những cơn rầu rĩ ấy đây.

\*\*\*

Tôi nhào vào một câu chuyện vừa phác thảo tuần trước - những cuộc mạo hiểm lãng mạn của Dot và Dash, một cô hầu bàn mũm mĩm và một anh bếp đầu tóc bù xù chuyên đứng làm các món ăn nhanh tại một nhà hàng ở New York - nhưng chưa được năm phút thì Katya đã lăn ra ngủ, thế là cuộc trò chuyện của hai ông cháu kết thúc. Tôi nghe tiếng nó thở chậm chạp và đều đặn, mừng là nó đã ngủ thiếp đi được, và không biết đã mấy giờ rồi. Chắc phải hơn 4 giờ, có thể 5 giờ rồi cũng nên. Chỉ một tiếng gì đó nữa thôi là rạng sáng, giây phút bí hiểm khi bóng tối bắt đầu mỏng đi và con chim gì vẫn làm tổ trên cái cây bên cạnh cửa sổ sẽ cất những tiếng chiêm chiếp đầu tiên của một ngày. Trong lúc ngẫm nghĩ về những điều Katya đã nói, đầu óc tôi dần dần quay lại với Titus, và chẳng mấy chốc tôi đã vào lại câu chuyện của nó, sống lại cuộc thảm họa mà suốt đêm tôi đã cố né tránh.

Katya tự đổ tội cho mình vì những gì đã xảy ra, cho rằng nó đã can dự vào mọi biến cố dây chuyền cuối cùng đã dẫn đến cái chết của Titus. Ta không nên nghĩ như vậy, nhưng nếu tôi cũng theo cái lôgic sai lầm ấy của nó, thì cả Sonia và tôi cũng phải chịu trách nhiệm, vì chúng tôi là người đầu tiên đã giới thiệu nó với Titus. Bữa tối ngày Lễ Tạ ơn 5 năm trước đây, ngay sau khi bố mẹ nó li dị nhau. Nó với Miriam lái xe xuống New York ở với chúng tôi qua kỳ nghỉ cuối tuần dài ấy, và hôm Thứ Năm Sonia và tôi làm món gà tây cho 12 người ăn. Trong số khách ấy có Titus và bố mẹ nó, David Small và Elizabeth Blackman, đều là họa sỹ và bạn với chúng tôi từ lâu. Titus mười chín tuổi và Katya mười tám có vẻ thích nhau ngay. Có phải chỉ vì yêu cháu gái chúng tôi mà thằng bé chết không? Cứ nghĩ theo kiểu ấy cho đến cùng thì đến bố mẹ nó cũng có lỗi mất. Nếu David và Liz đã không gặp nhau thì làm gì có Titus trên đời này.

Nó là một thằng bé sáng sủa, tôi nghĩ thế, một thằng bé cởi mở vô ki luật với mớ tóc đồ hoang dại, cẳng dài, bàn chân to. Tôi gặp nó lúc nó mới bốn tuổi, và vì Sonia với tôi rất hay đến chơi với bố mẹ nó, thằng bé thành ra rất thân, coi chúng tôi như cô bác trong nhà chứ không phải là khách nữa. Tôi thích nó vì nó đọc sách. Trẻ con mà lại mê văn học là hiếm lắm. Và khi bắt đầu viết những truyện ngắn ở tuổi thiếu niên, nó thường gửi cho tôi để hỏi ý kiến. Truyện thì cũng thường thôi, nhưng tôi cảm động vì nó đã tìm đến mình để được hướng dẫn, và chẳng mấy chốc nó bắt đầu đến chỗ chúng tôi hàng tháng để chuyện trò về những nỗ lực của mình. Tôi thường giới thiệu sách cho nó đọc, và nó sẽ cây những sách ấy rất kĩ, có thể nói là say như điều đồ. Nó viết khá dần lên, nhưng mỗi tháng mỗi khác, mang dấu ấn của tác giả mà nó tình cờ đọc trong tháng ấy - cũng là bình thường ở những cây bút mới vào nghề, một dấu hiệu tiến triển. Những lóe sáng của tài năng bắt đầu lấp ló trong những trang viết hoa mỹ cầu kỳ của nó, nhưng vẫn chưa thể nói liệu nó có hứa hẹn thực sự gì không. Khi nó sắp hết trung học và nói muốn ở lại thành phố để học ở Columbia, tôi đã viết thư giới thiệu cho nó. Không biết lá thư ấy có tác dụng gì không, nhưng trường đại học xưa ấy của tôi đã chấp nhận nó, và những cuộc viếng thăm hàng tháng lại tiếp tục.

Lúc đến dự bữa tối ngày Lễ Tạ ơn ấy và gặp Katya thì nó đang học năm thứ hai. Hai đứa là một song đôi vừa hay vừa là lạ, tôi nghĩ thế. Titus mềm mại, hay cười, với đôi tay vung vẩy và đứa cháu gái nhỏ nhắn, mảnh dẻ có mái tóc sẫm màu của chúng tôi. Đại học Sarah Lawrence thì ở ngay Bronxville, đi tàu hỏa một lát là vào đến thành phố, nên Katya rất hay về chỗ chúng tôi trong thời gian nó học ở đó, phải nói là hầu hết các kỳ nghỉ cuối tuần nó đều bỏ ký túc xá để về xa hơi với ông bà và đi chơi đêm New York. Giờ thì nó nói là đã không yêu gì Titus, nhưng trong suốt những năm chúng nó có nhau, đã có không biết bao nhiêu bữa tối ở chỗ chúng tôi, thường là chỉ có bốn chúng tôi với nhau, và chưa bao giờ tôi cảm thấy có cái gì khác ngoài tình quyến luyến giữa hai đứa. Cũng có thể tôi mù lòa. Có thể tôi đã không để ý, nhưng ngoài một vài lần bất đồng về học thuật và một trận cãi nhau kéo dài chưa đầy một tháng, tôi vẫn luôn thấy chúng là một cặp hạnh phúc và say đắm. Khi Titus đến gặp tôi một mình,

nó không bao giờ bóng gió đến bất kỳ một trục trặc gì với Katya, mà Titus là một đứa hay nói, có gì trong bụng là huých toẹt ra ngay, nếu Katya đã định bỏ nó thì nhất định là nó đã nói chuyện với tôi rồi. Hay là không nhỉ? Chẳng nhẽ tôi đã không hiểu nó như tôi tưởng.

Lúc nó bắt đầu nói đến chuyện sang làm việc ở Iraq, bố mẹ nó sợ cuống quýt. David, vốn là người đàn ông nhẹ nhàng và nhẫn chịu nhất, đã hét nặng lên với con, gọi nó là một thằng lông bông không biết gì và bệnh hoạn, một thằng điên có tâm lý tự sát. Liz thì khóc lóc, chạy vào giường và bắt đầu uống hàng liều nặng thuốc an thần. Lúc ấy là tháng Hai năm ngoái. Sonia đã qua đời tháng 11 trước đó, và tôi thì đang be bét, đêm nào cũng uống rượu cho đến lúc không biết gì nữa, không còn sức đâu để giao tiếp với ai, khổ não đến mất trí, nhưng David lo sợ quá nên vẫn gọi và hỏi tôi có thể nói chuyện với thằng bé cho nó tỉnh ra không. Tôi không thể từ chối. Tôi đã biết Titus quá lâu rồi, và thực lòng cũng rất lo cho nó. Thế là tôi gượng dậy và cố hết sức mình - nhưng chẳng được việc gì, không được một việc gì hết.

Sau khi Sonia ngã bệnh tôi đã mất liên hệ với Titus, và nó có vẻ đã thay đổi trong trong quãng thời gian ấy. Thằng bé lộc ngộc lạc quan hay nói đã trở thành lầm lì, gần như bần tính, và tôi biết ngay là có nói gì với nó cũng không ăn thua nữa rồi. Nhưng đồng thời tôi cũng không nghĩ là nó không vui khi gặp tôi, và khi nhắc đến Sonia và cái chết của bà, giọng nó xúc động thực sự. Tôi cảm ơn những lời ấy của nó, rót đầy hai cốc whisky rồi đưa nó vào phòng khách, nơi hai ông cháu đã từng chuyện trò không biết bao nhiêu lần trước đó.

Bác sẽ không ngồi đây để cãi vã với cháu đâu, tôi lên tiếng. Chỉ vì bác thấy hơi hoang mang lẫn lộn một chút, và muốn cháu giúp bác làm rõ ra vài điều. Ô kê?

Ô kê, Titus đáp. Không có vấn đề gì.

Chiến tranh đã tiếp diễn gần được ba năm rồi, tôi nói. Lúc mở màn cuộc xâm lược, cháu bảo với bác là cháu phản đối nó. Cháu đã nói là cháu *kinh tởm* nó, đúng không nào. Cháu đã bảo đó là một cuộc chiến giả tạo và cố tình, là sai lầm chính trị tệ hại nhất trong lịch sử nước Mỹ. Có phải đúng thế không, hay là bác nhầm cháu với ai khác?

Bác nói đúng đấy ạ. Cháu đã nghĩ đúng như vậy.

Gần đây bác cháu mình không gặp nhau nhiều, nhưng lần cuối cùng cháu ở đây, bác nhớ cháu có nói rằng phải nên tống Bush vào tù - cùng với Cheney, Rumsfeld và cả lũ phát xít đều giả đang điều hành đất nước này. Lúc nào ấy nhỉ? Tám tháng trước? Mười tháng trước đây à?

Mùa xuân năm ngoái ạ. Tháng Tư tháng Năm gì đó cháu không nhớ.

Thế bây giờ cháu nghĩ khác rồi à?

Không ạ.

Hoàn toàn không ư?

Không một tí nào ạ.

Thế thì vì lý do gì mà cháu lại muốn đi Iraq? Sao cháu lại tham gia vào cuộc chiến tranh mà cháu căm ghét?

Cháu đi không phải vì nước Mỹ. Cháu đi là vì cháu thôi.

Vì tiền ư, có phải thế không? Titus Small, lính đánh thuê lưu động.

Cháu không phải lính đánh thuê. Lính đánh thuê mang vũ khí và giết người. Cháu chỉ lái xe tải, chỉ thể thôi. Chuyên chở quân nhu từ chỗ này qua chỗ khác. Ga giường, xà phòng, kẹo bánh, quần áo bẩn. Công việc mệt hạng, nhưng lương thì kèch sù. BRK - đó là tên của cái công ty ấy. Đăng ký làm một năm, rồi về nhà với chín chục hoặc một trăm ngàn đô-la trong túi.

Nhưng cháu sẽ ủng hộ một việc mà cháu vẫn phản đối. Cháu lý giải điều đó cho mình như thế nào?

Cháu không nhìn theo cách ấy. Với cháu, đây không phải là một quyết định có tính đạo đức. Mà là chuyện học hỏi, chuyện bắt đầu một kiểu giáo dục mới. Cháu biết bên đó kinh khủng và nguy hiểm như thế nào, nhưng chính vì thế mà cháu muốn đi. Càng kinh khủng càng tốt.

Cháu đang nói những điều vô lý.

Cả đời, cháu chỉ muốn thành một nhà văn. Bác biết mà, bác August. Cháu đã cho bác xem những truyện ngắn khốn khổ của cháu bao nhiêu năm nay rồi, và bác đã rất tử tế để mắt đọc và góp ý cho cháu. Bác vẫn khuyến khích cháu, và cháu rất biết ơn bác, nhưng cả hai chúng ta đều biết là cháu không giỏi. Văn cháu khô khan, nặng nề và buồn chán. Đáng vứt đi. Tất cả những gì cháu viết cho đến giờ đều vớ vẩn cả. Cháu đã hết đại học gần hai năm nay rồi, và cả ngày chỉ ngồi trong văn phòng, trả lời điện thoại cho một người chuyên làm môi giới đại diện cho các nhà văn. Đời như vậy thì còn ra kiểu gì nữa? Nó yên ổn đến khốn nạn, buồn tẻ đến khốn nạn, cháu không thể chịu nổi nữa. Cháu chả biết gì cả, bác August. Cũng chưa làm được gì cả. Cho nên cháu phải đi. Để trải nghiệm cái gì đó về chính mình. Ra với thế giới rộng lớn thối nát kia và tìm xem là một phần của lịch sử thì nó như thế nào.

Lăn mình vào chiến tranh sẽ không làm cháu thành nhà văn đâu. Cháu vẫn nghĩ như một cậu học trò nhỏ, Titus ạ. May nhất thì cháu sẽ về với đầy những ký ức không thể chịu đựng nổi trong đầu. Tệ nhất thì cháu sẽ chẳng còn mà trở về nữa đâu.

Cháu biết là có rủi ro. Nhưng cháu phải chấp nhận. Cháu phải thay đổi cuộc đời mình - ngay bây giờ.

Hai tuần sau cuộc nói chuyện ấy, tôi trèo vào một cái Toyota Corolla đi thuê và lái lên Vermont để ở với Miriam một thời gian. Chuyến đi kết thúc bằng vụ đâm xe đã khiến tôi phải vào bệnh viện, và lúc ra viện thì Titus đã đi Iraq rồi. Không còn cơ hội để nói lời tạm biệt hoặc chúc nó may mắn hay van xin nó đổi ý một lần nữa. Đúng là một hành vi lãng mạn vớ vẩn, một trò con trẻ... nhưng thằng bé đang tuyệt vọng trong những mơ ước tan nát của nó, đang đối mặt với sự thật rằng nó không có cái tố chất để làm cái việc duy nhất mà nó vẫn muốn làm, và nó bỏ chạy với ý định khôn cưỡng phải cứu chuộc lại bản thân ngay trong con mắt của chính mình.

Tôi dọn đến ở với Miriam vào đầu tháng Tư. Ba tháng sau, Katya gọi về từ New York, khóc tức tưởi trên phon. Bật tivi lên đi, nó báo, và Titus đang ở trên chương trình tin tức buổi tối, ngồi trên một chiếc ghế trong một căn phòng không thể biết là ở đâu với những bức tường xỉ than, vây quanh bởi bốn đàn ông trùm đầu kín mít với súng trường trong tay. Chất lượng đoạn video ấy tồi, không thể thấy vẻ mặt Titus lúc ấy ra sao. Trông nó ngây dại hơn là sợ hãi, tôi cảm thấy thế, nhưng rõ ràng là nó đã bị đánh, vì tôi có thể lờ mờ nhận ra cái gì đó như một vết bầm tím trên trán nó. Không có âm thanh, nhưng trên nền hình ảnh ấy phát thanh viên đang đọc một đoạn viết sẵn đại khái như sau: *Titus Small, công dân New York hai mươi tư tuổi, một tài xế xe tải của công ty phụ hợp đồng BRK, sáng hôm nay đã bị bắt cóc trên đường đến Baghdad. Những kẻ bắt cóc, vẫn chưa tự nhận là thuộc tổ chức khủng bố nào, đang đòi mười triệu đô-la tiền chuộc và đòi chấm dứt lập tức các hoạt động của BRK tại Iraq. Chúng sẽ hành quyết tù nhân nếu những yêu sách này không được đáp ứng trong vòng 72 giờ. George Reynolds, một phát ngôn viên của BRK, nói công ty ông đang làm tất cả có thể trong quyền hạn của mình để đảm bảo an toàn cho ông Small.*

Hôm sau thì Katya về đến nhà mẹ, và hai đêm liền sau đó chúng tôi bật cái máy tính xách tay của nó lên và xem đoạn video thứ hai và cuối cùng do bọn bắt cóc quay và chỉ phát tán trên mạng internet. Chúng tôi đều biết là Titus đã chết. BRK đã chịu trả một số tiền lớn để chuộc mạng cho nó, nhưng như ai cũng đoán (khi động đến lời lẽ thì làm sao có thể mong có những việc phi thường), họ đã không chịu ngừng hoạt động ở Iraq. Cuộc hành quyết được thi hành như đã tuyên cáo, đúng 72 giờ sau khi Titus bị kéo ra khỏi xe và ném vào căn phòng toàn những bức tường bằng gạch xi ấy. Đến giờ tôi vẫn không hiểu tại sao cả ba chúng tôi đều nhất định phải xem đoạn băng ấy như thể đó là một bản phận, một nghĩa vụ thiêng liêng. Chúng tôi đều biết sẽ bị ám ảnh cả đời vì nó, vậy mà không hiểu sao chúng tôi đều cảm thấy mình phải ở đó với Titus, phải mở mắt nhìn sự khủng khiếp ấy vì nó, hít thở nó vào mình và giữ nó ở đó, trong lòng mình, lưu giữ cái chết đơn độc và khốn khổ ấy trong người mình, cái tàn bạo đã đến với nó trong những giây phút cuối cùng ấy, trong tâm khảm mình chứ không phải là ai khác, để không bỏ mặc thằng bé trong cái bóng tối không hề biết thương xót đã nuốt chửng nó.

\*\*\*

May mà không có âm thanh.

May mà nó đã bị trùm kín đầu.

Nó ngồi trên một cái ghế, tay bị trói ngoặt ra sau, bất động, không hề có ý định vùng thoát. Bốn đàn ông trong đoạn video trước đứng xung quanh, ba tên cầm súng trường, tên thứ tư cầm một thanh mã tấu ở tay phải. Không hề có một dấu hiệu hoặc cử chỉ gì của bọn kia, tên thứ tư bỗng vung lưỡi mã tấu hạ xuống cổ Titus. Nó giật nảy người lên về phía phải, thân trên quần quai, rồi máu bắt đầu ngấm tứa ra qua lỗ trùm đầu. Một nhát mã tấu nữa, lần này là từ đằng sau. Đầu Titus gục xuống phía trước, và lúc ấy thì máu phun ràn rụa xuống khắp mình nó. Nhiều nhát chém nữa: trước, sau, phải, trái, lưỡi mâu cùn cứ thế chặt chém mãi sau khi nó đã chết.

Một tên đặt khẩu súng của hắn xuống và dùng cả hai bàn tay kẹp chặt lấy đầu Titus rồi nâng lên trong khi tên kia cầm mã tấu vẫn tiếp tục công việc của gã. Cả hai đều ướt đầm những máu là máu.

Khi cuối cùng cái đầu đã bị chặt rời ra khỏi thân, tên đao phủ buông cho thanh mã tấu rơi xuống đất. Tên kia lột cái trùm đầu của Titus ra, rồi tên thứ ba túm lấy mái tóc đỏ để dài của Titus và giơ cái đầu gần về phía ống kính. Chỗ nào cũng có máu chảy. Titus không còn hoàn toàn là người nữa. Nó đã thành một ý niệm về một người, một người mà không phải là một người, một thứ đã chết đầm máu: một tĩnh vật - nature morte.

Tên cầm cái đầu lùi ra khỏi ống kính, và một tên khác bước tới với một con dao găm. Từng nhát một, với những động tác nhanh nhẹn và chính xác, gã khoét hai con mắt của thằng bé.

Ống kính lướt quanh một vài giây nữa, rồi màn hình đen ngòm.

Không thể biết nó kéo dài bao lâu. Mười lăm phút. Một nghìn năm.

\*\*\*

Tôi nghe tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ báo thức ở dưới sàn. Lần đầu tiên sau nhiều giờ, tôi nhắm mắt lại, không biết liệu có bao giờ còn ngủ được nữa hay không. Katya động đậy, buông một tiếng rên, rồi xoay người nằm nghiêng. Tôi định đặt tay lên lưng nó để vỗ về một tí nhưng rồi lại thôi. Ngủ là thứ cực hiếm hoi ở cái nhà này, và tôi không muốn liều làm nó mất giấc. Những ngôi sao không nhìn thấy, bầu trời không nhìn thấy, thế giới vô hình. Tôi thấy đôi bàn tay của Sonia trên phím đàn. Nàng đang chơi một bài gì đó của Haydn, nhưng tôi không thể nghe thấy, những nốt nhạc không có âm thanh, rồi nàng xoay người lại trên ghế và Miriam chạy nhào vào lòng mẹ, Miriam ba tuổi đầu, một hình ảnh từ quá khứ xa vời, có thể thật, có thể chỉ là tưởng tượng, tôi không còn phân biệt được nữa. Thật và tưởng

tượng là một. Những ý nghĩ là thật, dù là nghĩ về những gì không thật. Những ngôi sao không nhìn thấy, bầu trời không nhìn thấy. Tiếng thờ của tôi, tiếng thờ của Katya. Những bài cầu nguyện bên giường trước khi đi ngủ, những nghi lễ tuổi thơ, sức nặng thừa thiếu thòi. *Giá như tôi chết đi trước khi thức giấc*. Mọi thứ qua nhanh đến thế. Hôm qua mới là đứa trẻ, hôm nay đã thành ông già, và từ đó cho đến nay tim đã đập bao nhiêu nhịp, thờ đã được bao nhiêu hơi, bao nhiêu lời đã nói đã nghe? Có ai đó không, hãy chạm vào tôi đi. Hãy sờ lên mặt tôi và nói với tôi này...

Cũng không chắc nữa, nhưng có lẽ tôi đã thiếp đi được một lát. Chỉ vài phút, có thể chỉ vài giây, nhưng bỗng nhiên tôi bị cái gì đó xen vào, một tiếng động, chắc thế, đúng rồi, nhiều tiếng động, tiếng gõ cửa, rón rén mà kiên trì, rồi tôi mở mắt và bảo Miriam cứ vào. Lúc cửa mở, tôi có thể thấy mặt nó rõ ràng, và hiểu rằng không còn là đêm tối nữa, ngày đã rạng rồi. Thế giới gian phòng của tôi giờ đây xam xám. Miriam đã mặc quần áo khá tươm tất (quần bò lam và áo chui đầu rộng màu trắng), và nó vừa đóng cửa lại sau lưng thì con chim ngoài cửa sổ cất tiếng chiêm chiếp đầu tiên của nó trong ngày.

Ôi may quá, nó thì thào khi thấy Katya đang ngủ. Con vừa vào phòng nó, không thấy nó trên giường con đã hơi sờ sợ.

Nó xuống đây mấy tiếng trước, tôi thì thào lại. Một đêm vất vả nữa, thành thử hai ông cháu nằm chuyện trò trong bóng tối.

Miriam bước đến giường, đặt môi hôn lên má tôi, rồi ngồi xuống bên cạnh. Bố có đói không? nó hỏi.

Hơi thôi.

Vậy để con đi pha cà-phê nhé.

Thôi, ngồi đây nói chuyện với bố tí đã. Bố cần biết một điều.

Về cái gì ạ?

Katya và Titus. Nó bảo bố là nó đã cắt đứt với Titus trước khi thằng bé bỏ đi. Có thật thế không? Nó có vẻ nghĩ rằng thằng bé bỏ đi là vì nó.

Bố đã có quá nhiều thứ phải lo nghĩ nên con đã không muốn bố phải phiền vì chuyện ấy nữa. Bệnh tình của mẹ... tất cả những ngày tháng ấy... rồi thì vụ đâm xe. Nhưng đúng đấy ạ, chúng nó đã thôi nhau.

Bao giờ?

Để con nghĩ xem... Sinh nhật 70 tuổi của bố là vào tháng Hai, tháng Hai năm hai nghìn lẻ năm. Lúc ấy mẹ đã ốm rồi. Chỉ vài tháng sau đó thôi. Cuối xuân đầu hè gì đó.

Nhưng Titus mãi đến tháng Hai sau, năm hai nghìn lẻ sáu mới đi.

Tám hoặc chín tháng sau khi chúng nó thôi nhau.

Vậy thì Katya sai rồi. Thằng bé đi Iraq không phải là vì nó.

Con bé cứ tự hành hạ mình. Tất cả chỉ có thế. Nó cứ muốn buộc mình vào chuyện đã xảy ra với thằng bé, mà thực ra là nó có liên can gì đâu. Titus nó đã nói chuyện với bố trước khi đi, đã giải thích hết với bố rồi còn gì.

Đúng là nó không hề nhắc đến Katya. Không một lần nào.

Đây, bố thấy chưa?

Bố thấy nhẹ người hơn một chút. Mà cũng tẻ hơn một chút.

Con bé đang đỡ dần. Con biết thế. Từng tí một. Bước tiếp theo là phải bảo nó quay lại trường.

Nó bảo nó đang nghĩ đến chuyện ấy.

Hai tháng trước thì không hề.

Tôi nắm lấy tay Miriam và nói, tí nữa thì bố quên. Đêm qua bố đã đọc thêm được một ít bản thảo của con...

Thế sao ạ?

Bố nghĩ con đã găm trúng được nó. Không phải ngại ngần gì nữa, nhé? Con đang có một tác phẩm hạng nhất.

Bố có chắc không?

Trong đời bố đã nói linh tinh rất nhiều, nhưng bố không bao giờ dối trá đối với sách.

Miriam nhoẻn miệng cười, biết rằng những lời linh tinh tôi vừa nhắc tới ấy chắc phải là rất nhiều, đến ba vạn chín nghìn cũng nên, và tôi nhoẻn cười lại với nó. Cứ cười đi con, tôi nói. Khi cười trông con thật đẹp.

Chỉ khi cười thôi ư?

Lúc nào cũng đẹp. Phút nào, ngày nào cũng đẹp.

Lại một lời linh tinh nữa của bố, nhưng mà con vẫn xin nhận. Nó vỗ lên má tôi và nói: Cà-phê hay bánh mì nướng nào?

Không, hôm nay thì không. Bố nghĩ mình nên ra ngoài sáng hôm nay. Trứng chung và thịt lợn muối, bánh mì nướng, bánh tráng, đủ mọi thứ.

Một bữa sáng nông dân.

Đúng thế, một bữa sáng nông dân.

Để con đi lấy nạng cho bố, nó nói, đứng lên đi ra chỗ cái móc treo trên tường sau giường.

Tôi nhìn theo nó một lúc rồi nói: Rose Hawthorne cũng là thi sỹ thường thôi, nhỉ?

Đúng thế. Còn dở nữa là đặng khác.

Nhưng cũng có một dòng... một dòng thật hay. Bố nghĩ đó là câu thơ hay nhất mà bố từng đọc trong đời.

Câu nào thế ạ? Miriam hỏi, quay hẳn lại nhìn tôi.

*Trong lúc thế giới kì dị này vẫn trôi lăn tiếp tục.*

Miriam nở một nụ cười rạng rỡ nữa. Con biết mà, nó nói. Lúc đánh máy câu ấy, con đã tự nhủ, bố mình sẽ thích câu này cho mà xem. Có thể nó đã được viết chỉ riêng cho ông ấy.

Thế giới kì dị này vẫn trôi lăn tiếp tục, Miriam ạ.

Nặng trên tay, nó bước trở lại giường và ngồi xuống bên tôi. Bố ơi, đúng là như vậy, nó nói, nhìn kĩ đưa con gái với ánh mắt lo âu, thế giới kì dị này vẫn trôi lăn tiếp tục.

## Đôi nét về tác giả



Paul Auster sinh ngày 3-2-1947 tại thành phố Newark, tiểu bang New Jersey (Hoa Kỳ) trong một gia đình Do Thái trung lưu gốc Ba Lan. Sau khi tốt nghiệp đại học Columbia năm 1970, ông sang Paris và sống bằng việc dịch văn học Pháp. Từ 1974, ông trở lại Hoa Kỳ và bắt đầu sự nghiệp sáng tác của mình.

Sau thành công của cuốn tự truyện đầu tay có nhan đề *The Invention of Solitude* (Sáng chế Cô đơn), Paul Auster bắt đầu nổi tiếng với bộ ba tiểu thuyết *The New York Trilogy* (đã dịch ra tiếng Việt với nhan đề *Trần trụi với Văn chương*) trong đó ông dùng thể loại trinh thám để bàn về những vấn đề hiện sinh và các câu hỏi về căn tính, ngôn ngữ và văn chương, tạo nên một hình thức hậu hiện đại riêng biệt của mình.

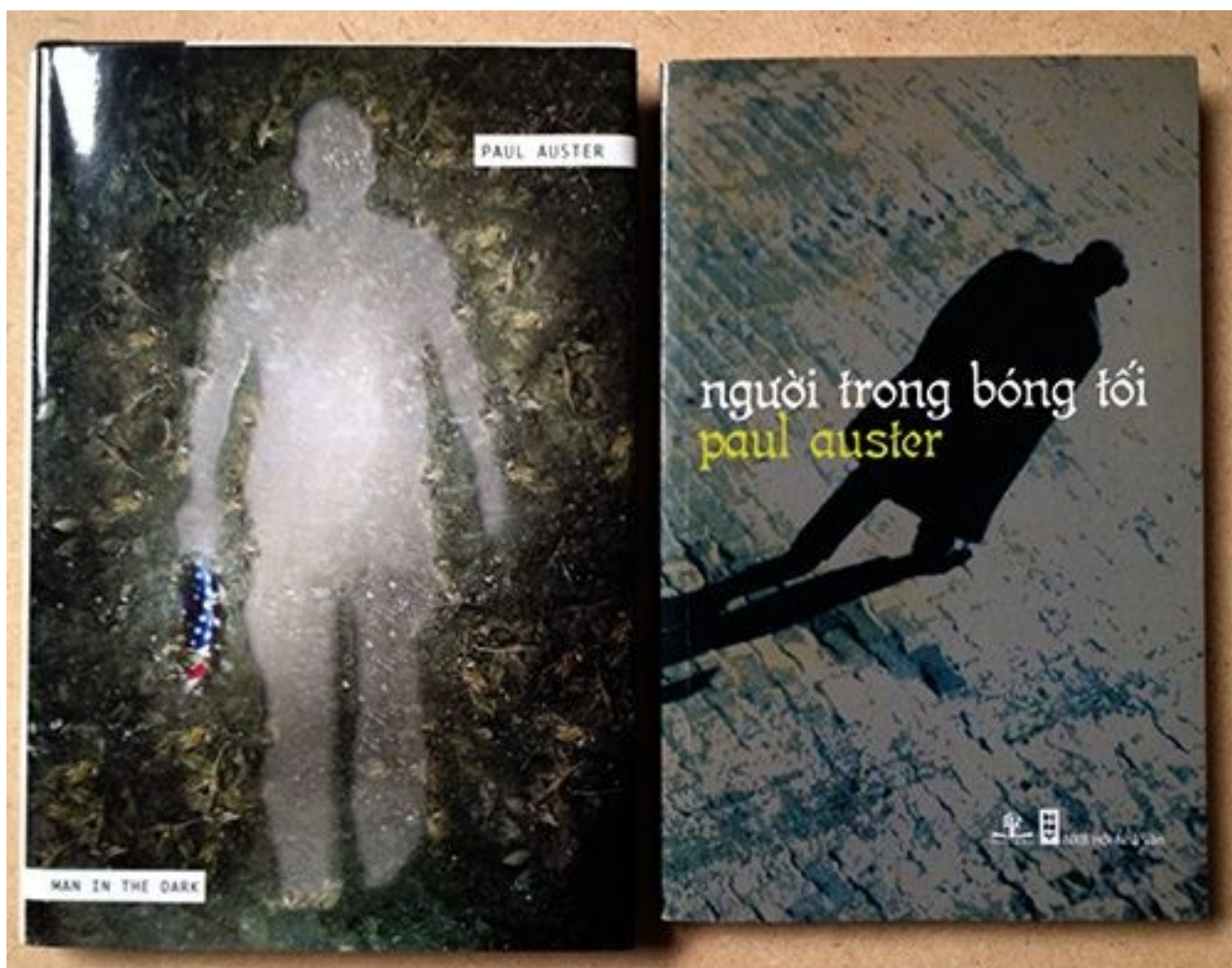
Truy tìm chân tướng và nghĩa lý của cuộc đời cá thể là chủ đề chính trong các tác phẩm của Auster, lúc đầu tập trung vào vai trò của ngẫu nhiên (*The Music of Chance - Nhạc đời may rủi*) và về sau là vào những mối quan hệ giữa con người với nhau và với môi trường (*The Book of Illusions - Ngộ nhận*, *Moon Palace - Nguyệt Đài*). Trong tác phẩm mới nhất của ông *Man in the Dark* (*Người trong bóng tối*), Auster cho thấy ông còn quan tâm sâu sắc đến những vấn đề nóng bỏng của thời cuộc, bắt đầu có cái nhìn giản dị hơn mà lại sâu sắc sáng rõ hơn về chân tướng và nghĩa lý của cuộc đời.

Paul Auster đã xuất bản 13 tập tiểu thuyết, 5 cuốn hồi ký và tự truyện, 5 kịch bản phim (ông cũng tham gia cả diễn xuất và đạo diễn), 5 dịch phẩm văn học, một tuyển tập thơ và nhiều tiểu luận văn học. Ông đã nhận được 7 giải thưởng văn học danh giá của Mỹ và quốc tế, trong đó có giải Prince Asturias 2006 - giải đã từng được trao cho các văn hào thế giới Gunter Grass, Arthur Miller và Mario Vargas Llosa. Năm 2007, ông nhận bằng Tiến sĩ Danh dự của Đại học Liege (Pháp).

Paul Auster hiện sống với vợ và hai con tại Brooklyn, thành phố New York.



HẾT

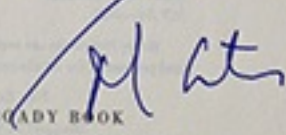


MAN IN THE DARK

PAUL AUSTER

*For Trink Lu-*

*With immense gratitude  
and all my best thoughts*



A FRANCES COADY BOOK  
HENRY HOLT AND COMPANY  
NEW YORK